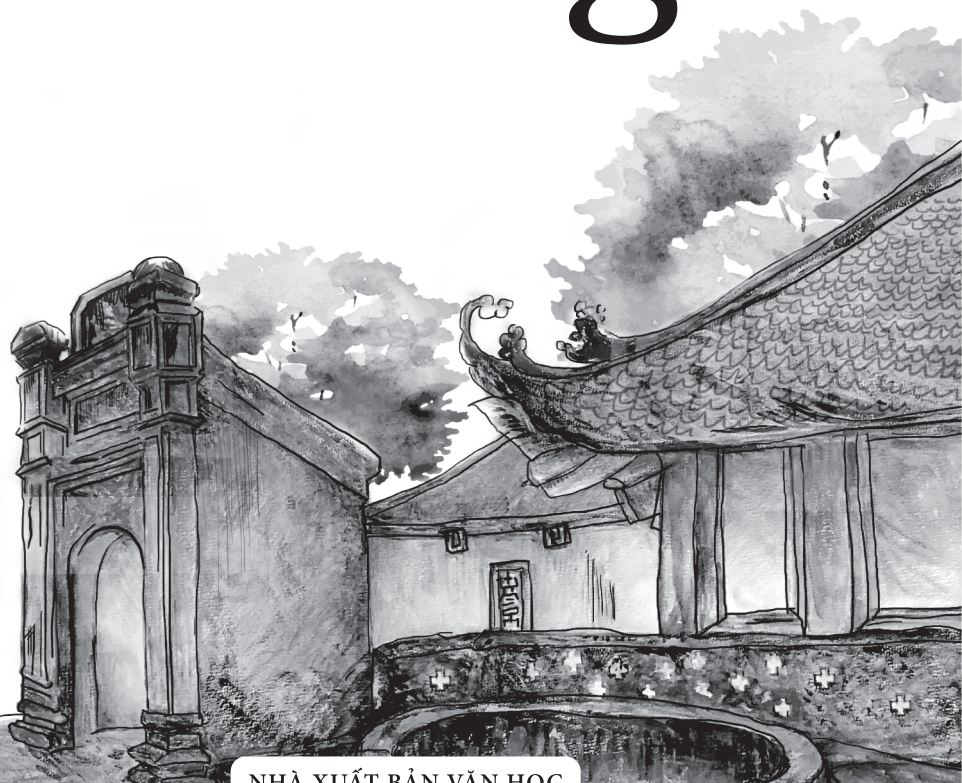


Danh
tác
văn
học
VIỆTNAM

Tuyển tập Nguyễn Hồng



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Theo hợp sử dụng tác phẩm giữa
Công ty TNHH Văn hóa Minh Tân - Nhà sách Minh Thắng
và đại diện gia đình tác giả Nguyễn Hồng
Bất cứ sự sao chép, xuất bản và phát hành dưới mọi hình thức
(sách, ấn phẩm, trang tin điện tử trên mạng internet) đều là
vi phạm Luật Xuất bản, Luật Bản quyền, Luật Sở hữu trí tuệ.

Mọi ý kiến đóng góp và liên hệ xin gửi về:

.....

Phòng Biên tập: minhthangbooks

Địa chỉ: 808 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Liên hệ mua sách ĐT- Zalo: 0932 321 719 - 091 226 9229

Email: minhthangbooks@gmail.com

Website: nhasachminhthang.vn

Facebook.com/nhasachminhthang

ĐÔI NÉT TIỂU SỬ

Nguyễn Hồng (1918-1982) họ Nguyễn, tên khai sinh đồng thời cũng là bút hiệu duy nhất trong cuộc đời cầm bút của nhà văn. Nguyễn Hồng sinh ngày 5-11-1918 tại phố Hàng Cau, thành phố Nam Định trong một gia đình nghèo theo đạo Thiên Chúa. Mười hai tuổi, bố chết vì ho lao, người mẹ trẻ nghèo khổ phải vào Vinh ở vú dầm, rồi mấy năm sau đi bước nữa. Mười lăm tuổi, vừa đậu xong Tiểu học đã bị đẩy đoạ trong các nhà lao Nam Định, Hà Nội rồi bị giải đi Phúc Yên. Mười sáu tuổi, hết hạn tù được tha, Nguyễn Hồng phải từ giã thành phố Nam Định và người bà nội ngoan đạo, cùng mẹ và bố dượng ra sinh sống ở xóm Cắm, Hải Phòng. Hơn ba năm, Nguyễn Hồng đã dạy học lẫn lút trong các xóm nghèo lao động với hơn hai mươi đứa trẻ lau nhau, rách rưới, con em của những người làm nghề đội than, khuân vác hoặc buôn thúng bán mẹt ở xóm Cắm và xóm chùa Đông Khê. Cũng chính ở Hải Phòng, Nguyễn Hồng gặp nhà thơ Thế Lữ (1935), kiện tướng của phong trào Thơ mới, thành viên của Tự lực văn đoàn. Từ đó, người thanh niên thất nghiệp này nuôi khát vọng đi vào con đường văn chương, coi văn chương là lẽ sống cao cả nhất của đời mình. Những trang bản thảo đầu tiên rất trong sáng và say mê của tiểu thuyết *Bỉ vỏ* và hồi ký *Những ngày thơ ấu*

đã được hình thành dần trong những căn nhà ổ chuột tối tăm, bẩn thỉu của khu phu phen thuyền thợ xóm Cấm, Hải Phòng. Năm 1937, *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng và *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc được nhận giải thưởng Tự lực văn đoàn và từ năm 1938 báo *Ngày nay* bắt đầu giới thiệu *Những ngày thơ ấu*. Mối quan hệ giữa Nguyên Hồng với Thạch Lam bắt đầu từ những ngày đó.

Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Nguyên Hồng đã bắt đầu liên lạc với chính trị phạm ở Sơn La, Côn Lôn trở về như Vũ Thiện Chân, Bùi Vũ Trụ và ở trụ sở chi nhánh báo *Thời thế* ở đường Cát Dài, Hải Phòng, Nguyên Hồng đã có cơ hội tìm đọc *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản*, *Vấn đề dân cày* của Qua Ninh, *Vân Đình*, *Ngục Kon Tum* của Lê Văn Hiến và những tiểu thuyết của Macxim Gorki... Năm 1938, Nguyên Hồng gặp Như Phong, sinh hoạt trong Đoàn Thanh niên Dân chủ và viết trên các báo *Thế giới*, *Người mới* và *Mới* cùng với Như Phong, Nguyễn Thường Khanh, Trần Minh Tước, Lưu Quý Kỳ (Thanh Vệ) và Lê Hy (Lã Vĩnh Lợi). Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, ngày 29-9-1939, Nguyên Hồng bị mật thám Pháp bắt bỏ tù ở Hải Phòng về tội tàng trữ và truyền bá sách báo cộng sản. Trong nhà tù Hải Phòng, Nguyên Hồng đã được gặp Tô Hiệu, Bùi Đình Đồng, Ngô Minh Loan và tham dự lớp huấn luyện theo Đề cương cách mạng tư sản dân quyền do Bí thư thành ủy Tô Hiệu hướng dẫn. Những vốn sống quý báu đó đã tạo điều kiện cho Nguyên Hồng viết về những chiến sĩ cách mạng trong *Lưới sắt*, *Lò lửa*, *Sóng gầm*...

Năm 1940, Nguyên Hồng lại bị bắt giam và bị giải lên trại tập trung Bắc Mê, Hà Giang, đi làm cỏ vè, gánh đá cùng với Xuân Thủy, Đinh Nhu, Trần Các... Tiểu thuyết *Xóm Cháy* (phác thảo đầu tiên của *Sóng gấm*) viết được 300 trang thì bị bọn mật thám tịch thu, ông chuyển sang viết những mẫu ngắn ngắn giả làm nhật ký thư (*Cuộc sống*).

Cuối mùa hè năm 1943, Nguyên Hồng tham gia tổ chức Văn hóa Cứu quốc bí mật (trong Mặt trận Việt Minh) cùng với Như Phong, Nam Cao, Tô Hoài, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng... Chính trong tổ chức này, Nguyên Hồng được đọc *Đề cương Văn hóa 1943* của Đảng và những phương châm của Đề cương đã có ảnh hưởng rõ rệt đến những tác phẩm như *Hơi thở tàn*, *Hai dòng sữa*, *Ngọn lửa*, *Buổi chiều xám...*, những tác phẩm được viết trong thời kỳ Tiền khởi nghĩa.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Nguyên Hồng tham gia khởi nghĩa ở Hà Nội, là biên tập viên tạp chí *Tiên phong*, cơ quan vận động văn hóa mới của Đảng. Sau đợt Nam tiến vào mặt trận Nha Trang, khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, năm 1947, Nguyên Hồng cùng gia đình lên Việt Bắc, sống ở ấp Cầu Đen, Yên Thế cùng với một số văn nghệ sĩ như Ngô Tất Tố, Kim Lân, Nguyễn Huy Tưởng... Nguyên Hồng tham gia hoạt động trong Hội Văn nghệ Việt Nam, là biên tập viên tạp chí *Văn nghệ* của Hội và phụ trách trường Văn nghệ nhân dân Trung ương. Năm 1948, Nguyên Hồng cùng với Nam Cao được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam).

Hòa bình lập lại năm 1954, Nguyễn Hồng cùng gia đình về Hà Nội, công tác tại Hội Văn nghệ Việt Nam. Tháng 4 - 1957, Hội Nhà văn Việt Nam thành lập, ông tham gia Ban Chấp hành, làm Thư ký tòa soạn tuần báo *Văn* của Hội. Năm 1958, Nguyễn Hồng về tham gia lao động ở nhà máy Xi măng Hải Phòng, chính thời gian này ông bắt đầu thai nghén tiểu thuyết *Cửa biển*, bộ tiểu thuyết - sử thi bốn tập đầu tiên ở nước ta. Từ năm 1962, Nguyễn Hồng cùng gia đình trở lại ấp Cầu Đen, Yên Thế (nay là xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang). Tháng 1 -1963, tại Đại hội Nhà văn lần thứ II, Nguyễn Hồng được bầu vào Ban Chấp hành và năm 1964 được cử làm Chủ tịch Hội Văn nghệ Hải Phòng. Sau Hải Phòng, Yên Thế đã trở thành quê hương thứ hai của Nguyễn Hồng, là nơi ông sống lâu nhất và cũng là nơi ông đang xây dựng một bộ tiểu thuyết lịch sử ba tập: *Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế*. Tập hai đang hoàn thành thì ông đột ngột từ trần ngày 2-5-1982.

Nhà văn Nguyễn Hồng được Chính phủ truy tặng Huân chương Độc lập hạng Ba và giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật đợt đầu tiên (1996). Nguyễn Hồng là một nhà văn xuôi lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại, đồng thời cũng là người thầy trực tiếp dìu dắt nhiều thế hệ nhà văn trẻ đi vào con đường sáng tác văn học.

THAY LỜI GIỚI THIỆU: NGUYỄN HỒNG^(*)

Lần đầu tiên gặp Nguyễn Hồng trong Khách sạn Metropole ở Hà Nội, Pierre Abraham (1892-1974), Tổng biên tập tạp chí *Europe* (châu Âu) nhận xét: “Như từ bờ bãi sông Hồng đỏ rực gió cuốn đến đây, nhà văn lớn này là người của đất, thật là người của đất”. Những ai gặp Nguyễn Hồng lần đầu đều có ấn tượng như thế, đều không quên được cái dáng dấp tất tưởi, lam lũ, nụ cười tự tin, yêu đời trên khuôn mặt nhân hậu, còn in rõ dấu vết những tháng ngày đói khổ, tủi nhục trong cuộc đời sớm vất vả trước đây của anh. Có thể nói từ bé đến lớn, anh đã phải chịu đựng biết bao dằn vặt, đầy đọa trong những năm tháng dài đằng đặc và tối tăm của xã hội cũ. Mười hai tuổi, bố ho lao chết, người mẹ trẻ nghèo khổ phải từ giã con trai vào Vinh ở vú đầm; cậu bé thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu mọi tình thương yêu chăm sóc đã lang thang nơi đầu đường xó chợ, đánh đáo kiếm ăn, chung đụng với đủ các hạng trẻ nghèo đói, du đãng (*Những ngày thơ ấu*). Mười lăm tuổi, vừa đậu xong tiểu học đã bị đầy đọa trong các nhà lao Nam Định, Hà Nội rồi bị giải đi Phúc Yên, cậu “tù trẻ con”...⁽¹⁾ đã nhiều lần bùng mặt khóc ngay

(*) Theo “Tuyển tập Nguyễn Hồng tập 1 - NXB văn học” 1974.

(1) *Tù trẻ con* là một tập ký pha tiểu thuyết hơn 300 trang, Nguyễn Hồng viết xong bảy ngày trước khi bị Pháp bắt ở Hải Phòng (29-9-1939). Khi đi tù, bản thảo bị mật thám Hà Nội đốt mất.

dưới gốc cây, bên cạnh xe bò rác mỗi khi nghĩ đến tuổi ấu thơ và cái thành phố quê hương của mình, nhưng rồi lại vội vàng vàng lấy vạt áo chùi nước mắt lúc chợt thấy người lạ đi qua. Đoạn tang cha, mẹ đi bước nữa, rồi năm sau, cậu thiếu niên hết hạn tù được tha. Họ hàng nhà chồng khinh bỉ người đàn bà cải giá và những người xung quanh rẻ rúng, ghê sợ đứa con trai “mới một dúm tuổi mà đã trải hết lao này sang lao khác”.

Tránh mọi thành kiến hẹp hòi, mọi tai tiếng dị nghị, mọi con mắt soi mói, dòm ngó ở một tỉnh nhỏ, gia đình Nguyễn Hồng bỏ nơi chôn rau cắt rốn tìm ra Hải Phòng kiếm kế sinh nhai ở một thành phố công nghiệp ồn ào, đông đúc, cái nơi thiên hạ tứ xứ mà dù có phải kéo xe hay bán ốc đầu đường cũng được, không ai biết đây là đâu...

Nhưng rồi từ ngày đó người ta thấy xuất hiện trên đường phố Hải Phòng một người thanh niên thất nghiệp, dáng người nhỏ bé lom khom, áo chùng thâm dãn lấy ngực, mũ trắng vành to, gương mặt xanh xao mất máu, ngày ngày lang thang ở bến tàu Sáu Kho, Nhà máy xi măng, Sở dầu Thượng Lý hoặc châu chực ở cổng các nhà máy Cốt phát, Máy tơ, Máy chỉ, Máy ống, các hãng chuyên chở hàng hóa, các bến ô tô tàu thủy, các kho hàng, cửa hiệu, tràn than, lán củi, hoặc lân la ở các xóm ngõ đầu đường nơi đi về của phu phen thuyền thợ... để nghe ngóng, thăm dò công việc. Vườn hoa Đưa người là chặng nghỉ cuối cùng sau những buổi

sáng, buổi chiều đi châu chực, xin xỏ các nơi không được việc gì cả, là nơi sau những buổi tối cơm chiều không có, đèn nhà hết dầu, anh đến đứng lặng thần thờ, trong lòng đau khổ, buồn bã vô cùng.

Chợ Vườn hoa Đưa người trông xuống sông Lấp, mà một bên bờ có khu nhà thương và khu đề lao. Đứng lẫn trong đám người thất nghiệp trên Hà Nội xuống, ở Nam Định ra, ngoài Hòn Gai, Cẩm Phả về tụ tập tại đây châu chực đi ăn đi ở, Nguyên Hồng thường trông ra đường, lòng thất lại khi thấy những chuyến xe chở vội những xác chết vô thừa nhận và những đám tù giải đi xử án. Những cảnh ngộ buồn thảm đó cứ trĩu xuống tâm hồn anh, đe dọa cuộc sống thoi thóp từng ngày của gia đình anh.

Bao nhiêu ngày tháng bị câu thúc thân thể, bị đầy dọa tù tội, bây giờ lại thêm cảnh đói khổ thất nghiệp kéo dài, Nguyên Hồng nhiều lúc lo sợ, bối rối, tưởng mình sẽ chết đau đớn ở cái tuổi mười sáu. Và người thanh niên đó thấy ham sống, thèm sống, tha thiết, khắc khoải lạ thường. Anh nghĩ dù có chết cũng phải để lại cho cõi đời mà anh yêu mến một cái gì vừa tinh khiết, trong sáng, vừa tha thiết yêu thương nhất của tâm hồn.

Đối với một người thanh niên thời đó, địa vị không có, gia đình suy tàn, học thức tầm thường nhỏ nhoi, anh nghĩ, chỉ còn một cách tồn tại trong cuộc sống bằng cái cao quý, trong sạch của văn chương. Và anh bắt đầu viết, viết suốt ngày suốt đêm, viết một cách đau khổ, say mê, bất chấp “cái đói ê ẩm thấm thía vô cùng trong đêm mưa lạnh hoang vắng”.

Bỉ vờ được viết “trên một cái bàn kê bên khung cửa trông ra vũng nước đen ngầu bọt của một bãi đất lấp dờ dang và một chuồng lợn ngập ngựa phân tro”⁽¹⁾. Cũng như một nhân vật của Nam Cao trong truyện ngắn *Trăng sáng*, Nguyên Hồng thường mê mải ngồi viết truyện giữa tiếng tranh giành xô xát, mĩa mai đay nghiến, eo sèo khắc khoải của những người dân nghèo trong các ngõ hẻm thành phố. Viết văn đối với anh là một lẽ sống. Cho nên ngay cả trong những ngày đi tù ở Bắc Mê, cứ mỗi buổi trưa đi làm cỏ về về anh lại ngồi viết ở một gốc cây mé sau trại giam, dưới một bầu trời mờ mờ xám xám, xung quanh là màu xanh hoang vu của núi rừng dày đặc và tiếng gió rừng lạnh lẽo hú lên từ thung lũng này qua thung lũng khác (*Cuộc sống*).

Cho đến những năm dài về sau, khát vọng sáng tạo vẫn cứ luôn luôn thôi thúc anh một cách mạnh mẽ, tha thiết, đến mức anh nghĩ rằng mình có thể chết dần chết mòn nếu như vì một lý do nào đấy, không thể cầm bút được nữa...

Những ảnh hưởng lung linh, choáng ngợp ban đầu của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, V.Hugo... có thể kéo cây bút Nguyên Hồng về phía chủ nghĩa lãng mạn. Cả cái hưng phấn nội tâm, cái bút pháp cường điệu, phóng đại cũng có thể hướng anh về phía đó. Nhưng cuộc đời đời khổ, lam lũ đã giúp cho ngòi bút của anh ngày càng cắm sâu trên mảnh đất màu mỡ của chủ nghĩa hiện thực.

⁽¹⁾ Tôi viết *Bỉ vờ*.

Anh sẽ viết những sự thực đau đớn và những khát vọng da diết của cuộc đời anh và cuộc đời những người lao động nghèo cùng cảnh ngộ ở cái xóm Cấm và xóm chùa Đông Khê. Hơn ba năm, Nguyễn Hồng đã dạy học lẩn lút trong cái xóm nghèo lao động đó với hơn hai mươi đứa trẻ lau nhau, rách rưới, con các phu phen thuyền thợ, các người buôn bán nhỏ, các người gánh nước thuê... Cả cái xóm lam lũ, đói khổ đó đã tin yêu, đùm bọc lấy cậu giáo nghèo của họ. Cho nên không phải là ngẫu nhiên mà hơn bốn chục năm nay, Nguyễn Hồng đã viết về lớp dân nghèo thành thị với một “niềm tin tưởng tha thiết”, một tình “yêu thương đắm đuối”, một niềm đồng cảm sâu sắc của những người “cùng một hoàn cảnh, cùng một đời sống thấp kém và tối tăm, vì thiếu thốn đủ mọi thứ, vì phải chịu đựng đủ mọi thứ” (*Lớp học lẩn lút*). Dường như mỗi nhà văn đều có một nguồn suối tinh thần yêu thương của họ. Ngô Tất Tố tiếp thu được cái hơi thở khỏe mạnh, hồn hậu, lạc quan của nông dân, còn Nguyễn Hồng thì bắt rễ sâu vào cuộc sống và những tình cảm tốt đẹp của những người dân nghèo, thợ thuyền thành phố. Anh luôn luôn nói đến những người lao động nghèo khổ với lòng biết ơn tình nghĩa, với sự gắn bó thủy chung.

*

* *

Trong mấy chục năm gần đây, người ta đã nói nhiều đến những tập tiểu thuyết của Nguyễn Hồng như *Bỉ vỏ*, *Sóng gầm*, *Con bão đã đến*... Thực ra trong sự nghiệp văn học của anh, truyện ngắn có một vị trí quan trọng, không thua kém

gì tiểu thuyết. Chúng ta có thể nói đến Nguyên Hồng như một phong cách truyện ngắn trong văn xuôi Việt Nam hiện đại. Suir tầm và tuyển chọn những tác phẩm trước và sau Cách mạng tháng Tám, chúng ta sẽ có một tập truyện ngắn giá trị với nhiều màu sắc độc đáo.

Khá nhiều truyện ngắn của Nguyên Hồng được viết với một bút pháp hiện thực tinh táo. Trong các truyện *Đầy, bóng tối; Láng; Vực thăm; Người con gái; Hai mẹ con*, cái cường độ ngột ngạt căng thẳng cứ tăng lên mãi và tác giả, dường như cứ lạnh lùng, bình tĩnh xoáy sâu mãi vào chỗ tột cùng của bi thảm khiến cho người đọc bỗng cảm thấy đau xót, nhức nhối vô hạn cho những kiếp người thống khổ trong xã hội cũ. Trong một số truyện, để đạt hiệu quả tố cáo cao nhất, ngòi bút nghiêm ngặt của ông không ngần ngại phanh phui những chi tiết tỉ mỉ, trần trụi, đôi khi cứ như là chấp chới bên bờ của chủ nghĩa tự nhiên (*Đi, Người học trò, Tàu đêm*)... Lại có truyện, tác giả như giấu mình đi, sử dụng một lối văn trần thuật khách quan, một ngôn ngữ trung tính để cho lòng sôi sục căm giận của người đọc bị nén chặt lại, chuẩn bị cho quả bộc phá bùng nổ (*Ngòi lửa, Giọt máu*). Nhưng cũng có truyện tràn đầy một âm hưởng trữ tình lãng mạn, không phải thứ lãng mạn tiêu cực, thoát ly mà là một chất thơ bắt nguồn từ cuộc sống cần lao của người dân Hải Phòng, một chủ nghĩa lãng mạn cách mạng bắt nguồn từ một niềm tin lý tưởng (*Những mầm sống*, một số truyện trong *Cuộc sống*). Có khi lại là màu sắc lãng mạn trong các truyện dân gian, nhân vật “trông như là Thạch Sanh hay quân lính của đức Thánh Gióng, đức Thánh Trần vậy” (*Chuyện cái xóm tha hương*).

Tính chiến đấu của truyện ngắn Nguyên Hồng được thể hiện qua những thủ pháp nghệ thuật tương phản trong việc xây dựng kết cấu và hệ thống hình tượng. Có khi là sự đối lập giữa hai kiểu người, hai lối sống, một bên là lòng nhân hậu, là nghĩa thủy chung, một bên là sự hưởng thụ ích kỷ, là thói độc ác tàn nhẫn (*Giọt máu, Cô gái quê, Nhà bố Nẫu*). Cũng có khi là sự đối lập giữa hai quan điểm nghệ thuật (*Hai dòng sữa, Cái bào thai*). Có truyện tác giả để cho sự việc tự nói lên (*Giọt máu*) nhưng cũng có truyện mang tính luận đề rõ rệt và các chi tiết ít nhiều có ý nghĩa tượng trưng (*Một trưa nắng, Hai dòng sữa*). Truyện ngắn của Nguyên Hồng đôi khi có khuynh hướng mở rộng quy mô và dung lượng, kết cấu dàn trải theo chiều dài cuộc đời bi thảm của nhân vật (*Người con gái; Đây, bóng tôi; Con gái người mãi võ họ Hoa*); nhưng cũng có truyện chỉ là một cảnh ngộ tối tăm (*Tôi dạy học, Lúc chiều xuống*), một câu chuyện dân vật lương tâm (*Miếng bánh*). Khi Nguyên Hồng tránh được sự dàn trải trong truyện ngắn và cả trong tiểu thuyết (*Hơi thở tàn, Quán Nải*), biết tập trung vào tấn bi kịch của cuộc đời, thì thường anh có những truyện ngắn xuất sắc (*Giọt máu, Buổi chiều xám*).

Ở đây, ngòi bút của anh khá linh hoạt. Khi thì miêu tả lướt qua những tấn bi kịch của một đám đông (nạn đói năm 1945), trong đó làm nổi lên một số trường hợp điển hình (*Người học trò, Tàu đêm*), khi thì từ cuộc đời lam lũ, vất vả của một cô gái, tác giả soi sáng cuộc đời chung của những người đàn bà nhẫn nhục chịu đựng, thầm lặng hy sinh trong xã hội phong kiến (*Hàng com đêm*). Ống kính của người viết truyện đang quay cận cảnh, bỗng mở ra một viễn cảnh rộng lớn, có tầm khái quát cao hơn.

Truyện ngắn của Nguyên Hồng sử dụng nhiều bút pháp, nhiều lối kết cấu và xây dựng nhân vật khác nhau. Tất cả những thủ pháp nghệ thuật đó đều nhằm phản ánh cuộc sống của tầng lớp dân nghèo thành thị: những cuộc đời lương thiện bị vùi dập tan nát, những tấm lòng yêu thương đùm bọc, nhân nghĩa thủy chung, những khao khát ước mơ trong sáng, đẹp đẽ hướng về một thế giới tràn đầy ánh sáng và lý tưởng.

Tác phẩm Nguyên Hồng đã làm sống dậy cuộc sống lam lũ cơ cực, bần cùng của những người lao động nghèo khổ ở các vùng ngoại ô, ngõ hẻm các thành phố lớn như ngoại ô Bạch Mai, ô Yên Phụ, bãi Phúc Xá, bãi Nhà đầu ở Hà Nội hay xóm Cấm, xóm chùa Đông Khê, xóm Chợ con, ngõ Hàng Gà của Hải Phòng. Những nhân vật của Nguyên Hồng thường sống trong những xóm nhà lá hoặc lợp tôn chen chúc, úp xúp, với những ngọn đèn leo lét như ngái ngủ, đêm đến vang lên tiếng muỗi như ri và những tiếng ú ớ trong giấc ngủ mê mệt sau một ngày bán sức quần quật ở Sáu Kho, Máy đá, Ximăng... Chúng ta cũng thường gặp họ ở những ngõ hẻm lầy lội mà sau một trận mưa, nước ngập vào tận giường ngủ của các gia đình, những ngày mùa hè luôn luôn có tiếng ầm ầm xô xát giành giật nhau ở ngoài máy nước đầu ngõ; cái ngõ hẻm đêm ngày nhóp nhép vì người ta gánh nước, đổ rác, gánh rau đậu đi chợ và luôn luôn nổi lên những tiếng kêu cướp giật, ăn uống chẳng bữa, đi xe quýt, đánh chém nhau vì một ván bài ù không được tiền hay vì giọng cười khiêu khích của một gái nhảy.

Nguyễn Hồng không miêu tả trực tiếp quá trình những người nông dân phá sản, bị cướp đoạt, bỏ làng quê ra thành phố nhưng anh thấy rõ số đông dân nghèo ở Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định là những người lìa hẳn quê lên đây “sau mấy năm lụt lội, đói khát, dịch tễ liên tiếp, họ đâu như đã bán nốt miếng đất cuối cùng của ông cha cho bọn kỳ lý, cho Nhà Chung, để gỡ nợ, để chạy kiện, để thoát vạ rượu, vạ cướp tiêu sung, để khỏi nhìn những cảnh đau tủi, uất ức mà đi tha hương cầu thực, thử xem ngoài những nơi chôn rau cắt rốn của họ, đời họ có thay đổi được chút nào không?” (*Ngọn lúa*). Trong số họ cũng có những cô gái quê bị mẹ gả bán, ép uống hoặc bị đày đoạ bởi những hủ tục, luật lệ phong kiến khắc nghiệt, đã bỏ làng ra tỉnh rồi bị lừa bịp, cưỡng hiếp, biến thành lưu manh, gái điếm (như Tám Bính trong *Bỉ vô*) hoặc rơi vào ổ của bọn cờ bạc bịp và buôn hàng lậu (Muống trong *Quán Nải*)... Sớm muộn thì cái đám dân quê xiêu dạt ra thành phố này sẽ dần dần mất đi lịch sử riêng, mà chỉ còn là đám đông vô danh trong một bộ đồng phục màu xám, hàng ngày lang thang đi kiếm ăn trong những điều kiện sống hết sức khắc nghiệt, vô tình của những thành phố tư sản.

Trước 1945, Nguyễn Hồng chưa ý thức được rõ rệt (như sau này trong *Sóng gấm*) sự bóc lột, cướp đoạt, lối sống lạnh lùng, bất cần nhân tình của những thành phố kỹ nghệ tư sản. Nhưng anh đã miêu tả một cách trung thực, đau đớn và dữ dội, quá trình bán cùng hóa và lưu manh hóa của dân nghèo thành thị. Anh là chứng nhân cho bao câu chuyện đau khổ, uất ức, tan nát, chia lìa của những

gia đình lương thiện (*Đây, bóng tối; Hai mẹ con; Hơi thở tàn; Người con gái; Vực thăm; Giọt máu...*).

Kết quả của chính sách bóc lột, bần cùng hóa của bọn thực dân phong kiến làm hàng vạn gia đình dân nghèo bị tan nát hoặc bị đẩy vào những bi kịch không lối thoát. Cuộc sống cùng quẫn, tối tăm đã làm xuất hiện những kiểu người gần như mù mị, mất trí hoặc phát điên. Do cuộc sống cùng quẫn kéo dài và bị cái xã hội cũ đầu độc, một số phu phen, thợ thuyền đâm ra phản ứng cực đoan, rượu chè cờ bạc, đánh vợ chửi con, càng ngày càng chìm sâu vào vũng bùn tội lỗi (*Sau hai mươi năm, Người mẹ không con, Bố con lão Đen*). Một số dân nghèo đã bị cái chế độ độc ác, vô lương biến thành lưu manh, gái điếm (*Bỉ vỏ, Chín Huyền, Bảy Hựu, Khói ken nếp và xà lim...*). Cái xã hội những kẻ lưu manh đó đã trở thành đề tài trong khá nhiều truyện thời kỳ đầu của Nguyên Hồng. Xã hội này cũng có tôn ti trật tự, có uống máu, ăn thề, có báo thù, hy sinh cho đồng đội... Họ sống bằng lừa bịp, chém giết một cách say sưa, rồ dại rồi cuối cùng tàn lụi đi do những tội ác của mình gây nên.

Nhưng điều đáng làm chúng ta suy nghĩ không phải ở chỗ Nguyên Hồng miêu tả những câu chuyện kỳ lạ trong xã hội lưu manh, gái điếm. Ngay ở những tầng lớp cận bã nhất, chỉ biết có chém giết lừa bịp, vẫn ánh lên những tia sáng nhân đạo, vẫn còn lòng yêu thương chung thủy, lòng hy sinh, dám xả thân vì một nghĩa cử, dám sống chết để bảo vệ đồng đội và nhất là những thoáng khát vọng muốn thoát khỏi cuộc đời tội lỗi của mình. Cái nhìn của Nguyên Hồng ở đây cũng giống

như cái nhìn của Gorki khi viết về tầng lớp “dưới đáy” của xã hội Nga, mang đầy tính chất nhân đạo chủ nghĩa. Cho nên đọc chuyện những nhân vật này, ta thấy tội ác của họ, nhưng đồng thời cũng thương xót cho những kiếp người đã bị xã hội độc ác nhấn chìm vào vũng bùn tội lỗi và ngập lặn trong ấy cơ hồ không thể ngoi lên được.

Sống bên Năm Sài Gòn, trùu lưu manh ở đất Cảng, nhưng tâm hồn Tám Bính vẫn luôn hướng về một cuộc đời lương thiện trong trắng. Bính nuôi tiếc cuộc đời trong sạch ngày xưa, khi mình còn là cô gái quê ngày ngày đưa đời cùng với chị em đi các chợ gần chợ xa, đòn gánh trên vai dẻo dang nhún nhảy nhịp cùng những bước đi thoăn thoắt, những cánh tay mềm mại vung tà áo nâu ra trước gió. Giờ đây, Bính chỉ ước mong được sống trong một gia đình lương thiện:

“Một tia hy vọng bỗng thoáng chiếu vào tâm trí Bính như làn chớp vụt xé vùng trời mờ tối. Bằng sự lần hồi buôn bán, tần tảo ở các chợ xa, rồi đây Bính sẽ nuôi được đứa con sắp đẻ; sẽ nuôi Năm để Năm khỏi làm điều gian ác, dần dà Bính trở về quê chuộc đứa con đầu lòng đầy ải kia và giúp đỡ cha mẹ gây dựng cho hai em” (*Bỉ vỏ*).

Trong tầng lớp lưu manh, cận bã của xã hội, Nguyên Hồng đã khám phá, đã nâng niu từng tia sáng nhân đạo, phần lương tâm còn lại dưới đáy sâu tâm hồn vụt lóe lên.

Tác phẩm của Nguyên Hồng cho ta thấy quá trình bản cùng hóa, lưu manh hóa của những người dân nghèo thành thị, nhưng cái hướng chính, hướng lương thiện của họ, theo

ông, vẫn là niềm khao khát vươn tới ánh sáng, những mong muốn có một sự thay đổi, một sự chuyển biến mạnh mẽ nhằm tạo ra một cuộc sống công bằng hơn, đẹp đẽ hơn. Vấn đề chính trong tác phẩm của Nguyên Hồng trước cách mạng là: những con người quần quai trong sự đau khổ nhưng vẫn lạc quan, yêu đời, vẫn muốn “ngoi lên ánh sáng như những mầm cây xanh” (*Ngọn lửa*).

Những người dân nghèo trong tác phẩm của Nguyên Hồng hơi giống chàng trai trong truyện *Lấy vợ cóc*. Hình thức bên ngoài xù xì, lem luốc nhưng tâm hồn bên trong rất cao đẹp, rất đáng quý. Đó là tình thương yêu, đùm bọc lẫn nhau giữa những người cùng khổ (*Hơi thở tàn*); tình nghĩa chung thủy và lòng hy sinh cho hạnh phúc của người khác (*Đây, bóng tôi; Trong cảnh khốn cùng*); lòng tự trọng, dù đói khổ vẫn không chấp nhận lối sống trụy lạc, bán rẻ nhân phẩm để chạy theo đồng tiền và danh vọng (*Cô gái quê, Nhà bố Nấu...*). Nhưng dù sao, nhiều nhân vật nghèo của Nguyên Hồng vẫn còn giữ một thái độ cam phận, nhẫn nhục, chịu đựng trước cảnh ngộ. Đôi lúc ta lại có cảm tưởng dường như ngòi bút nhà văn chìm sâu một cách triền miên trong sự khổ đau, say sưa trong một thứ chủ nghĩa cùng khổ.

Nhược điểm này từ 1938 trở đi, dần dần được khắc phục. Do những ảnh hưởng khá quyết định của phong trào Mặt trận Dân chủ, nhà văn Nguyên Hồng đã bắt đầu có ý thức nâng cao sự giác ngộ giai cấp, giúp những người dân nghèo tìm ra nguyên nhân của sự đói khổ, từ đó dần dần gọi cho họ tinh thần đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống

mọi sự mê muội về mặt tinh thần của một thứ thuốc phiện tôn giáo (*Nhà bố Nấu, Những mầm sống*).

Cùng đứng trong chủ nghĩa hiện thực phê phán nhưng Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyên Hồng, Vũ Trọng Phụng... mỗi người có một phong cách riêng, phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng cũng mang những màu sắc thẩm mỹ độc đáo.

Cảm hứng chủ đạo trong tác phẩm Nguyên Hồng dường như chủ yếu chưa phải xuất phát từ một thái độ phản nộ, muốn lên án bọn địa chủ, tư sản, quan lại, muốn vạch mặt trái những chính sách my dân giả dối, lừa bịp và tố cáo những thủ đoạn đàn áp vô nhân đạo của bè lũ thống trị, muốn giải phẫu cái ung nhọt đang tấy lên trầm trọng của một con bệnh nguy kịch là cái xã hội thực dân, phong kiến đương thời.

Nguyên Hồng không phải lúc nào cũng có được cái tình táo sảo sảo như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng khi đập phá xã hội cũ, khi vạch mặt chỉ trán từng tên tai to mặt lớn trong tầng lớp thượng lưu lúc bấy giờ. Nhưng với một nhà văn hiện thực lớn, không phải chỉ cần một trí tuệ sảo sảo mà còn phải có một trái tim lớn, một lòng yêu thương vô hạn đối với con người. Đó là mặt mạnh của Nguyên Hồng và Ngô Tất Tố so với một số nhà văn khác cùng thời.

Nguyên Hồng không trực tiếp miêu tả những mâu thuẫn giai cấp đối kháng của xã hội. Bọn thống trị bóc lột tàn ác cũng chưa được xây dựng thành những nhân vật phản diện đậm nét trong tác phẩm của anh trước 1945. Chúng chỉ

là những đường viền để làm nổi bật lên phẩm chất tốt đẹp và khát vọng vươn tới ánh sáng của những người dân nghèo thành thị.

Cảm hứng chủ đạo của nhà văn dường như bắt nguồn từ một chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc đối với những lớp người cùng khổ. Anh là một cây bút đôn hậu, luôn luôn hướng đến cái cao đẹp, trong sáng, niềm tin yêu thẩm thiết. Tất nhiên lúc cần, ngòi bút Nguyễn Hồng vẫn làm việc tố cáo, đập phá những áp bức, bất công nhưng chủ yếu anh là người ca ngợi và xây dựng. Chính vì thế nhà văn Nguyễn Tuân đã nhận xét khá đúng về anh, sau khi đọc những bức thư trong *Cuộc sống*: “Tôi là một thằng thích phá đình phá chùa, mà anh thì đúng là một người ưa chuyện tô tượng đúc chuông...”.

Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm Nguyễn Hồng kế tục và phát huy truyền thống nhân đạo chủ nghĩa trong văn học dân tộc. Những cô Kiều ba chìm bảy nổi chín lênh đênh, những người đàn bà “đòn gánh tre chín dạn hai vai” trong *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du, những Cúc Hoa, Ngọc Hoa, Kiều Nguyệt Nga đắm đuối chung thủy và cả những bà vợ hiền “lặn lội thân cò khi quãng vắng, eo sèo mặt nước buổi đò đông” trong thơ Tú Xương... Thời đó Nguyễn Hồng cũng có điều kiện tiếp xúc với những tác phẩm mang truyền thống nhân đạo chủ nghĩa của phương Tây như *Những người khốn khổ* của Hugo, *David Copperfield* của Dickens, *Thời thơ ấu* của Gorki và những truyện ngắn của Alphonse Daudet...

Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu và những truyện ngắn mang tinh thần nhân đạo chủ nghĩa khác của Nguyễn Hồng chắc

chấn có chịu ảnh hưởng hoặc nhiều hoặc ít, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp những tác phẩm kể trên.

Nguồn suối tình cảm yêu thương của Nguyên Hồng bắt nguồn từ cuộc đời thực của tác giả và của những người đàn bà nghèo ở các ngõ hẻm, ngoại ô thành phố. Cuộc đời cơ cực của những người vợ kiếm miếng cơm manh áo, tần tảo nuôi chồng nuôi con, chịu đựng bao cảnh hà hiếp, bóc lột, bao lễ thói cũ kỹ, khắc nghiệt của xã hội thực dân phong kiến lúc bấy giờ. Có thể nói tác phẩm của Nguyên Hồng đã ghi lại những nỗi khổ điển hình của người đàn bà Việt Nam trong những năm dài tối tăm trước Cách mạng tháng Tám.

Bắt đầu từ cuộc đời một bà mẹ, lúc còn trẻ sống nhần nhục bên người chồng già mà nàng không yêu, sống thầm lặng như “cái bóng ngẩn của bức tường dày mãi mãi thần phục ở dưới chân rồi sẽ tan xuống đất nếu ánh sáng soi tắt”; khi người chồng chết, bà phải tha phương cầu thực tìm cách nuôi con và chịu đựng mọi sự khinh bỉ, ruồng bỏ của gia đình nhà chồng. “Phong tục và lễ nghi cổ hủ đã bắt buộc người mẹ coi sự sinh nở khi chưa đoạn tang chồng cũ ghê tởm hơn là những tội gian ác xấu xa nhất. Và các thành kiến gông cùm từ ngàn xưa truyền lại đã nâng một đứa con trai chưa đầy mười bốn tuổi lên một địa vị cao trọng để mẹ nó phải khuất phục, cầu khẩn” (*Những ngày thơ ấu*). Ở nông thôn, lễ giáo phong kiến ghê gớm hơn vì nó được giai cấp thống trị duy trì như một phương tiện để đàn áp bóc lột. Tám Bính đã rung mình khi nhớ lại hình ảnh người đàn bà bị làng phạt vạ, quỳ giữa sân đình nắng chang chang, tay

bế đưa con mới được mười ngày đỏ hỏn hỏn và một lũ kỳ mục kiểm chác, ăn uống trên sự đau khổ của người đàn bà khốn khổ (*Bỉ vô*). Bao nhiêu cô gái đáng thương như thế đã phải bỏ làng ra thành phố rồi biến thành những vật trao đổi rẻ tiền cho bọn làng chơi! Tiểu thuyết *Bỉ vô* đã viết những chương thật cảm động về cuộc đời tủ nhục của những gái điếm ở phố Hạ Lý. Bao nhiêu cô gái bán trôn nuôi miệng đã bị các chủ nhà chứa bóc lột cho kiệt sức, ho ra máu rồi chết. Người ta thuê vài người phu chợ đùm kẻ bất hạnh trong chiếc chăn cũ rồi đem chôn. “Tắm áo quan bằng gỗ mỏng đu đi đu lại, cọ vào chiếc thùng treo lưng lửng ở đòn ổng làm thành những tiếng kéo kẹt thay cho những tiếng khóc viếng”. Những người đàn bà đáng thương này chết như những người ăn mày khốn cùng không thân thích chết đường chết chợ...

Từ cuộc đời đau khổ, nhần nhục của bà mẹ mình, Nguyên Hồng đã yêu thương bao nhiêu bà mẹ Việt Nam khác, đã quan tâm tha thiết đến số phận những người phụ nữ bị lễ giáo phong kiến và những lễ thói khắc nghiệt của xã hội cũ vùi dập, dày dạn.

Và cũng bắt đầu từ cuộc đời một đứa bé sống cô đơn, bơ vơ trong một gia đình tàn tạ có “một người cha và một người mẹ tính tình khác nhau, không hiểu biết, không yêu thương và gần như khinh miệt nhau”... sau khi người cha nghiện ngập chết ho lao, người mẹ đi bước nữa, đứa bé bị hắt hủi, sống cô độc lang thang trên các vỉa hè, đường phố: “Tôi cảm thấy một cách cay chua sự trợ trợ hèn hạ của

tôi, một đứa trẻ côi cút cùng khổ” (*Những ngày thơ ấu*). Cuốn hồi ký đầy tinh thần nhân đạo chủ nghĩa này từ năm 1938 đã làm xúc động bao nhiêu tâm hồn bạn đọc, vì nó là sự rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại loại trong những lẽ lỗi khắc nghiệt của một gia đình sắp tàn” (Thạch Lam).

Từ cuộc đời côi cút, tủi nhục của mình, Nguyên Hồng đã yêu thương bao nhiêu cuộc đời những em bé nghèo khổ, lang thang kiếm ăn ở các thành phố lớn (*Hai nhà nghề, Con chó vàng*), những em bé còm nhom như con mèo, con các gia đình lao động nghèo khổ ở cái xóm Bà Cả Nam Định, thiếu ăn, thiếu sữa, thiếu sự chăm sóc của bố mẹ và phải làm quần quật ngay từ tuổi thơ, “những đàn trẻ tồng ngồng và lúc nhúc... chẳng kém phần ăm ỉ và khác lạ như của Bạch Mai, Phúc Xá hay Lạc Viên, Chợ con nhiều lắm”. (*Những mầm non, Cuộc sống*). Nguyên Hồng cũng nói đến những em bé sớm bị dày dạn trong các nhà tù đế quốc (*Tù trẻ con*) và lòng anh đau quặn lên trong một đêm giao thừa nào đó ở nhà lao Nam Định, bỗng nghe một tội nhân... trẻ con thức giấc từ lâu khóc thét mãi lên, những trẻ con ốm yếu của các tù đàn bà vô tội” (*Tết của tù đàn bà*).

Văn học nhân đạo chủ nghĩa ở phương Đông cũng như phương Tây đều nói nhiều đến nỗi đau khổ của phụ nữ và trẻ em. Đó là những lớp người bị dày dạn nhiều nhất và ít có khả năng tự vệ nhất trong cái xã hội người với người là chó sói.

Trong phạm vi chủ đề này người ta thường nói đến sự gặp gỡ ở một mức độ nào đó giữa Nguyên Hồng với Gorki.

Hai nhà văn này đều xây dựng được những hình tượng rất đẹp về những bà mẹ đau khổ từ trong bóng tối của cuộc đời cũ vươn lên ánh sáng, đều quan tâm sâu sắc đến vận mệnh những em bé bị vứt ra ngoài lề của xã hội, đi kiếm ăn lang thang dọc các thành phố lớn, đều băn khoăn đến cả cuộc đời những tầng lớp lưu manh ở dưới đáy của xã hội... Cả hai nhà văn từ buổi thiếu niên cũng đã từng lăn lộn trong tầng lớp phu phen, thuyền thợ, do đó họ viết rất say mê, rất tự hào về những người lao động, về cái đẹp, chất thơ trong lao động. Chính nguồn suối tinh thần yêu thương đó của những người đã từng lam lũ, vất vả, từng đổ mồ hôi để xây dựng nên cuộc sống cũng như những ánh sáng của lý tưởng cộng sản đã tạo nên ở họ một chủ nghĩa lạc quan tràn đầy sức sống, một nguồn tin yêu thấm thiết ở Con Người.

Trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ, các báo chí của Đảng và những báo chí tiến bộ đã nói nhiều đến nỗi thống khổ của dân quê và dân nghèo thành thị. Trước yêu cầu của đông đảo bạn đọc, tờ *Ngày nay* của Tự lực văn đoàn không thể không nói đến bình dân một cách thời thượng. Từ 1937 Tự lực văn đoàn bắt đầu tặng giải thưởng cho những tác phẩm hiện thực như *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng và *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc; rồi từ năm 1938 tờ *Ngày nay* giới thiệu hồi ký *Những ngày thơ ấu*.

Gần gũi phần nào với Nguyên Hồng trong Tự lực văn đoàn có lẽ là Thạch Lam. Những truyện ngắn của Nguyên Hồng (*Tôi dạy học, Lớp học lẫn lút, Hai mẹ con, Hàng cơm đêm...*) và của Thạch Lam (*Nhà mẹ Lê, Hai đứa trẻ, Một con giện*) đều

toát lên một tấm lòng nhân đạo đối với cuộc đời đau khổ của những người dân nghèo thành phố. Mặt khác, hai nhà văn là những cây bút hình thành trong không khí của thời kỳ Mặt trận Dân chủ, họ đón nhận hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc nhiều hoặc ít những luồng gió mới, những vang động sâu xa của phong trào cách mạng.

Thạch Lam bắt đầu quen và yêu mến Nguyên Hồng từ sau khi *Những ngày thơ ấu* được giới thiệu trên tờ *Ngày nay*.

Tuy cùng viết về những nỗi đau khổ của dân nghèo nhưng Thạch Lam đâu sao cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều khuynh hướng cải lương tư sản của Tự lực văn đoàn, còn Nguyên Hồng thì ngày càng tiến gần lại phong trào vô sản.

Ánh sáng của quan điểm giai cấp và những nhận thức chính trị đã nâng cao chất lượng nhiều truyện ngắn của Nguyên Hồng. Sức tố cáo được tập trung, dồn nén hơn, do đó kết cấu cũng chặt chẽ hơn. *Hàng cơm đêm, Nhà bố Nẫu, Người đàn bà Tàu, Giọt máu, Buổi chiều xám...* là những truyện ngắn hay. Trong truyện *Giọt máu*, cái không khí ngột ngạt tức thở của những năm 1942-1944, cái dã man tàn bạo của chế độ phát xít đã được phản ánh qua một câu chuyện tưởng như tầm thường, nhỏ bé nhưng lại gây ấn tượng rất sâu đậm trong lòng người đọc. Lối kết cấu tương phản giữa một bên là lũ bóc lột giàu có, bất nhân, cướp đoạt và chà đạp lên mọi thứ một cách tàn bạo và một bên là em bé lặng lẽ như một cái bóng, với hai luống ngô non mà em trồng trên một hố đất, trước kia mẹ chủ nhà để cỏ mọc um tùm lẫn với mảnh chai và rác rưởi thối nát. Tất cả cái hạnh phúc nhỏ xíu, mong

manh, vô tội, vun xói được qua bao ngày tháng bởi đôi bàn tay non yếu, cuối cùng bị cướp đoạt, phá phách một cách tàn nhẫn, đau xót. Sấm sét, sự tàn bạo đã trút lên đầu những em bé nghèo khổ, nhỏ nhoi, hiền như chiếc lá non, hoàn toàn không có chút khả năng tự vệ và chính vì thế mà sự đối lập nghệ thuật ở đây đã làm cho bạn đọc run lên vì cảm giận trước những hành động vô nhân đạo của bọn người giàu có, bóc lột táng tận lương tâm!

Chủ nghĩa nhân đạo của Nguyên Hồng ngày càng mài sắc tính chiến đấu. Anh phản đối thái độ quỳ mọp dưới tôn giáo để cầu xin sự thương phạt công bằng của Chúa. “Nhưng ta đã thấy bao nhiêu xương thịt tan tành, thối nát, bao nhiêu nước mắt và máu đã ngập lụt tinh thành, bao nhiêu sinh mạng đã chết và đương chết trong cảnh đói rét bên một đám người hủ hê sung sướng mà có bao giờ tìm ra những sự giải quyết của Chúa Trời?” (*Tết của tù đàn bà*). Nguyên Hồng ca ngợi người mẹ Việt Nam, người đàn bà chịu thương chịu khó, tần tảo, đảm đang, giàu lòng hy sinh, nhưng anh không lý tưởng hóa “đức tính” cam phận, nhẫn nhục, không ca ngợi sự phục tòng như một số nhà văn lãng mạn; anh chủ trương đánh thức dậy ở họ ý thức tự đấu tranh giải phóng, đấu tranh cho cuộc sống bình đẳng, công bằng hơn, hạnh phúc hơn. Người con gái trong *Vực thẳm* xót xa khi nghĩ đến người mẹ lam lũ đáng thương của mình, người đàn bà thờ chồng, rồi thờ anh chồng, “nhất nhất vâng theo và cúi đầu chịu đựng như đối với thần thánh”:

“Không! Tôi không dám làm thơ mê say với con người này đâu. Những nguồn cơn kia đều đầm những mồ hôi nước mắt của mẹ tôi, sao tôi lại phạm tội ru những người đàn bà xấu số khốn nạn chúng tôi vào đó? Những quang gánh thúng sọt nặng trĩu những ngô khoai, rau muống, bèo kia, kiosk trên những sống vai gầy rạc của cái kiếp người tàn tạ, lẩn hồi, nếu có thành những điệu thơ thì phải là những tiếng kêu rên thống thiết của sự đau đớn chua xót, đòi gọi sự thay đổi cho cuộc đời được no ấm, yên vui, rất xứng đáng phần cho những người mẹ hiền từ, chịu khó” (*Vực thẳm*).

Trong một số tác phẩm của mình từ 1938 trở về sau, Nguyên Hồng phê phán cái chủ nghĩa nhân đạo than thở theo kiểu thương vay khóc mướn trong văn học lãng mạn và chủ trương một chủ nghĩa nhân đạo thức tỉnh, một chủ nghĩa nhân đạo lạc quan cách mạng. Chính sự khác biệt này trong thế giới quan, trong cách nhìn nhận cuộc sống mà một số truyện ngắn của Nguyên Hồng và Thạch Lam, nhìn bên ngoài tưởng như giống nhau vì cùng viết về một loại đề tài và nhân vật, nhưng bên trong lại chứa đựng nhiều sắc thái rất khác nhau.

Trước đây thỉnh thoảng Nguyên Hồng lại có một truyện đề tặng Thạch Lam. Có khi cả một tập truyện ngắn. *Hàng cơm đêm* hơi giống truyện *Hai đứa trẻ* (1938) của Thạch Lam. Thạch Lam viết về một phố huyện gần ga xép. Chợ họp giữa phố đã vắng từ lâu, tiếng ồn ào đã lắng hẳn. Đêm xuống. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn với mùi rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn, bã mía quen thuộc quá, khiến hai đứa bé

“tường là mùi riêng của đất, của quê hương này”. Phố huyện chìm sâu vào bóng tối của một vùng quê mệnh mông. Chỉ còn một vài chấm sáng lù mù quen thuộc xung quanh ngọn đèn con của một chõng hàng nước, cái bếp lửa của hàng phở khuya vắng khách và ngọn đèn vắn nhỏ thừa thớt từng hột sáng lọt qua phen nửa của một cửa hàng tạp hóa. Trong cái cảnh chìm chìm nhạt nhạt và vắng lặng đó, đêm nào cũng có một đoàn tàu đi qua, mang theo những luồng ánh sáng quét mạnh vào hai bên và tiếng ồn ào làm xao động cả một phố huyện yên tĩnh. Đoàn tàu như mang đến một thế giới khác hẳn với cái vắng sáng lù mù của mấy ngọn đèn quanh quất nơi phố vắng của một huyện nhỏ. Một chút ánh sáng ở một thế giới xa xăm, những ước mơ của hai đứa trẻ vụt đến và đi qua, phố huyện lại chìm sâu vào bóng tối hiu quạnh...

Thạch Lam viết truyện với một nghệ thuật tinh tế, nhất là việc sử dụng sự tương phản và hài hòa giữa các âm thanh, giữa các vùng ánh sáng. Câu chuyện để lại trong tâm hồn ta những dư vị đầm thấm của quê hương và một sự cảm thương man mác những cuộc đời thầm lặng như những chấm sáng lù mù bị nhòa đi trong bóng tối dày đặc của một vùng quê tù đọng.

Nguyễn Hồng chưa có được cái tinh tế, cái lắng sâu vào bên trong đó của bút pháp Thạch Lam. Tuy nhiên truyện ngắn của anh lại có những âm thanh và màu sắc riêng, nó nói lên cái khỏe, cái vui hồn hậu và lạc quan của cuộc đời lao động mồ hôi nước mắt. Nguyễn Hồng cũng viết về một phố nhỏ gần một cái chợ. Cũng một thứ mùi nồng nực của

rác rưởi quanh chợ chưa được quét dọn. Cũng những ngọn đèn của các hàng com đêm, hàng phở, hàng tạp hóa, hàng mã, hàng thiếc, của cái mái lá tồi tàn những gia đình phu phen lao động. Ngoài phố “những cây bàng cao và to đâm bóng tối, dấn xuống đường những bóng lá đen sẫm”. Trên mặt đường cũng những bóng người thưa thớt lặng lẽ đi lại và “thình thoảng tiếng rao phở phào lên rồi mất trong sương khuya”. Nhưng trước khi cái phố chợ chìm vào trong đêm thì ta đã nghe mọi thứ tiếng ồn ào, huyên náo lúc hoàng hôn đang dần dần xuống: tiếng chuông xe đạp bấm liên thanh của học sinh và công chức, tiếng guốc khua, tiếng xe bò chuyển ầm ầm vì đường phố gồ ghề và tiếng va chạm của xẻng, cuốc, ván gỗ trong thùng xe, tiếng mời chào mặc cả, cãi vã ầm ĩ hai bên đường... và trong cửa hàng com là tiếng chuyện trò cười nói vui vẻ của phu phen, thuyền thợ “quần áo rách rưới và lấm láp của họ thò ra những mùi khét lẹt của dầu mỡ, cát bụi và bùn lầy mà họ đã dẫm dìa ở những xưởng máy, những kho hàng, những hầm tàu, những lán gỗ”, tiếng đùa nghịch chòng ghẹo nhau của “những chị phu hồ, phu than riu rít như bầy chim sẻ”.

Cuộc đời tầm thường, đáng thương của những người dân nghèo trong truyện ngắn của các nhà văn lãng mạn cứ lặng lẽ trôi đi trong sự an phận, chịu đựng, cái thế giới tĩnh tại ấy gần như không thể thay đổi; còn trong truyện ngắn Nguyên Hồng những người lao động thuyền thợ, tự tin ở năng lực của mình, ở sự làm việc cần cù của mình, đã bắt đầu hy vọng một sự thay đổi, một cuộc đời mới. Vịnh, cô gái bán hàng com đêm đã cảm thấy ngột thở, tù túng trong

cuộc đời cũ, hy vọng “một sự phá bỏ rồi thay đổi hẳn lại thì mới được thở một bầu không khí trong lành, một nguồn ánh sáng rực rỡ bên một cuộc đời mới, không đói rét, không đầu tắt mặt tối. Sự lật đổ và làm mới lại ấy, Vịnh chưa cảm thấy... Nhưng có một cái gì soi chiếu vào tâm trí nàng, một cái gì gọi dậy tất cả năng lực, tất cả lửa lòng của Vịnh lên” (*Hàng com đêm*). Từ những truyện ngắn đầy tinh thần nhân đạo chủ nghĩa đăng trên các báo chí công khai năm 1939, Nguyên Hồng đã muốn rọi “một tia sáng vào dòng đời tối tăm chảy nặng nề” của những người dân nghèo thành phố, muốn đánh thức dậy cái tinh thần đấu tranh “tự giải phóng thoát khỏi những sự áp chế bằng những năng lực dồi dào sẵn có” của chính họ (*Hai mẹ con*). Cho nên trong truyện và tiểu thuyết Nguyên Hồng đã tập trung miêu tả “những tia mắt này lửa” của mấy người đàn bà ở đề lao Nam Định, khi họ bị khám xét và làm nhục, đã khai thác cái ý thức căm thù và phản kháng, “dám đối chọi chứ không chịu một bề van xin”, của những người dân nghèo bị cấm nhà cấm đất (*Hơi thở tàn*), đã chứng minh lẽ tất yếu phải có “một sự chồm dậy, hất tung và san bằng những cái đè nén và ràng buộc cái đời đàn bà nhà quê cần cỗi” (*Cô gái quê*). Ảnh hưởng của sách báo macxit và những hậu thuẫn của phong trào đấu tranh thời kỳ Mặt trận Dân chủ đã giúp cho những tác phẩm của Nguyên Hồng ngày càng mài sắc thêm tính chiến đấu và thấm nhuần chủ nghĩa nhân đạo cách mạng cao cả của giai cấp công nhân.

Ngay từ tháng 6 năm 1939, trên tờ báo *Mới* của Đoàn thanh niên Dân chủ, Nguyên Hồng đã cất tiếng kêu gọi

thống thiết, đấu tranh giành quyền sống cho các trẻ em, cho các bà mẹ lao động ở Việt Nam và trên toàn thế giới.

“Phải mau trả lại sữa cho những người mẹ làm lưng đầu tắt măt tối ở những xưởng thợ, những nhà máy, những kho hàng, không có thì giờ chăm ẵm con, không có đủ thức ăn uống để lấy sữa cho con bú, trong khi mồ hôi, nước mắt và khí lực của mình đã trút ra thành vải vóc, vàng bạc, rượu thịt cho các ông chủ bụng phệ, các bà chủ béo ú, cùng với bầu đàn thê tử nhà họ an nhàn ngồi hưởng...

Phải đem sữa lại cho những bà mẹ nhiều con đại ở các nước bị chiến tranh tàn phá; những người mẹ đang để tang cha chồng, anh em; những người mẹ phải thay những người đã chết vì chiến tranh kia, làm đủ mọi việc để có đủ quần áo và lương thực cho tụi quân lính hung hãn đi xâm chiếm những nước yếu hèn. Phải trả lại sữa cho những cái miệng bé nhỏ há rộng, lưỡi gàn cứng đồ đó, dưới những bầu vú lép.

Những cái miệng khát sữa, chỉ mong sữa trong khi những mẹ đàn bà phú hào và quý tộc tắm bằng sữa cho da thịt mịn màng, trong khi bọn tư sản đồ hàng ngàn, vạn thùng sữa xuống biển để có thể bán chỗ sữa còn lại với giá đắt trong thời kỳ kinh tế khủng hoảng” (*Những giọt sữa*).

*

* *

Không phải lúc nào Nguyên Hồng cũng viết bằng một bút pháp hiện thực tinh táo và nói chung, ít khi anh sử

dụng một lối viết nặng về trí tuệ. Ở anh, những yếu tố nội tâm, những tình cảm sôi nổi, dạt dào từ bên trong đôi lúc cứ muồn lấn lướt, trùn lên cái hiện thực khách quan được miêu tả.

Người ta thường nói đến *màu sắc trữ tình lãng mạn* trong những tác phẩm của Nguyên Hồng. Chính do cái chất trữ tình sôi nổi thiết tha đó mà tác phẩm của anh làm cho người đọc xúc động, nó luôn luôn mang đến cho tuổi trẻ những tình cảm tin yêu thắm thiết, những ước mơ hy vọng về tương lai, những khát vọng vươn lên ánh sáng của lý tưởng cao đẹp.

Bỉ vỏ, Những ngày thơ ấu chưa đi thẳng vào những trung tâm mâu thuẫn của hiện thực khách quan lúc bấy giờ, mà dường như lại thu hút chúng ta bởi những cảm xúc tươi mới trong sáng, dào dạt của một cây bút trẻ đang dễ xúc động, dễ ngạc nhiên trước cuộc sống, bởi những kỷ niệm đau xót, những rung động chân thành của một linh hồn trẻ đại bị lạc loài, bị vùi dập trong lòng một gia đình cũ kỹ sắp tàn.

Những ngày thơ ấu là những lời tâm sự thiết tha, thầm kín, những hồi ức của một cái “Tôi” đau khổ tự trình bày cuộc đời riêng tư của mình trên trang giấy một cách chân thành, tin cậy (trước đó, trong văn học ta chưa nhiều những hồi ký như thế):

“Thầy mẹ tôi lấy nhau không phải vì thương yêu nhau, sự trái ngược cay đắng đó tôi đã hiểu rõ rệt và thấm thía ngay từ năm tôi lên bảy lên tám... Những buổi chiều vàng lặn lẽ, lạnh lẽo của mùa đông, những buổi chiều mà bụi

mưa như có một thứ tiếng van lơn thăm thì trong hơi gió vu vu, lửa lò than rực rỡ vồn lên chân tường những ánh hồng lấp lánh hay rủ rê tâm trí người ta vào những cõi buồn nhớ là những buổi chiều làm tê tái mẹ tôi hơn hết”.

Trong tập hồi ký rất xúc động này, Nguyên Hồng đã lắng nghe được những âm vang sâu lắng của tâm hồn, ghi nhận được những cảm giác tinh tế tự bên trong và diễn tả chúng qua cái nhìn hồn nhiên, tươi sáng của tuổi thơ, khiến cho ta có cảm tưởng thú vị như được đưa về “thời thơ ấu của nhân loại”:

“Tôi ngồi lên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt... Phải bé lại và lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”.

Cũng như một số nhà văn trẻ thời ấy, Nguyên Hồng đã bắt đầu cuộc đời sáng tác của mình bằng một đôi mắt xanh non, một cái nhìn rất độc đáo, tươi mới, trẻ trung.

Đó là cái tuổi mà tâm hồn dễ xúc động, các kỷ niệm để lại những ấn tượng sâu sắc, mệnh mang như cái ánh trắng bàng bạc của đêm thu đầy trăng, xao xuyến như hương hoa cau hoa lý ngát thơm cả một góc vườn đang vỡ lẽ ra trong tiếng khóc nức nở của hai mẹ con người đàn bà tội nghiệp, đáng thương (*Mợ Du*). Đó cũng là một tâm hồn ham mê thanh sắc, đắm chìm trong những cảnh đẹp rực rỡ, quyến

rũ của thiên nhiên: một bầu trời xanh trong bát ngát “với ánh nắng rực rỡ phấp phới trên các cành cây lá óng ả, mượt nổi và những chòm xoan xanh tươi hứa hẹn màu thắm của các vùng hoa đỏ” (*Những ngày thơ ấu*); “những hương hoa quả thơm nồng, bay thấp thoáng trong không khí tê mê rạo rực”, những “tiếng chim chích chòe đậu trên những ngọn cau, ngọn xoan, hót lanh lảnh, vang rất xa dưới vùng trời bao la và lấp lánh” (*Vực thẳm*).

Đó cũng là một sự sống ngùn ngụt, nóng hổi, một lòng “ham sống dào dạt”, trong ấy mọi thứ đều như rung lên cùng với một lòng thương yêu thắm thiết, trong ấy như có một lớp sóng cứ trào lên không ngớt, như có một thứ tiếng rùng rùng âm vang bát ngát. Cái sức sống bên trong đó là sự rung động đến cực điểm của “một quả tim trên hai mươi tuổi đâm máu đỏ tươi và hơi thở nóng nảy” (*Cuộc sống*). Tôi nhớ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường trung học, một lần phải dịch ra Pháp văn một đoạn trong *Những ngày thơ ấu*, cái đoạn nói về tiếng kèn náo nức, dồn dập rung vang đó:

“Tiếng kèn mỗi giây một dướn cao, một vang to, rung động cả làn không khí êm ả của một góc trời. Rồi nưong tiếng gió lao xao trong những chòm cây phấp phới, âm thanh náo nức, dồn dập của tiếng kèn càng cuốn lên cao, tràn ra xa, rất xa, đến những vùng xa sáng tươi nào đó. Càng về sau tiếng kèn càng niềm nở, ân cần như những lời thúc giục thống thiết... Hãy bước đi, hãy bước đi, như làn lá nhỏ bay theo gió... Tiếng kèn vồn vã vẫn rõ ràng, trong sáng và bầu trời mở rộng rung vang...”.

Cả tập thư trong *Cuộc sống* cũng là một lòng yêu đời đắm đuối, thiết tha. Đó là những dòng nhật ký của tác giả lúc bị giam ở trại Bắc Mê, ngồi nhớ về phố Càng thân yêu của mình. Hải Phòng hiện ra với “một bầu trời tràn ngập ánh sáng nắng rực, những tiếng cười nói và những cử chỉ không thể kìm hãm được”, những “sự rạo rực đã phát tiết ra” và khắp nơi” cây cỏ rung lên trước gió, mưa rào rào phấn vàng phấn bạc vãi tung ra khắp bốn phương trời những hạt bụi nẩy nở của muôn ngàn bầu nhĩ” (*Những mầm sống*).

Trong các tác phẩm của Nguyên Hồng thời kỳ đầu, những tình cảm không những tươi mới, trẻ trung, mà lúc nào cũng được biểu hiện ở cường độ cao: nó phải ngùn ngụt nóng hổi, nó phải đắm thắm thiết tha, nó phải trong ngần tươi mát... Còn những cảnh sắc thì bao giờ cũng lao xao, phấp phới, chói lòa rực rỡ hoặc rùng rùng âm vang...

Dường như cái sức sống tự bên trong tâm hồn nhà văn, một cái gì say sưa, rạo rực, tha thiết tin yêu đã in dấu lên mọi cảnh vật, mọi màu sắc. Nó làm cho những cảnh sắc đó sôi động hẳn lên, rung lên, vang lên mạnh mẽ, thu hút tình cảm người đọc, khiến cho người ta không thể dừng dưng lạnh nhạt trước một sự chân thành, nồng nhiệt đến như thế.

Đã có lúc Nguyên Hồng cho rằng sự đòi hỏi thôi thúc của nội tâm, cái nhiệt tình, sôi nổi tha thiết tự bên trong là điều kiện gần như tất cả đối với một nhà văn. Hồi đó anh bị bắt ở Hải Phòng và bị đưa đi Bắc Mê (Hà Giang), phải nghỉ viết vừa đúng ba năm! Cho nên cũng dễ hiểu khi anh cho rằng trong tác phẩm chỉ cần “sự cởi mở của tâm hồn”, “sự

giao cảm với cuộc đời”, “sự thiết tha tìm thấy trong Người” mà anh “không thể nén nhịn được phải kêu lên ráo phổi với Người”. “Bất cứ một tác phẩm nghệ thuật nào thiếu những cái đó là không có tất cả, là chết!” (*Cuộc sống*).

Tất nhiên không có ngọn lửa bên trong đó thì nghệ thuật không thể gây được sự say mê, xúc động trong lòng người đọc. Nhưng ở Nguyên Hồng, cái bên trong đôi lúc lấn lướt cái bên ngoài, sự say sưa chủ quan không kết hợp được với sự tỉnh táo khách quan. Văn xuôi đòi hỏi một vốn sống, một sự từng trải, kể cả một trí tuệ tỉnh táo để làm cho nhân vật hiện lên, đi đứng khóc cười như trong cuộc đời thật. Cái ngọn lửa say mê tự bên trong đó có thể làm nên chất thơ, chất trữ tình đầm thắm, chứ chưa đủ để làm cho nhân vật sống động, gân guốc, tạo hình nghĩa là có một vận mệnh riêng, một kiểu ngôn ngữ hành động và đời sống tâm lý riêng. Cho nên với ngọn lửa ngùn ngụt bên trong đó, Nguyên Hồng đã viết nên một *Cuộc sống* bằng thơ, chứ chưa phải là dựng lên những nhân vật, những trang tiểu thuyết. Văn xuôi hiện thực, dù là văn xuôi trữ tình, cũng không thể chỉ *tự ca hát mình*, chỉ *bình giá* hiện thực, mà còn có nhiệm vụ *tái tạo* cái hiện thực khách quan như nó vốn có.

Trên kia ta thấy trong văn Nguyên Hồng luôn luôn có nắng gió lao xao, phấp phới, rực rỡ và một bầu trời xanh trong lấp lánh rất đẹp. Cái đó là gì, nếu không phải là lòng ham sống, tin yêu cuộc sống, là vẻ đẹp của lý tưởng, là những ước mơ lãng mạn về tương lai.

Chúng kiến cái cảnh con người bị cưỡng đoạt, bị sa đọa trong xã hội đồng tiền, Nguyên Hồng khao khát một cuộc sống của những người lao động thương yêu, đùm bọc lẫn nhau và luôn luôn vươn đến những cái gì cao quý, trong trắng, nó là vẻ đẹp, là chất thơ của cuộc đời. Chủ nghĩa nhân đạo trong tác phẩm của anh có nguồn gốc sâu xa từ cái nhân hậu của những người dân nghèo Việt Nam, từ cái trung hậu công bằng của những truyện cổ tích, cái bát ngát tươi thắm của ca dao. Còn chất thơ trong văn xuôi của anh thì đó là sự rung cảm trước cái đẹp của cuộc sống vất vả, ồn ào của những người lao động. Trong cuộc sống, trong lao động có một vẻ đẹp, một chất thơ riêng, rất giàu màu sắc lãng mạn. Có lẽ Nguyên Hồng là nhà văn đầu tiên ở nước ta ca ngợi vẻ đẹp của lao động. Tác phẩm *Cuộc sống* (1942) là một thứ tuyên ngôn về chất thơ trong lao động. Chất thơ lãng mạn chan chứa, đậm đà trong từng trang sách, khi Nguyên Hồng ở cảng Bắc Mê (Hà Giang) nhớ về thành phố Cảng thân yêu của mình. Dù bị bóc lột, bị cướp đoạt, bị đày đọa, cuộc sống của những người lao động vẫn cứ vươn lên với một sức mạnh, một vẻ đẹp không thể gì dập tắt nổi! Cái nhìn của Nguyên Hồng ở đây rất giống với cái nhìn tin tưởng đầy tính chất nhân đạo của Gorki.

Màu sắc lãng mạn cách mạng đã ánh lên qua các truyện ngắn của Nguyên Hồng thời kỳ 1938-1939 và qua những trang đầy chất thơ trong *Cuộc sống*.

1-5-1939, trên tờ báo *Mới* số 1 xuất bản ở Sài Gòn, bên cạnh những vần thơ của Tố Hữu ta được đọc một tác phẩm

của Nguyên Hồng ca ngợi lao động của thợ thuyền tràn đầy ánh sáng tương lai:

“Một góc thành phố chuyển động vì sự nhộn nhịp, huyền ảo làm bằng tiếng guốc khua vang, tiếng cười nói tràn lên như gió bão, tiếng xe bò chuyển ầm ầm, tiếng chuông ran không ngớt của muôn ngàn người cùng chung một đường đi, cùng dưới một bầu trời tràn ngập ánh nắng rực rỡ này... Một ai đây dù hoài nghi cũng phải tin rằng cái hình thức tối tăm, cần cỗi và như thối nát của sự sống một phần nhân loại làm than chỉ là một cái vỏ mỏng sắp sửa nổ vỡ. Vì trong cái vỏ ấy, bao nhiêu mầm sống nảy nở đã chín muồi sắp chồm dậy, sắp xé tung sự trùm lẩn, đè ép để tự do thở hít ánh sáng và khí trời để tràn lên mệnh mệnh.”

Làn sóng người đã lan ra khắp hang cùng ngõ hẻm. Người ta mong đợi một ngày kia làn sóng cuồn cuộn ngày hôm nay sẽ lôi cuốn được tất cả những làn sóng rải rác khác để chồm lên và vượt qua những dốc cản trở, những tảng đá đè nén, những hố sâu vùi dập, để đi tới một dải đất rực rỡ, sán lạn như bầu trời xuân tràn ngập ánh nắng trong buổi trưa này” (Những mầm sống).

Chất lãng mạn cách mạng trong văn Nguyên Hồng, như trên đã nói, bắt nguồn từ một tâm hồn bị vùi dập, bị dày dụa, nhưng chính vì thế mà càng yêu đời, yêu cuộc sống, luôn luôn muốn vươn lên một cuộc sống tươi đẹp hơn, công bằng hơn; mặt khác, chất lãng mạn cách mạng đó lại được khơi dậy từ những ảnh hưởng sâu sắc có tầm quyết định của Đảng đối với một thanh niên đang say sưa đi tìm lý tưởng. Những ảnh

hưởng của Đảng, của phong trào và sách báo macxit tiến bộ như một “thứ ánh sáng đã làm sôi nổi cả người tôi và cả cái tuổi... lần đầu tiên bút rút thấy trong mình mọng những sinh lực tươi tốt và những khả năng vĩ đại” (Cuộc sống).

Trong văn xuôi của Nguyên Hồng có một chất say. Cái say của văn Nguyên Hồng thời đó cũng có phần nào giống cái say mê, cuốn hút của thơ Tố Hữu lúc gặp ánh sáng của Đảng. Ở Tố Hữu, “mặt trời chân lý” đã bùng sáng trong tâm hồn và anh đã thành một chiến sĩ. Còn Nguyên Hồng thì tuy còn ở trong thời kỳ quyết tâm nhập vào đội ngũ ấy nhưng đã bắt đầu nhận ra vẻ đẹp của lý tưởng, đã tự nguyện đi dưới ánh sáng của “mặt trời chân lý”. Tập thơ *Từ ấy* có cái say của một mối tình đầu đến với cách mạng. Tác phẩm của Nguyên Hồng những năm 1938-1939 về sau cũng có cái tâm trạng của một thanh niên đang khao khát vươn lên một cuộc sống tốt đẹp hơn, bỗng được tiếp xúc với cách mạng, say sưa ngây ngất trong ánh sáng chói lòa của cách mạng. Sự giác ngộ lý tưởng của Nguyên Hồng trong những năm trước cách mạng có cái đặc điểm là làm say lòng người; nhưng lúc bấy giờ anh chưa đủ vốn sống để có thể xây dựng nên những hình tượng sinh động về con người mới, những điển hình chiến sĩ cách mạng. Ánh sáng của lý tưởng thường được biểu hiện dưới dạng những cảm xúc trữ tình, những khát vọng lãng mạn cách mạng chưa hòa lẫn vào chủ nghĩa hiện thực. Tình trạng này còn kéo dài mãi cho đến *Lò lửa và Địa ngục*.

*

* *

Nguyên Hồng là một hiện tượng khá tiêu biểu cho trào lưu văn học hiện thực phê phán ở nước ta. Nó xuất hiện sau trào lưu hiện thực phê phán ở phương Tây một thế kỷ, khi trên văn đàn thế giới đã có chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tự nhiên và hiện thực xã hội chủ nghĩa. Trong nước, nó xuất hiện cùng thời với văn chương Tự lực văn đoàn, thơ Tố Hữu và văn học cách mạng.

Cho nên có thể thấy ở Nguyên Hồng những ảnh hưởng của Hugo, lẫn Gorki, Romain Rolland, của Tố Hữu lẫn Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Thạch Lam...

Có dấu vết chủ nghĩa xã hội không tưởng của Hugo, lối miêu tả nặng về cảm giác của Thạch Lam, cái “tôi” trữ tình say đắm thiên nhiên, lối phóng đại và lý tưởng hóa nhân vật, khuynh hướng nghiêng về những yếu tố rung rợn kỳ lạ của chủ nghĩa lãng mạn. *Nhà sư nữ chùa Âm hồn* là một biểu hiện rõ rệt của những ảnh hưởng lãng mạn chủ nghĩa.

Những ảnh hưởng này cũng chỉ rơi rớt trong một số tác phẩm thời kỳ đầu của Nguyên Hồng. Cuộc đời lam lũ, cơ cực của bản thân, những ảnh hưởng của phong trào cách mạng, của sách báo macxit đã nhanh chóng hướng anh về vùng ánh sáng lành mạnh của chủ nghĩa hiện thực. Nói chung, so với một số nhà văn khác, con đường đi đến chủ nghĩa hiện thực của Nguyên Hồng tương đối bằng phẳng.

Văn học hiện thực phê phán Việt Nam gặp những khó khăn trong điều kiện phát triển công khai ở một nước thuộc địa. Đồng thời nó cũng có thuận lợi vì xuất hiện lúc

Đảng của giai cấp công nhân đã ra đời và phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng đã dâng cao. Các nhà văn hiện thực phê phán đã chịu ảnh hưởng từ hai phía: hệ tư tưởng macxit của phong trào vô sản và hệ tư tưởng phong kiến, tư sản gắn với chính sách đầu độc, ngu dân của giai cấp thống trị. Phong trào Mặt trận Dân chủ đã tạo những hậu thuẫn cho văn học hiện thực phê phán phát triển mạnh mẽ. Ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp của Đảng, của phong trào quần chúng đã có tác dụng quan trọng đến chất lượng tác phẩm và con đường đi của văn học hiện thực phê phán nước ta.

Tác phẩm của Nguyên Hồng là một trong những hiện tượng trong sáng và tương đối thuần nhất của văn học hiện thực phê phán, ít bị pha tạp bởi những khuynh hướng tiêu cực đương thời. Cuộc đời của anh chủ yếu bắt rễ vào đời sống quần chúng và tắm trong ánh sáng của Đảng.

Mùa thu 1937, tại trụ sở chi nhánh báo *Thời thế* ở đường Cát Dài Hải Phòng, Nguyên Hồng đã sung sướng tìm đọc *Tuyên ngôn Cộng sản*, *Vấn đề dân cày*, *Ngục Kontum* và những tiểu thuyết của Gorki... Tại đây anh đã gặp những chính trị phạm ở Sơn La, Côn Lôn trở về và được giao công tác hoạt động trong tổ chuyên liên lạc với các học sinh, trí thức và viên chức.

Năm 1938, Nguyên Hồng sinh hoạt Đoàn Thanh niên dân chủ Đông Dương và viết trên báo *Thế giới* (*Đến cây số 13*), *Người mới* (*Nắng mới*, *Người cha già*) và *Mới* (*Những giọt sữa*, *Những mầm sống*, *Người đàn bà Tàu*). Các báo này có nhiệm vụ

vận động và giác ngộ thanh niên, hết sức quan tâm đến nhu cầu văn nghệ của lớp trẻ⁽¹⁾.

Những năm cao trào của thời kỳ Mặt trận Dân chủ đã có ảnh hưởng quyết định đối với cuộc đời Nguyên Hồng. Những tác phẩm đầu tay viết theo năng khiếu của anh, đầu sao cũng có cái vẻ *hồn nhiên* và đôi khi còn roi rớt những ảnh hưởng của chủ nghĩa lãng mạn và chủ nghĩa tự nhiên. Dần dần chất lượng hiện thực được nâng cao hơn và anh viết cũng có *ý thức* hơn. Anh hướng về những đề tài chính trị, về cuộc đời công nhân (*Bụi đen*, *Người đàn bà Tàu*), nông dân (*Đến cây số 13*) và những người lao động nghèo khổ bị áp bức (*Tù trẻ con*, *Tết của tù đàn bà*). Anh thức tỉnh tinh thần đấu tranh để tự giải phóng và gây cho bạn đọc một niềm tin lãng mạn cách mạng vào ngày mai (*Những mầm sống*). Nguyên Hồng cũng là người đầu tiên trong văn xuôi xây dựng những hình tượng phụ nữ công nhân đấu tranh rất dũng cảm, giàu tinh thần hữu ái giai cấp và tinh thần quốc tế vô sản. Với *Người đàn bà Tàu*, *Những giọt sữa*, *Những mầm sống*... Nguyên Hồng đã tiến gần lại văn học cách mạng, hay có thể nói, đã giao lưu với văn học cách mạng. Có thể coi đây là một đặc điểm của văn học hiện thực phê phán Việt Nam. Sau này thực tiễn văn học còn chứng minh rõ hơn là, bất cứ một nhà văn hiện thực phê phán chân chính nào cũng đều có chịu ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp những phong trào công nhân và phong trào yêu nước do Đảng lãnh đạo.

⁽¹⁾ Ban Biên tập báo *Thế giới* (1938) gồm Nguyễn Thường Khanh, Như Phong, Nguyên Hồng, báo *Mới* cũng gồm ba người trên, thêm Trần Minh Tước, Lưu Quý Kỳ (Thanh Vệ) và Lê Hy (Lã Vĩnh Lợi).

Đầu năm 1939 nội các Daladier lên cầm quyền ở Pháp. Lập tức các nhóm cộng sản công khai, báo chí tiến bộ bị đàn áp. Ngày 29-9-1939, Nguyên Hồng bị đế quốc Pháp xử tù ở Hải Phòng về tội truyền bá tư tưởng cộng sản và tàng trữ sách báo mao xít (chúng bắt được ở nhà anh cuốn *Tự chỉ trích* của Trí Cương - tức đồng chí Nguyễn Văn Cừ). Trong nhà tù Hải Phòng, Nguyên Hồng đã được gặp Tô Hiệu, Bùi Đình Đồng, Ngô Minh Loan... “Một lớp huấn luyện theo đề cương cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Tô Hiệu hướng dẫn đã mở liền một tháng ròng cho chúng tôi”⁽¹⁾. Chính nhờ những vốn sống quý báu đó mà sau này Nguyên Hồng có tài liệu viết *Lưới sắt* và *Lò lửa* cũng như những chương về Tô Hiệu trong *Sóng gầm*.

Tháng 6-1940, đế quốc Pháp, trước cuộc tấn công hung hãn của bọn phát xít Hitler đã tuyên bố Paris bỏ ngõ. Chính phủ Pétain phản động và phản bội Tổ quốc lên cầm quyền. Nguyên Hồng lại bị bắt và bị giải lên trại tập trung Bắc Mê, Hà Giang. Hàng ngày, cũng như những người tù chính trị khác, anh phải đi làm cỏ vê, gánh đá cùng với Xuân Thủy, Đinh Nhu, Trần Các⁽²⁾. Xuân Thủy là nhà thơ

(1) Hải Phòng với tác phẩm *Cửa biển* của tôi và tôi viết *Sóng gầm*. Văn nghệ số 12 - 1960, tr.46.

(2) “1937. Tôi học và hát bài *Cùng nhau đi Hồng binh* ở trên một gác xép phố đường Cát Dài, ngày đó, đồng chí Vũ Thiện Chân và Bùi Vũ Trụ đại diện báo Thời thế ở Hải Phòng dạy tôi.

1939, tôi hát và đi tuần hành trong đề lao Hải Phòng với bài *Cùng nhau đi Hồng binh* rồi lên cả trại giam Bắc Mê hát nữa và hát bên cạnh Đinh Nhu, cùng nhau khiêng đá gánh gạch”. (Nguyên Hồng. *Bài hát và tiếng đàn của Đinh Nhu* - Tạp chí Âm nhạc, số 3; 4-1978).

cộng sản. Đinh Nhu là người sáng tác bài hát *Cùng nhau đi Hồng binh*, còn Trần Các là tác giả truyện ngắn *Buổi gặp gỡ đầu tiên* mà sau này Nguyên Hồng cho in trong tập *Hai dòng sữa*. Những âm mưu thâm độc, những thủ đoạn tàn bạo của thực dân không thể nào khuất phục được ý chí và niềm tin sắt đá của những nhà văn yêu nước và cách mạng. Nguyên Hồng viết cả trưa, sau khi đi làm cỏ về về, cả tối khuya, trên một cái mặt hòm gỗ buro kiện với ngọn đèn dầu lạc. Tiểu thuyết *Xóm cháy* (phác thảo đầu tiên của *Sóng gấm*) viết được ba trăm trang thì bị bọn mật thám lấy mất. Nguyên Hồng ngờ ngẩn không biết là bao nhiêu lâu rồi anh lại cặm cụi viết những mẫu ngắn ngắn giả làm nhật ký thư. Đó là những chất liệu quý giúp anh sau này viết thành công *Cuộc sống*.

Hội nghị Thường vụ Trung ương ngày 25 tháng Hai năm 1943 đã ra nghị quyết về việc lập tổ chức Văn hóa Cứu quốc ở các đô thị lớn như Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Nguyên Hồng hoạt động trở lại trong tổ chức cách mạng từ mùa hè năm đó. “Cuộc họp đầu tiên của nhóm chúng tôi gồm có các đồng chí Vũ Quốc Uy, Tô Hoài, Như Phong và tôi ở trên sân thượng cái gác bếp nơi nhà trọ đồng chí Vũ Quốc Uy ở đường dốc xuống Ngũ Xã, một trong những địa điểm liên lạc của Văn hóa Cứu quốc”⁽¹⁾. Một ngày mùa rét năm 1943, Nguyên Hồng nhận được *Đề cương Văn hóa* của Đảng. Những phương châm của *Đề cương* là kim chỉ nam hành

⁽¹⁾ *Bước đường viết văn*, tr.257. Theo hồi ký *Một quãng đường* của Tô Hoài (*Tác phẩm mới* số 16 năm 1971) thì cuộc họp đầu tiên vào cuối mùa hè năm 1943.

động vô cùng quý giá cho anh em văn nghệ sĩ trong thời kỳ đen tối đó và cả những năm dài về sau.

Mùa đông năm đó, ngoài bãi Nghĩa Dũng sông Hồng, Nguyễn Hồng sửa chữa *Hơi thở tàn* và viết truyện ngắn *Lúc chiều xuống* cho báo *Thanh niên* số Tết của Huỳnh Tấn Phát ở Sài Gòn. *Hơi thở tàn*, *Miếng bánh*, *Ngọn lửa*, *Buổi chiều xám...* đã có những ảnh hưởng rõ rệt của Đề cương Văn hóa.

Dưới gong kìm kiểm duyệt của bọn phát xít, những tác phẩm của Nam Cao, Nguyễn Hồng, Tô Hoài... tuy không trực tiếp bóc trần những mâu thuẫn giai cấp đối kháng trong xã hội và ca ngợi tinh thần đấu tranh của quần chúng (như một số truyện và tiểu thuyết thời kỳ Mặt trận Dân chủ) nhưng cũng duy trì được một thái độ dám nhìn thẳng vào sự thật, thấy được cái không khí oi bức đông bão của một xã hội đang ngột thở, đang chuyển mình và chờ đợi, hy vọng ở ngày mai.

Từ sau 1940, nhất là từ khi tham gia tổ chức Văn hóa Cứu quốc bí mật, *tính chất luận chiến* nổi lên rất rõ rệt trong tác phẩm Nguyễn Hồng. Tiếng nói chính nghĩa của Đảng bị cấm hẳn trên báo chí công khai thì các nhà văn tiến bộ phải nói lên một phần nào sự thật trong tác phẩm của mình. Nguyễn Hồng phê phán gay gắt lối sống ích kỷ, cá nhân chủ nghĩa, chạy theo khoái lạc vật chất của một lớp thanh niên sa đọa trong đại chiến thế giới thứ hai, phê phán quan điểm sáng tác của các nhà văn lãng mạn thoát ly, đấu tranh cho lập trường của chủ nghĩa hiện thực, củng cố cho bạn đọc một niềm tin vào cuộc sống, vào tương lai.

Sau khi phát xít Nhật vào Đông Dương, dưới hai tầng áp bức của bọn thống trị, đời sống vật chất ngày càng khó khăn cùng quẫn, đời sống tinh thần thì bế tắc và bị đầu độc, nhiều thanh niên trí thức bị mất hẳn lý tưởng, ngày càng sa đọa về mặt nhân phẩm. Nguyên Hồng đã chứng minh cho bạn đọc thấy rằng: sự nghèo túng làm cho người ta đói khát, bệ rạc, nhưng sự từ bỏ nhân phẩm chạy theo đồng tiền, chạy theo cuộc sống hưởng thụ cá nhân cũng không bao giờ mang lại hạnh phúc. Đó chỉ là một kiểu tự sát dần dần, tự hủy hoại cuộc đời, tự mình lặn xuống dốc hoặc lao đầu vào vực thẳm. Đây là vấn đề đặt ra trong các tác phẩm *Vực thẳm*, *Miếng bánh*, *Ngọn lửa* của anh.

Tính chất luận chiến nổi bật nhất trong tuyên ngôn về nghệ thuật của Nguyên Hồng thời đó như *Cái bào thai* (Cuộc sống), *Hai dòng sữa*, *Một trưa nắng* (*Miếng bánh*), *Ngọn lửa*...

Những truyện như *Cái bào thai* và *Hai dòng sữa* đã phê phán gay gắt cái thứ văn chương và “âm nhạc phóng đảng, trụy lạc của những linh hồn ốm yếu, sống những cuộc đời chết mà vẫn tưởng là cao trọng, vẫn ca tụng thù dật bằng chữ vàng”, đã khẳng định một nền âm nhạc chân chính thấm đẫm mồ hôi nước mắt của quần chúng lao động. Có thể thấy khá rõ ảnh hưởng của Văn hóa Cứu quốc trong những lời kết luận sau đây của *Hai dòng sữa*:

“Không phải chỉ để riêng mình, mà âm nhạc nảy lên còn để cho đoàn thể. Đó là cái âm nhạc đã tiêu biểu những đặc sắc của một dĩ vãng bất hủ, một sức sống bất diệt của một dân tộc trên những chặng đường lịch sử, nguy nan, tối tăm,

một làn sinh khí bốc trên những mặt đất đầm mồ hôi nước mắt của đám dân ấy... Đòi Huyền bắt vào đời họ như rễ cây to bám riết lấy lòng đất, càng lâu bao nhiêu càng vững chắc bấy nhiêu, nảy nở bấy nhiêu với những màu mỡ không bao giờ cạn”.

Ánh sáng của *Đề cương Văn hóa 1943* với ba phương châm Dân tộc, Khoa học, Đại chúng ngày càng được thể hiện rõ hơn trong các truyện *Một trưa nắng*, *Giọt máu*, *Ngọn lửa*, *Buổi chiều xám*...

Nguyễn Hồng đã viết *Một trưa nắng* vào lúc tổ chức Văn hóa Cứu quốc đã đông anh em, đồng chí. Cũng giống như *Ngọn lửa*, *Hai dòng sữa*, đây là loại truyện ngắn có luận đề. Một buổi trưa, ta chứng kiến cái cảnh một nhà văn nghèo khổ, một người đàn bà buôn thúng bán mẹt, một người thợ thất nghiệp, một ông già kéo xe lê từng bước một uể oải trên con đường tỉnh, “dưới thác lửa ngàn ngụt chói lòa của mặt trời”. Văn học có trách nhiệm viết về sự thật, về những con người lam lũ, thất nghiệp ấy, có nhiệm vụ tố cáo cái xã hội tù túng, ngột ngạt ở dưới ách phát xít - cái xã hội được miêu tả tượng trưng bằng hình ảnh một trưa nắng lóa hằm hập, “một biển lửa mênh mông” đang thiêu đốt hàng triệu con người! Nền văn học hiện thực chân chính đó phải nói lên được “những đau buồn, thương xót, mừng vui, khao khát, mong ước và tin tưởng” của đại chúng. Và không chỉ có đập phá tố cáo, nó còn phải “tìm thấy con đường, một chân trời êm mát tốt tươi qua những ngày mưa đầu nắng lửa” (*Một trưa nắng*).

Ta thấy rõ ở đây có những dấu hiệu muốn vượt qua khuôn khổ của chủ nghĩa hiện thực phê phán. Chủ nghĩa hiện thực bắt đầu có khuynh hướng muốn kết hợp với những màu sắc của chủ nghĩa lãng mạn. Không phải cái lãng mạn ủy mị, rên xiết, “tìm cái quên, cái an ủi giữa những đau khổ” mà là những niềm tin lãng mạn cách mạng vào thắng lợi của ngày mai (*Ngọn lửa*).

Trước *Ngọn lửa*, trong tác phẩm *Hơi thở tàn*, Nguyên Hồng cũng viết: “Tương lai! Tương lai! Những người đau khổ đã hết sức chiến đấu thế nào cũng giành được tương lai”...

Ngọn lửa gần như tổng kết lại những vấn đề “luận chiến” đã được nêu trước đây trong *Vực thẳm*, *Hai dòng sữa*, *Hơi thở tàn*, *Miếng bánh*. Truyện vừa này được in ở nhà xuất bản Mới của một đồng chí trong Văn hóa Cứu quốc. Cũng ở cơ quan của nhà xuất bản này ở đường Bờ sông Hà Nội, tháng 5-1945, Nguyên Hồng ngồi viết truyện *Buổi chiều xám* để chuẩn bị cho tạp chí *Tiên phong* của Văn hóa Cứu quốc. Những ngày đó Hà Nội như một ngọn núi lửa âm ỉ rần rật, nung nấu cái không khí tiền khởi nghĩa. Những tin chiến thắng của Hồng quân Liên Xô, của các đơn vị giải phóng ở căn cứ địa Cao Bắc Lạng đồn dập bay về Hà Nội và các tỉnh đồng bằng.

Chính cái không khí sôi nổi đó, những điều kiện thuận lợi đó đã làm cho Nguyên Hồng “tung hoành ngọn bút như chưa bao giờ được như thế”⁽¹⁾. Anh lớn tiếng lên án cuộc chiến tranh bẩn thỉu của bọn phát xít, cuộc chiến tranh phi

⁽¹⁾ *Bước đường viết văn*, tr.274.

nghĩa đó đã khiến hàng vạn người dân lao động lương thiện bị biến thành “bia thịt, những máy bắn chém người không tiếc tay, giày xéo lên xác chết để làm giàu cho một lũ lái súng, khát vàng và máu”. Lần đầu tiên, ngòi bút Nguyên Hồng đã kích trực diện vào bọn đế quốc Nhật Pháp, kêu gọi quần chúng đứng dậy khởi nghĩa:

“Sự khốn nạn đã đến tột cùng rồi! Đi bắn giết người, đi cướp đất người, đi bóc lột của cải vợ vét thóc gạo trong khi mùa màng mất và sự đói kém tàn hại hàng triệu sinh linh, chưa đủ, lại còn hãm hiếp đàn bà một cách công nhiên nữa. A! Đồng bào Xan! Hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Xan còn phải đợi những điều kiện nào mới vùng dậy, đập tan những thống khổ?”.

Sau khi Đảng Cộng sản Đông Dương rút lui vào bí mật và bọn đế quốc tăng cường chính sách đàn áp khủng bố kiểu phát xít, văn học hiện thực phê phán đã có sự phân hóa. Một bộ phận rơi vào khuynh hướng lãng mạn bảo thủ hoặc tự nhiên chủ nghĩa, nhưng điều may mắn là đại bộ phận các nhà văn hiện thực phê phán (Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Kim Lân) đã tham gia tổ chức Văn hóa Cứu quốc bí mật. Chính nơi đây đã diễn ra sự giao lưu giữa văn học hiện thực phê phán và văn học cách mạng. Đảng đã chuẩn bị cho các nhà văn hiện thực phê phán những điều kiện thuận lợi để sau Cách mạng tháng Tám có thể dần dần chuyển sang chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa.

*

* *

Bỉ vỏ và Cửa biển là hai cái mốc lớn về tiểu thuyết của Nguyên Hồng. Một bên là tác phẩm hiện thực phê phán, với những tình cảm yêu thương dào dạt, với những khát vọng trong trắng, hồn nhiên của mỗi tình đầu đến với nghệ thuật; một bên là bộ tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa bốn tập đầu tiên ở nước ta, với một trận đánh hai ngàn trang kéo dài ròng rã mười sáu năm trời! Thông qua bộ tiểu thuyết *Cửa biển* của Nguyên Hồng cũng như tác phẩm của một số nhà văn lớn trước, chúng ta có thể rút ra những vấn đề lý luận trong quá trình chuyển hóa về thế giới quan, phương pháp sáng tác và phong cách nghệ thuật của các nhà văn từ chủ nghĩa hiện thực phê phán chuyển sang chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, những bài học kinh nghiệm khi viết về đề tài xã hội cũ, những yêu cầu nghệ thuật khi xây dựng những bộ tiểu thuyết ít nhiều có tính chất sử thi, có dung lượng lớn và sức mạnh tổng hợp, bao quát được nhiều thời kỳ lịch sử.

Từ bản thảo đầu tiên viết về Xóm Cháy đến lúc *Sóng gấm* ra đời vừa tròn hai mươi năm!

Không có sự gấn bó lâu dài với một vùng quê hương và chuẩn bị, thai nghén từ nhiều năm, không thể có một bộ tiểu thuyết lớn. *Cửa biển* là sự kết tinh cao độ toàn bộ vốn sống, toàn bộ các loại nhân vật quen thuộc trước kia cũng như hiện nay của Nguyên Hồng, hay nói cho đúng hơn, đó là sự tổng hợp, bổ sung, nâng cao trên cơ sở một thế giới quan mới, một phương pháp sáng tác mới.

Bản chất tổng hợp cũng là một đặc trưng của phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa hiện thực xã hội

chủ nghĩa có khả năng kế thừa toàn bộ tinh hoa của nghệ thuật nhân loại và tổng hợp lại thành một chất lượng nghệ thuật hoàn toàn mới.

Bây giờ chúng ta đã có thể xây dựng được một nền thi ca hoàn chỉnh, tổng hợp được những chất liệu thẩm mỹ khác nhau mà trước đây đứng riêng rẽ bên cạnh nhau, như hiện thực và lãng mạn, trữ tình và anh hùng ca, cảm xúc và trí tuệ, dân tộc và hiện đại. *Cửa biển* của Nguyên Hồng, *Vỡ bờ* của Nguyễn Đình Thi... là một bước tổng hợp mới của nghệ thuật tiểu thuyết.

Trước hết đó là sự tổng hợp đầu tiên giữa các yếu tố *sử thi*, *kịch* và *trữ tình*. Nhiều tác phẩm của Nguyên Hồng trước 1945 mang đầy những yếu tố bi kịch (*Bỉ vỏ*; *Người con gái*; *Giọt máu*; *Đây*; *bóng tôi*) và đậm đà chất trữ tình lãng mạn (*Cuộc sống*, *Những ngày thơ ấu*). Nhưng phải đến độ *Cửa biển* thì tiểu thuyết Nguyên Hồng mới có quy mô sử thi, bao quát được những thời kỳ lịch sử quan trọng với hàng loạt sự kiện và biến cố, với một khối lượng nhân vật đông đảo đi về hoạt động trong những môi trường, những hoàn cảnh rộng lớn.

Cửa biển có cái không khí của một ngày hội lớn. Các nhân vật đủ các loại, các kiểu đều về đây họp mặt, có thể đáng vóc, y phục, tính nết, số phận đã thay đổi ít nhiều, nhưng vẫn là những con người khá quen thuộc với chúng ta. Vẫn một bà mẹ ngoan đạo, gầy yếu và hen suyễn, sống chịu đựng, nhẫn nhục và tần tảo nuôi con; một thanh niên tiểu tư sản thất nghiệp nhưng nhiều mặc cảm và sĩ diện; những dân anh chị ở cái xóm Cấm, xóm Chợ con, ngõ Hàng

Gà đầy rác rưởi và ngập máu... Cũng vẫn những người đàn bà lam lũ khuôn vác, đội than Sáu Kho, những thợ đá ở nhà máy Ximăng và phong trào công nhân rầm rộ, sôi nổi những năm 1936-1939. Vẫn trở lại cái cảnh phố Hạ Lý với những gái nhà chứa, cảnh vườn hoa Đưa người với mấy con mụ chuyên làm nghề dắt díu những “com thầy com cô”; vẫn cái lạnh lùng tàn nhẫn của những thành phố lớn buôn bán, lừa lọc, cạnh tranh...

Nhiều nhân vật đã được thai nghén từ trước hoặc xuất hiện dưới dạng những phác thảo, đến tập *Cửa biển* mới được tổng hợp thành một chất lượng nghệ thuật mới. Một số nhân vật ta làm quen lần đầu nhưng thực ra đã được tác giả thai nghén từ lâu. Tất nhiên không chỉ có các nhân vật cũ, nhiều nhân vật mới đã xuất hiện góp phần hoàn chỉnh thêm bức tranh toàn cảnh của xã hội Việt Nam trong những thời kỳ lịch sử quan trọng từ cao trào Mặt trận Dân chủ cho đến Cách mạng tháng Tám.

Trước đây, tác phẩm của Nguyên Hồng thường chỉ là *truyện* của một người. Các nhân vật đó lại thường đi về hoạt động trong một môi trường hẹp, một hoàn cảnh có tính chất phong bế (một gia đình, một ngõ hẻm ở thành phố, một góc chợ ở làng quê, một thị trấn nhỏ ở ngoại ô...). Giờ đây, phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa không cho phép chỉ miêu tả nhân vật bịt bùng trong một hoàn cảnh tù đọng mà phải tạo điều kiện cho nhân vật tiếp xúc với hoàn cảnh xã hội rộng lớn, thả mình trong dòng sông bao la cuồn cuộn của lịch sử, của thời đại. Trong thế kỷ

chúng ta, vận mệnh một cá nhân gắn liền chặt chẽ với vận mệnh của dân tộc, với những biến cố lịch sử lớn lao. Đặc điểm đó đòi hỏi các nhà tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa phải tiến đến một sự thống nhất biện chứng giữa hoàn cảnh rộng và hoàn cảnh hẹp, giữa hoàn cảnh xã hội rộng lớn và hoàn cảnh sinh hoạt cụ thể, riêng biệt của từng cá nhân trong hoàn cảnh điển hình.

Phương pháp sáng tác mới tạo điều kiện cho Nguyên Hồng khái quát, tổng hợp một vốn sống từ nhiều mặt, cho phép mở ra những hoàn cảnh rộng với nhiều thành phố (Hải Phòng, Hà Nội, Nam Định), nhà tù, trại giam (đề lao Hải Phòng, trại tập trung Bắc Mê) và đôi lúc Nguyên Hồng còn lướt nhanh ống kính qua gần hết các vùng rừng núi, nông thôn miền Bắc hoặc các hầm mỏ (Tràng Bạch, Mạo Khê, Bí Chợ, Vàng Danh...) để ghi lấy những cảnh khổ điển hình của con người Việt Nam trong thời kỳ Nhật Pháp thống trị. Có lẽ trong thời gian sáng tác, Nguyên Hồng đã nhiều lần bị cám dỗ bởi cái ý định muốn mở rộng tầm bao quát sử thi của tiểu thuyết, mở rộng khuôn khổ của *những tài liệu thực tế* và lịch sử. Bộ tiểu thuyết *Cửa biển* đã phát huy được tất cả những mặt mạnh trước đây của Nguyên Hồng. Nhưng văn học hiện thực phê phán ở nước ta có những hạn chế nhất định do thể giới quan và phương pháp sáng tác của nhà văn, do điều kiện phát triển công khai ở một nước thuộc địa. Tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa cần phải viết về các thời kỳ của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ từ khi Đảng ta thành lập cho đến cuộc Tổng khởi nghĩa mùa thu trong cả nước, cần phải có nhiệm vụ *nâng cao* và *bổ sung* cho tiểu

thuyết hiện thực phê phán, đặc biệt là mảng đả kích vào bọn đế quốc và bè lũ tay sai, miêu tả phong trào cách mạng của quần chúng.

Cứ trở về tầng lớp dân nghèo thành phố là ngòi bút của Nguyên Hồng sinh động hẳn lên, như trở về một lớp người quen thuộc, nặng nhiều ân nghĩa. Từ cách miêu tả chuyện làm ăn sinh sống đến những suy nghĩ tâm tình, lời ăn tiếng nói của những người dân nghèo đều hết sức nhuần nhị, khác hẳn khi anh nói về bọn giàu có bóc lột và lũ thực dân. Mỗi người dân nghèo đều có một tiểu sử riêng, một lý lịch riêng, một cách hành động và phản ứng riêng.

Trong bộ tiểu thuyết *Cửa biển*, Nguyên Hồng vẫn tiếp tục sử dụng cái bút pháp quen thuộc ở một số truyện trước Cách mạng tháng Tám. Những tấn bi kịch của tầng lớp dân nghèo diễn ra ngày càng dữ dội hơn, đau đớn hơn trong suốt hai tập *Sóng gầm* và *Cơn bão đã đến*. Bắt đầu là cái cảnh nhân vật Thanh, sau hàng tháng trời lang thang đi kiếm việc làm nhưng vẫn không có một tia hy vọng, định thắt cổ tự tử cho thoát nợ đời (chương bốn, *Sóng gầm*). Sang chương sáu, không khí xóm Cấm càng nặng nề, khó thở hơn sau chuyện ông Dâng cắn lưỡi tự tử trong xà lim, uất ức vì bị mật thám Tây câu vu oan là ăn cắp hàng ở Sáu Kho! Kết thúc chương tám, bi kịch lên cao độ: lão La bị vợ đánh què chân, gia đình tan nát, chồng chết, vợ đi tù, con cái bơ vơ lưu lạc... Những tấn bi kịch diễn ra dồn dập ngay trong cùng một khu nhà của những người dân nghèo xóm Cấm, cứ như là một thứ định mệnh trùm lên số phận rủi ro của họ.

Nếu như ở tập một của bộ tiểu thuyết, xung đột diễn ra giữa con người với hoàn cảnh, với những thứ gọi là tai ương nghiệp chướng thì sang tập hai, những “con bão” dữ dội, những bi kịch chủ yếu lại thể hiện thành những xung đột nội tâm của các nhân vật trong từng lớp dân nghèo thành thị. Sau ngày ở tù ra, Thanh hoang mang dao động, chạy trốn phong trào, tìm sự ru ngủ ở tôn giáo, sống những ngày xót xa, dằn vặt, sống mà như đã chết từ lâu.

Sau đó là đến cái chết đau đớn, vật vã của Gái đen, người con gái cả tin, mê say và liều lĩnh, đã bị lừa dối, phản bội, bị đem bán. Rồi đến chương mẹ La suy tính lao lung, quyết tâm vượt qua nhà ngục của đế quốc phong kiến lẫn nhà tù của thần quyền ngay trong bản thân mình, để tìm con đường sống. Người đàn bà trốn tù đó luôn rừng, băng đồng tìm về thành phố quê hương, chết đi sống lại mấy lần, chân bước giữa Hải Phòng mà như là một hồn ma dám đi giữa ban ngày, một “hồn ma bóng quỷ thoát khỏi âm ti địa ngục, trở về dương gian mà làm người”. Trong cơn bão táp cách mạng, các nhân vật của Nguyên Hồng sẽ mất đi cái vẻ bình thường bên ngoài, sẽ thay da đổi thịt, chuyển biến dữ dội theo chiều hướng đi lên quyết liệt của cuộc sống.

Tiểu thuyết *Cửa biển* có một sức tố cáo mạnh mẽ khi ngòi bút của tác giả tập trung miêu tả tấn bi kịch của những gia đình dân nghèo bị phá sản, bần cùng hóa và lưu manh hóa. So với trước cách mạng, những trang viết của Nguyên Hồng giờ đây giàu chất trí tuệ hơn. Thế giới quan mới, phương pháp sáng tác mới giúp anh lý giải một cách sâu sắc quy luật

bần cùng hóa và tha hóa con người của xã hội tư sản. Cũng vẫn miêu tả những tấn bi kịch ấy của tầng lớp dân nghèo, nhưng anh có ý thức rõ rệt hơn về sự cô đơn tro bụi của con người và nỗi lo sợ bị đe dọa tứ bề bởi những sức mạnh và guồng máy vô hình ở các thành phố tư sản. Cái mới của ngòi bút hiện thực xã hội chủ nghĩa là giờ đây Nguyên Hồng không chỉ miêu tả cái sức mạnh độc ác, tàn nhẫn đã lạnh lùng xô đẩy bao nhiêu người vào vực thẳm, mà còn có ý thức thể hiện quá trình những người cán bộ cách mạng, những người dân nghèo lương thiện đang chống lại sự tha hóa và sự bần cùng hóa nghiệt ngã đó của xã hội thực dân phong kiến. Tiểu thuyết *Cửa biển* miêu tả những người dân nghèo đã bị cái xã hội cũ bóc lột làm cho bế tắc, cùng quẫn rồi đâm ra phản ứng liều lĩnh, cắn xé nhau như gia đình mẹ La, làm cho sống mòn và chết mòn theo nhiều dạng khác nhau như Thanh, Thái Trang, Trần Văn, làm cho mù mịt đi rồi biến thành một loại đây tớ nhẩn nhục, trung thành như Ký Thái, làm cho ngổ ngân đi trong một cuộc sống bản năng gần như cây cỏ kiêu Kêu... Những hiện tượng đau xót trên đây đều sao cũng là một thực trạng xã hội. Nhưng chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa đòi hỏi nhà tiểu thuyết phải miêu tả hiện thực trong quá trình phát triển cách mạng. Nguyên Hồng sẽ lần lượt đưa các nhân vật tắm vào dòng sông lớn của lịch sử, miêu tả cái hiện thực con người hướng về cách mạng, ý thức cách mạng dần dần nảy nở trong lòng quần chúng lao khổ. Cách mạng đến làm rạng rỡ lên những khuôn mặt lâu nay dường như tắt hẳn ánh sáng của trí tuệ, làm cho cuộc sống của họ có ý nghĩa hơn, đáng sống hơn, chứa chan hy vọng về tương

lai. Mẹ La tưởng đã thành ma bệnh, ma đói ở đường ngược Hà Giang, hay chết dần chết mòn ở cái đáy vực sâu thẳm của khách sạn Thiên Tân, nhờ gặp ánh sáng cách mạng mà tìm ra con đường sống. Ký Thái trở thành một cơ sở bí mật trong nội thành. Ánh sáng của lương tâm và nhân phẩm vụt lóe lên, đánh thức dậy một cái máy phục tòng đã gần như ngưng mất trí. Từ bỏ nhà Đức Sinh ra đi rồi gặp được Dâng và những cán bộ cách mạng, Khòa mới biết là mình đang sống, giờ đây mình mới thực sự làm người, thực sự có một cuộc đời riêng.

Những trí thức văn nghệ như Thái Trang, Trần Văn đắm mình trong cái tháp ngà của chủ nghĩa lãng mạn, chủ nghĩa tượng trưng và các trường phái hiện đại chủ nghĩa khác, buông thả theo một cuộc sống phóng đảng kiểu những kẻ giang hồ lạc phách. Nhưng thực ra tâm hồn của họ vẫn day dứt một nỗi xót xa quằn quại trước cảnh nước mất nhà tan, đồng bào đói khổ, vẫn khao khát một cuộc sống tinh thần cao cả, thoát ra ngoài mọi sự ô trọc, bất công của xã hội kim tiền lúc bấy giờ. Với những kinh nghiệm hoạt động thời Văn hóa Cứu quốc bí mật, Nguyễn Hồng đã chỉ ra một cách đúng đắn cái tâm sự yêu nước thầm kín và nỗi xót xa, quằn quại của đám nghệ sĩ “vong quốc nô” lúc bấy giờ. Điều đáng tiếc là tác giả không tập trung miêu tả lớp văn nghệ sĩ mà anh quen thuộc như Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao, Tô Hoài... mà lại chạy theo lớp văn nghệ sĩ lãng mạn hoặc suy đồi, nên đôi khi ta có cảm tưởng ngòi bút nhà văn chưa thật thuần thực khi viết về họ.

So với một số nhà văn lớp trước, Nguyễn Hồng có nhiều điều kiện thuận lợi hơn để miêu tả phong trào cách mạng. Tuy nhiên từ 1946 trở về trước, lý tưởng cách mạng chỉ mới hiện ra dưới dạng những cảm xúc trữ tình, những khát vọng lãng mạn (*Cuộc sống, Những mầm sống*), hoặc đôi khi dưới dạng những bức tranh ghi chép, những phác thảo vội vàng (*Người đàn bà Tàu, Lưới sắt, Lò lửa, Địa ngục*). Giờ đây trong tiểu thuyết *Cửa biển*, toàn cảnh phong trào cách mạng mới hiện ra với những chi tiết chân thực, những đường nét tạo hình, những nhân vật sống động, đậm đà tính lý tưởng.

Nguyễn Hồng đã dựng lại được cái không khí của phong trào Mặt trận Dân chủ: những cuộc đình công sôi nổi ở Máy tơ, Xi măng, Sáu Kho, cuộc biểu tình rầm rộ hơn hai vạn người dự ở Đấu Xảo Hà Nội ngày 1-5-1938, những hoạt động của các hội Ái hữu thợ thuyền, của các chiến sĩ cộng sản ở tòa báo *Thời thế*, trụ sở công khai của Mặt trận Dân chủ Hải Phòng...

Đặc biệt tiểu thuyết *Cửa biển* đã tập trung lên án chế độ nhà tù đế quốc (nhà tù Côn Đảo, Hải Phòng, trại tập trung Bắc Mê) tố cáo những phản ứng lồng lộn điên cuồng, những thủ đoạn tra tấn, giết người dã man của bọn mật thám và cai ngục đối với tù chính trị. Không có những năm đi tù ở Bắc Mê, không miêu tả được chi tiết và sinh động đến như thế trại tù đàn bà ở Hà Giang, đêm đến “thăm thẳm như chết... hun hút như một hang sâu, một nhà mồ” và cứ mỗi sáng, mùi hôi thối xông lên nồng nặc - cái mùi đặc biệt giông giống nhau ở các lán mộ phụ, nhà thương

làm phúc hay cầu chợ bỏ hoang chứa ăn mày... Không phải là người trong cuộc không thể phân biệt được rõ đến như thế tiếng lê xiềng của những người tù cò vè bị cai ngục xua đi làm khổ sai ở bên ngoài lúc trời còn tối đất. “Có những tiếng kéo lê sên sệt, xào xạo của những người đi không được. Có tiếng xiềng đôi kin kít choang choang với những người khổ sai chung thân đã đi quen và phải đi vội, đi nhanh. Có tiếng xiềng lúc chập, lúc giằng của người tù thọt và tiếng rùng rùng của người tù bị chứng phong, cứ mỗi bước lại đứng lại, tay chân mặt mũi co giật nhúm”. Không có những năm tháng bị bắt ở đề lao Hải Phòng, ở cùng xà lim với Tô Hiệu và dự lớp huấn luyện do Tô Hiệu mở, Nguyễn Hồng không thể có được những trang sâu sắc tố cáo những thủ đoạn tra tấn dã man và mua chuộc nham hiểm của bọn mật thám Tây cầu, Môê đối với Tô gày, vợ chồng Sấm và ca ngợi tấm gương anh dũng tuyệt vời của những chiến sĩ cộng sản, bị tra tấn ròng rã bốn hôm ròng, bị lộn mề gà nôn ra hàng bát máu, bị đánh sẩy thai, hóa điên, nhưng vẫn không khai báo một lời về tổ chức của Thành ủy, về các cơ sở quần chúng của Đảng. Tiểu thuyết *Cửa biển* đã xây dựng được một hình tượng đậm nét về Tô Hiệu từ trước đến nay trong văn xuôi. Cái phẩm chất nổi bật lên trong hình tượng những người cộng sản như Tô Chấn là lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, tinh thần hy sinh cao độ, làm việc quên mình vì quần chúng, vì phong trào cách mạng. Trong *Cơn bão đã đến* Nguyễn Hồng đã cố gắng nâng ngòi bút của mình lên cho xứng đáng với tầm của Tô Hiệu, người chiến sĩ Cộng sản mà anh yêu mến...

Mấy chương kết thúc viết về cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Hà Nội và Hải Phòng còn sơ lược, chưa đáp ứng được kỳ vọng của bạn đọc đối với những bộ tiểu thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa đầu tiên viết về Cách mạng tháng Tám. Nhìn chung Nguyên Hồng chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tính cách và sự kiện, chưa trình bày được tác động sâu sắc của các sự kiện lịch sử vào tâm lý nhân vật và miêu tả họ lớn lên, trưởng thành ra sao khi tắm trong dòng sông lớn của lịch sử.

Trong tác phẩm Nguyên Hồng, hình ảnh bọn thống trị lớp trên thường đẹp đẽ, lộng lẫy, lịch sự, còn bọn tay chân (như lão Quí, đội Nhị, Ba Lẻ, Tú Mông tú xuyết...) thì ngoại hình rất xấu đi đôi với một thứ ngôn ngữ, cử chỉ bần tiện, trăng tráo kiểu dở ma cô ma cậu, dở mặt thám. Tả lớp trên thì có nét xa lạ, choáng ngợp nhưng đối với bọn tay chân lớp dưới, trực tiếp đụng độ với những người dân nghèo thì nhà văn thù ghét, khinh bỉ ra mặt; ngòi bút tố cáo của tác giả ở đây tỏ ra sắc sảo hơn, hiện thực hơn.

Những nhân vật phụ được cá thể hóa khá rõ nét, có tâm lý riêng, lý lịch riêng, có kiểu suy nghĩ và hành động riêng như Lê Thị Thảo Minh, Tây cậu, Tú Mông tú xuyết... là một mảng bổ sung khá quan trọng cho những Thi San, Giáng Hương đã bị lãng mạn hóa. Đáng chú ý nhất là hình ảnh Tú, gã quý tử nhà cổ bà Đức Sinh có khuôn mặt bặm bải, gian xảo và cặp mắt “nhoi nhói như một thứ mắt rắn”, mới phát lên sau đảo chính Nhật. Cái xã hội Tây Nhật nhớ nhãng, cái thời kỳ đen tối đã sản sinh ra một con quỷ. Con

quỷ đó sẽ nhân cái lúc “giời làm một trận lãng nhãng, ông hóa ra thẳng, thẳng hóa ra ông”, nhân cái cảnh đổi đời lên voi xuống chó mà phát lên và nó sẽ phá phách ghê gớm. Tú dựa vào thế Nhật, cầm cờ vàng của hăng Tân Đông Á, giết cả nhà Đồ Vanhxi và tên vô lại bỗng chốc trở thành thủ lĩnh đảng Đại Việt ở Hải Phòng, miền duyên hải. Tự bản thân giai cấp thống trị sẽ cắn xé nhau, tiêu diệt lẫn nhau đúng vào lúc nội bộ chúng mâu thuẫn khủng hoảng trầm trọng. Đó cũng là một quy luật.

Tuy còn có những hạn chế nhất định, tiểu thuyết *Cửa biển* đã dựng lên được những hình ảnh mang ý nghĩa tố cáo giai cấp thống trị nhất là bọn thống trị lớp dưới (mảng này trong các tác phẩm của Nguyên Hồng trước 1945 còn rất mờ nhạt). Ngôi bút của anh giờ đây mang tính chiến đấu mạnh mẽ hơn trước. Tuy nhiên trước sau, Nguyên Hồng vẫn giữ được cái chất đôn hậu của một ngôi bút nhân đạo chủ nghĩa.

Phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng giờ đây giàu có, phong phú hơn trước nhưng nhìn chung vẫn là một phong cách hiện thực giàu chất lãng mạn cách mạng và chất trữ tình say đắm.

Tiểu thuyết *Cửa biển* đã cố gắng dựng lên một bức tranh hiện thực có tầm bao quát sử thi với những xung đột xã hội gay gắt căng thẳng, với những đường nét tạo hình trần trụi, khách quan. Trong tiểu thuyết đôi khi ta bắt gặp một lối miêu tả lạnh lùng dường như cố ý để cho sự việc tự nói lên cái đau xót, tàn nhẫn. Ngôn ngữ trần thuật ở đây mang tính chính xác, một thứ ngôn ngữ “trung tính” dường như tước

bỏ khỏi bất cứ sự tô màu mỹ học lộ liễu nào. Nhưng không phải lúc nào Nguyên Hồng cũng giữ cái bút pháp hiện thực tỉnh táo. Có lúc nhà văn như bay lên trong một sự tưởng tượng phóng túng, một cảm hứng lãng mạn, cứ y như một cái gì đang tỏa ra cuồn cuộn từ bên trong tâm hồn đang say sưa và xúc động. Những lúc đó ngôn ngữ miêu tả của anh đầy màu sắc và cảm xúc, sử dụng rất nhiều những biện pháp tu từ và phép chuyển nghĩa, có khi viện đến cả sự lý tưởng hóa của chủ nghĩa lãng mạn.

Tác phẩm của Nguyên Hồng có một chất say. Không tâm huyết, không say làm sao người đọc say theo mình được. Chất men say lãng mạn là cần thiết và là một mặt mạnh của Nguyên Hồng; nhưng trong một số trường hợp anh phải để cho nhân vật trầm hơn, lắng xuống hơn, tự họ bộc lộ chứ không phải đang say sưa nghiêng ngả trong một cơn xúc động, một sự hưng phấn cao độ của nhà văn. Những lúc đó, Nguyên Hồng thường gán cái chủ quan của mình cho nhân vật. Anh đã nhập thân vào đối tượng miêu tả nhưng không lùi lại một khoảng cách để tỉnh táo nhận rõ đường đi nước bước của nhân vật.

Tiểu thuyết *Cửa biển* mang đậm đà màu sắc dân tộc. Nguyên Hồng đã cố ghi lại những gương mặt của con người Việt Nam trong một thời kỳ lịch sử. Theo anh, nhà văn phải sáng tạo nên những nhân vật độc đáo của riêng mình. Mật thám Tây cậu không giống một tên mật thám nào trước đây. Khòà cũng là một nhân vật độc đáo, gần gũi với những nhân vật của Kim Lân. Khòà xuất hiện ở đầu quyển một và mẹ La

xuất hiện ở đầu quyển hai. Đó là những nhân vật được tác giả trù mến, như một thứ bạn rất lạ, rất mê, trên đời có một không hai.

Mẹ La, mẹ Nghĩa đều có những nét cá thể hóa không lẫn vào đâu được. Hồi ký cách mạng và tiểu thuyết của ta đã nói tới những trường hợp các lãnh tụ và chiến sĩ cộng sản vượt ngục. Lần này Nguyên Hồng để cho một bà mẹ u u minh minh vượt nhà tù đế quốc lẫn nhà tù thần quyền ngay trong lòng mình. Ở các nhân vật khác, Nguyên Hồng cũng cố gắng khai thác mỗi nhân vật một nét riêng: cái xù xì, trầm lắng của cụ Cam, nét dữ dội của Gái đen, chất thơ của cụ Ước, tính thú vật ở Tây cậu, tính bản thiện hồn nhiên ở Khòa...

Những nhân vật dân nghèo ở Nguyên Hồng mang nếp suy nghĩ tình cảm quen thuộc, vốn đã thành truyền thống trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam. Những vấn đề đạo đức khí tiết, tình nghĩa thủy chung, đền ơn báo oán... đã ăn sâu vào nếp suy nghĩ của các nhân vật mang đậm đà màu sắc dân tộc của anh. Nhìn chung, *Cửa biển* là một sự khát khao về nhân phẩm, về hạnh phúc, về ánh sáng, là một niềm tin về sự tất thắng của chính nghĩa, của cách mạng, của những người lao động nghèo, lương thiện.

Tiểu thuyết *Cửa biển* chưa thật sự mang tính dân tộc hiện đại. Một số nhân vật mang những vấn đề đạo đức khí tiết, tình nghĩa chung thủy gần với truyền thống. Tuy nhiên cái vấn đề chung của toàn tác phẩm, tư tưởng chủ đề của toàn bộ tiểu thuyết thì lại chưa thật rõ. Mà kết cấu của những

bộ tiểu thuyết hiện đại nhiều tập, nhiều tuyến, nhiều bình diện đan chéo nhau lại thường dựa trên tư tưởng - chủ đề lớn, ít khi dựa vào trình tự thời gian như tiểu thuyết chương hồi hay dựa vào cuộc đời của một nhân vật như kiểu *Tắt đèn*, *Bước đường cùng*... trước Cách mạng tháng Tám. Do đó sự gắn bó với nhau giữa các tuyến nhân vật, các tuyến cốt truyện trong kết cấu tiểu thuyết *Cửa biển* chưa thật chặt chẽ.

Đọc tiểu thuyết Nguyên Hồng, người ta thường có cảm giác hơi nặng nề. Đó là do lối miêu tả quá rườm rà, chi tiết về ngoại cảnh, do một số nhân vật bị cường điệu về mặt tình cảm hoặc bị chìm đi trong những hồi ức lan man về quá khứ. Nhà văn muốn dựng lại nhiều khuôn mặt, dáng vóc của những kiểu người trong một thời kỳ lịch sử. Với một lối miêu tả chi tiết, rậm rạp, với một mạch truyện phát triển chậm và bằng phẳng, anh muốn tái hiện lại những hoàn cảnh môi trường rộng lớn, những phong tục sinh hoạt của một thời đại.

Nhưng phản ánh một xã hội, một thời kỳ lịch sử, các nhà tiểu thuyết đã vận dụng nhiều biện pháp: dựng một quy mô rộng với nhiều hoàn cảnh môi trường, nhiều kiểu người như Balzac, đi sâu vào tâm lý như Flaubert, hoặc kết hợp quy mô sử thi với chiều sâu tâm lý như Tolstoi hoặc cô đúc trong từng mảng tinh chế rồi từ đó khái quát lên như Kafka. Trãi ra trên một bề rộng sử thi, đi vào chiều sâu tâm lý, lên cao phóng tầm mắt nhìn toàn cảnh để đưa ra một cái nhìn khái quát tổng hợp có tính chất trí tuệ, triết học... đều là những cố gắng muốn nắm bắt bản chất của hiện thực. Tiểu

thuyết hiện thực xã hội chủ nghĩa của chúng ta phải chẳng có thể tổng hợp cả ba cách nhìn như thế để phản ánh hiện thực phong phú, phức tạp của thời đại mới.

*

* *

Đã mấy chục năm nay, một ngày làm việc của Nguyên Hồng bắt đầu từ gà gáy. Nhiều đêm một giờ hay hơn một giờ, anh đã thức giấc. Thức giấc là phải đọc, phải viết.

“Càng mùa rét, càng sương gió, càng cô quạnh, đọc càng thấy vào. Bởi vậy, những tháng từ Một Chạp đến Hai Ba Âm lịch ở nhà, trên cái đồi mà ông và các ông quen thân tôi biết đấy, thường tôi rất ít về Hà Nội hay đi đâu. Chính trong những khắc giờ này và qua nhiều năm tháng trong cái tuổi từ ngoài bốn mươi cho tới nay, tôi đã thấy và càng lo viết, phải viết *Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế*”(1).

Nguyên Hồng đã thực hiện những dự định của mình với một quyết tâm rất lớn. Xong bộ tiểu thuyết *Cửa biển* hai ngàn trang là bắt tay ngay vào cuốn tiểu thuyết lịch sử viết về Đề Thám và kịch lịch sử (Dương Văn Nga). Đó là chưa kể những tập hồi ký xuất bản (*Bước đường viết văn, Những nhân vật ấy đã sống với tôi*), những tập thơ đã in (*Trời xanh, Sông núi quê hương*) và đang soạn (*Hoa trái đất*). Nguyên Hồng đang hăm hở hoàn thành bộ tiểu thuyết lịch sử *Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế*, đang tập trung sức chạy đua với thời gian,

(1) “Thư đặc biệt gửi ông Nguyễn” ngày 18-8-1978.

thì một con đau đột ngột đã cướp anh đi! Bộ tiểu thuyết mới xong tập I (*Thù nhà nợ nước*) và đang viết dở tập II (*Núi rừng Yên Thế*). Có thể Nguyên Hồng đã thai nghén bộ tiểu thuyết lịch sử này từ năm 1947 lúc anh ở ấp Cầu Đen, Yên Thế cùng với Ngô Tất Tố, Kim Lân, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Văn Cẩn, Tạ Thúc Bình... *Lịch sử Đề Thám* (1935) của Ngô Tất Tố thuộc thể loại truyện ký, trong đó có ghi ngày tháng các trận đánh, tên các sĩ quan chỉ huy người Pháp, một số sự kiện được tác giả ghi chính xác như một nhà viết sử. Còn *Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế* (dự kiến 3 tập) là tiểu thuyết lịch sử. Cho nên Nguyên Hồng không miêu tả các trận đánh chính xác theo ngày tháng và chân thực đến từng chi tiết. Tên các quan Tây trừ Godin, còn phần lớn được gọi theo cách dân gian (quan năm Năm sao, Rậm râu, quan năm Mũi khoằm, quan hai Mặt ngựa, quan một Tôm he...). Ngô Tất Tố tập trung vào nhân vật Đề Thám, còn Nguyên Hồng chú ý đến toàn bộ phong trào khởi nghĩa của nông dân Yên Thế với hàng chục toán nghĩa quân của Đề Sắt, Bá Phúc, Thống Lĩnh, Cai Cờ... trong đó những người có công đầu là Đề Năm (Lương Văn Năm) và Đề Thám (còn gọi là Đề Dương, tức Hoàng Hoa Thám). Trong *Núi rừng Yên Thế* (tập II), Đề Thám vẫn còn là tướng lĩnh xuất sắc của Đề Năm, có lẽ phải đến tập III, sau khi Đề Năm bị giết vào tháng tư năm 1892 thì Đề Thám mới trở thành thủ lĩnh tối cao của nghĩa quân Yên Thế. Nguyên Hồng lấy quần chúng nhân dân làm nhân vật chính, còn Đề Thám chỉ là nhân vật trung tâm.

Ngô Tất Tố tập trung miêu tả những chiến công của người anh hùng Yên Thế, còn Nguyên Hồng muốn dựng lại

toàn cảnh sinh hoạt xã hội thời đó, nhất là vùng nông thôn, căn cứ của Đề Thám. Làng Trũng với những bà cụ Bờ, mẹ Ngọ, mẹ Trọng, bác Tần gái, bà cụ Vá, bà cụ Đờ Mốc... đùm bọc yêu thương lẫn nhau trong tình làng nghĩa xóm. Họ là những người nông dân nghèo khổ, quanh năm quần quật một nắng hai sương và gia đình nào cũng có mối thù không đội trời chung với thực dân Pháp. Số phận của họ gắn bó với nghĩa quân, họ là hậu phương vững chắc, là lực lượng dự bị hùng hậu của nghĩa quân Yên Thế.

Mấy chục năm ở ấp Cầu Đen, Nguyên Hồng đã đi khắp các vùng Nhã Nam Yên Thế, vào các làng quê vùng núi, hỏi chuyện các bô lão, các nghĩa quân còn sót lại xem có còn đâu thêm được tí gì về thời Đề Nắm và Đề Thám không? Và theo Anh Vũ, Nguyên Hồng còn một mình một xe đạp thiếu nhi Liên Xô không phanh lên mãi vùng Tam Đảo, Vĩnh Phú, rồi Hà Giang, Tuyên Quang, rồi về Quế Võ, quê Nguyễn Cao, lên Lục Nam hỏi chuyện tích Cai Vàng, rồi lại về Hiệp Hòa tìm hiểu Ba Biền, sau đó lại đi tiếp Yên Dũng, Tiên Sơn... Cho nên, hơn hẳn những người đã từng viết về Đề Thám, Nguyên Hồng là “thổ công” của vùng Yên Thế, ông nắm rất vững địa thế, địa lý, các đồn trại của nghĩa quân ở Cao Thượng, Hồ Chuối. “Đường bộ đi thẳng từ phủ Lạng Thương, Bắc Giang lên Cao Thượng khoảng 13 cây số. Đường bộ đi tắt từ Bắc Ninh lên Cao Thượng qua các vùng như Tam Tầng, Bích Động, Mỏ Thổ hay Núi Voi, Sàn Rãnh, Kháng Giàng... cũng chỉ khoảng hơn 20 cây số. Đồi Cao Thượng không cao lắm, nhưng trấn giữ hết các ngã đường từ Yên Thế đi các tỉnh: sang Vĩnh Yên, Phúc Yên, lên Thái

Nguyên, Lạng Sơn, về Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Đông hay qua đây thì xuống mấy phủ huyện đường xuôi như Hiệp Hòa, Yên Phong, Từ Sơn, Yên Dũng, Võ Giàng, Quế Dương v.v... Rừng cây và đồi núi ở phía sau và chung quanh Cao Thượng không là đại ngàn nhưng rậm rịt. Các làng mạc không to lắm nhưng nhiều lồng rất hiểm hóc”.

Nguyên Hồng là nhà văn của dân nghèo, là con người của chợ quê, làng quê với các món ăn dân dã mang mùi vị đặc biệt của quê hương. Về pháo đài Hồ Chuối, ông chỉ phác thảo mấy nét đơn sơ: “Sau đồn Hồ Chuối, rừng núi Yên Thế Thượng và Phổng Mẹt tuy không chất ngất, nhưng phủ sương đêm và hơi nước bốc lại càng mịt mù. Tất cả vùng đồi núi, làng mạc chung quanh đồn ngun ngút, trập trùng như một vịnh biển, là một vịnh biển đang dậy sóng”. Ngô Tất Tố tập trung miêu tả cấu trúc của pháo đài Hữu Thế⁽¹⁾, một mô hình của chiến tranh du kích dựa vào địa thế của miền rừng núi, thì Nguyên Hồng lại chú ý đến các chợ quê (như chợ tỉnh Nhã Nam, chợ Mọc, chợ Cầu Gỗ, chợ Nénh) và các làng quê xung quanh đồn Hồ Chuối: “Những cây mít của mấy nhà gần đồn Hồ Chuối sao mà nhiều quả... Mấy xóm nghĩa quân người Hà Nam, Nam Định đóng ở làng Lèo, làng Mạc, cây quả lại càng to, càng sai”. Trưa nắng, đêm giăng, sáng sớm, ngào ngạt mùi mít với hương hoa cau, hoa lý... Và trong gánh hàng của bà cụ Đồ Mốc bán cho nghĩa quân ăn sáng, “chè không nấu mà hãm trong một cái vò ủ

⁽¹⁾ Có sách gọi là đồn Hữu Nhuế ở tít sâu trong rừng thẳm phía Đông Bắc làng Hữu Thượng - Đồng bào địa phương còn gọi căn cứ Hữu Nhuế là Hồ Chuối.

bao tải, nước cứ xanh và thom ngát như ướp hoa mộc, hoa nhài, hoa sồi; khoai đỗ ăn với tôm trứng kho tương, khoai sọ, khoai lang và ngô bung đều có thứ chấm, thứ rắc ăn tùy khách. Đỗ lạc rang với muối giã nhỏ, rắc vào ngô bung hay chấm cùng khoai lang Lim bỏ toi, khoai sọ cắn quánh răng. Có khách bảo như thế đến bánh khảo, bánh nướng, bánh cao lâu cũng không ngon hơn, mà có thể ăn trừ bữa được". Nguyên Hồng và Thạch Lam có biệt tài tả các món ăn ngon, đặc biệt là những món ăn dân dã của làng quê, của dân nghèo thành phố.

Ý đồ của Nguyên Hồng qua bộ tiểu thuyết lịch sử này đã quá rõ: ông muốn dựng lại toàn bộ sinh hoạt xã hội và các tầng lớp người, các kiểu người của một thời kỳ lịch sử. Cho nên bên cạnh các sĩ quan Pháp trực tiếp chỉ huy các cuộc càn quét lên Cao Thượng, Hố Chuối, ta còn thấy xuất hiện vợ chồng Tạc tà ranh, chủ khách sạn ở Hà Nội, lão Sét nay đang âm mưu mở đồn điền ở hai huyện Yên Thế và Hiệp Hòa. Đó là chưa kể lũ Việt gian tay sai như Nhất Cử, trùm Xào, Nho Quán (tri huyện Đông Triều) và lũ đi điểm như Mận, con gái mụ Ba Béo thường theo các cuộc đi "câu lon" để bán rượu và thức ăn nguội cho lính... Các kiểu người của một thời kỳ lịch sử, được ống kính của nhà văn đặc tả đến từng chi tiết, kể cả những chi tiết về y phục:

"Tuần phủ, áo gấm màu cánh trà, hoa cúc phủ sa thâm, ôm cái nón lông đen chớp bạc tiến ra trước. Thứ đến Án sát, áo gấm màu tam giang cũng phủ sa thâm và cũng nón lông chớp bạc ôm trong tay...". Còn tên xà ích đánh xe ngựa đi

theo thì “áo y bằng thứ vải trắng hồ bột trắng lớp, cúc đồng đỏ như vàng, hai mép cánh tay áo, vai viền những đường hoa văn, hoa thị bằng kim tuyến”. Người đọc thật thú vị khi thấy hiện hiện lên trước mắt cảnh camera quay chậm, đặc tả cả một toán lính Tây lính ta đang đi “câu lon” qua làng: “Giữa lúc xế trưa ấy, một toán ngót một trăm lính Tây và lính nón đĩa có một viên quan hai cuôi ngựa và ba con la thồ hòm đạn và thức ăn uống đặc biệt đi từ dốc đê bến Ngọt ngoài sông Cầu tắt xuống đường gần chân núi Voi để vào làng trong. Những bóng người cao ngệu đội mũ nút chai lợp vải vàng, vai khoác toàn súng mới, bên hông đeo những bao da đạn chề chề, bước những bước dài nghiêm, nét mặt lầm lũi vã mồ hôi, trông càng hung dữ, ghê tợn. Những bóng thấp bé, đầu đội nón đĩa bỏ rử miếng rèm vải để che nắng, tay súng đạn, quần áo dấp dấp không mạnh, không khiếp bằng, đã thế nhiều người có vẻ tiêu tụy, thậm hại, nhưng vẫn không phải không dữ, không tợn”. Nguyên Hồng đã có những thành công khi dựng lại toàn bộ sinh hoạt xã hội của một thời kỳ lịch sử, nhất là đời sống của nông dân và dân nghèo vùng núi Yên Thế, khi miêu tả những trận đánh mưu trí và dũng cảm của nghĩa quân Đề Nắm và Đề Thám chống lại những cuộc càn quét của hàng ngàn lính và sĩ quan Pháp ở vùng Cao Thượng và Hồ Chuối. Bộ tiểu thuyết lịch sử còn đang dở ở tập hai nên chúng ta chưa thể có kết luận cuối cùng. Nhưng xây dựng một bộ tiểu thuyết lịch sử có quy mô sử thi về toàn bộ cuộc khởi nghĩa của Hoàng Hoa Thám và nông dân Yên Thế, về những mối quan hệ gắn bó giữa cuộc khởi nghĩa đó với phong trào Kỳ Đồng, với đảng Nghĩa

Hưng và vụ Hà thành đầu độc năm 1908, với phong trào Đông Du của Phan Bội Châu... quả là một thử thách quá to lớn đối với Nguyên Hồng vì anh không phải là người chuyên viết tiểu thuyết lịch sử như Nguyễn Huy Tưởng, Chu Thiên, Thái Vũ, Hà Ân, Nguyễn Xuân Khánh... Với một quá trình thai nghén hàng mấy chục năm trời, với một quyết tâm lớn, bạn đọc đang kỳ vọng nhiều ở bộ tiểu thuyết lịch sử nhiều tập này. Nhưng bạn bè thân thiết trong Hội Nhà văn, bạn đọc thuộc nhiều thế hệ cứ sững sờ, lặng cả người đi khi nghe Đài Tiếng nói Việt Nam đau buồn báo tin anh đã từ trần ngày 2-5-1982 tại xã Quang Tiến huyện Tân Yên, Hà Bắc.

Sáng 10-5, Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam đã làm lễ tưởng niệm nhà văn tại Hà Nội. Chính phủ truy tặng anh Huân chương Độc lập hạng III và Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật đợt đầu tiên (1996). Thủ đô Hà Nội có đường Nguyên Hồng, huyện Yên Thế Bắc Giang có trường PTCS Nguyên Hồng ngay sát ngôi nhà cũ ở ấp Cầu Đen và cách nơi an nghỉ cuối cùng của nhà văn khoảng gần 200m.

Đó là phần thưởng xứng đáng của 46 năm lao động và sáng tác không mệt mỏi, với một khối lượng tác phẩm to lớn và phong phú về nhiều mặt, cắm mốc cho nhiều thời kỳ của lịch sử văn học hiện đại. Nguyên Hồng là một trong những tác giả tiêu biểu của dòng văn học hiện thực phê phán Việt Nam, một dòng văn học chịu ảnh hưởng khá sâu sắc của những phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, đồng thời cũng là một minh chứng hùng

hồn cho quá trình chuyển hóa của các nhà văn hiện thực phê phán sang hiện thực xã hội chủ nghĩa. Bộ tiểu thuyết 4 tập *Cửa biển* đã mở đầu cho loại tiểu thuyết sử thi hiện thực xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Bộ tiểu thuyết *Hoàng Hoa Thám và Núi rừng Yên Thế* đang hoàn thành cũng báo hiệu một loại tiểu thuyết lịch sử có quy mô hoành tráng. Toàn bộ tác phẩm của Nguyên Hồng, tuy giá trị các cuốn không đều, nhưng chắc chắn sẽ chiếm một vị trí quan trọng và bền vững trong nền văn xuôi hiện đại.

Nguyên Hồng là “một nhà văn và một chiến sĩ cách mạng đã sống một cuộc đời phong phú và giản dị”⁽¹⁾ giữa lòng nhân dân lao động, một tâm hồn luôn luôn khao khát vươn lên ánh sáng của lý tưởng cộng sản. Anh cũng là một tài năng được khẳng định về nhiều mặt, một con người tha thiết yêu văn học, coi sự sáng tạo nghệ thuật là niềm say mê cao quý nhất của đời mình, một tấm gương lao động cần cù và đầy nghị lực, cho đến phút cuối đời vẫn tỏ ra còn sung sức. Anh đã để lại cho chúng ta, cho nền văn học dân tộc một gia tài đồ sộ, trong đó nhiều tác phẩm có giá trị lâu dài với thời gian.

GS. PHAN CỰ ĐỆ

⁽¹⁾ Thư chia buồn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng - *Văn nghệ* số 21 ngày 22-5-1982.

*Truyện
ngắn*

LINH HỒN

*Kính tặng người đàn bà khôn nạn
yên lặng ngậm tủi trong chốn lao tù tối tăm.*

Cái năm ấy qua đã lâu. Một buổi chiều mùa đông, sắc trời vàng úa, non hai trăm tù lục đục kéo về dưới cổng đề lao. Cánh cửa sắt to quét hắc ín từ từ mở rộng. Như một đàn ngỗng bị lừa vào chuồng, tất cả tội nhân đi làm “cỏ vè” chen chúc nhau cười nói ồn ào, dù đám lính khố xanh đi coi quát tháo, đánh mắng ầm ĩ.

Ở chốn lao lung, ngày lại ngày nối tiếp nhau dài dằng dẳng, ảm đạm buồn tẻ, vậy vui được lúc nào là quên sự khổ não được lúc ấy. Huống chi gần hết một mùa đông rét mướt, buổi chiều hôm nay mới hơi quang đãng sáng sủa.

Nhưng chị Hai mươi hai âu sầu lắm. Vẻ rầu rĩ trên khuôn mặt nàng hiện rõ rệt trước người tù đàn bà được cử làm Cai để khám xét các tù đàn bà.

Chợt tiếng “cụ Suvaydăng”⁽¹⁾ đồng dạ truyền:

- Này chị Cai, đến lượt con Hai mươi hai chị phải khám xét thật kỹ đấy nhé. Chị bắt nó dang hai cánh tay, chị nắn cả vành khăn và gấu áo nó cho tôi.

⁽¹⁾ *Suvaydăng*: phiên âm tiếng Pháp *Surveillant*, chỉ giám thị trông coi tù nhân.

Nói thế, “cụ” cũng chẳng để cho chị Cai khám, mà “cụ” thân khám lấy, tuy “cụ” biết chắc chắn ngoài bộ quần áo và cái nón lá rách mướp, Hai mươi hai chẳng dám mang một cái gì khác vào trong tù.

Như trăm nghìn lần khác, cái roi tre cật của “cụ” đã lại đi làm cái việc tò mò là lật áo, lật yếm, lật khăn... tức thì một giọng cười thỏa mãn cất lên, tiếp đến những tiếng cười nịnh nọt khác trong khi Hai mươi hai chết cay chết đắng trong lòng, cúi đầu, rót nước mắt, tủi cho thân phận yếu hèn.

Ngược đầu nhìn một tội nhân mới vào khép nép trước mặt mình, anh Năm Béo, cai tù, cất một nụ cười dài. Anh khẽ giơ ngón tay trở vẫy một cái: nhanh như chớp, hai tội nhân ở đằng cuối “san”⁽¹⁾ chạy lại. Rất gọn gàng và rất êm thắm, một yêu kéo hai cánh tay người tù mới vào quặt ra sau lưng, một yêu cởi cúc lật áo.

“So quéo” này ngờ ngác không hiểu ra sao, nhưng chột nom qua một hàng chừng vài chục thùng nước cống xếp trước mặt thì biết ngay.

Cẩn rằng không dám hé nửa lời, “so quéo” thân cởi nốt cái áo cánh trắng, dâng cho anh Cai, và yên lặng khoác bộ áo rách rưới, hôi hám mà Năm Béo quăng xuống nền nhà.

Đồng thời trong buồng tù, một người tù đàn bà cũng yên lặng để hai “bỉ yêu” làm cái việc trên kia, rồi khoác vào thân thể gầy còm bộ quần áo rách rưới, hôi hám của chị Cai quăng cho.

⁽¹⁾ *San*: phiên âm tiếng Pháp *salle*, chỉ gian phòng giam tù nhân.

Và bây giờ, ở nhà giấy đối diện với nhà pha, “cụ Suvaydăng” một tay tì trên cửa sổ, một tay xóc xách chùm chìa khóa, thản nhiên ngẩng đầu trông lên trời và nghĩ ngợi.

Cái khuôn mặt ấy lại hiển hiện trước mắt Cai Năm - cái khuôn mặt dịu dàng long lanh, đôi mắt lò dò, u ẩn không biết bao nhiêu tình tứ.

Năm Béo mím môi, nắm chặt bàn tay trái đâm thật mạnh vào lòng bàn tay phải. Cử chỉ đó tỏ rằng tâm trí Cai Năm bị một sự ao ước, thèm muốn kích thích đến cực điểm. Sắc đẹp thù mị của Hai mươi hai trong cảnh tù tội bó buộc, kham khổ đã hoàn toàn huyễn hoặc Năm, khiến Năm say mê, khiến Năm sôi nổi, không sao nén được lửa dục tình. Hấn chau mày tự nhủ:

- Thế này mới xong xuôi!

Dứt lời, anh ngược nhìn cái bọc vải nặng trĩu vừa quần áo, vừa tiền nong, đeo lưng lẳng ở góc tường. Với tiền bạc, Năm quyết dùng để mua những phút khoái lạc mà xưa nay chỉ người cai tù nào có điểm phúc, có oai quyền, mới được hưởng trong tù.

*

* *

Còn non nửa tháng nữa, Hai mươi hai tới kì sinh nở: nàng được phép thôi đi làm “cô vê”, nghỉ ở nhà. Nàng âu sầm ngồi tựa lưng vào tường đá, thành kính ngắm ảnh Chúa đeo trước ngực.

Chúa vẽ mặt râu rĩ, chan chứa những nét yên lặng chua xót hình như cũng lơ đãng nhìn lại nàng - một người đàn bà yếu đuối. Luồng nhôn tuyền vô hình mà thấm thía, mà dịu dàng ấy soi sâu vào tâm hồn nàng, rung chuyển cả tâm hồn nàng, giúp nàng một sức mạnh để can đảm hứng chịu các nỗi đau đớn ở đời!

Thong thả, Hai mươi hai nâng cây “thập ác” nhỏ bằng đồng gần sát mặt mình vừa lầm rầm khấn:

- Chúa thương xót chúng tôi!

- Chúa cứu chữa chúng tôi!

- Chúa nhận lời chúng tôi!

Nàng chỉ còn có thể trông cậy vào quyền pháp của Đấng cao siêu phù hộ nàng cho qua khỏi nỗi gieo neo, cho nàng tới kì sinh nở ở nơi tù ngục được mẹ tròn con vuông, cho anh Tín, chồng nàng được khỏe mạnh mà làm lụng nuôi mẹ, nuôi con.

Mẹ, chồng, con, Hai mươi hai chỉ nghĩ đến ba người ấy thôi, còn cái sắc đẹp thùy mị, cái hạnh phúc của mình, nàng không hề nghĩ tới. Nhất là cái sắc đẹp đáng yêu của nàng, nàng cho nó quá thường: muốn làm đẹp lòng chồng, muốn được con cái yêu dấu, người đàn bà phải có một sắc đẹp thiêng liêng là sự trong suốt của tâm hồn.

Chợt Hai mươi hai ngạc nhiên ngẩng nhìn chị Cai Cao mời trầu mình, xưa nay “chị” có mời ai ăn trầu bao giờ đâu. Tầm tìm cười nụ, Cai Cao dịu dàng, nói:

- Kìa, cầm lấy mà ăn!

- Cám ơn bà, cháu không biết ăn.

Với một giọng lảng lơ, chị Cai mắng yêu nàng:

- Còn vẽ trò! Của anh Cai Năm đấy! Miếng trầu nên vợ nên chồng đấy!

Biết ngay cái dã tâm Cai Cao, Hai mươi hai quay mặt đi.

- O kìa!... O kìa!... Sao lại thế? Đến bước này còn giữ giá làm nộm với ai?

- Không! Không! Bà ơi!

- Thì cứ trông gói quần áo và tiền bạc đây.

- Không! Cháu không thiết đâu!

- Không thiết chứ?

- Vâng

- Vậy thế Hai mươi hai không biết thế nào là sung sướng, thế nào là khổ sở ư?

Câu hỏi ấy làm Hai mươi hai chạnh lòng. Nàng yên lặng nhớ đến quãng đời qua. Thuở còn bé dại thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải đi chăn trâu chăn bò; lớn lên tuy được làm con nuôi một bà lý trong làng, song hai mùa cấy hái vất vả chẳng ngoi tay; đến năm kia được anh Tín thương yêu xin bà lý cho ra ở riêng thì nàng lại phải mò cua bắt ốc đỡ vực chồng... Rồi đến ngày nay, nhà đoan hai lần khám thấy rượu lậu trong nhà, nàng đi chịu tám tháng tù thay chồng giữa lúc nàng bụng mang dạ chửa. Bằng ấy năm, hai mươi

nằm ở một nơi đồng chua nước mặn, sống lần hồi trong cảnh lâm than, Hai mươi hai có hưởng được lấy một ngày nhàn rồi sung sướng?... Vì nàng khổ sở quá quen đi rồi, nên cũng chẳng biết khổ sở nữa.

Những linh hồn chịu quen sự cực nhục, đầy đọa như thế đều có một chí phấn đấu, một lòng hi sinh vô bờ bến.

Lạnh lùng, Hai mươi hai buông một tiếng thở dài. Nàng như muốn nhờ ngọn gió rét đưa cái thanh âm nào nùng ỉu đến tận tai chồng để tỏ hết nỗi lòng.

Thấy Hai mươi hai tư lự, Cai Cao cho nàng cũng như các gái khác dù ưng thuận mười mười, nhưng vẫn làm ra vẻ thẹn thùng, vậy cứ khuyên ráo riết thế nào chả xiêu được bụng.

- Chị hiểu rồi chứ? Thử nghĩ xem cô Thuận ngày nào cũng quà bánh thức ăn thừa mứa, khi hết hạn tù về lại được một thúng đầy quần áo, mà chị còn xuân thế này lại không thiết thì có lạ không?

Hai mươi hai quá thẹn, nổi giận quên cả Cao là cai, gạt bắn tay chị đi. Đoạn nàng trỗi dậy, chạy lại đằng cuối sân. Cực lòng, nàng ngồi xếp xuống đất, gục đầu vào tường, bụng mặt thút thút khóc.

Hai mươi hai đau đớn vô cùng, chắc thế nào cũng sinh nở trong này mà quanh mình rất những sự không may, rồi ra có được trọn vẹn không? Chắc rồi, Hai mươi hai dần tiếng:

- Chết thì chết! Không khi nào chịu nhờ nhục ấy.

Đương khi hồi hộp lo ngại, tiếng chim kêu chiêm chiêm đổ hồi làm Hai mươi hai giật mình. Nàng ngẩng đầu lên xem: trên mái đề lao mọc thếch, một con sẻ mái xòe cánh hết sức đuổi con sẻ đực theo dõi bên mình. Nàng vội quay mặt ra rặng xoan để tránh nhìn cảnh hắc ám ấy thì lại thấy ngay ở đầu tường hai con bồ câu đực đang tranh nhau nhảy lên con mái vừa cất những tiếng gù gù.

Những linh cảm khủng khiếp, ghê sợ làm tê dại cả tâm trí Hai mươi hai. Nàng bối rối như người hấp hối mơ màng thấy thần chết lấp ló trên đầu. Đôi mắt quầng đen, Hai mươi hai lại chan hòa rơi lệ, vừa lúc con bồ câu đực to đã “chinh phục” được con chim mái.

Bấy giờ, Hai mươi hai nhận thấy hết cả nỗi yếu hèn lạnh lẽo của tấm thân vừa yếu đuối, vừa nghèo nàn trong nơi tù ngục, không ai che chở. Nghẹn ngào, nàng đưa tay vuốt ngực:

- Rồi ta cũng đến thế thôi!

Một buổi sáng mùa đông ảm đạm, buồn rầu, tuy khô ráo. Tất cả các tội nhân đã thành án đều đi làm và “cụ Suvaydăng” cũng bận ra sở Cảnh trình sổ sách vắng. Năm Béo càng được thể dữ, hạch lạc kẻ này, phân phát công việc cho kẻ kia. Dưới cặp mắt sắc sảo, dưới những ngọn roi mây quấn dây thép của Năm, hàng trăm người chưa thành án nem nép sợ hãi cúi đầu làm những việc mà dù họ nghèo khổ cũng chưa phải mó tay đến bao giờ.

Bỗng chốc, Năm quay đầu nhìn về phía buồng giam đàn bà nét mặt chau lại, ra dáng nghĩ ngợi. Chị Cai Cao ở đầu chạy tới, vội vàng ghé tận tai Năm thăm thì:

- Có mau lên không?

Dứt lời, cả hai đều rảo bước... Cánh cửa buồng đàn bà khép dập lại.... Một tiếng rú nghẹn ngào vang lên.

Hai mươi hai thoáng thấy bóng Cai Năm, mặt nàng tái mét, không còn một hột máu. Nàng chực kêu la, nhưng chưa kịp mở miệng đã bị Năm bóp chặt cổ, dẫn ngựa xuống sàn gỗ. Nàng hết sức kháng cự nhưng hai bàn tay Năm cứng như sắt.

Nàng khóc.

Rồi nàng giương đôi mắt đầy lệ nhìn Năm ú ớ van lơn:

- Xin buông tha tôi ra! Khổ tôi lắm! Tôi bụng mang dạ chửa!

- Anh Năm đừng ngại nhé. Tôi gác rất cẩn thận rồi đấy!

Nghe thấy tiếng Cai Cao khàn khàn, Hai mươi hai càng khùng khiếp, song nàng giãy giụa bao nhiêu, dạ con trong bụng lay chuyển bấy nhiêu, nàng thêm đau đớn, đau đớn vô cùng. Biết có hết sức chống cự cũng không sao thoát khỏi nanh vuốt con thú dữ ấy, nàng đành nhắm mắt, cắn răng...

Hình ảnh Tín râu rĩ bỗng hiện rất rõ ràng trong tâm tưởng Hai mươi hai. Rùng mình, Hai mươi hai vội hơi hé mắt, chưa xót lờ đờ nhìn xuống mẫu ảnh đức Chúa Giêsu treo ở trước ngực, trong thâm tâm nàng như muốn thì thầm

phân trần sự bị ức hiếp quá tàn bạo và sự trong sạch của linh hồn mình.

Rồi đôi mắt long lanh lại nhắm nghiền.

Cách non một tuần lễ sau, trong khoảng đêm khuya im lặng, tại đề lao, trong lúc Hai mươi hai mê một nằm bên cái thai còn nguyên rau long ra trên vũng máu tím bầm như sắc mặt nàng, thì ở nhà quê anh Tín co ro ngồi cất vó bên bờ ngòi. Anh vẫn vợ trong gian nhà xiêu vẹo, tờ mờ nổi bóng dưới ánh trăng lạnh lẽo mùa đông, rồi anh mơ màng thấy ngày xuân vui tươi sắp tới đây, trên tay anh thêm thiếp ngủ đưa con trai đầu lòng mà vợ anh khỏe mạnh hết hạn tù sẽ bế về.

Anh hồi hộp chờ mong...

1936

NHÀ SƯ NỮ CHÙA ÂM HỒN

Huyền qua khỏi thửa ruộng ấy thì bóng người kia đã vượt khỏi con đường nhỏ hẹp, xăm xăm vào nhà ga. Thoáng qua ánh chiếc đèn đất đưa đi đưa lại trong người phu kíp, Huyền mới thấy rõ màu y phục của bóng người nọ: một màu nâu cũ kỹ.

Huyền càng rào bước. Vì còi tàu đã rúc đồ hồi, bánh xe đã chuyển động xình xịch. Trao tay người phát vé đồng hào đôi, Huyền chẳng cần lấy mấy xu thừa, giật lấy vé, nhảy phắt lên toa. Vừa lúc đó bóng người nọ ở toa trên đi xuống, tìm một chỗ ngồi.

Huyền ngạc nhiên hết sức: thì ra một người đàn bà, một nhà sư nữ giấu mặt trong chiếc khăn vuông bịt kín miệng và kéo xuống gần chấm mắt. Thấy nhà sư nữ ngần ngại, khép nép trông mọi người, một bà cụ già đứng dậy, chấp tay kính cẩn thưa:

- Bạch sư cô, chỗ tôi còn rộng đây.

Nhà sư khẽ đáp:

- Cám ơn già. Già còn ngược tàu đi đâu bây giờ?

Bà cụ từ tốn nói:

- Thưa, tôi đi đón lợn ở Trại Nhoi về. Còn sư cô chắc đi lấy kinh ở chùa Them?

Nhà sư nữ gật đầu, khép nép ngồi xuống ghế. Từ bấy giờ trở đi nhà sư không nói một câu gì, khư khư ôm trong lòng một cái bọc không biết trong có những cái gì. Đã bao phen, Huyền dùng hết nhãn lực, định thần nhìn thẳng vào mặt nhà sư để nhận xem diện mạo thế nào. Vô ích, không thể sao được! Ánh đèn trong toa không sáng lắm, nếp khăn vuông càng hắt bóng tối từ ngang sống mũi tới môi.

Huyền ngò vức, tự nhủ thầm:

- Lạ, lạ thật! Rõ ràng ở xóm Tư Ất gần xóm thàng bạn của mình ra mà y dám nhận ở chùa Thêm cách đây hàng mấy cây số về. Chùa gì trong cái xóm hạ lưu này? Kinh gì ở gần cái nhà chứa chấp đủ mọi hạng người rượu chè cờ bạc, trai gái, trộm cắp kia? Lại là một nhà sư nữ, kỳ dị!

Mấy bận thấy bà cụ già đứng dậy, Huyền khấp khởi mừng. Vì Huyền chỉ còn cách chờ bà ra một chỗ nào đấy để dò hỏi lai lịch nhà sư. Nhưng Huyền đã mừng hụt: bà già nọ chỉ kéo đi, kéo lại chông thúng mủng, rõ rá và mấy chiếc rọ tre tuy đã xếp gọn ghẽ trước mặt bà.

Dần dần Huyền thấy lòng hứng khởi theo dõi nhà sư nữ không còn bông bột nữa.

Phải, đã lấy gì làm bí mật quá như trước kia Huyền tưởng tượng. Một bóng người trong một căn nhà thấp bé ở cuối cái xóm quý quái kia vụt ra, cái bóng đó đi vùn vụt như sợ có người để ý tới, rồi... cái bóng đó càng bước

nhanh khi thấy Huyền theo sau. Có chăng vì sẵn có một quãng đồng không mông quạnh không một tiếng động ngoài tiếng gió ào ào lướt qua ruộng mạ, không chút ánh sáng, ngoài lửa ma troi và đom đóm lập lòe, Huyền cho bóng người kia là bóng tên đại bộm đương trốn tránh mà sự dò xét hành tung, khám phá ra được công việc gian ác của y là một việc bổ ích vì cần phải dùng nhiều can đảm, trí xét đoán.

Huyền đánh diêm châm điều thuốc lá, ngả đầu lên cái gióng bắt ngang cửa sổ, kéo một hơi dài:

- Minh lắm! Chắc vì hoặc đi vay mượn hay trả nợ, hay quỵên tiền ai trong này trở về sợ tai tiếng nên nhà sư ấy phải vội vàng làm vậy chứ gì?

Mấy tiếng còi tàu hét lên, phá toang cái im lặng tối tăm của vùng quê vắng vẻ. Bánh xe dần dần chạy chậm, rồi sau mấy tiếng rít kéo dài, cả một đoàn xe chật hành khách và hàng hóa dừng lại.

Nhà sư nữ đứng dậy chào bà cụ rồi xuống ga xếp ấy. Huyền vội thò đầu ra nom, thì cũng như lần trước, nhà sư vẫn ôm khư khư cái bọc và bước rất gấp. Thoáng chốc đã mất hút trong bóng tối. Tiện dịp, Huyền chạy lại bên bà cụ già, lễ phép chào rồi hỏi:

- Thưa cụ, nhà sư này quen thân cụ?

Bà cụ mở to mắt:

- Phải, thầy hỏi làm gì?

Huyền cũng biết mình đường đột nhưng chẳng e ngại mà bỏ lỡ cuộc phỏng vấn bà cụ già. Anh dịu dàng đáp một cách rất khôn khéo và tự nhiên:

- Thưa cụ, vì cháu trông nhà sư ấy quen lắm. Hệt như người em gái họ của cháu. Nhưng không hiểu có sao nay lại mặc quần áo nhà chùa.

Bà cụ già, giọng chân thật:

- Thế à? Hay chính là em gái thầy đấy? Nhưng sao sư cô đi tu đã lâu mà thầy chưa biết?

- Vì cháu đi làm xa, đến giờ gần Tết mới về thăm nhà.

- Tự bao lâu rồi?

- Non hai năm ạ.

Bà cụ già lắc đầu, mỉm cười:

- Thế thì không phải rồi, nhà sư nữ trụ trì ở chùa Âm Hồn này đã bốn, năm năm nay rồi cơ.

Huyền hất đầu lên một cái:

- Thưa cụ, chùa Âm Hồn nào?

- Ở làng Vạn Kiếp, cách ga Mộ Hà này chừng hai cây số, trừ thầy ra còn ai chả biết nhà sư này. Tuy nhà sư cụt bàn tay phải nhưng tay trái viết chữ đẹp đão để và làm bánh trái, nấu cỗ chay cũng chẳng kém ai.

Huyền ngạc nhiên hơn, bật thốt thềm một câu hỏi:

- Tu ở chùa Âm Hồn mà lại là một nhà sư nữ cụt tay?

Chẳng để ý đến Huyền, bà cụ già đưa mắt nhìn mọi người một lượt rồi cao giọng, chậm rãi kể hết mọi đức tính của nhà sư nữ cho hành khách nghe. Nào thuộc nhiều kinh kệ; nào nói năng thùy mị cư xử khéo léo khiến người hung tợn khó tính đến đâu cũng phải vừa lòng; nào ăn mặc hết sức khổ hạnh, quanh năm chỉ cơm chay và một bộ quần áo vải nâu dầy. Sau cùng bà cụ già nghiêm trang kết thúc:

- Thật là một nhà sư nữ đạo đức nhất từ trước tới giờ ở chùa Âm Hồn, hơn cả sư ông.

Chợt nhớ lại câu hỏi của bà cụ “Sư cô ở chùa Thềm lấy kinh về?” Và giọng nói hơi luống cuống, ngượng ngịu của nhà sư, Huyền lại tưởng tượng ra cái bóng người từ xóm Tư Ất vùn vụt đi tắt qua những cánh đồng tối tăm. Huyền lại không sao khỏi ngờ vực:

- Thừa cụ, ban nãy nhà sư nữ đi đâu vậy?

- À, đi lấy kinh đấy mà.

- Ở đâu cơ?

- Chùa Thềm.

- Thừa cụ chùa Thềm hay xóm Tư Ất?

Bà cụ hừ mạnh một tiếng:

- Thầy nói lạ! Xóm Tư Ất chỉ có trai gái, bọm đi, trộm cắp bê tha mới tới đó, chứ nhà sư nữ này đến làm gì?

- Không, rõ ràng con thấy ở xóm Tư Ất ra mà.

Bà cụ phát bản lên:

- Thế thì thầy trông lắm đấy. Như ông Chánh Thất, bố đẻ ông phủ Xuân Trường chết nhà đám ma mời nhà sư ở lại quá nửa đêm để tụng kinh thêm mà nhà sư còn chả nghe nữa là đêm hôm khuya khoắt một thân một mình lần mò vào cái xóm khốn nạn nọ.

Huyền phải nói nịnh:

- Vâng, thế thì con trông nhầm. Xin lỗi cụ.

Rồi Huyền chào bà cụ về chỗ cũ ngồi. Anh tỳ tay lên cái gióng sắt, đưa tầm mắt nhìn ra ngoài.

Cảnh vật không thể sao phân biệt rõ ràng được. Đồng ruộng, ao chuôm, vườn tược, rào tre, bờ cỏ liên tiếp nhau kéo thành một vệt đen dài vô cùng tận trong màn sương đầy đặc lan rộng trước gió đông tê buốt.

Huyền đã hút luôn sáu, bảy điếu thuốc mà vẫn chưa thấy thỏa thích. Mà phải, đương cái tuổi thanh tân cường tráng này trong tâm trí Huyền có lúc nào là lúc những sự khát khao, thèm muốn không rạo rực, sôi nổi đâu? Dù là một vật nhỏ mọn, cũng phải luôn luôn đổi mới, có thể mới thích hợp cái khiếu thẩm mỹ và tính hiếu dị của anh.

Huyền lại đánh diêm châm điếu thuốc nữa. Kéo luôn ba hơi, đoạn anh lẩm bẩm nói một mình:

- Cũng là một sự lạ! Chùa Âm Hồn với một nhà sư nữ, một nhà sư nữ cụt tay!

Nhà sư nữ cụt tay tu ở chùa Âm Hồn, đối với khối óc giàu cảm tưởng của Huyền lúc bấy giờ kỳ dị quá. Huyền

hồi hộp nhớ đến cuốn phim “Atlantide” chiếu cách đây vài tháng, Huyền nảy ra một ý kiến so sánh nhà sư kia với bà nữ chúa đa tình trong phim ấy.

Mấy trăm cung nữ yên lặng dưới quyền sống chết của một người đàn bà lúc nào cũng say đắm lơ dờ. Một đời âm thầm kéo dài trong chốn thâm cung góc nào cũng có các lực sĩ nghiêm nghị không hề mảy may một canh gác. Một bãi sa mạc mệnh mông, và một làn không khí gay gắt bao phủ những tòa lâu đài nặng nề kiến trúc tối cổ, tượng trưng những sự bị ức hiếp, đè nén của hàng triệu dân nô lệ yếu hèn đã đổ mồ hôi và nước mắt và máu trong các công cuộc xây dựng.

Với bao nhiêu cái kỳ lạ, bí mật, bà nữ chúa đa tình đã rung động trí tưởng của bao nhiêu người xem.

Nhưng chùa Âm Hồn?

Sáu mươi năm trước đây cũng là một nơi ghê rợn. Chính chốn đó đã chứng kiến không thể kể xiết những cuộc xâu xé nhuộm máu giữa những giặc cướp Tàu tàn bạo và dân quê An Nam hiền lành chăm chỉ.

Rồi hai mươi năm sau khu đất rộng rãi và ngôi chùa kia đổi thành một nơi tụ họp của đảng Văn thân nổi lên chống với quân Pháp, và cũng vẫn được chứng kiến nhiều phen máu đổ.

Rồi bốn mươi năm sau, ngôi chùa bị tàn phá được dân làng tu bổ lại để xóa hẳn cái dấu vết khủng khiếp của một thời đại loạn lạc vừa qua mà, những đêm khuya tối tăm,

tiếng tù và rộn rục, tiếng cồng rè rè, tiếng trống ngũ liên đổ hồi nối tiếp nhau văng lên khùng bố dân chúng như những lời đe dọa ghê gớm của Thần Chết thèm khát máu người.

Chùa Âm Hồn xây dựng lại bằng tiền của các nhà nho sĩ, các nhà thân hào gom góp và quyên được trong hàng huyện. Họ tốn công của tu bổ ngôi chùa bao phen tan tành như thế vì họ tin rằng chùa Âm Hồn mà còn thì con cháu làng Vạn Kiếp đời đời giữ được điền thổ màu mỡ, các phong tục thuần túy và lòng vị nể của các làng lân cận.

Họ giàu lòng mê tín hơn là tính bảo tồn những di tích quan hệ của lịch sử.

Đến ngày nay, cũng vẫn chưa hết những cái lạ lùng trong chùa Âm Hồn. Nối vào bao nhiêu sự gở lạ khùng khiếp khi xưa, giờ là một đời tu hành của một nhà sư thông thái, quen khổ hạnh, nhưng là một nhà sư nữ, mà lại là một nhà sư nữ cụt tay!

Huyền tròn miệng thở xong làn khói, nhắc lại ba, bốn lượt câu nói thì thầm:

- Chùa Âm Hồn! Nhà sư nữ cụt tay! Chùa Âm Hồn!

Đến ga Trại Hutt, Huyền xuống. Anh đáp luôn sang chuyển tàu Lao Kay - Hà Nội, mười giờ đêm, lộn lại Mộ Hà. Anh quả quyết nội đêm nay, lên vào chùa Âm Hồn, phải dò xem cho ra hành động của nhà sư nữ kia. Những hành động mà Huyền tin thật khác hẳn mọi người, những hành động bí mật sẽ đưa đến cho anh nhiều sự lạ lùng hiển hiện bổ ích cho khối óc hiếu dị.

Tuy vẫn thỉnh thoảng về thăm làng nhưng chẳng mấy khi ở lâu nên Huyền không được biết nhiều tin tức ở đây và các làng lân cận. Và lâu lắm, tới mười năm rồi, không sang làng Vạn Kiếp vẫn cảnh chùa Âm Hồn, Huyền hầu như đã quên mất đường đi.

Qua bãi tha ma đầu làng, Huyền dừng lại, định thần nhìn. Tối quá, anh chỉ hơi phân biệt những cụm tre đen kịt rải rác trên những cánh đồng im vắng.

Anh phải đi thêm một quãng khá xa, rồi đứng lại nhìn lần nữa. Lần này anh thấy về phía tây một mái nhà xam xám lò mò thấp thoáng giữa một cụm rừng thưa. Nhưng Huyền không theo đường cái, vì đi như thế sẽ đi đường vòng mất nhiều thời giờ. Huyền chiếu đèn bấm, theo con đường nhỏ đắp ven ruộng.

Nửa giờ sau, Huyền vào trong một xóm nhỏ rồi qua mấy xóm nữa, còn chừng nửa cây số là tới cụm rừng thưa kia.

Thấy tiếng người đi chó má sủa vang lên, trước còn một vài con, dần dần cả xóm, rồi khắp mấy xóm. Huyền không kịp thờ, phải hết sức rảo bước; anh e ngại tuần đinh bắt gặp, hỏi lời thôi.

Tiếng chó im đoạn thì Huyền đã lách qua giậu râm bụi vào sân chùa.

Tự nhiên trống ngực Huyền đập rộn hẫng lên. Bao nhiêu nhãn lực và tâm trí Huyền đổ cả vào cái mái ngói rêu phủ xám ngắt duỗi thoải thoải trên những bức tường thấp loang

lỗ vàng cặn. Huyền lắng tai nghe tiếng mõ rành rọt điểm trong đêm khuya nhịp với tiếng tụng kinh đều đều.

Cửa chùa đóng chặt. Những cánh gỗ lâu ngày bong sơn đen sạm im lặng trong một thứ bóng tối lạnh lẽo, Huyền rón rén đến bên, ghé mắt nhìn, trong chùa tối mờ mờ đưa ra mùi nhang thơm ngát.

Huyền nhẹ bước dưới hàng hiên, qua một cái cổng xây trống ở đầu hồi bên trái thì đến một dãy nhà ngang bảy tám gian. Trước dãy nhà là một sân gạch vuông vắn, rộng rãi có bốn hàng cau trồng trong những khoảnh đất tròn đường kính không quá một thước tây. Cuối sân sau ba tấm bia đá. Đây là mộ ba vị sư chết tại chùa.

Đêm càng khuya, gió đông càng lạnh buốt, Huyền kéo cổ áo *pardessus* lên. Anh khoanh tay, yên lặng đứng nhìn các chòm cau rung chuyển vừa suy nghĩ.

Tiếng tụng kinh đều đặn êm ái như tiếng hát ru trong treo càng rót vào tai anh và, tiếng mõ càng thánh thót như tiếng nước rỏ giọt trên miếng đồng thau đàn mỏng gò cong cong thêm dư âm tiếng chuông thỉnh thoảng ngân nga tưởng chừng như không bao giờ hết.

Phút chốc, Huyền thấy một sự lạnh lẽo thấm vào tâm não. Anh đưa mắt trông lên bốn góc mái chùa uốn mềm như cánh xiêm trên cánh tay dẻo dăng của các vũ nữ Cao Môn rồi đến hai ông hộ pháp nghiêm nghị đứng trấn trên bệ gạch văng khói hương.

Huyền hồi hộp tưởng tới những sự khủng khiếp của cái quá vắng tối tăm của chùa Âm Hồn.

Một giờ đêm! Gà đã cất tiếng gáy ở mấy chòm xóm xa xa. Huyền kéo nốt hơi thuốc lá cuối cùng, nhẹ bước xuống sân.

Không giống các chùa khác, sau chùa này làm thưng ra một gian rộng hai bên có cửa tò vò, ở giữa có một cửa sổ chữ thọ.

Cửa tò vò đóng chặt, Huyền vòng sang bên kia, bên ấy cũng thế. Sau cùng, Huyền phải kiễng gót nghển cổ, ghé mắt vào khung cửa sổ ở giữa.

Nhưng Huyền chỉ trông thấy lấp lánh ánh cây đèn dầu tây không đủ chiếu sáng ba pho tượng Bụt quay lưng về phía trong và tất cả những đồ thờ la liệt trên ba bàn thờ cao ngất.

Chợt, tiếng tụng kinh ngừng, một hồi chuông dóng lên rồi tắt, ngọn đèn dầu tây cũng tắt theo. Nổi trong bóng tối chỉ còn vài ngọn nhang nhỏ li ti dưới ánh đèn lưu ly xanh mờ trước bàn thờ chính giữa. Có tiếng chân người đi khe khẽ về phía bên trái. Kẹt! Một cánh cửa nào mở. Rồi im lặng như tờ.

Trong khoảng im lặng như tờ, lắng tai nghe, Huyền thấy một hơi thở hỗn hển và một giọng nói yếu đuối. Huyền sừng sốt nói một mình:

- Lạ kì! Một người nữa trong chùa Âm Hồn! Nhà sư nữ cụt tay và ai?

Thì, một làn ánh sáng vàng ngà ngà tản ra ở phía trái bàn thờ.

Huyền ngạc nhiên hơn, tự nhủ thầm:

- Đến giờ vẫn còn thấp đèn! Thức nữa sao?

Ánh sáng càng tỏ rõ hơn. Nhưng, hơi thở và giọng nói không còn thấy nữa. Nhưng kỳ dị... một thứ tiếng rè rè dần dần nổi lên... dần dần rõ rệt... trời ơi!... rõ rệt là tiếng ro ro... tiếng thuốc phiện reo trong tàu.

Huyền kinh ngạc hết sức. Anh phải cố nhịn hắt hơi vì khói thuốc phiện thơm lừng chọt đưa qua mũi. Huyền liền rón rén đi về phía gian buồng ấy và vòng về phía trước để nhìn xem nhà sư nữ cụt tay đang hút thuốc phiện với ai. Chắc nhà sư nữ nghiện thuốc phiện, nếu không sao lại chứa chấp một người, không rõ đàn ông hay đàn bà hút thuốc trong chùa. Nhưng công toi: phía sau là tường và từ phía trước nhìn vào cũng bị một bức tường ngăn cản.

Huyền bực dọc đi về chỗ cũ, yên lặng nghe ngóng.

Tiếng ro ro lại vẳng lên, lại vẳng lên, lại vẳng lên. Một điệu, hai điệu, năm, sáu, bảy... mười điệu, hàng chục điệu rồi! Khói thuốc phiện càng thơm lừng át cả hương nhang ngan ngát. Làn không khí lạnh lẽo tò mò trong ngôi chùa thâm nghiêm biến mất.

Huyền loay hoay, bồn chồn, rạo rực quá thế. Mấy phen anh lách tay xuống dưới hai cánh cửa gỗ tò vò cố nâng lên nhưng lề cửa chôn sâu và đầy lổ không thể bẩy ra được.

Hết phương kế, Huyền ngồi xếp xuống thêm gạch, hai tay ôm đầu.

Đến phút này, Huyền mới phục tài các tay đại bộm, cửa nào cũng vào lọt. Và, Huyền tiếc chỉ còn vài giờ nữa là sáng mà khi mặt trời gần mọc thế nào nhà sư nữ cụt tay chả tắt đèn, giấu người kia đi. Rồi vì việc đòi, biết đến bao giờ anh mới có dịp trở lại ngôi chùa này, về một đêm đông lạnh tối, khám phá những hành vi bí mật của vị nữ sư kỳ dị?

“Hay ta gọi cửa và bắt phải mở cho ta vào?”

Ý nghĩ ấy làm Huyền cười thâm, anh tự nhủ:

- Bạo động như thế chỉ có kẻ xuẩn ngốc mới làm. Làm như thế tức là đập đổ hết bao nhiêu cái lạ lòng nếu ta dụng công sẽ tìm thấy trong đó nhiều sự dị thường thú vị.

Chợt, cánh cửa tò vò sịch động. Huyền ngồi nhồm dậy; nhanh như cắt, anh lúi sang bức tường bên kia. Huyền mừng rỡ khi thấy nhà sư nữ cụt tay mãi miết xuống nhà ngang rồi rẽ ra khu vườn gần đấy.

Huyền vội vàng đẩy cửa lên vào. Anh vén tấm màn đỏ che gậm bàn thờ chui vào đó. Không đây ba phút nhà sư đã trở về. Đóng cửa tò vò xong nhà sư đẩy cửa gian buồng nhỏ, tay xách một thùng nước con.

Huyền liền bò đến chiếc bực gỗ kê áp bức tường, hơi ngھnھ cổ nhìn vào. Nhà sư đã trèo lên giường nhưng nằm ở bên kia bàn đèn, còn bên này là một Hình thù nằm thu gọn trong một chiếc khăn bông, hơi lộ đầu ra, nhưng đầu lại trùm khăn lụa bạch kín mít.

Qua vòng vải hồng che khung cửa chữ thọ không dày lắm, Huyền thấy rõ rệt gương mặt của nhà sư nữ cắt tay. Nước da y trắng mát, màu da của một người ốm yếu không mấy khi ra ngoài ánh sáng mặt trời. Hai mắt lơ lơ, ướt át trên một sống mũi dọc dừa. Đôi môi y mỏng và nhợt nhạt như đã từng nhấp vào nhiều vị cay đắng, chua chát. Và thảm hại hơn cái đầu trọc lốc, gò má y đã lõm, vàng trán y đã có nếp nhăn

Rõ ràng tướng một người nghiện nặng, bằng cứ thêm vào mảng ngực lép kẹp như không vú và chân tay khẳng khiu.

Huyền khoan khoái và hồi hộp vô cùng. Anh nóng lòng chờ xem một cảnh lạ lùng sắp diễn ra là nhà sư nữ nhấp môi vào đầu dọc tẩu, kéo những điều thuốc ngon lành của Hình thù kia tiêm cho.

Bỗng Huyền giật nảy mình. Anh sáng hắt mắt lên, mồm há hốc. Nhà sư nữ đã ngả lưng xuống giường, vén tay áo nân lên, đặt dọc tẩu vào lòng bàn tay bị cắt bốn ngón, còn tro một nửa đốt ngón tay cái. Rất nhanh chóng, diện tẩu đặt hơi nghiêng nghiêng trên chụp đèn, đồng thời tay trái nhà sư nữ nhúng mũi tiêm vào cọng thuốc rồi nướng trên ngọn lửa thon thon.

Điều thuốc phồng lên rồi dẹp lại, rồi lại phồng lên. Nhà sư nữ nhúng tiêm vào cọng thuốc lần nữa rồi nướng trên ngọn lửa, đến khi điều thuốc đỏ mọng và sùi lên như da táo tàu, y nhẹ nhàng đưa lặn luôn luôn trên mặt tẩu. Đám xông điều thuốc nhọn hoắt vào lỗ mũi, y quay đầu dọc tẩu khe khẽ nói với Hình thù nằm trước mặt.

Hình thù kia đến bấy giờ mới hơi nhúc nhích thở ra hắt một cái thật mạnh, đoạn thông thả kéo điều thuốc phiện tiêm cực kỳ khéo léo bằng bàn tay trái của nhà sư.

Ro... ro... ro... rororro... ro... ro... Cái âm thanh đều đều vang lên rõ rệt trong gian buồng nhỏ hẹp. Làn khói thơm lừng lờn vờn trước mặt nhà sư nữ như làn khói tỏa trên lư trầm. Đôi mắt nhà sư càng lơ đãng, càng ướt át, càng mơ màng. Gương mặt càng xám ngắt, càng thần thờ, càng mê mê...

Điều thuốc hết. Khói tỏa rộng ra. Nhà sư nữ ngồi dậy, đặt dọc tẩu xuống cái khay gỗ mun đen bóng, tay trái cầm ấm nước chúc vòi xuống. Hình thù hơi nghenh đầu lên, mút chùn chụt như đã khát lắm. Đoạn, nhà sư nữ xúc một thìa mút hạt sen, đổ từng viên cho Hình thù.

Qua làn khói thuốc phiện mong manh hãy còn vấn vương chập chờn, Huyền thấy cặp mắt lơ đãng của nhà sư nữ, nhìn vào Hình thù một cách âu yếm, tới khi Hình thù ăn xong bốn viên mút thì cặp môi y nhọt nhọt nhếch một nụ cười.

Một nụ cười!

Huyền rùng cả mình.

Một nụ cười chua chát buồn thảm! Như cánh hoa đào héo hắt trước khi lìa cành rùng lên một cái để tỏ sự mến tiếc cuộc đời chóng tàn tạ rồi là tả rơi.

Hình thù như không biết, vẫn nằm không nhúc nhích cho đến lúc nhà sư nữ cẩn trọng quay đầu dọc tẩu lần thứ hai, lần thứ ba, thứ tư... thứ tám... thứ mười... thứ mười ba.

Xong điều thứ mười ba, gian buồng chật hẹp vừa đủ kê tấm phản gỗ quang dầu và vài chiếc hòm gán sơn đen sực nức khói thuốc phiện. Hơi thom tràn ra cả ngoài, khiến Huyền không còn ngửi thấy hương nhang man mác. Và, cũng như bị khói nha phiến thấm thía các cơ thể trong người, Huyền thấy rạo rức và có một thứ màng gì tản ra trước mắt anh.

Thoáng phút giây, tòa sen, tượng Phật, đồ thờ biến mất với cả ngọn đèn lưu li xanh lét. Gian chùa mệnh mông càng âm thầm, càng tối mờ mờ.

Thì, ánh sáng ngọn đèn vàng ngà ngà cũng lụn hẳn đi. Nhà sư nữ kéo khay đèn ra một góc tường, vươn người nhấc thùng nước nhỏ lên. Y vò luôn ba chiếc khăn bông, rồi cứ từng chiếc một, một đầu đưa lên miệng cắn giữ để tay trái vắt cho thật kiệt nước. Đặt thùng nước xuống đất và lau khô tay xong, nhà sư nữ nhích đến sát bên Hình thù kia. Tay trái y nâng cao cái trùm kín khăn lụa của Hình thù đặt vào lòng mình. Đồng thời một cánh tay dài giấu trong một cánh tay áo nâu rộng thênh thang của Hình thù vươn ra, quàng vào cổ nhà sư nữ, từ từ kéo mặt nhà sư nữ áp vào mặt mình.

Bao nhiêu phút rồi không biết, nhà sư nữ ôm ấp Hình thù kia? Bao nhiêu phút rồi không biết, những hơi thở dồn dập của hai mảng ngực dội hẳn lên. Bao nhiêu phút rồi không biết, trong làn khói thuốc hiện chưa tan hẳn còn thom thoang thoảng, thân thể nhà sư nữ run rẩy.

Trời ơi! Còn ngờ vực gì nữa? Một con dâm phụ tàn tật hết cách kiếm ăn bèn dùng kinh kệ, đeo mặt nạ đạo đức

huyền hoặc lòng dân, lấy cửa thiền, thâm nghiêm, thanh tịnh làm cái buồng cùng trai tự do hút xách và tình tự!

Máu nóng bốc ngùn ngụt lên đầu Huyền. Huyền mím chặt hai môi lại, đứng thẳng người lên. Anh bước hai bước dài tới cửa buồng. Ầm một cái, anh nhảy xổ lên giường, một tay hất bắn nhà sư đi, một tay giật phắt chiếc chăn bông trùm kín Hình thù.

Nhà sư nữ hét một tiếng nép người vào một góc tường, xám mặt nhìn Huyền.

Ngay lúc đó, cả một thân thể to lớn đè lên người anh, hai bàn tay xù xì như da cóc mềm nhũn và cụt ngùn quào vào mặt anh, hai bắp chân nhều nhẹo thúc vào cạnh sườn anh.

Huyền vội vàng hất tung cái thân thể kia đi và nhảy phốc xuống đất. Nhà sư liền hét lên một tiếng, bổ xoài người, ôm chặt lấy tấm xác thịt nọ.

Tấm xác thịt nọ! Huyền kinh hãi hết sức, quắc mắt nhìn. Tấm xác thịt trần truồng kín mít những vảy mụn không máu mủ mà to bằng miệng chén. Tấm xác thịt mà đầu ngón chân và ngón tay và râu tóc rụng hết. Gương mặt hốc hác xám như chì. Cái miệng tro trụi vài chiếc răng khấp khểnh, nứt nẻ há hốc ra như mõm con chó mực già lẩm sắp đến ngày chết, đôi mắt sâu hoắm đầy lòng trắng mở thật to, ai oán, căm hờn nhìn Huyền.

Thêm một nhân vật quái gở trong chùa Âm Hồn.

Một thằng hủi! Một thằng hủi cùn hủi cụt. Bóng tối thâm và nặng nề! Phải chăng là riêng của một hầm thâm vùi

lấp những xác thịt hôi thối không còn được một ánh sáng nào soi dãi tới.

Huyền đồ người ra. Bao nhiêu can đảm phút chốc như tiêu tán hết. Anh lạnh toát cả người muốn nhấc bước nhưng bấp chân cứng đờ. Cái thân thể co rúm trong lòng nhà sư nữ cụt tay kia, Huyền tưởng chừng sắp phun ra những chất hôi thối và độc hơn nọc rắn bằng hai lỗ mũi đỏ hơn hồng, và cái miệng tối như hang sâu.

Và biết đâu, mười đầu ngón tay, còn sót lại chĩa sắp sửa run rẩy quào vào mặt Huyền, dụi vào mắt Huyền bóp chặt mũi Huyền.

Huyền rợn tóc gáy, vùng chạy ra ngoài. Nhà sư liền vùng dậy, lao mình chắn ngang cửa:

- Tôi van ông! Ông hãy dừng lại.

Huyền toan ẩy nhà sư đi, nhưng y đã ghì riết lấy áo Huyền, giọng nức nở đầy nước mắt:

- Tôi van ông! Ông đừng ra khỏi buồng này đêm nay. Ông mà ra tôi sẽ chết, và người kia cũng sẽ chết!...

Gạt nước mắt, nhà sư cụt tay nói tiếp:

- Ông nên thương chúng tôi, mặc dầu ông chưa hiểu rõ chúng tôi.

Huyền mất hết cả giận dữ thấy nhà sư nói bằng một giọng tha thiết ai oán nó thắt chặt lòng Huyền. Nhưng sự ngờ vực càng tăng thêm với lo sợ và ghê rợn.

- Không, phải để tôi ra!

Nhà sư vội vàng quỳ xuống, ngược mặt xám ngắt đắm lệ trông Huyền:

- Không thể được! Tôi van ông, ông nên thương chúng tôi. Trông ông, tôi chắc chắn là một người trí thức, mà đã là người trí thức ông nên nhận lời tôi van xin, ở lại với chúng tôi một lát để cứu sống đời khốn nạn của hai tôi.

Đoạn, nhà sư gục mặt xuống mũi giày Huyền khóc nức, khóc nỏ vừa giữ ghì lấy gấu áo *pardessus*. Còn Huyền, nghe hai chữ “trí thức” ở miệng nhà sư nữ cụt tay thốt ra, anh chạnh lòng. Huyền hổ thẹn cho mình đã để sự kinh hãi quá đàn áp lương tri mà cứ chỉ theo cái bản năng yếu đuối. Huyền ái ngại nhìn cái đầu nhà sư trọc lóc đè nặng trên chân mình. Huyền cảm thấy nhà sư không gian ác đậm đặc như ban nãy anh vội tưởng, trái lại, một nhân vật đáng thương xót.

Phải, rất đáng thương xót vì có sao người nằm kia không là một người đàn ông cường tráng đẹp đẽ mà lại là một thằng hủi ghê gớm hầu mất hết trí giác, tinh thần?

Huyền vội vàng đỡ nhà sư nữ lên. Cảm động, anh nói:

- Vâng, tôi xin ở lại với nhà sư cho tới sáng ngày và tôi xin nhà sư tha cho cái lỗi tôi vừa làm nhà sư và người kia hoảng sợ.

Ngừng lại Huyền đưa mắt trông người đàn ông co quắp trước ánh đèn dầu lạc vàng ngà ngà rồi nói tiếp:

- Nhưng nhà sư phải cho tôi biết rõ nguyên do sự bắt buộc ấy và cần nhất là chớ nên giấu giếm tôi một điều gì.

Nhà sư mừng rỡ, mắt sáng hẳn lên. Huyền càng cảm động:

- Tôi rất có thể để nhà sư tin cậy. Và tôi chính là một người biết rõ lắm rồi, biết rõ nhà sư có những sự đau đớn khổ ải hơn ai.

Nhà sư nữ thở ra một cái thật dài, rồi vuốt ngực, đoạn mon men đến bên giường, vục tắm thân thể nhóp nhúa đặt vào góc giường, lấy chăn bông trùm kín mít. Y khêu to ngọn đèn lên, lễ phép mời Huyền:

- Ông ngồi tạm xuống giường này. Và ông đã rõ tôi là một kẻ đau đớn, khổ ải hơn ai, nhưng chưa biết nguyên do vì sao tôi cam chịu mọi sự khốn nạn ấy và tại sao tôi giữ ông lại suốt đêm nay, thì đây, tôi xin thưa mọi nhẽ.

Nhà sư nữ ngừng lại một chút, lấy vạt áo chùi nước mắt, chỉ vào cái thân hình quái gở kia, giọng nghẹn ngào:

- Thưa ông, người hủi này là chồng tôi.

Huyền ngẩng vội đầu lên, mở to mắt nhìn vào cái đồng thịt lù lù trong chăn bông. Nhà sư nữ mỉm cười:

- Mà đã ăn ở với tôi hơn mười lăm năm nay.

Huyền ngắt lời:

- Mười lăm năm với một người chồng hủi?

Nhà sư thở dài:

- Không, hủi mới hơn mười năm. Vì ông đã rõ, khi yêu thương nhau người ta còn quản ngại một sự gì, kể cả sự chết. Chả thế, bàn tay phải tôi bị chặt đứt mất bốn ngón chỉ vì theo chồng.

Huyền ái ngại:

- Ai đang tâm chặt tay nhà sư?

- Cha đề tôi.

- Trời! Cha chặt tay con?

Nhà sư nữ chép miệng:

- Tại thấy con cái tôi đã chết, bố mẹ chồng cũng chết, còn chồng thì bắt đầu phát hủi mà tôi vẫn không chịu bỏ chồng về ở với cha mẹ đẻ, cứ cam tâm chịu mọi sự thiếu thốn vất vả buôn bán nuôi chồng. Lại nhân có họ hàng xúc xiểm rằng để tôi như thế làng mạc họ sẽ chê cười dòng giống mình kém phúc đức, cha tôi bèn gọi tôi về. Trước còn khuyên dỗ tôi, tôi không nghe, sau đe loai chửi mắng tôi, tôi vẫn khăng khăng một mực theo ý mình; sau cùng cha tôi nổi giận vác dao dọa chém tôi nếu tôi cưỡng ý, nhưng tôi vừa khóc vừa chối từ. Tức thì cha tôi sai người dẫn ngựa tôi ra, chém đứt bốn ngón và già nửa ngón tay cái tôi rồi đuổi tôi về nhà chồng.

“Tuồng què cụt như vậy tôi sẽ hết cách kiếm ăn, đến phải bỏ chồng trở về ăn nhờ bố mẹ, hay đâu, còn bàn tay trái, tôi khổ công tập tành cho quen làm như bàn tay phải. Sau vài tháng tôi lại quang gánh, thúng mủng đi chợ bán rau cỏ như thường”.

Huyền lắc đầu:

- Nhưng ông cụ tìm cách ngăn cản khác?

- Đã hẳn. Cha tôi thấy dùng cách ấy mà không ngăn ngừa được bèn sai người lên tỉnh báo ông Sứ và Đốc tờ xin

cho người điều chồng tôi tống sang trại hủi Văn Môn ở Thái Bình. Hay tin ấy, tôi vội vã dắt chồng trốn đi.

“Bốn năm trời ròng rã, chúng tôi không dám bén mảng đến các thành thị vì sợ bắt gặp người nhà tôi cho đi tìm kiếm, chúng tôi lang thang nay đây mai đó ở các chốn hẻo lánh trên thượng du. Ban ngày, tôi giấu chồng một chỗ, đội hoa quả bán trái vừa bán vừa xem tướng kiếm tiền nuôi nhau. Tôi sợ dĩ biết nghề lý số vì thuở bé học nhiều chữ Nho và được ông nội dạy bảo cặn kẽ về khoa đó. Rồi đêm đến mới dám cùng nhau ăn nằm, thật chẳng khác gì cặp vợ chồng tên tử tù vượt ngục”.

Huyền ngắt lời:

- Chắc chồng nhà sư mắc nghiện từ khi bỏ làng trốn lên đất thượng du. Nhưng sao nhà sư lại để y mắc nghiện?

- Ông nghĩ kỹ một chút sẽ hiểu rõ. Cả ngày phải xa nhau, đêm đến mới được cùng nhau ăn nằm thì chả nhẽ lại đi ngủ ngay. Mà không còn gì buồn khổ bằng trước ngọn đèn hoa kỳ, sau vài giờ chuyện trò, một kẻ không chịu thấu nỗi đau đớn nhằn nhó rên rỉ. Thấy thuốc phiện rẻ tôi liền sắm một bộ bàn đèn về cho nhà tôi tập tiêm lấy mà hút. Dần dần nhà tôi tiêm thạo, hút được nhiều, cái “việc” làm ấy và sự say sưa giúp nhà tôi khuây khỏa bớt buồn phiền hơn trước. Nhưng từ ngày bệnh ăn đến ngón tay thì tôi phải tập tiêm thuốc hầu nhà tôi.

- Chắc nhà sư một đôi khi cũng có hút?

- Thừa ông cũng có, nhưng họa hoàn vì nhà tôi cố ép, tôi phải chiều ý. Nhưng khổ quá, chúng tôi không thể ở nơi nào

lâu quá vài tuần lễ: con người chứ có phải cái kim đâu! Rồi càng thấy mọi người đều hắt hủi kinh tởm nhà tôi, đến đâu cũng có kẻ soi mói, xua đuổi, mà bệnh tình nhà tôi ngày một nặng, mười đầu ngón tay, ngón chân cụt gần hết, lỗ mũi, hai môi, hai tay loét lở cả thì tôi lo lắng quá, tưởng phát điên mất. May thay, trong một đêm trốn tránh, chúng tôi lạc vào chùa Âm Hồn này, sáng ngày tôi ra chợ gần đấy xem tướng số tình cò nghe lóm được cái lịch sử gở lạ của ngôi chùa cổ ấy, tôi nảy ra một ý kiến. Tôi bèn đến yết kiến ông Chánh tổng và các hương lý trình một tờ giấy tự tay tôi viết, trong nói tôi là con gái một vị Quan triều thất thế, đã lưu lạc trong bao nhiêu năm bị nhiều phen hãm hiếp, một lần vì cưỡng chống bị chém cụt tay nay xin các hương chức trong làng hàng tổng và trong làng thương tình cho tôi trụ trì ở chùa Âm Hồn tới ngày trọn đời.

“Dân làng đều ưng thuận. Rồi dần dần thấy tôi chữ nghĩa giỏi giang, lý số thông thạo, kinh kệ thuộc nhiều và tu hành hết sức khổ hạnh, đối đãi với mọi người thực là hòa nhã, nên khách thập phương dâng cúng rất nhiều. Từ ngày ấy không phải dầm mưa dãi gió, nay làng này mai làng khác, sự sống nhàn hạ đầy đủ hơn trước bội phần. Chúng tôi cũng đành lòng chịu sự bó buộc; một kẻ không bao giờ trông thấy ánh sáng mặt trời, một kẻ ép mình ép xác chịu mọi sự khổ hạnh trai giới để mua chuộc lòng tin cậy, kính phục... Ngờ đâu, đến ngày nay...”

Chấm lời nói dở, nhà sư nức lên một tiếng, gục mặt xuống tẩm thân thể kia. Một lúc lâu, y ngước đôi mắt đầy lệ nhìn Huyền, nức nở:

- ... Như đã có sự gì mách bảo: nhện sa trước mặt tôi, một cái điềm rất xấu, thế mà tôi khẳng khẳng không chịu thêm vài ngày, quả quyết đến nhà người bán thuốc quen ở xóm Tư Ất mua; rồi khi trở về thấy có người, chính là ông theo dõi mà tôi còn táo bạo để nhà tôi hút. Thì sự sống khốn nạn của chúng tôi vỡ lở mà ông là người khám phá ra trước tiên. Ông!... xin ông thương lấy chúng tôi, thương lấy một đàn ông bệnh tật ghê tởm không cha, mẹ, anh, em, con cái, họ hàng và tiền của, thương lấy một người đàn bà yếu đuối không còn thiết một sự vui sướng gì trên đời ngoài sự bầu bạn với người chồng hủi trốn tro trọi cho đến ngày người ấy trọn một đời.

Nhà sư nữ thở dài lên mấy tiếng, gạt luôn mấy hàng lệ, vừa tha thiết nhìn Huyền vừa tiếp lời:

- Mà cái ngày ấy sắp đến rồi! Tôi không còn thể dùng sức gì mà ngăn giữ nổi cho chồng khỏi chết. Ông tính thân thể đã khô rốc lại, mắt đã mờ hẳn đi, không còn đủ trí nhớ và tinh thoảng mới nói một lời thì tôi còn trông mong gì?

“Đau khổ cho tôi chưa? Ông! Ông nên thương chúng tôi! Chúng tôi van ông đừng tiết lộ cho ai biết để chúng tôi sống thêm vài ngày nữa! Ông! Chúng tôi van ông!”

Nhà sư vừa dứt lời thì Huyền quay mặt ra chỗ khác. Anh tránh nhìn vẻ mặt xanh xám buồn thảm của y. Còn y, y từ từ cúi ôm lấy cái Hình thù co quắp trong chăn bông. Huyền chợt thấy lòng mình lạnh rợn đi, và, Huyền càng thấy làn không khí âm u bao phủ cả ngôi chùa tò mò đã chứng kiến trong bao nhiêu năm một tình thương yêu khác thường

của một cặp vợ chồng tật bệnh khốn nạn, càng lạnh lẽo, càng nặng nề.

Cuối năm sau, Huyền được nghỉ phép nửa tháng. Trước khi rời Hà Nội về Trại Hutt thăm nhà, anh xuống ga Mộ Hà rẽ vào chùa Âm Hồn để thăm nhà sư nữ cụt tay và người chồng của y.

Khi đến nơi, Huyền thấy cổng tam quan đóng chặt, cỏ mọc đầy sân, vườn tược hoang tàn tro trụi. Huyền ngạc nhiên. Anh xé giậu vào cửa sát chùa. Thì chỉ có tiếng một nghiêng gỗ rã rích từ trong bóng tối đưa ra. Huyền vòng lại sau chùa. Anh thấy bảy gian nhà ngang đã đổ nát hết, tro lại một bức tường loang lỗ và vài cái cột gỗ cháy sém. Cuối sân xây thêm một ngọn tháp tám đợt, một ngôi mộ mới của một vị sư.

Hỏi ra, Huyền mới rõ tháng hai năm ấy về một đêm tối trời nhà sư nữ đã đổ dầu vào đồng cùi, ngồi lên trên, ngồi châm lửa. Tối khi bốc cháy sáng rực cả một góc trời dân làng mới đổ đến cứu chữa, nhưng họ chỉ dập lửa bên sang gian thờ chính, mà không dám động tới vị sư nữ ngồi nhập định trong khói lửa và trong một mùi khét lẹt.

Người chồng hủi cùn hủi cụt kia chắc chết, nhà sư nữ cụt tay muốn giữ kín sự bí mật thiêng liêng của đời mình đã cùng cái xác thịt góm ghieếc kia tự thiêu đi.

1936

BẢY HỤ

Anh Hai Răng vàng không còn trẻ trung can trường như mấy năm trước. Cảnh tù tội đầy ải đã làm yếu ớt cả phần xác và phần hồn Hai, một người cần cỗi, xấu xa, mất hết lương tri. Bốn tháng tù ở Hà Đông, tám tháng ở đề lao Nam Định, hai năm ở Hỏa lò Hà Nội, và ngót mười năm ở Côn Lôn, bao nhiêu cái trai trẻ của Hai Răng vàng đều phung phí một cách đáng tiếc, đáng tiếc như hai cái răng vàng của anh, vì một lời khiêu khích mà anh gio thẳng tay bẻ, đem bán lấy tiền làm tiệc thết đãi anh em.

Bữa tiệc ấy cách đây hơn mười năm, long trọng và vui vẻ, bữa tiệc đầy những tiếng lóng kỳ dị, tiếng hò hét âm ỉ của một bọn “anh chị” trong cái xã hội “chạy vớ”⁽¹⁾ không bao giờ hết người.

Đốt ngọn đèn dầu lạc, Hai Răng vàng lơ mơ nghĩ đến thời xưa. Cái quá vãng của anh tuy nho nhóp nhưng mà sao khác thường thế, khiến bây giờ tưởng tới anh chẳng khỏi thèm thuồng. Mới mười chín tuổi đầu mà danh tiếng anh lừng lẫy khắp vùng bến tàu, bến ô tô ở Hà Nội. Anh chẳng kiêng nể ai, trái lại, ai cũng phải kiêng nể anh vì anh táo tợn, cầm lưỡi dao sắc nhọn đâm sâu vào ngực người, anh không

⁽¹⁾ Chạy vớ: ăn cắp.

hề thay nét mặt vì anh can trường, nghe tòa kết án mình vài năm tù anh chỉ cười trần. Cái đức tính ấy nó nâng anh lên một địa vị cao quý, nghĩa là dân “chạy vớ” từ “vớ gộc”⁽¹⁾ đến “vớ lõi”⁽²⁾ từ “yêu”⁽³⁾ đến “tiểu yêu”⁽⁴⁾ đều phải kính phục, nhường nhịn anh, gọi là “anh” Hai Răng vàng.

Rồi những khi thua cháy cờ bạc, hết cả “bướu”⁽⁵⁾, anh không cần phải vay mượn ai hoặc mó đến công việc gì hơi nặng nhọc, gắp đĩa ăn cấp nào quen mặt, anh túm ngay lấy, bắt nó nộp tiền “bồi” cái thuế mà “dân vớ” bắt buộc phải nộp cho ông “trùm vớ” hay ông “vớ anh chị”.

Một luồng gió qua sân rộng lùa vào nhà. Ngọn đèn dầu lặc hơi rung rinh. Hai Răng vàng nhẹ nhích người ra vươn cánh tay khép cánh cửa sổ. Thấy một bóng người thấp thoáng, Hai liền cất tiếng khàn khàn gọi:

- Bầy! Bầy Hựu!

*

* *

Nhưng không phải! Hai Răng vàng trông lầm. Bầy Hựu hiện đương mài miết nghĩ cách “làm tiền” giữa những phố tấp nập. Bầy lo sao tối nay và ngày mai bữa thuốc phiện của Hai được đầy đủ.

(1) Vớ gộc: đĩa ăn cấp lớn tuổi.

(2) Vớ lõi: kẻ cấp nhỏ tuổi.

(3) Yêu: kẻ cấp lâu năm, can án nhiều lần.

(4) Tiểu yêu: kẻ cấp gần được chức “yêu”.

(5) Bướu: tiền.

Chợt một bóng người vận âu phục lướt qua trước mặt Bảy. Bảy vội ngẩng đầu lên, nhanh như cắt, Bảy đưa cặp mắt sắc sảo thăm đếm những tờ giấy bạc mà người nọ vừa đi vừa soạn để cho vào ví. Một đồng... hai đồng... ba, bốn, năm, sáu đồng... chín, mười đồng... rồi thì vừa đúng mười lăm đồng.

Mười lăm đồng! Hay năm lạng thuốc phiện chính cống! Hay bao nhiêu sự vui sướng làm hả hê lòng người mà Bảy thương yêu vô cùng: Hai Răng vàng!

Đến đầu phố Ba Ty, người vận âu phục dừng bước. Hắn ta đứng trước một gian hàng, yên lặng ngắm những giấy, những mũ, những sơ mi bày rất khéo trong tủ kính sáng choang. Bảy Hựu nhẹ bước tới gần, toan rút chiếc ví đầy bạc. Nhưng nhác thấy bóng mình nổi bật trên mặt kính, Bảy phải vờ lảng cách xa hắn vài thước để chờ cơ hội.

Vài phút sau, một bọn thợ tan tầm lộn xộn chen chúc nhau từ đằng xa đi lại. Bảy Hựu tiến ngay đến bên hắn, nhẹ nhàng đưa hai ngón tay - ngón trỏ và ngón giữa - rút cái ví trong túi quần, thì... vừa lúc chiếc ví gần ra khỏi miệng túi, hắn bước đi một bước để nhìn kỹ chiếc áo sơ mi ở cuối tủ. Ví tiền kẹp hờ ở hai đầu ngón tay Bảy, rơi xuống vỉa hè; hào xu vãi tung tóe; Bảy vội vàng cướp lấy ví mà không được: hắn giật mình, nhanh tay nhắm mắt rồi!

- Ăn cắp! Con ăn cắp, các ông các bà ơi!

Bảy phát uất lên, chạy như biến vào cái ngõ hẻm gần đấy, rồi rẽ qua một ngõ hẻm nữa sang phố bên kia. Đến ngã tư, Bảy nhập bọn với tụi phu hồ và đưa mắt trông hút người vận âu phục nọ.

Trong một phút, Bảy nghĩ đến khi xưa, Hai Răng vàng còn trai trẻ và Bảy còn bím tóc, hai anh em cùng đi “làm tiền”. Giọng nhớ tiếc, Bảy Hựu khẽ nói:

- Giá anh Hai đứng “cản”⁽¹⁾ cho mình “mỗi”⁽²⁾ thì “cá”⁽³⁾ “mẻ bẻng”⁽⁴⁾ chứ còn gì!

Rồi Bảy Hựu chắc lưỡi, quả quyết đuổi theo người vận âu phục. Bảy phải lấy cho kỳ được cái ví tiền kia để chuộc lại cái lỗi Bảy vừa có ý tưởng chê trách người anh nghiện ngập lười nhác.

*

* *

Hai Răng vàng thở xong khói thuốc phiện, duỗi dài chân, vắt tay lên trán.

Bỗng con dao lá mạ cài trên đỉnh màn roi cắm phập xuống giường. Lưỡi dao rung rung, lấp lánh trước ngọn đèn tò mò.

Hai rùng mình.

Lưỡi dao như hãy còn đâm máu và đương khát máu. Mà máu, máu là hình bóng của quầng đời dĩ vãng gian ác, hung tàn của Hai.

Hai lại rùng mình.

(1) Cản: đứng chắn, làm cho vướng mắt.

(2) Mỗi: móc.

(3) Cá: ví.

(4) Mẻ bẻng: mất ngay.

Tiếng gió đùa rì rào trong các bụi cây vắng vẻ tha thiết như tiếng gọi huyền bí. Hơn nữa, như tiếng trách oán của một kẻ sôi nổi, ghen hờn.

Hai lại rung mình và lạnh toát cả người.

Hai cảm thấy sự hổ thẹn vì đã để cho khối thuốc phiện làm tê liệt lòng hăng hái. Và Hai lại cảm thấy mình hèn nhát nữa. Một sự thềm thuồng, khao khát bùng lên trong tâm trí Hai, làm Hai lại thích “khai”⁽¹⁾ thích “hiếc”⁽²⁾ thích đương đầu với các “anh chị” chứ không muốn sống một cách uơnh hèn, nhờ vả người em gái “chạy vớ”.

Không thể chịu đựng được sự kích thích, Hai Răng vàng cởi ngay áo, nhảy phắt xuống giường, Anh đứng thẳng người lấy tẩn, rồi đi bài quyền Liên Hoa mà anh bỏ bằng đã hai năm nay, sau khi được tha ở Côn Lôn về.

Bây giờ Hai Răng vàng là một nhà võ sĩ!

Xong bài quyền, Hai không thấy chút mệt nhọc, trái lại sung sướng và bông bột. Anh liền chạy lại rút lưỡi dao cắm trên giường. Anh đi luôn thêm bài Ngọc trản. Lưỡi dao sáng lấp lánh vun vút dưới ánh trăng rất nhịp với cánh tay Hai hầy còn mềm mại gân guốc.

- “Te”⁽³⁾ quá! “Te” mù trời anh Hai ơi!

Hai giật mình, dừng tay múa, trông lại đằng cửa ngõ: Bầy Hựu! Bầy Hựu sung sướng, giọng run run:

⁽¹⁾ Khai: móc túi, xẻo đấy.

⁽²⁾ Hiếc: ăn cắp.

⁽³⁾ Te: Đẹp, mới, tốt.

- “Ken”⁽¹⁾ đây, anh Hai.

Dứt lời, nàng dúm vào tay Hai ba hộp thuốc phiện vàng, mỗi hộp năm đồng cân. Hai cảm động cầm chặt lấy. Anh trở mắt nhìn em, trạnh thương em bấy lâu vì mình mà phải gian nguy vất vả.

... Hai người cùng im lặng.

... Gió thu càng rì rào, to và lạnh lùng hơn nữa.

*

* *

Bầu không khí yên lặng trong nhà Hai Răng vàng đã biến đổi. Khói thuốc phiện ở ba chiếc tàu bốc um lên hoà lẫn với mùi rượu, mùi các món nấu trở nên nồng nực. Muốn Hai sống lại ngày vui vẻ, oanh liệt khi xưa, Bảy Hựu nhân dịp trùm chạy vở chợ Sắt bị bắt, làm một bữa tiệc thết đãi anh em bạn bè Hai để xem bọn họ cắt máu ăn thề và cử người lên thay Xuân Rồng làm trùm.

Một lúc lâu, thuốc phiện đựng trong những cống đã voi quá nửa, thức ăn dùng gần hết, rượu đã hai lần thay chai. Ăn uống, hút sách đã no nê, say sưa, mọi người trong bọn liền đứng dậy, đồng dục cất tiếng nói:

- Này anh em!

Một người khác chòng ghẹo, vắn hỏi:

- Anh em gì chứ?

⁽¹⁾ Ken: thuốc.

- Dân “yêu” dân “vò”.

Tức thì cả bọn vỗ tay reo ầm lên:

- Thế thì đúng lắm rồi!

Thấy chúng bạn huyên náo, kêu la ầm ĩ. Ba Đen, người nói đầu tiên, phải cao giọng thông thả bảo mọi người:

- Xin anh em “lịch sự” một chút, để cùng nhau bàn chút việc...

Tư Choi láu táu cướp lời:

- Việc gì?

Hai Béo đang hút thuốc Lào cũng quăng xe đi, xen thêm một câu hỏi:

- “Mở”⁽¹⁾ hay “trô”⁽²⁾?

Hàn Rám má nét mặt hăm hăm, vỗ tay xuống bàn:

- Cứ pha mãi thôi! Để anh Ba nói, xem việc gì nào!

Trước cặp mắt long sông sọc ản dưới đôi lông mày chổi xuể của Hàn Rám má, Tư Choi, Hai Béo và mấy người khác im bật chuyện. Bảy Hựu đứng lên khẽ bấm Hai:

- “Anh chị” có khác! Hàn oai đấy!

Hai Răng vàng nhìn Hàn không đáp, nhếch mép mỉm cười.

Chờ ai nấy đều đã im bật, Ba Đen bê ra giữa nhà một

⁽¹⁾ Mở: ăn uống.

⁽²⁾ Trô: hút xách.

thau nước, một con gà, một lưỡi dao, một cái đĩa, để tất cả lên cái bàn con. Anh châm hương, cắm vào bát, rồi nói:

- Nay anh Xuân Ròng đã bị bắt, mà anh em chúng ta đều bị “cóm”⁽¹⁾ tằm nã riết, vậy tôi nhân cuộc hội họp này cùng anh em cắt máu ăn thề, rồi cử một người lên thay anh Xuân Ròng để gây một bè đảng có thể đối chọi với... đòi! Chẳng biết anh em có bằng lòng không?

Ba vút dứt lời, tiếng vỗ tay ran lên như pháo. Sứ Nháy nhảy ngay ra giữa nhà sấn sổ toan thề. Ba Đen ngăn lại:

- Không được!

- Sao lại không được?

Với bộ mặt của kẻ thạo đòi, Ba đồng dặc đáp:

- Phải khai tên tuổi, quê quán và án tích để anh em chấm xem có đáng mặt “chơi” thì rồi mới thề, mới uống máu chứ!

Sứ Nháy cười khà vỗ ngực nói luôn:

- Tôi là Sứ Nháy, hai mươi một tuổi, không cha mẹ, không anh em vợ con, không quê quán...

- Can án mấy lần?

- Can án sáu lần, tổng cộng bốn năm tù.

- Thề thế nào?

- Xin nguyện hết lòng giúp đỡ, bênh vực anh em, giữ kín công việc của anh em, nếu sai lời sẽ bị trời chu, đất diệt.

⁽¹⁾ Cóm: chỉ chung cả mặt thám và đội xếp.

Ba Đen chờ Sứu thề xong, hất hàm hỏi mọi người:

- Có đáng không?

Thấy mọi người gật gù, Ba xắn tay áo lên, đến bên thau nước, rửa sạch bàn tay, rồi nắm chặt cổ gà đưa dao cắt. Con gà trống già già, máu tươi rỏ rờng rờng trên cái đĩa để bên cạnh bát hương. Sau vài tiếng ằng ặc, con vật nọ nhắm nghiền mắt, rũ xống hai cánh. Ba ném nó vào xó nhà, giục Sứu uống máu. Nhưng Sứu nhe răng cười:

- Uống thế này thì “rệp”⁽¹⁾ lắm, anh Ba.

Ba Đen trừng mắt nhìn, Sứu nói tiếp:

- Lấy chính máu mình hoà lẫn máu anh em để cùng nhau uống thôi mới anh hùng chứ. Chắc anh sợ đau nên mới giết gà lấy máu thay máu người, thôi “phế” đi!

Hàm Rám má, Tư Choi và Bảy Hựu tán thành:

- Phải đấy, phải đấy Sứu ạ!

Sứu Nháy liền đổ đĩa máu gà xuống nền nhà, rút dao ở túi ra, cắt đầu ngón tay. Ba Đen lấy đĩa khác hứng máu Sứu, Sứu lùi ra một bên. Tư Choi bước vào. Nắm chặt bàn tay, Tư đâm mạnh vào ngực thề:

- Tôi là Tư Choi, hai mươi tư tuổi, không quê quán, anh em, cha mẹ, can án tám lần, tổng cộng bảy năm tù, nguyện như Sứu Nháy nếu sai lời xin quý thần hai vai bắt học máu chết tươi.

⁽¹⁾ Rệp: dùng để chỉ những kẻ hèn hạ, nhát gan.

Dứt lời, không thèm dùng dao, Tư chơi đưa ngón tay út lên miệng nhai ngấu một cái. Đầu ngón tay giập rỏ máu ròng ròng lên cái đĩa. Rồi đến lượt Hai Bé, du côn ở Lạc Viên, Hàn Rám má, trùm “chạy vớ” suốt phố khách và phố Đầu Cầu, Ba Đen trùm “chạy vớ” và “anh chị” ở bến tàu... và sau cùng, Hai Răng vàng. Hai Răng vàng ung dung đứng trước bát hương, gio tay lên đầu thề:

- Tôi là Hai Răng vàng, hai mươi tám tuổi, không cha mẹ, không quê hương, tám lần tù và một lần đi đày, hiện đương có “bùng”⁽¹⁾, nguyện hết lòng làm việc với anh em, bao giờ cũng can trường, bênh vực anh em, nếu sai lời, xin bị phanh thây, xé xác.

Thề xong, anh thản nhiên ghé răng cắn đứt đầu ngón tay cho máu mình rỏ vào đĩa.

- Thôi không còn ai nữa chứ?

Bảy Hựu đang náo nức, long lanh nhìn giọt máu tụ trong đĩa, thấy Ba Đen hỏi liền hồm hĩnh đáp:

- Góm! Các anh quên “bi” này hử?

Ba Đen vỗ vai Bảy cười:

- Thì thề đi!

Bảy lanh lẹn bước ra trước bát hương, gio cao tay, cứng cỏi thề:

⁽¹⁾ Bùng: án biệt xứ. Thường thường người có án biệt xứ ở Bắc Kỳ không được lai vãng đến những thành phố: Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và những tỉnh to: Hà Đông, Bắc Ninh...

- Tôi là Bảy Hựu, hai mươi tuổi, không cha mẹ, không quê quán...

Tư Choi xen lời hỏi cợt:

- Không cả chồng con?

Bảy mỉm cười:

- Phải, không cả chồng con, theo anh là Hai Răng vàng giang hồ từ thuở nhỏ, can án sáu lần, cộng bốn năm tù, xin nguyên như anh em, và nếu sai lời, sẽ bị chết đâm, chết chém ở đầu đường, xó chợ.

Bắt chước Hai Răng vàng, khi thề xong Bảy Hựu cắn ngón tay lấy máu. Để cho máu Hựu chảy đến giọt thứ chín, Ba Đen rót một ít rượu vào đĩa, nâng cao đưa cho Bảy:

- Này, chị uống trước đi.

Bảy Hựu đón lấy đĩa máu, nhấp luôn ba nhấp. Chắt rượu pha với máu của các “anh chị” những tay du côn, những “so chạy vớ”, như làm Bảy say sưa. Mặt Bảy đỏ gay lên, gò má nóng bừng. Bảy long lanh đưa mắt nhìn mọi người, rồi quay bảo Hai Răng vàng, giọng run run:

- Đây này, em uống rồi đây! Anh uống đi!

Ba phút sau, cuộc thề xong, Hai Răng vàng vì nhiều lần can án, và trước cũng là anh chị cừ khôi, được mọi người cử lên thay Xuân Rồng.

... Muốn phô trương thanh thế của khu vực mình, bọn “tay chơi” bên ximoong làm một đầu sư tử thật oai, đem điếu ở các phố cùng hơn trăm đầu sư tử của các bọn khác.

Dưới trăng thu tròn và sáng như chiếc đĩa bạc, thành phố Hải Phòng huyền ảo lạ thường. Người ta phải nhức đầu vì những tiếng ồn ào liên miên không phân biệt, người ta phải nhức mắt trước ánh sáng của những bó đuốc tẩm dầu bốc cháy ngùn ngụt. Không phải Tết Trung thu yên lặng, đầy thi vị nữa mà là một tối hỗn độn, rộn rịp của ngày hội chiến thắng⁽¹⁾ về một năm phồn vinh.

Đến tám giờ tối, phố xá càng tấp nập, càng huyền ảo... Đèn đuốc sáng rực trời. Trong đám bụi lằm, đầu sư tử do một “tay chơi” bên ximoong múa càng thêm dũng mãnh. Cướp luôn giải của ba đám sư tử khác, sư tử xi-moong nghênh ngang đi rong phố với những tiếng chiêng, trống ủng hộ mỗi phút một giòn giã.

Chợt một tràng pháo tới tấp vang lên. Hiễn Độc long, người cầm đầu “sư tử ximoong” dừng bước. Hấn hất hàm trừng mắt nhìn chiếc đầu sư tử do Ba Đen trong bọn “chạy vồ” nhào múa trước một hiệu Khách.

Bấy giờ tiếng trống, tiếng chiêng, tiếng thanh la của bọn Ba Đen nổi âm ầm, rung động cả một góc trời, át cả tiếng trống, tiếng chiêng của bọn Hiễn.

Giải sắp treo!

Hai Răng vàng truyền khuá mạnh thêm chiêng, trống, rồi anh cầm đôi dao quắm nhảy ra giữa vòng người, vòn trước Ba Đen. Vội vàng, Hiễn Độc long dẫn thủ hạ phi tới. Hấn giơ gậy, nhắm Hai Răng vàng đánh. Hai không kịp đề

⁽¹⁾ *Fête de la Victoire* của Pháp vào ngày 11 tháng 11.

phòng bị roi mất dao và bị một gậy giáng suốt sống lưng. Hai phải giở quyền vừa đỡ, vừa hô:

- Hàn Rám má! Tư Choi! Nháy! “Vạng”⁽¹⁾ đi “nhẫu”⁽²⁾ lên!

Nhưng Hàn, Tư Choi, Sửu Nháy cùng các bạn Hai cũng bị bọn du côn bên ximoong vây tròn, cũng đương cố gắng đỡ những ngọn gậy, những mũi dao của hàng chục tay chơi kỳ khôi.

Hai Răng vàng hơi luống cuống. Đường quyền của Hai hơi rối loạn vì những miếng gậy lạnh lẹn và hiểm hóc của Hiến Độc long. Hai vừa phải đỡ, vừa lùi về phía Bảy Hựu đứng. Sau Hai đưa mắt thăm bảo Bảy “chuồn”. Rồi đá Hiến một đá, chàng bỏ chạy.

Hai mệt lắm! Biết có đứng lại cũng không thể đương đầu với bọn Hiến. Bao nhiêu sức lực của Hai đã bị khói thuốc phiện làm tiêu tan hết. Cả cái can trường của Hai!

Trong người Bảy Hựu bỗng sôi lên! Bảy nhận thấy rõ rệt sự yếu ớt kém hèn, sự thất bại đau đớn đã đến lôi kéo Hai đi, và chỉ trong ít phút nữa sẽ đến lôi kéo Bảy cùng các bạn cùng nghề.

Trong giây phút, Bảy Hựu chợt nhớ tới đĩa máu thề. Bảy dần tiếng hỏi một “vô lỗi”.

- “Đoàn”⁽³⁾ của mày đâu?

⁽¹⁾ Vạng: đánh.

⁽²⁾ Nhẫu: nhanh.

⁽³⁾ Đoàn: dao.

- Đây! Nhưng chị làm gì?

Không đáp, Bảy Hựu vội thọc tay vào cặp quần thẳng bé đứng sau lưng, rút lưỡi dao ra. Mắt Bảy hoa lên, miệng Bảy sùi bọt. Bảy nhắm giữa ngực Hiền Độc long thẳng tay đâm. Nhanh mắt, Hiền né mình tránh được, thuận chân đá trúng mạng mỡ Bảy. Bảy ngã sấp xuống, lưỡi dao cầm trong tay đâm trở lại suốt ngực Bảy. Máu tươi vọt ra, lai láng trên hè.

Những tiếng kêu hồi hộp, vui vẻ, sợ hãi nhao nhao lên, bụi đường, khói đuốc bốc lên làm át cả tiếng Bảy Hựu hơi thở cuối cùng, làm mờ cả cặp mắt Bảy ráo hoảnh đang từ từ nhắm mắt lại trước khi chưa chết nhìn theo Hai và các bạn đồng nghề lần lút chạy trốn trong đám đông người.

1937

TRONG CẢNH KHỐN CÙNG

Một đêm mùa xuân. Trên dòng sông êm ả, cái đồ cũ của bác lái Phấn từ từ trôi. Cánh buồm nâu đã biến màu xám, mỗi lúc gió thổi xuôi lại căng thẳng ra, đón lấy sức mạnh giúp đồ vượt chiều nước lên.

Đến bến La đồ dừng lại. Có tiếng người gọi. Vài phút sau, một bọn người gồm một người đàn ông đứng tuổi, rách rưới, một người đàn bà cục mịch bế hai đứa bé và hai đứa trẻ gầy còm riu rít dắt nhau lên đồ. Hỏi ra mới biết đó là một gia đình phu mỏ ốm đói quá từ Vàng Danh đã đi bộ từ Uông Bí tới đây, nhưng vì mỗi mệt quá đành phải đáp đồ về Hải Phòng vậy.

Anh chân sào Tuyên rút con sào cắm ở dưới nước lên, đặt nằm dọc trên mui rồi chêm chệng ngồi lên cái ghế gỗ đóng ngay vào mỏm cuối đồ. Anh ghì chiếc dây thép làm căng thẳng cánh buồm. Rồi Quyển, vợ bác lái Phấn, chống sào vào bờ đẩy đồ ra giữa sông.

Đò lại từ từ trôi trong cái yên lặng của đêm sâu.

*

* *

Một lúc sau, tiếng gà gáy ở chòm xóm xa xa theo nhau vẳng lên. Quyến bỗng thức giấc, từ từ hé mắt nhìn bên mình nàg, vươn tay lay đầu một người đàn ông mê mết dưới ánh sáng lù mù của ngọn đèn hoa kỳ. Nhưng người ấy không hề nhúc nhích; gương mặt xanh xao, ốm yếu, vẫn đờ đẫn. Rùng mình, Quyến quay mặt ra chỗ khác, chếp miệng thở dài.

Lúc này, Quyến chán nản hết sức. Cõi lòng nàg giống hệt chiếc đồ cũ kỹ va mạnh vào móm đá là tan tành. Quyến uể oải đưa hai tay khoanh sau gáy, nhìn thẳng lên mui thì... Quyến cũng thấy náo nức, rạo rực một cách khác thường. Nàg hình như khó thở, các thớ thịt bút rút buồn buồn. Đã thế, tiếng rên rĩ của chồng nàg cứ rõ rệt rót vào tai nàg với tiếng ngáy dồn dập của những khách đi đò.

Giữa một người ốm và mấy người say sưa ngủ, Quyến thật không thể định được thần trí để ngủ và quên.

Gió xuân vụt réo lên, hai sợi dây thép căng từ đầu cột buồm tới chỗ anh chân sào ngồi vẳng theo những tiếng ngân đều đều.

Quyến lại ngoảnh nhìn người chồng ốm yếu nằm bên nàg một lần nữa, đoạn Quyến quay đi mở to mắt trông ra xa, chỗ mặt sông xanh biếc lẫn sắc da trời mờ mờ.

Quyến phảng phất thấy những hình ảnh hiển hiện từ từ.

Cũng trên dòng sông luôn luôn êm ả này, cũng với cái đò này nhưng lúc nó còn mới mẻ vững chãi, Quyến hai nách hai con sống một cuộc đời giản dị mà vui tươi. Ngày ấy cách

tám năm, dạo Quyển còn trẻ măng và bác Phấn thì sức lực cường tráng, nhất là nhằm vào hồi kinh tế chưa khó khăn, đồng tiền kiếm rất dễ dãi. Chẳng có thể mỗi chuyến ế ra Quyển cũng nhặt được ba, bốn đồng, cứ ba hào một người khách ở Ưông Bí về Phòng, giá tiền ấy bằng giá đi ô-tô ngày nay.

Nhưng được ít lâu, hai đứa con nàng chết, sự làm ăn một ngày một chật vật, rồi giữa khi bắt đầu cùng quần, bác Phấn sinh ra tê liệt. Sau mười lăm năm đi nghề chân sào, giẫm chân xuống bùn nước không biết mấy vạn lần và sáu năm ra công chèo lái một chiếc đò, bác Phấn đã kiệt sức, và khi sức đã kiệt, bác đành phó thác sinh mệnh mình trong tay vợ và trời.

Ngày sung túc, êm đềm đã mất! Nghĩ mà tiếc! Biết không thể sao có lại, bác Phấn thường an ủi vợ đừng than thở oán trách số phận làm gì. Bác tin thật người vợ hết lòng thương yêu bác kia đã dần quên những ngày xưa vui sướng và không cho sự làm ăn hiện tại là khổ sở. Bác định ninh đàn bà đều nhẹ dạ, nông nổi, không quản ngại một sự gì trong cảnh khốn cùng lắm than nếu cùng có chồng con chịu đựng, chia sẻ.

Không! Quyển đâu như bác tưởng? Trước kia Quyển đã cảm động vì những lời hát tình tứ của bác mà bỏ cha mẹ anh em theo bác, thì ngày nay Quyển cũng phải chua xót vì cảnh trụy lạc của đời chồng và đời mình. Quyển tủi thân và hết sức thèm muốn sự êm đềm đã mất, mất hẳn, không phương vớt vát.

Rồi chẳng khác gì tiếng hát nồng nàn yêu thương của bác Phấn, tiếng sông vọng gió, tiếng ruộng rì rào, tiếng ngàn

cây man mác mơ hồ làm vọng trong lòng Quyển một thứ tiếng thồn thức của những ước mong rạo rức. Rồi nhìn đâu Quyển cũng thấy những cái để mà buồn, để mà thẹn, mà rỏ nước mắt khóc than...

Gần đến Quảng Yên đò chạy chậm chậm vì gió thổi rất nhẹ. Anh chân sào phải khéo léo hết sức để lựa chiều xoay cánh buồm. Vô ích, đò như ngừng lại, và quả thật, vài giây sau, đò đứng sững trong một vụng nước không sâu lắm.

Tiếng dây thép cọ xát cột buồm liên tiếp nhau, cánh buồm xám không may rung động.

Thấy thế, Quyển cất tiếng hỏi:

- Anh Tuyên, đò không chạy nữa à?

- Phải, không gió thì chạy sao được.

- Kìa! Đương thời to cơ mà.

- Nhưng giờ hết rồi bác ạ.

Dứt lời, anh chân sào đứng lên, vươn vai thở hắt mạnh ra một cái. Hai mắt anh thoáng gặp cặp mắt Quyển long lanh, thì vẫn lại cái cảm giác rạo rức ấy miên man trong khắp thân thể anh. Bất giác anh bật nói:

- Lạ nhỉ?

Quyển ngò vức hỏi:

- Cái gì thế anh?

Anh chân sào lúng túng:

- Không bác ạ.

Nói đoạn, anh ngồi xuống và ngậy người ra nhìn Quyển. Cái ý nghĩ chiếm đoạt táo bạo trở lại trong tâm trí anh. Anh lại bối rối vì những câu hỏi hiện ra trong trí tưởng anh:

- Có thể giữ mãi được không?

- Có thể bỏ qua mãi những cơ hội tốt đẹp được không?

Chợt, gió xuân nổi lên, mạnh hơn trước nhiều. Vội vàng, anh chân sào ghì hai đầu gối đẩy chệch cái núm gỗ của bánh lái về bên trái và kéo thẳng cánh buồm.

Vừa nhúng tay vào việc làm, anh nhẹ hẫng người đi, anh mỉm cười:

- Không thể thế được! Mặt mũi nào.

Ở trong khoang, Quyển càng rạo rức hơn, sau khi anh chân sào nhìn nàng, vì Quyển đã nhận ra rằng ý muốn của nàng chắc chắn sẽ thành đạt nếu nàng ngỏ một nhời, chỉ một nhời thôi.

Anh chân sào không cảm nàng sao hằng ngày và mới rồi lại đắm đuối trông nàng như thế?

Lòng Quyển càng sôi lên:

- Phải liều! Liều một bước thôi mà.

Theo sau nhời nói, bao nhiêu hình ảnh sáng sủa rục rồ cứ thứ tự liên tiếp nhau vẽ ra trong trí tưởng Quyển.

Trên một dòng sông nào đấy, hai bên bờ cũng có núi non đồng ruộng tịch tịch, Quyển cùng với anh chân sào trẻ

tuổi đẹp dễ mà bấy lâu nàng mơ ước kia sống cuộc đời êm đềm như xưa. Một cái đồ mới mẻ, chắc chắn, người chồng tráng kiện nở nang, sự làm việc hòa hợp vui vẻ và tình yêu nồng nàn mà tha thiết với đời. Rồi mỗi khi cảm thấy đời đầy đủ tốt đẹp, nàng lại cất giọng hát những câu hát của thời con gái nhí nhảnh không lo nghĩ, không bị câu thúc.

Quá Quảng Yên được một quãng xa thì đặng đồng bắt đầu mờ mờ sáng. Dòng sông xanh biếc lấp lánh những ánh trước vàng nhạt sau vàng tươi, sau hồng phớt. Rồi cả mảng trời bên bờ tay trái óng mượt như tấm màn nhung đỏ viền lơ.

Trừ bốn đứa trẻ con, tất cả hành khách trong khoang đều dụi mắt gọi nhau dậy. Quyển chờ ai nấy sửa soạn hành lý đầu đấy thì thu tiền đò. Tốp bốn người đàn ông xuống đò trước nhất đưa cho Quyển sáu hào, rồi đến hai ông cụ già trả ba hào. Còn người đàn ông và người đàn bà nọ vẫn trông nhau lăm lét.

- Kia hai bác cho tiền chứ, sắp đến Phòng rồi.

Người đàn bà đưa cặp mắt sợ sệt nhìn chồng. Người đàn ông chau mày suy nghĩ, một tay cời nút thắt lưng đuôi bạc phếch. Quyển đưa mắt thấy hai ngón tay người ấy vân vê một cọc xu ước chừng hơn một hào, và người vợ càng len lén nhìn mình, thì Quyển hiểu ngay ra nguyên nhân sự chậm chạp này. Nàng dần tiếng:

- Hai bác thiếu tiền đò phải không?

Người đàn bà vội hất hàm bảo chồng:

- Kia mình, còn tất cả bao nhiêu?

Người chồng chếp miệng, hai tay trân trọng cầm buộc xu đồng đưa cho Quyển, giọng khẩn khoản:

- Thôi, chả giấu gì bà, vợ chồng cháu túng đói quá, ở “min” cũng chết mà về quê cũng chết, thì thà về nhà quê chết còn hơn, vậy vợ chồng cháu đành dắt díu nhau về làng, chả may đi đến La thì hai đứa bé cảm nắng lên con sốt, chúng cháu đành liều xuống dò bà. Tất cả vợ chồng con cái nhà cháu chỉ có hai hào để ăn đường từ Phòng về Nam, đây, xin đưa bà một hào, bà làm phúc cho hai vợ chồng chúng cháu.

Dứt lời, muốn tỏ rằng mình không dám giấu giếm đồng nào, cả hai vợ chồng đều giũ tung gói quần áo cho Quyển xem, đoạn người vợ sụp xuống lạy Quyển.

Thoạt nghe Quyển đã nổi giận, nhưng khi thấy sự quy lụy của vợ chồng nhà này và bốn đứa trẻ gầy còm nheo nhóc, Quyển dẹp ngay được sự bức tức. Nàng xua tay:

- Không, tôi không lấy lạy của bác đâu. Tôi cho lại một hào ấy mà ăn đường. Nhưng bận sau thì chớ có xuống liều đồ của bất kỳ ai đấy!

Quyển bỏ tiền của những người kia trả vào ruột tượng xong thì quay ra nhóm bếp đun nước pha chè tàu cho chồng.

Mặt trời đã lên cao, rắc xuống mặt sông những ánh vàng chói lọi. Vài tia nắng xiên qua cánh buồm nô giỡn trên mặt Quyển, làm nổi bật sắc má hồng dưới hai quầng mắt thâm mờ màng. Gió xuân êm mát reo vù vù, đưa tạt ngọn lửa về

một bên. Gần ngọn lửa phấp phới, gương mặt bác Phấn vẫn buồn thảm vô cùng. Hơi nóng dịu dàng không thể nào đổi được da xanh xám nên hồng hào. Có lẽ, không một chút xuân khí nhẹ nhàng nào có thể truyền vào cái thân thể tê liệt kia những cảm giác mới lạ. Có lẽ, cho đến ngày trọn đời, trói buộc với tấm xác thịt vô ích kia bằng mớ dây thương yêu bắt buộc, Quyển rồi cũng trở nên vô ích thôi!

Bọt nước sôi bông trào ra ngoài. Mấy đầu củi thoi thóp cháy bị dập tắt, bốc khói âm ỉ. Quyển nhấc ấm nước lên, tự nhiên nằng nùng cả mình.

Chờ Quyển chuyên cho chồng một chén tống đầy nước xong, người đàn bà bế hai con lại xin nước cho chúng nó uống. Rồi bác ta vạch vú cho chúng nó bú; còn người chồng giở gói com nắm ra cắt làm mười khoanh, chia đều cho hai đứa nhón.

Chắc hai thằng này đói lắm nên thoảng mắt đã ăn hết nắm com. Còn một nắm, bố chúng định cắt nốt thì người đàn bà nhai đầy mồm com để mớm thêm cho con, lúng búng nói:

- Thôi mình ạ, nắm này để dành đến trưa chứ, không thì tiền đâu mà mua com?

- Trưa sẽ hay. Giờ chúng đói thì cứ cho chúng ăn.

Nhưng hai đứa trẻ ấy không thể ăn thêm được bốn khoanh nữa vì com nắm khô quá và không có lấy một tí muối vừng để chấm hay con cá nướng để ăn kèm. Cả hai đều chép miệng. Tưởng chúng chỉ háu đói trong chốc lát

nhưng khi ăn tí chút thì lửng dạ ngay, người đàn bà liền trách chồng:

- Đấy tôi đã bảo mà! Bây giờ chúng bỏ bữa thì ai ăn? Phí quá!

Người chồng dịu nhời đáp:

- Mình hỏi lần thân quá, cơm đã khô, đến đói ngấu mà chúng còn chả ăn được, nữa là để đến chiều. Mà chúng ăn không hết thì mẹ nó và tôi không đổ được vào miệng hay sao mà phí quá!

Người vợ làm lành:

- Ủ thì mình và tôi ăn đi nào.

Người chồng lắc đầu chối từ:

- Không, tôi không đói, vậy mình ăn cả đi để lấy sữa cho con.

Người vợ cố ép nhưng bác ta nhất định nhường phần.

Trước bữa cơm thiếu thốn của cái gia đình khốn cùng lang thang này, Quyến chăm chú nhìn. Nhất là sự săn sóc âu yếm vợ con của người đàn ông xác xơ, rách rưới, nom tiêu tụy quá thể, được Quyến để ý hơn cả. Những vết sẹo chẳng chịt trên khuôn mặt người đàn ông cháy nắng đen sạm ấy chẳng còn vẻ gì hung tợn bạc ác hết.

Đò áp mạn ngay sau chợ Sắt. Bọn đàn ông và hai cụ già lên trước, vợ chồng nhà nọ một lúc lâu sau mới dắt díu nhau lên. Người đàn bà hai nách hai con, khép nép dò từng bước theo sau chồng dắt hai thằng nhón.

Vừa lên khỏi bờ, người đàn ông lão đảo, tay chơi với chưa kịp bầu lấy vợ thì đã ngã vật xuống đường. Người đàn bà vội vàng đặt hai con lên một tấm gỗ, cúi ôm xốc chồng lên. Chị ta xanh mắt nhìn chồng da mặt nhợt nhạt, miệng xùi bọt, mắt nhắm nghiền.

Phu phen và các người bán quà bánh chạy lại xúm xít chung quanh, cả Quyến và anh chân sào.

Người ta đã moi tay giật tóc mãi người đàn ông và vợ bác ta đã khản tiếng hú hồn vía bác mà bác vẫn nằm thẳng rẳng, mê man trong lòng người đàn bà run lấy bầy. Mười lăm phút rồi mà bác ta vẫn không lên tiếng, vẫn cứng đờ như một xác chết, miệng vẫn đầy dãi dớt.

Người ta đều lộ vẻ băn khoăn. Người ta đều hồi hộp. Người ta đều lo sợ không thể cứu chữa người đàn ông khốn nạn này. Quyến nhìn cái thân hình gầy còm, xác xơ, bất động cũng không sao ngăn cản những ý nghĩ khủng khiếp tràn lên tâm trí. Quyến cũng lo người ấy chết... và Quyến cảm động tưởng tượng đến sự cơ cực đầy đọa mấy mẹ con bơ vơ không người cứu giúp kia. Trong cảnh góa bụa, trong cảnh cô cút, những ngày sống của người đàn bà và của bốn đứa trẻ khốn nạn còn sáng sửa được sao.

Chợt một ông già khề nể bụng đến một nồi cháo đậu xanh vừa chín tới. Ông cụ mở vung ra, áp mặt người đàn ông gần sát miệng nồi và lấy một cái khăn vải nâu trùm lên.

Trong làn hơi cháo bốc nóng rực, người đàn ông chợt cựa quậy. Mọi người đứng xem liền vỗ tay reo ầm lên:

- Tỉnh rồi! Tỉnh rồi!

Ông cụ già lên tiếng nói:

- Trùm kín, thật kín mặt bác ấy cho tôi. Chắc bác ấy đói quá là đi đấy chứ không phải trúng phong đâu.

Ông cụ già vừa dứt lời, người đàn bà ngược cặp mắt đây lẽ nhìn cụ mếu máo:

- Không phải đâu cụ ạ, nhà cháu trúng phong đấy, chứ mới không ăn vài bữa thì làm gì đã sinh chứng ra như thế này.

Nghe người đàn bà chân thật kia cãi chừa, Quyến lắc đầu:

- Vài bốn ngày... mới... mới nhịn đói có vài ngày.

Đêm hôm sau đồ nhở sào trở về Uông Bí. Cũng như đêm vừa qua, đêm nay thật êm ả trong cảnh trăng mờ sao thưa.

Thay anh chân sào, Quyến vừa bẻ lái vừa lựa chiều gió kéo buồm. Nhưng khác hẳn mọi ngày, Quyến không còn chút dấu vết của những tư tưởng hắc ám vẫn đục tâm hồn. Nàng mất hết cả mọi sự buồn bã chán nản, nàng thấy lòng nhẹ nhàng sáng sủa và đòi êm đềm dễ chịu như về mấy năm xưa đầy đủ hạnh phúc.

Quyến không hiểu tại sao lại có sự thay đổi nhanh chóng và lớn lao như thế trong đời nàng. Hết sức suy nghĩ, Quyến chỉ mơ hồ cảm thấy rằng nàng đã rung động, trước tình yêu thương thấm thía nồng nàn của người đàn ông nọ trong cảnh khốn cùng đối với vợ con. Quyến hổ thẹn vì đã có những ý nghĩ bất chính. Quyến hối hận vì đã có cái dã tâm muốn xa

lánh người chồng tàn tật cùng khổ để vui sướng thanh thoi ở
những nơi xa lạ.

Trông dòng sông lặng lẽ dưới vùng trời tối tăm, Quyến
bổng rùng mình.

1937

HÀNG CƠM ĐÊM

Vịnh ơi! Mày sang xem chị Mấn đã về chưa?

- Mới có ba giờ, chợ còn đông, ai người ta chịu về mà sang? - Vịnh vẫn phải nhẹ nhàng trả lời mẹ.

Người mẹ càng dần dỗi:

- Thế có bằng giết người không! Thức ăn hết cả rồi mà chưa có một tý rau cò, cá mú gì. Lần sau thì tiên nhân ai dám còn nhờ cái thứ mặt nó nữa.

- Thì còn đây vại dưa mới muối, và người ta đang rao rươi kia kìa, nhà mua lấy vại chục bát vừa làm chả, vừa xào củ cải bán cũng đủ mà.

Nghe người con gái nói lại, người mẹ rít hẳn lên:

- Nhưng muốn xào nấu gì cũng phải có hành có mỡ chứ. Mà liên mỡ không còn lấy một giọt thì làm được cái gì? Cái con chết phải gió ấy nó làm nhỡ hết buổi của người ta rồi! Chỉ được cái miệng xoén xoét lúc mượn tiền đi chợ thôi.

Người mẹ dứt lời, một người đàn bà đặt phịch một cái thúng cấp ở nách xuống đất, vồn vã:

- Bà mua cho con nốt chỗ rươi này, còn tươi lắm.

Mẹ Vịnh không mua nhưng cũng ngửa miệng hỏi:

- Bao nhiêu một chục?

Người bán ngọt ngào:

- Bát của con to mẹ ạ, mẹ cho con bốn hào một chục, con chỉ dám lấy vốn mẹ thôi.

Mẹ Vịnh lườm người bán hàng một cái thật dài:

- Bốn hào thì đem đi. Hôm nay đây một chợ rươi, rẻ thối ra kia kia.

Bà nói thế chứ thật bà có ra chợ đâu mà biết nhiều ít. Nhưng người bán vẫn tươi cười:

- Thì mẹ giả cho con bao nhiêu? Con nói thế chứ có đòi được cả thế đâu mà mẹ đuổi con như đuổi ăn mày vậy.

Một giọng vồn vã khác bỗng chen vào:

- Mẹ ơi! Còn mấy cân vừa thịt vừa mỡ đây, mẹ mua cả con bán rẻ nào.

Mẹ Vịnh vẫn cái giọng san sát:

- Thuận mua vừa bán, chả ai thèm lấy rẻ của các chị.

Người bán hàng thịt cười giòn:

- Sao hôm nay mẹ khó tính thế? Vậy thì con nói bán thật đắt cho mẹ vậy.

Khi ấy Vịnh lần lượt lật những vỉ buồm đầy rổ thịt và thúng rươi lên. Rươi còn tươi, lúc nhúc đến lưng thúng, bốc lên một mùi tanh nạo ruột. Vịnh lại còn xóc mạnh để đảo những lượt dưới lên. Cũng như trên còn tươi lắm, cả mớ rươi này nếu xào nấu bán thì không ai đã ăn một mà

không ăn hai. Vịnh liền đưa mắt nhìn những chai rượu ty xếp thành ba hàng trên cái tủ gỗ bán rẻ nhưng không phải của ôi. Ba miếng mỡ lá toàn những thó nước mọng. Miếng thịt bì mỏng, khi luộc chín, thái vừa dôi vừa bày đẹp đĩa. Nhưng người con gái không dám bảo mẹ mua. Y chỉ trông lên mẹ bằng hai con mắt lấp lánh.

Bỗng y reo lên. Bà mẹ bước vội xuống đất, nhô đầu ra ngoài, tiếng nói lại sa sả:

- Mày chợ búa gì mà đến giờ mới về? Có chết đâu thì cũng phải dỗi dăng chồng con nhà mày và người ta lấy một câu chứ.

Người đàn bà đội nặng nợ cười, ì ạch đặt cái thúng xuống ghế:

- Gớm! Mẹ chỉ được cái độc miệng. Mua bán cho mẹ còn phải mặc cả chứ. Ngày tư phiên chính, người đông như kiến, dễ chen chân lắm đấy.

Vịnh và mẹ đã lấy ra nào cá, thịt, rau, đậu để kín cả mặt ghế. Mặc những tiếng chê ỉ oi của mẹ Vịnh, người đàn bà mua hộ chỉ cười và nhăn mặt đưa mắt cho hai người bán rươi và thịt đương chực. Vịnh cũng cười với hai người nợ. Xếp nốt những mớ hành, rau thơm, ớt, tỏi vào rổ, Vịnh lần lượt bung xuống bếp cạnh cầu ao.

*

* *

Thức ăn và đồ nấu chỉ một lúc là sửa soạn xong. Tất cả những nồi, niêu, xanh, chảo, không như của những hàng khác chỉ tráng qua một lượt rồi đem thổi nấu, đây đều được Vĩnh kỳ cọ không còn một tý nhóp nhép. Thịt cá thái xong, thức nào sẵn sàng với gia vị ấy, Vĩnh chỉ còn việc nhóm bếp.

Bóng mờ xám nhạt đã chập chờn lan ở đằng xa. Mặt nước ao hồ và những thửa ruộng xanh ướt át trong một thứ khói đục lò lờ. Vài miếng trời vàng úa rung rung giữa những khoảng trống ở mấy lũy tre, mấy chòm cây xào xạc.

Thứ tiếng ồn ào đều đều đã có từ bao năm khi ánh nắng hấp hối giờ đây cũng lại nói nhiều về cuộc đời như chiều hôm qua, hôm kia và những hôm đã lâu. Những tiếng chuông xe đạp bốp liên thanh là của những người học trò rất nghèo, khát học để cướp lấy mảnh bằng com gạo cho cả nhà, và của những người đi làm ở những sở xa về đã đói ngấu, mệt nhoài. Những tiếng guốc khua, những tiếng xe bò ầm ầm vì đường gồ ghề, những tiếng xẻng, cuốc và ván gỗ trong thùng xe xô đẩy nhau, nhảy lên, nhảy xuống, những tiếng ấy là của những thợ nhà in, thợ nhà máy gạch, phu hồ, phu than ở những xóm trong cùng, họ đi làm lúc còn tối đất giờ về cũng lại tối đất, nên càng mài miết hơn. Những tiếng huyền não của họ lúc vào trong xóm gần trùm lên cả những tiếng náo động khác. Hai bên đường dần đen kịt những người và vật lơ nhố. Những người bán hàng ở các chợ trên phố đóng cửa sớm đuổi ra và đi bán rong đồn về, lại họp chợ ngay dọc đường, lại mời chào, mặc cả, cãi cọ ầm ỹ. Lắm kẻ

lại còn vừa phải bán hàng vừa dỗ con bé bú, vừa đánh mắng sa sả những đứa lớn cứ lè nhèu mếu máo vùi quạ.

Vịnh đã làm xong chả và rươi xào. Vịnh chuyển dần lên nhà. Người ăn đã đông. Toàn những kẻ quần áo rách rưới, lấm láp và khét lẹt những mùi dầu mỡ, khói, bụi và bùn đất đầm lầy ở những xưởng máy, những kho hàng, những lán gỗ, những hầm tàu. Họ vừa ăn vừa chuyện trò, hỏi gọi nhau ồn ồn. Những chị phu hồ, phu than riu rít như chim sẻ. Trong khi ăn, họ nô nghịch hơn cả đàn ông. Chửi đùa nhau, khèo bát này, chọc đĩa khác, họ cười nói không ngừng. Bản tính dễ dãi, vui tươi của họ vang lên trong những tiếng cười đến lúc này người ta mới được thấy biểu lộ sau một ngày đầu tắt mặt tối vượt mồ hôi không kịp.

Hàng đã phải thấp đèn. Đứa em gái Vịnh luôn tay lau chùi bàn ghế dọn dẹp bát đĩa và bưng thức ăn cho mọi người. Mỗi lần Vịnh bưng lên nhà một món ăn vừa ở xanh, nôi xúc ra, Vịnh lại bị em gọi giật giọng:

- Mau lên cô, rồi lên đây với tôi chứ!

Vịnh chỉ nói nhẹ:

- Tôi thì ngồi chơi đây!

Nói thế nhưng Vịnh cố làm nốt vài món ăn nữa để lên giúp em và còn bán nước, diêm thuốc, chuối kẹo, hay tính tiền hộ mẹ. Bận rộn, vất vả thế hay hơn nữa Vịnh cũng phải chịu. Được cái tiếng đảm đang, những người con gái làm ăn còn hãnh diện hơn cả được tô điểm đầy mình những phần sấp, vàng ngọc lụa là.

Xuống bếp, Vịnh đổ mỡ vào xanh. Mỡ chảy ra trong những tiếng xèo xèo. Một mùi thơm lừng lên qua một làn khói trắng xóa: Thịt bò hành tây, tỏi bắt đầu tiết ra những chất ngọt.

Mấy ông khách già nghiện rượu đã lè nhè giục. Vịnh chất thêm đóm cho to lửa. Những thanh nứa phơi chưa khô sùi bọt vàng và thở phì phì. Những đầu củi gỗ, cháy đã thành than, đỏ rực như những khối vàng diệp. Lửa hồng tia ra làm nhiều ngọn vòn chung quanh chiếc xanh đồng có những đốm li ti vàng dính lên lượt nhọ đen xốp.

Mắt Vịnh long lanh. Gò má ửng hồng. Một mảng tóc loáng thoáng. Những giọt mồ hôi lấm tấm trên trán rồi rớt xuống má.

Tấm ngực nở nang của Vịnh trong vuông yếm trắng càng phập phồng. Bỗng Vịnh cười, hai môi tươi mọng nở nhẹ trước ánh đen nhánh của hàm răng. Trên nhà, lại những cái giọng ồ ồ vẳng xuống.

- Thịt bò xào xong chưa cô Vịnh ơi?

- Đem lên chứ cô Vịnh ơi!

- Cô Vịnh ơi, mau lên!

... Cái ồn ào của chiều dần tắt. Ao bèo trước cửa bếp chìm sâu nữa dưới những lớp khói đen nhò. Máy cây xoan ở bờ hồ títt đằng kia đã như những nét chì than, lẫn vào nền trời tím. Nắng chỉ còn thoi thóp, theo những cánh chim bay mềm về một phía trời. Gió thổi mạnh.

Vịnh chọt rùng mình, khép vội tà áo lại, khi vừa ra khỏi cửa bếp lấy rửa rau cần để cho vào xanh thịt. Lễ mễ bụng chậu đầy thức ăn này lên trên nhà, Vịnh không phải xuống bếp nữa. Vịnh lau qua tay vào những miếng giẻ giặt ở gầm chõng hàng rồi ngồi vào chỗ mình. Hết bát nước này đến bát nước khác, Vịnh lại còn nào tèm thêm trầu, nào đưa cho người này diêm, người kia chuối, bánh kẹo, và tính hộ cho mẹ từng xu một bán cho khách hàng. Tóc vương cả xuống mắt, xuống cằm Vịnh cũng không dám sửa khăn lại. Và Vịnh cũng chẳng kịp để ý đến những câu hỏi ồm ồm của mấy anh trai trẻ. Nhưng cái em Vịnh thấy người ta chòng ghẹo chị mình nhiều quá thì gắt lên, vắng tục. Vịnh phải mắng nó vì cái tính đỏng đảnh ấy, và Vịnh cười nói xin lỗi những người trẻ tuổi nọ.

Không phải Vịnh lẳng lơ, chỉ vì Vịnh không muốn làm mất lòng ai. Vịnh nhận thấy rõ bọn họ có đùa cợt Vịnh chẳng qua để vui cười chứ không cố ý chim chuột hay mua chuộc Vịnh như với những hạng gái kiếm tiền. Thật ra cũng vì Vịnh mến họ. Những cử chỉ, những lời nói sỗ sàng là do tính tình chất phác của họ khiến Vịnh tin cậy họ lắm. Hơn nữa, Vịnh còn thấy rất gần họ. Nhiều lúc Vịnh đã nao nao trong lòng nghe họ kể lể cảnh sống của họ, hay khi họ oán thán những sự vất vả thiếu thốn đầy ải họ mà nào họ lười biếng, hoang phí cho cam.

Vịnh đã một lần giấu mẹ dúm trả lại hẳn hai đồng bạc tiền nợ cho một anh thợ sơn. Anh này đã sừng sốt, nhưng nhận ra Vịnh có cái cử chỉ ấy vì ái ngại cho mình, đầu tháng

lĩnh tiền xong mà không còn đồng nào đưa về nhà, anh đành im lặng và cố giấu vẻ thẹn thùng. Anh đã không dám chào Vịnh, lùi lũi đi. Về nhà, thuật lại chuyện cho vợ, thì vợ anh ngay hôm sau xoắn xuýt chào hỏi Vịnh, rồi từ bấy thành một người bạn thân nhất của Vịnh.

Anh thợ này là chồng chị Mấn, người đàn bà ban nãy mua thức ăn cho mẹ Vịnh.

Đối với ai Vịnh cũng ân cần dịu dàng như thế. Cả với những khách ăn cù nhầy. Mẹ Vịnh đã nhiều phen day diếc Vịnh nào “hồng”, nào “dai má” nào “cứ như thế thì có ngày gì... để ngoài da” và day dứt Vịnh đã phải lòng những đứa khốn nạn ấy nên không dám đòi hỏi ráo riết công nợ. Không những Vịnh không thay đổi các tính nết nọ mà còn lại gây thêm cho mẹ những cơn tam bành, làm Vịnh bị chửi mắng tàn tệ hơn. Vịnh còn năn nỉ xin hộ và đánh tháo cho cả những người đói quá vào hàng ăn liều, com rượu hẩn hoi, rồi thì lột quần áo thế, hay không thì ù té chạy...

*

* *

Tối rồi.

Nhà nào nhà ấy đã lên đèn. Vài cửa hiệu tạp hóa to thấp đèn “măng sông” sáng trưng. Quãng đường trước những nhà ấy tách hẳn ra dải đường đá gồ ghề như những miếng vải trắng xanh nối cách nhau trong tấm vải thâm. Cát bụi vẫn lăm lên nhưng không rõ. Mỗi lần xe ô tô phóng qua người ta mới thấy những làn bụi như vôi lơ rắc ra khung cửa sáng. Rác rưởi

đánh đồng ở dưới mấy gốc cây và ở ven đường bốc lên một mùi tanh nồng, không khí nặng nề càng thấy rõ.

Tối giờ lăm nhà mới bắt đầu làm bữa cho chồng con về muộn tâm; ấy là nhà chị Vượng, chồng làm thợ mộc ở nhà máy diêm, nhà mẹ Minh có hai con lớn đi tập thợ nguội, nhà bác Chín, chồng đi bồ cùi, nhà bác Tý bác Na, chồng làm phu khuân vác dưới bến tàu.

Khói bếp tím đặc quắn quýt lấy lá đen sẫm dần dần bị gió tản ra, lẫn với sương đêm.

Đã có tiếng rao phở, bánh rán nóng và “cà lốc dì chề”⁽¹⁾.

Hàng ngót khách ăn. Cái em gái Vịnh đã tốt sang hàng xóm chơi với đứa bạn nhỏ tuổi như nó. Mọi khi nó phải lau chùi bàn ghế và rửa bát đĩa xong mới được đi, nhưng tối nay nó trút cả những công việc ấy cho chị. Chỉ nhìn qua em một cái rồi Vịnh làm cả mọi việc và lại nói đỡ cho nó khi bà mẹ quát gọi.

Chỉ còn vài ba người kê cà uống rượu và dăm bác phu xe ngồi trước cái chõng nước châu chực mua lại xe với cái giá rẻ của những bạn quen đã chạy được đủ tiền trả cai xe, tiền chè chén và bữa gạo nhà. Thỉnh thoảng họ lại châm lửa ở ngọn đèn hoa kỳ vắn nhỏ bằng hạt đỗ và kéo những điều thuốc lão giòn tan. Nét mặt rám nắng của họ mờ hẳn đi trong đám khói cay nồng. Họa hoằn họ mới móc ở cái cặp quần ra một trịnh con mua nước uống.

⁽¹⁾ Mía hấp.

Đường thưa người đi lại. Những cây bàng cao và to
đẫm bóng tối, dãn xuống đường những bóng lá đen sẫm.
Những vũng nước mà người ta đổ bừa ra, trước còn lấp lánh
ánh mấy vì sao nhưng khi nền trời đặc sương hạ thấp xuống
nửa thì đen ngòm, không phân biệt trên mặt đường mấp mô.

Mẹ Vịnh đã tính tiền. Bà ngồi xếp hàng trên cái ghế dài
bằng lim. Một chiếc hộp con đầy xu, hào lợt thò trong lòng
bà. Bóng bà lù lù cả một bức vách. Giơ tay lên gãi đầu, cái
cánh tay của bà khuỳnh ra dài xuống tới bếp. Đồ đạc của tất
cả hai gian nhà và một gian bếp này cũng không hời bằng
cái áo dài của bà may rộng như cánh bướm và chẳng bao
giờ được biết mùi xà phòng là gì. Với cả cái khăn vuông ít
khi giặt và cái mớ tóc trắng gầu ấy, bà rũ ra có thể đuổi ra xa
không cần phải nói nửa lời với những ai cố ý kéo nhèo xin
xỏ, vay mượn.

Cái em gái Vịnh đã lần về. Nó chỉ dụi dụi chân vào cái
chối lú là leo lên giường. Sợ muỗi đốt nó, Vịnh phải bỏ màn
cho nó. Vịnh giữ luôn cả chăn và quạt màn cho mẹ. Rồi Vịnh
thu xếp nôi niêu, dao thớt, và đóng cửa bếp lại. Nhưng Vịnh
chưa được đi ngủ, Vịnh còn phải thức nữa để bán hàng.
Theo thói quen, Vịnh tắt bớt ngọn đèn rồi ngồi co ro bên
chõng nước.

Gió thổi mạnh, tát cái lạnh vào mặt Vịnh. Vịnh run run,
ủ hai tay vào nách, nép sát người vào bức vách. Sự mỗi mết
đã đè nặng lên lưng Vịnh. Vịnh thấy trên trán có một vật gì
tối tối trĩu xuống, Vịnh gục mặt lên đầu gối, nhắm mắt lại.

Tiếng san sát của người mẹ cất lên:

- Kìa cái Vịnh, mày đã buồn ngủ rồi cơ à?

Vịnh choáng người, luống cuống:

- Không... không... con ngồi thế chứ có ngủ đâu.

Người mẹ cười nhạt một tiếng:

- Ừ ngồi thế chứ có ngủ đâu! Hay vào giường mà ngồi vậy.

Vịnh lại thấy đau đớn. Lờ mờ Vịnh nhìn mẹ rồi ngồi thẳng lên.

Khí lạnh đã đốt buốt chân Vịnh. Vịnh phải giậm giậm xuống đất. Tưởng Vịnh dần dỗi, người mẹ trừng mắt:

- Tao nói thế mà mày dỗi phải không?

Vịnh nhón nhác:

- Không, con có dám làm gì đâu?

- Mày giậm chân là cái gì đấy!

Vỡ nhẽ, Vịnh đau đớn quá. Mẹ Vịnh đẩy nghiêng Vịnh chỉ vì cái cử động tự nhiên mà bà cho rằng là một sự phản kháng. Vịnh chưa xót nghĩ không biết đến ngày nào Vịnh mới thoát khỏi những sự đè nén ấy. Nước mắt của Vịnh đã lại mọng lên. Nhưng Vịnh không dám khóc. Lòng Vịnh lại mở ra để đón những giọt nước mắt thầm nọ rút xuống với những tiếng nghẹn ngào trong cổ họng.

Gió càng nổi to, sương mù thêm.

Vịnh buông tay trên đùi, thần thờ nhìn ngoài đường.

Trước nhà Vịnh là vợ chồng bác Nhân làm bánh cuốn. Giờ bác gái đương tráng bánh. Những ánh lửa bếp chòn vòn qua những kẽ liếp đến sáng rõ mới tắt. Lúc ấy người chồng mới dậy để đi làm. Còn người vợ chộp mắt ít giờ rồi phải dậy để thổi nấu cơm nước cho con cái và đi bán hàng.

Nói đến đám con của vợ chồng bác ai cũng phải buồn cười. Lúc nhúc đúng mười hai đứa mà thằng lớn nhất mới mười ba. Người ta đã không hiểu tại sao những đứa bé ấy sống đủ cả. Nào chúng nó có được chăm bẵm, no ấm? Đứa nào đẻ ra cũng chỉ được mẹ bế ẵm nhiều nhất là mười ngày rồi thì quảng cho thằng anh con chị, suốt ngày phơi nắng, phơi gió. Rồi ngoi ngóp ngồi vững và ăn được miếng cơm nhá nhót, sữa phần nó lại phải dành cho đứa mới đẻ và cho đứa bé khác lại mới đẻ nữa, mà ăn toàn cơm mớm, ăn cơm hột của mẹ hay của hàng xóm. Quần áo toàn của chung quanh cho. Người này cái áo cũ của con, người kia cái quần cũ của chồng. Thế mà lắm nhà giàu có hỏi xin những đứa bé ấy về nuôi đỡ thì vợ chồng Nhân nhất định từ chối.

Người ta đã nhiều lần nghe thấy người vợ nói câu này:

- Đây còn mạnh chân khỏe tay, còn kiếm được miếng thì còn là đẻ, còn là nuôi.

Và những lúc say rượu, người chồng lại thủng thẳng nói:

- Mười hai chứ đến mười lăm đứa đây cũng chẳng cần. Lớn lên, con trai, thằng cái búa, cái cuốc, cái xe, cái cày; con gái, đứa cái thúng, cái mẹt, cái quang là đủ có gạo bỏ vào nồi rồi. Không có thì làm mà ăn chẳng luồn lụy, nhờ vả đứa nào cả.

Mấy kẻ đã phát ghen vợ chồng Nhân. Bọn họ thấy bằng ấy đứa con chẳng đứa nào được ăn học, chăm nom thì bĩu miệng:

- Rồi mà xem đấy, cứ những ngữ ấy thì chi đứng đường đứng chợ thôi chứ làm được cái gì!

Sẵn tức với chồng Nhân, bọn họ đâm ghét cả những đứa con. Thị của, bọn họ xúc từng bơ gạo cho ăn mày trước mặt hai người. Bọn họ còn cấm ngặt con cháu không được chơi với chúng nó, và chúng nó có bèn mảng đến thì bị xua như xua ruồi vậy.

Không hiểu tại sao lúc này Vịnh lại nghĩ đến vợ chồng nhà Nhân và đàn con lúc nhúc ấy. Vịnh có cảm tưởng Vịnh là một người rất thân trong gia đình y. Vịnh xót xa cho gia đình y nheo nhóc quá. Những kẻ hắt hủi vợ chồng y thật là ác quá. Bọn họ chỉ vì ghen với y được nhiều con đứa nào cũng kháu khỉnh tuy bỏ lay lút, bữa cơm bữa cháo. Mà họ nào tấm bổ sâu nhưng quế phụ, cầu hết đèn nọ phủ kia nhưng cứ tro ra. Biết đâu rằng vì nhàn rồi, sung sướng quá, không còn biết làm việc gì cho qua thời giờ, chồng con, anh em họ đã khí hết khí lực cho cò bạc, trai gái, nghiện hút, chơi bời.

Sương mù ném xuống những mái nhà và là là cả ở trên mặt đường. Những xe tay lạng lẽ chạy qua với ánh đèn đục, lò mờ, thấp thoáng. Những bóng người thưa thớt. Thỉnh thoảng tiếng rao phở phào lên rồi chìm mất trong sương khuya. Chó của vài nhà gần đấy sủa ran ran.

Vịnh thấy lạnh thấu người và mọi vật chung quanh. Những bàn ghế, giường, phản, chõng hàng đã ọp ẹp, những

bức vách nứt nẻ, loang lổ, những kèo cột xộc xệch, chẳng chịt mạng nhện... dưới ánh đèn treo vàng cặn, tất cả những vật ấy úp súp, tồi tàn thêm. Không phải nó đã thay hình đổi dạng trước mắt Vịnh mà nó thế nào Vịnh thấy đúng thế vậy, không như mọi khi chỉ được Vịnh nhìn qua và chẳng nghĩ ngợi gì; Vịnh hơi rùng mình, mắt chớp chớp rồi quay vào ánh đèn.

Vịnh lơ mơ nhận thấy những năm tháng sống bên mẹ, bận rộn mua bán đun nấu từ tang tảng sáng đến nửa đêm, thật là dằng dặc. Chẳng riêng mình Vịnh, cô Viễn con bà lý Cư bán mắm muối, cô Minh con ông phó Thung làm phu hồ, cô Vượng, cô Hiến con ông cựu Vịnh làm nhà diêm, cái Sửu, cái Bống đi đội than, cũng y như cảnh Vịnh. Vài cô mới đi lấy chồng kẻ vừa có con, kẻ đương to bụng, còn thì đều ở nhà làm lưng quần quật chờ một ngày kia về làm dâu con một gia đình mà cha mẹ kén chọn để rồi cũng lại đầu tắt mặt tối. May cô nào gặp được nhà chồng tử tế, người chồng có công ăn việc làm chắc chắn, chứ không lại như nhà mẹ Minh, cái Sửu rạc đi vì vất vả lo toan, nào phần mẹ chồng, em chồng cay nghiệt, nào làm ăn thiếu thốn công nợ chồng chất, bao nhiêu miệng ăn, bao nhiêu giỗ tết, đóng góp trông cả vào mình, nào như nhà Nhân đeo đẳng một lũ con, không còn lúc nào cất đầu lên được.

Vịnh dần dần nước mắt và thấy tức ở ngực.

Hai vai gầy và đã đầy chai của Vịnh rung rung. Những cái ghen ngào chen lẫn nhau dồn dập trong cổ họng. Tâm trí Vịnh lâu lắm mới lại bị kích thích mạnh. Vịnh thấy mình

rồi sẽ như chị Mấn, vợ nhà Nhân, cái Sửu sống trong cảnh cùng khổ, bị hắt hủi khinh bỉ. Đến bấy giờ Vịnh cũng sẽ vẫn ở cái xóm này, cái chỗ ở này trừ phi có bỏ hẳn đi, đổi khác tất cả thì mới mong được sáng sủa, rộng rãi.

Lá bàng rụng rào rào. Mưa bay đã lớt phớt.

Mẹ Vịnh ngáp muện mấy cái rồi khàn khàn nói:

- Vịnh, thu chõng ghé vào đi thôi.

Một mình Vịnh chuyên hết các thức vào nhà. Chỉ còn đóng tẩm phen liếp và tra gióng vào là xong. Tẩm phen to, dày nặng quá! Vịnh phải hết sức mới kéo được lên thềm. Rồi Vịnh xoay chân, tỳ vai, nâng cao nó lên cho thật sát mái lá. Trong người Vịnh nóng bừng sau khi lắp được xong cái gióng cửa bằng cả một cây tre già. Vịnh kiễng chân kéo cái khăn mặt ướt vắt ở lao màn xuống để lau mặt. Vuốt miếng vải bông ướt lên trán lấm tẩm mồ hôi và qua cặp mắt khô nhúc, Vịnh thấy đầu nhẹ bỗng, Vịnh thở ra một cái thật dài đoạn tìm guốc rửa chân.

*

* *

Công việc chõng chất hàng ngày của một người con gái lớn trong một gia đình làm ăn đã tạm ngừng. Nhưng đêm nay, tuy rồi rồi, người con gái chịu khó ấy lại trần trọc không sao ngủ được.

1938

GIỌT MÁU

— Sao tôi lại thuê cái chỗ này mà không chịu xem xét trước?...

- Sao tôi đã đến xem rồi mà lại cứ ở?...

- Sao tôi lại ở một chỗ như thế với cái giá thuê đại dột quá vậy?

Càng nghĩ tôi càng không khỏi bứt rứt và ngạc nhiên vì cái chỗ ở nọ. Nó thuộc về ngoại ô làm trên một khoảng đất có ao, có vườn và sân, ở trong cùng một xóm chật chội, lúc nhúc giáp với cánh đồng. Tôi vào đây chẳng phải qua cửa ngõ gì. Tôi bước chân lên thềm nhà rồi mà vẫn thấy im lặng như tờ. Rộng rãi, mát mẻ, thật đúng như lời người mách, nhưng ẩm cúng vui vẻ thì trái lại.

Cả mấy gian nhà đều trống hơ trống hoác. Một cái tối mờ hiện ra dưới mái lá như sương khuya. Mùi ẩm mốc thoang thoảng bốc lên. Tiếng một nghiêng gỗ ken két.

Vào nhà, tôi còn đứng băng khuâng nhìn những kẻ trời xanh ở suốt nóc nhà, thì mấy tiếng khóc nheo nheo khiến tôi quay nhìn ngo ngác, chợt thấy rằng trong cái cảnh này không phải chỉ có mình tôi. Nhưng, những người kia vẫn như không để ý đến tôi. Người đàn ông tóc búi, mắt to

và cao lớn ấy, vẫn cúi xuống cái rá. Bên cạnh y, một đứa con gái tóc lò xo, quần áo ngắn ngủi, cũng một vẻ cặm cụi như thế. Gần đấy, cái đứa bé khóc nheo nheo thì trần truồng ngồi xếp trên một bãi nước đái.

Tôi hồi hộp đi đến người đàn ông, chào y. Giờ y mới ngừng lên. Y chỉ thoáng nhìn tôi, mắt hấp háy như chói nắng, y buông thõng mấy tiếng:

- Không dám, chào cậu.

Đến khi ấy đứa con gái mới trông lên. Khác hẳn thằng đàn ông, mắt nó đã mở to sẵn lại giương hẳn lên mà nhìn thẳng một lúc vào tôi rồi mới cúi xuống. Lòng trắng sáng, con ngươi nâu ánh, mi dài và cong, mắt đứa con gái vừa tỏ sự sùng sốt vừa có một chút gì vui mừng sợ sệt. Trống ngực tôi đập mạnh hơn. Tôi phải cố giữ giọng được tự nhiên:

- Ông và các em ở đây?

- Phải!

Mặc sự đối đáp nhạt nhẽo, khinh khỉnh ấy, tôi cứ nói tiếp:

- Tôi đã nói với bà chủ thuê lại một gian ở với ông và các em cho vui.

- Đấy! Tất cả năm gian, tha hồ mà cậu chọn.

Tôi vẫn cười bảo người đàn ông:

- Như tôi ở chỉ một gian là vừa, vậy ông xem gian nào tiện việc thu dọn thì ông bảo cho.

Người đàn ông ra vẻ ngấm ngấm một lúc rồi lại thủng thẳng đáp:

- Hay cậu cứ ở cả vì cậu chắc phải nhiều đồ đạc.

Nụ cười cố gắng của tôi càng phải cố gắng nữa. Tôi khó chịu lắm trước thái độ của người đàn ông nọ. Thấy tôi tìm vào thuê, chắc y tưởng rằng tôi đã xâm phạm đến sự sống của y. Ừ nếu quả thật tôi là kẻ muốn tranh ở hết cả mấy gian nhà bằng một cái giá giả cao vọt lên, hay nếu tôi lù lù dọn đến cảnh nghèo hèn heo hút của y cả một cảnh sống sang trọng thì chính tôi là kẻ lạnh nhạt trước với y, có những cử chỉ khiêu khích y, mới đúng chứ? Không! Đây tôi cố tránh sự hiểu lầm và phải tươi cười chào hỏi y trước, mà sao y lại không chịu hiểu? À, hay tôi cũng phải nhanh chóng khinh khinh như những “ai” kia mới được!

Tôi nghĩ thế, nhưng, sau một giây lòng nhủ lòng, tôi hối hận vì những ý nghĩ không đúng của tôi này:

- Ông tưởng thế đấy! Tôi chỉ có một cái bàn để viết và một cái ghế vải để nằm, ngoài ra chẳng còn có một cái gì để bày biện hết.

- Vậy cậu ở một mình, sao bà chủ bảo là nhà cậu dọn đến.

- Vâng, tôi chỉ có một mình, mà “nhà” là một mình tôi cũng được chứ sao?

- Thế cậu đi làm cậu ăn cơm hàng? À cậu đi làm sở nào?

- Tôi không đi làm ở sở nào cả! Buổi tối tôi ra phố dạy học thêm và soạn sách truyện cho các nhà in, nhà báo. Tôi làm việc như thế, còn ăn uống, giặt dũ đâu ăn đấy!

- Như thế cậu được tự do lắm nhỉ!

- Vâng! - Tôi cười - Ông thuê đây đã lâu?

Người đàn ông cũng cười nhẹ một tiếng:

- Trước tôi được ở không để coi nhà, nhưng từ năm ngoái người trên phố đổ xô vào thuê nhà các xóm thì tôi phải giả mỗi tháng năm hào để bà ấy đóng thuế. Còn cậu, cậu giả bao nhiêu?

Tôi buột miệng:

- Một đồng rưỡi!

- Một đồng rưỡi, chắc cậu thuê theo lệ trên phố và giả tiền trước nữa? Hừ! Bằng tiền nhà gạch ngoài xóm còn gì! Thôi chuyện này bà ấy không còn sợ vắng vẻ, không còn kêu thuế má, chữa chạy tốn kém nữa.

Dứt câu này, người đàn ông đứng dậy, coi như chẳng có chuyện gì với tôi hay tôi vẫn đứng trước mặt y. Y bật hẳn tiếng, cúi xuống cái rá gạo nhặt nhặt.

Sau đó thì cả hai cha con y cũng bỏ đi, mặc tôi tung hứng bên cái đĩa bé trần truồng và nhóp nhép nọ nhìn theo bằng cặp mắt giàn giụa nước và những tiếng nức nở.

Kẹt... kẹt... những cánh cửa lần lượt mở ra. Tôi không dám chờ người đàn ông gọi tôi, vì biết rằng y sẽ không nói thêm một lời. Tôi vội theo y bước vào. Vẫn im lặng, người đàn ông mở một cái liếp ở bức vách rồi lùi lũi ra sân, mặc tôi một mình trong mấy gian nhà. Tôi càng bàng hoàng. Qua cái hàng hiên rộng và thấp, nắng lùa vào rất nhiều với

những bóng phấp phới của lá cây. Mấy gian nhà nhò những cánh cửa mở toang, sáng hơn ít nữa. Tôi được nhìn thật hơn từ những chân cột đã ruồng, lênh khênh trên những hòn đá tảng lún sát mặt đất, đến những rui kèo lệch lạc, khẳng khiu đen sì mạng nhện và khói bếp. Tôi được nhìn thật hơn những đồ đạc lỏng chỏng, gần mục nát, xúi xỏ ở những chân vách nứt nẻ và trống hoác mà bất kỳ gà chó hay người cũng có thể chui lọt. Một cái giường kê bằng gạch ở gian giữa, một ổ rom vương vãi ở gian bên trái, những rổ rá thúng mủng ở các xó, còn ở trong gian cuối cùng bịt kín thoáng trông như là buồng kín, hai cái bếp đầu rau đương lòn vòn những tia khói trong những vạch nắng chiếu vào.

Một con chó trắng, nhỏ như một con mèo, gầy gơ cả xương nằm nhắm mắt trên một cái chổi cùn ở giữa cửa.

Tất cả những tiếng động từ nãy đến giờ như không động đến tai con vật nọ. Nó cứ thiêm thiếp cả khi tôi lại sát nó, trông xuống nó, và nó ngước lên nhìn tôi lơ ngơ, kinh ngạc, buồn bã. Tôi chưa bao giờ thấy con chó nào như thế. Nó ốm, nó lành hay được khéo dạy mà cả khi người lạ đá phải nó cũng không dám cắn.

*

* *

Người đàn ông nọ tên là Thành, người trong xóm gọi y là bác khán Thành. Bác khán Thành trai, bác khán Thành gái, cái Thạo nhớn, cái Thạo bé, cái Tý con, năm linh hồn này đã sống bên cạnh tôi trong mấy gian nhà cũ kỹ, heo hút ấy.

Thoạt nghe cái tên “khán” tôi đã tưởng bác ta giữ việc tuần phòng trong xóm, hay vẫn còn đóng góp với làng mạc ở nhà quê. Nhưng không phải, khu xóm đây bị cấm vào thành phố đóng thuế cho thành phố, và thuộc về “bóp” đội xếp ở đầu ô trông coi từ lâu rồi. Còn nhà quê, vợ chồng con cái bác bỏ hẵn, không nhìn nhận gì đến nữa.

Như người ta cho biết thì vợ chồng bác cũng đã có ruộng vườn, nhà cửa hẵn hoi của ông cha để lại. Hai người cũng đã hết sức cày sâu cuốc bẫm để được gặt một ít thóc về vụ mùa và dỡ một ít khoai, ít đỗ về vụ chiêm. Nhưng một năm một con nước không thể tưởng tượng được đổ giữa ngày tháng chín. Trong nháy mắt tất cả những cái gì là vật sống trên dải đất hàng trăm cây số ở ven biển đã bị cuốn đi. Đưa con trai đầu lòng và đưa con gái lớn của vợ chồng bác đã mất tích cùng với hàng chục người họ hàng nội ngoại bác và hàng trăm người ở mấy làng lân cận nữa. May vợ chồng bác và mấy đứa con bé lại vừa ra tỉnh làm ăn. Lần này thì hai người phải nói như lạy một người chuyên cho vay ở trong làng gặt nốt mấy sào lấy thêm mười đồng bạc nữa rồi ra tỉnh.

Chồng làm “cu ly” Nhà máy sợi. Vợ đi các chợ cất rau đậu về bán rong phố. Cái Thạo lớn theo mẹ đi chợ để tập tành dỡ vạc. Cái Thạo bé và cái Tý con ở nhà lê la cho qua ngày chờ tới khi lớn thì hoặc chợ búa với mẹ hay lại cày cục đi vào làm với bố! Cái gia đình ấy làm ăn hoàn toàn như những người nghèo trong xóm, họ đã lìa hẵn quê, sống gửi chết nhờ ngoài tỉnh.

Mưa nắng, cả hai vợ chồng và đứa con gái lớn đều dậy từ lúc gà gáy tinh sương, chẳng com nước gì cứ nguyên đầu tóc, quần áo ấy ra đi biên biệt đến sẩm tối mới về.

Ngày lại ngày, bữa nào cũng như bữa nào, năm miệng ăn chỉ có một nồi ba com. Gạo thối không độn khoai thì độn ngô, và là thứ gạo máy, đong mỗi hào dôi được vài lẻ. Thức ăn của họ tôi chỉ thấy liên tiếp những rau lang, những rau diếp nhật lại hay những rau bán ế. Họa hoàn mới có bát dưa muối hay nồi canh cải nấu với mắm tôm, mà cả nhà được sục sạo những chiều nào lĩnh lương hay bán hết hàng.

Về những chiều tối này, nếu không phải đi dạy học, tôi thường ở nhà cùng vợ chồng bác chuyện đôi câu khi bác thối nấu ăn uống. Nhưng, cả khi nhà bác có tiền mua dầu thắp đèn, cả khi dọn com ra bờ hè ăn nhờ ánh trăng và cả khi rét mướt ngồi bên cái đồng củi vụn mà Thạo lớn nhặt nhanh được về đốt lửa cháy hồng hồng khói lớn vờn, vợ chồng con cái bác cũng vẫn im lặng như những cái bóng lò mờ xám xám của họ.

Người đàn ông chỉ đưa bát cho con xới com mà không cất tiếng bảo nó một lời. Người vợ chỉ gấp rau cho cái Tý con, cũng không hỏi nói gì cả. Cái Thạo lớn và cái Thạo bé thì cúi hẩn mũi vào bát. Còn đứa con bé nhất hoàn toàn là một cái núm thịt động đập, khuờ khoạng và lấm lét.

Tiếng nói, tiếng cười, sự chuyện trò: vàng ngọc đã quý hiếm nhưng cũng còn dễ thấy hơn những tiếng người nói ra một chút vui mừng hay một ý nghĩ, một vài xúc cảm của mình, dưới cái mái lá thấp tối này, trong những buổi chiều

của sự sum họp, nghỉ ngơi. Những lúc đó, tôi càng để ý đến một linh hồn trong đó: Cái Thạo bé.

Trước ánh lửa bếp lom nhom và ánh đèn lù mù, sắc mặt Thạo càng sạm thêm, ngây dại và cô độc hơn. Con bé ấy gấp rau, húp nước dưa và nhất là xới com đều rón rén như sợ rằng nó không được phép ăn những thứ quý báu lắm ấy. Vì nó thấy rằng nó không thể theo mẹ đi chợ như con chị nó người đen như củ sừng, nhanh nhẹn, khôn ngoan hơn cả nhiều đứa con gái lớn hơn nó ở ngoài xóm. Và nó lại không bé hẳn như cái Tý con, bụng ỏng đít vòn, đặt đâu là ngồi ia đáí đấy, để được hưởng sự đặc biệt ăn uống no nê và không phải làm gì.

Trước vẻ sợ sệt, ngơ ngác của Thạo bé, lắm khi cả nhà đi vắng, tôi muốn đến với nó mà không được. Hoặc Thạo bé lảng bẽ em đi, hoặc vì tôi thấy nao nao trong lòng, đành yên lặng mà nhìn Thạo bé, vừa nghe cái băng khuâng của im vắng đi vào tâm hồn tôi như một mạch nước lạnh.

*

* *

Một buổi trưa, tôi đương nhìn ánh sáng lao xao ở ngoài vườn, bỗng giật mình vì những tiếng chân lẹ lẹ đi vào ngõ. Mụ chủ nhà đã sang. Một tay mụ cắp đứa con, một tay cầm mấy cành củi mà do cái thói quen tham lam của mụ, mụ nhặt nhanh ở ngay sân nhà người khác.

- Thầy mày đâu hỏi Thạo?

Cả cặp mắt ướn nhờn của cái Tý con cũng ngược lên cùng với cặp mắt mở to của chị nó. Mãi Thạo bé mới lí nhí:

- Thầy con ra phố.

Mụ chủ nhà như không nghe thấy.

- Kìa thầy mày đâu? Giả tiền tao chứ! Hừ lạ thật! Nhà mày như cam cả đấy à?

Mất Thạo bé chớp một cái như để lấy thêm sức mà chịu đựng cái nhìn sáng quắc của mụ chủ nhà sừng sững trước mặt nó. Sau đó, Thạo cúi xuống, giọng nhỏ hơn:

- Thật thầy cháu ra phố ạ...

- Thế thầy mày không để tiền giả tiền nhà tao à? Hai ba tháng của tao rồi! Tháng này thầy mày đi đủ tầm, lĩnh được hơn bảy đồng cơ mà.

Lần này Thạo chỉ gằm mặt xuống với những sợi lá chuối tước giả làm rau bán ở dưới đất. Nó di di móng tay lên, trong khi mụ chủ nhà lại dần tiếng:

- Sao nhà chúng mày lại khốn nạn như thế được? Người ta ăn ở như vậy mà không chịu biết. Bố mày, công ăn việc làm ông xếp nhà tao phải sai cả “adăng” đi nói cho, rồi gạo tao cũng phải bán chịu cho, không có lấy gì mà ăn, chồng đi làm vợ đi chợ, chúng mày nhón nhơ cả ngày? Thậm chí đến tiền vốn của mẹ mày cũng là tiền họ của tao; thế mà có một tháng mấy hào tiền nhà bố mẹ chúng mày cũng chây lười. Thôi! Những tiền gạo và tiền mẹ mày vay góp kia tao không nói làm gì, nhưng còn cái tiền nhà về phần thầy mày chịu đã đóng cọc của tao ngót ba đồng rồi thì phải nghĩ mà giả tao. Một núi lạt một đồng xu, một hòn đất một bát com, tao có đi ăn cướp được tre

lá, hay mượn không được người ta làm cho đâu? Tao có khát được thuê đâu? Thương tình nhà chúng mày tao đã cho ở không hàng năm rồi. Không xem đấy như ở ngoài xóm, một gian nhà hễ chui đầu vào là chống dít ra liền với cổng rãnh cút đái mà cũng đồng bạc một tháng! Đây nhà tao bố mẹ mày đã ở vung vinh như động tiên ấy lại còn nào giường nào vại nào hòm của tao cúng tiến cho nữa... thế mà không chịu nghĩ! Hừ!... hay thấy tao không như ai thì bố mẹ chúng mày không còn nể? Thôi này, để tao phải nói ít chữ. Bố mẹ chúng mày quá lắm rồi, tao phải đối xử như ai lại bảo tao là con người ác... Cha mẹ chúng nó! Ấy những quân khốn nạn ở mấy cái xóm này nó vẫn kháo lên mãi trên phố rằng mình ác nghiệt đấy!...

Ngừng lại mục chủ nhà thúc thúc đầu gối vào người Thọ bé:

- Kìa con này!...

Cái Thọ chớp chớp mắt lần nữa rồi càng găm mặt xuống, ngập ngừng:

- Thầy con đi... thầy con khát bà...

- Khất, khất đến đời sang tiểu nữa à? Mà tao đã bảo nợ tao hai đồng rưỡi ấy, không có giả tao cả một lúc, thì giả góp tao mỗi ngày năm xu làm hai tháng thôi... Giò lương thầy mày ngày hai hào được tăng lên những hai hào rưỡi, thầy mày chỉ bớt quà sáng hay quà trưa là thừa giả tao. Còn bu mày độ này, buổi nào tao cũng thấy bu mày hết hàng. Ít ra bu mày cũng kiếm ba bốn hào chỉ lãi một ngày, ấy là không

kể con chị mày nó cũng thêm cặp được đồng muối, đồng mắm. Làm ăn như thế nhà mày vẫn cứ không chịu nghĩ đến công nợ của tao! Mà đây này!...

Mụ chủ nhà cúi xuống nắm lấy cái Tý con, giọng nói nhọt nhọt hớn hớn:

- Áo nhà nó mới may cho nó đây này!...

Bị những ngón tay béo múp của người đàn bà xoắn lấy cái áo của mình bằng vài đường khâu dày như mo nang mà may chỉ đến rốn, Tý con chùn người lại, mặt xanh xám nhìn hết người đàn bà lại đến chị nó. Và càng bị day day, càng nghe cái giọng dần xiết, con bé càng co rúm, càng níu lấy chị. Nhưng nó không khóc, miệng nó chỉ mếu xoạc như bị gang ra, không còn cất nổi tiếng.

- Thế này đây! Thế này đây!

Dứt lời mụ bắt đi một lúc.

Sự im lặng đột nhiên này làm cho tôi hồi hộp. Tôi có cảm tưởng một sự nguy hiểm, một sự ghê gớm sắp xảy ra.

Mụ đã vùng bước lên thềm. Mụ xộc vào bếp, mụ cúi xuống như vồ lấy cái nồi trên đầu rau, mụ mở nắp vung. Những giọt hơi trắng trắng tán lên: những hơi cháo đương sôi âm ỉ. Mụ hít hít, mụ ngồi thụp xuống lấy đũa cả ngoáy và lại hít hít. Đoạn mụ mím môi lại run run đứng dậy. Mụ vào chỗ giường nằm. Mụ kéo tung mảy cái chiếu ra. Mụ lật vì buồm dậy cái mẹt lên. A! Đến một bơ gạo giấu ở đó. Mụ bốc gạo đổ hẳn ra ngoài mẹt. Đó lại còn là gạo mùa chứ không phải gạo chiêm của nhà mụ bán. Mụ nhòm xuống gầm

giường. Kìa! Cái gì sục sạo ở trong nồi đất? Cua. Đến lưng nồi cua ấy đương lồm ngồm húc cái mê rá để bò ra.

- Góm thật! Giời đất thiên địa ơi! Góm thật! Những quân này!

Tôi phải vội quay mặt vào và vò nhắm mắt ngủ khi mục chủ nhà hăm hăm đi ra. Tôi không muốn cho y thấy tôi đã để ý đến sự lục lọi của y. Và tôi cũng không dám thấy mục phân trần thêm chắc phải dài dòng và thiết tha lắm.

Càng cố nằm im, tâm trí tôi càng ngùn ngụt. Tôi lại nghĩ đến một sự đe dọa ở cả trên đầu tôi. Sự đe dọa tối tăm và dang dặc của một đời sống đầy những đói rét, cùng cực lâm than, đè nén.

Tiếng chân bước và tiếng lạch xạch của bộ dây xà tích của mục chủ nhà đã từ thềm nhà xuống sân rồi ra vườn.

Trống ngực tôi vẫn thắc thỏm. Tôi cũng như cái Thạo bé lúc bấy giờ đều mong mục chủ nhà mau chóng về đi.

Nhưng không, mục bố con lại cuối nhà. Sau một lúc thì cái giọng the the ấy lại xé ra:

- Kìa! Sao rau cỏ của tao lại cứ lụi đi thế?

- Luống xà lách này, đám rau thom này, cũng gieo từ tháng trước thế mà ở bên nhà tao thì nó cứ tốt như được kéo lên ấy, mà ở bên này thì xác xơ chẳng thấy lên gì cả. Nhà mày có tia ăn thì cứ bảo tao, tao có tiếc đâu. Nhưng có thích ăn không mất tiền, mất công thì cũng phải gốn vừa chứ!

Người đàn bà còn rêu rao nữa. Trong tay mụ những cành rào nhặt thêm đã được thành một bó. Mụ lộn về đằng trước, kéo cái Thạo bé bỏ em đứng lên. Mụ lôi nó qua những luống rau bừa bộn những gạch, ngói vụn, đến gần cái đám đất chứa rác ở cạnh cụm chuối, đằng cuối vườn. Mụ đứng lại trừng trừng nhìn Thạo bé:

- Con này! Ngô nào mà mày giồng nhiều thế? Mày lấy ngô của tao gieo bên vườn nhà phải không?

Mặt Thạo càng xanh xám, nó run không được.

- Không... ngô của con... của con gieo... đấy ạ... con có bao giờ... dám sang vườn bên nhà đâu? Con mà sang thì con Vện... cả con Mực nữa... nó cắn xổ ruột con ra còn gì!

Mụ chủ nhà không đáp. Mụ cau mày nhìn cái hố đất trước kia mọc um lên lẫn với mảnh chai và các thứ thối nát chẳng ai buồn lấp, thế mà giờ được xới thành hai luống bằng hai mặt bàn, đất mịn toi, mơn mớn những ngọn lá xanh mới nhú. Quay ra mụ nhìn vào mặt Thạo, nói rất nhanh:

- Thế mày chỉ biết làm cho mày chứ mày không nỡ trông coi một tí gì cho rau nhà tao à?

Cái Thạo càng găm mặt xuống.

- Mà đất của tao để cho mày phá phách như thế đấy? Nhưng thôi - mụ cười nhặt - Lướt này tao gieo mấy luống rau kia, nhờ mày rồi ở nhà chỉ có việc chơi với em trông hộ, xem mày trông coi ra sao.

*

* *

Tất cả những sự đã xảy ra hôm ấy, cả tôi và đứa con gái kia gần như quên đi. Vì chỉ hôm sau, một công việc khác, một cảnh tượng khác khiến chúng tôi cũng mê mải: cái vườn của Thạo bé.

Tôi đã phải bỏ nhiều lúc đọc sách mà nhìn cái mảnh đất ấy. Nó như một ngày một rộng mênh mông như là cả một cánh đồng bên sông mà sắc xanh của sự trồng trọt dâng lên ngợp cả sắc xanh của trời mây. Sáng nào cũng thế, Thạo bé vội vàng quét dọn nhà cửa, bếp sân xong rồi thì dỡ em để nó ngồi chơi một mình, rồi ra vườn. Thạo nhìn, Thạo vuốt ve, Thạo nhặt, tia, xói, vun. Thạo lấy cái ấm đất nấu nước sôi, hứng nước máy khệ nệ tưới. Không một ngọn cỏ nào mọc kịp, không một hòn sỏi hay mảnh gạch nào trổ nổi, không một con sâu tí tị nào lẫn vào. Đất cứ mịn, nhẹ nhàng và êm mát ôm lấy những gốc cây xanh hơn hớn...

Không riêng tôi mà chính Thạo cũng thường lặng đi mà nhìn. Có những lúc ở bên cạnh Thạo, cái Tý con ngủ ngay trên mặt đất. Qua mái hiên, nắng tỏa phấp phới vào chỗ chị em nó. Ruồi cứ vo ve trên mặt con bé em và lờn vờn trên mớ tóc xõa xuống vai của con chị. Trong khi ấy, ở ngoài ngõ, tiếng nô đùa ran ran. Thình thoảng tiếng rao quà, tiếng hát của anh kẹo kéo và tiếng chuông xe đạp lại vắng vắng vào. Qua cái ngõ vắng gió nổi lên. Nắng và lá cây đùa nhau lấp loáng. Gà con, chim sẻ chiêm chiếp ríu rít.

Tôi phải giữ cho đều nhịp thở. Tôi nhìn vào mặt Thao bé. Tôi nhìn vào mắt nó. Tôi nhìn những hình ảnh như lồng trong một khối lưu ly hiển hiện ở trên đôi mắt to, con ngươi rất sáng, mi dài và cong ấy, tê mê trong một vẻ ngây dại hơn, tươi mát hơn.

Những cây ngô lúc bấy giờ! Mới dạo nào lấm tấm như mạ non thế mà trải qua đầu mười mấy ngày mưa phùn rồi nắng to mà đã thành cây, rung rung với gió và ánh nắng. Những lá ngô rộng dài, xanh trông suốt được, cạnh sắc gọn, trở vượn ra những nồn lá mạnh mẽ. Trên ngọn những tầng lá cứ mọc làm hai cánh, một thứ búp như kết bằng nhung và phấn luôn luôn rủ đến những đôi bướm trắng có, vàng có, đen muốt có, đỏ nâu có, lốm đốm có, thoáng đỗ rồi thoáng bay đi. Và núp dưới cuống lá, che bởi cái màng gọn gọn như cánh cào cào, những bắp non nhú dần.

Tôi cũng đã không thể tự nén được. Hễ lần nào ra vườn là tôi phải mon man những cái bắp nhú nhú kia mà tôi chỉ muốn bóc ra.

Gần hết tháng hai rồi. Trời chỉ một ngày một nắng nực. Ánh vàng ngời càng tăng sức nung nấu các thứ nhựa, các thứ hương thơm. Ngoài phía bờ rào xa xa kia, lúa đã hé đồng đồng. Những dưa, xoài, dưa đã lác đác bán thật đắt cho những nhà phải cúng của mới và chuốc ăn của mới.

Thế rồi một sáng kia, những bắp ngô của Thao bé thấy múp hẳn lên, với những hần, những khía vàng vàng và những sợi tơ hung hung qua lần áo óng ánh kim tuyến. Rồi nắng càng chang chang. Tiếng tu hú gần như ran ran.

Những hoa ngô dần xơ xác như vỏ may và những lá khô quắt lại rủ xuống như tay của người mẹ mệt lả khi gần đẻ. Khi đó những bắp ngô căng tới cùng độ mập mạp chỉ còn chờ người tách.

Tôi lại càng ngạc nhiên và thấy thêm bao nhiêu lưu luyến cái chỗ ở này. Tôi có ý định dành tiền nhà và làm lại cái nhà này, để bố mẹ chị em Thạo ở riêng hẳn hai gian. Tôi sẽ thuê cả cái vườn đằng sau nữa. Những ngày nghỉ, bố Thạo sẽ cùng tôi, và Thạo sửa sang trông trọt cái miếng vườn chung.

Một chút gì có mồ hôi và tinh thần để làm “nhà quê” của mấy chúng tôi.

Tuy không bao giờ chịu hỏi nói với tôi một vài câu dài, nhưng người bố Thạo lắm lì kia, đã nhiều lúc để tôi đọc thấy rất nhiều nỗi niềm của y qua cái im lặng khắc khổ của nét mặt y và cái im lặng hoang dại của cái chỗ ở hẻo lánh này.

Cũng thường là những buổi trưa nắng. Trưa nào ở gần đồng ruộng, xa phố mà chả rõ từng tiếng chim liệp nhiếp, tiếng cu gáy ru rì, hương hoa cau và mùi lúa. Những buổi trưa như thế, tôi thường phải nheo mắt lại nhìn ra ngoài trời ngun ngút nắng. Một thứ hơi oi ả sôi lòn vòn: chân trời xanh ngắt lóa lên những mặt đồng lúa âm âm như biển... Những lúc đó, nếu được nghỉ người cha kia thế nào cũng đem chiếu giải đằng sau nhà nằm ngủ muốn đến bao giờ thì đến. Nhưng tôi thấy không bao giờ y ngủ thẳng một giấc cho đến chiều tối mà thường vào khoảng hai ba giờ thế nào y cũng thức dậy, trần trọc rất lâu rồi thì thần mặt mà trông hút về phía xa.

Bao nhiêu về thờ thần, tề đại đồn cả lên hai con mắt của y trở nên lơ đãng, đuôi mắt chun chun những nếp nhăn ở mé thái dương. Nhìn như thế, y nào có thấy gì. Ngay khi râm trời, y còn phải cố gắng mới nhận ra được sự vật ở trước y chỉ cách hơn chục bước. Chăm chú nhìn quá, nước mắt y giàn ra như khóc, mắt y may lắm mới giữ được thêm vài năm nữa để y có thể đi làm nhà máy cho trọn ba mươi năm mà lĩnh mấy chục bạc tiền sở thưởng cho.

Đã một đêm tôi thấy có tiếng thờ dài và nức nở. Người vợ được tin y suýt bị giã. Y đã để dây da buột ra ngoài mà không biết, khiến vỡ mấy ổ máy.

Nhưng lần ấy y chỉ bị phạt mấy ngày lương rồi lạy van mãi với lão xếp chồng mụ chủ nhà, y lại được đi làm giữ cái chân quét dọn hiện giờ của một người bạn già vừa chết, công nhật hai hào.

Sau những buổi trưa nằm ủ rũ một mình và chờ đợi ở đằng sau nhà chỗ giáp cánh đồng ấy, thế nào tôi cũng thấy y càu nhàu gắt gỏng.

Một buổi tối, tôi đã hồi hộp vì cái Thạo bé đương ăn cơm thì gọi bu nó, hơn hờ:

- Bu này! Ngô của con sắp được bẻ rồi đấy!

Cái Thạo nhón vôi nói:

- Còn sắp với sắp gì, “ông” cho không bẻ đi mà ăn, rồi “nó” bẻ lại tha hồ mà khóc.

Thạo bé lườm ngay chị nó một cái thật dài:

- Góm bẻ ngay để “cậu” ăn nhé! Của đâu thế!

- Chẳng của ai cả! Đây đưa hột về cho “cậu” gieo thì đây phải có phần.

- Góm!... Góm! Dễ nghe quá!...

- Hẳn chứ lý... đấy rồi xem!...

Không để chị dứt câu, Thạo bé văng tục ra mà chực òa lên khóc. Như mọi khi thế nào một đứa cũng bị người cha cốc cho vài cái. Lần này không, người cha chỉ ngược mắt nhìn các con và nhẹ giọng:

- Cái con này! Của nó chăm chút mà mày lại chực ăn không! Hột giống của mày nhưng không có công lao nó thì chỉ có đến vứt đi.

Thạo bé chùi ngay nước mắt và chớp chớp nhìn bố. Người cha nói tiếp:

- Chuyển này tao xem được bao nhiêu bắp, tao để nó bán cả, lấy tiền mua đôi gà con nuôi nhón rồi để cho ấp, đến Tết nó bán gà nó may áo.

Người mẹ bằng lòng mười mười rồi, nhưng vẫn gặt đi:

- Ôi dào! Gà với quế! Lôi thôi về để cho nó bới vườn rau của bà chủ mà nghe chửi à?

- Chửi cái gì! - Người cha vẫn không xẵng tiếng, lại còn dịu lời hơn - chị em nó ở nhà cả ngày là bụi mọc hay sao mà không trông được.

Cái Tý con ngồi sát cạnh mẹ đã đủ hiểu và nghĩ ra. Nó bèn kéo cánh tay mẹ, phụng phịu đẩy một mồm com:

- Con cũng không ăn ngô, con cũng không đi chơi, con trông gà với chị ấy, đến Tết bu bán gà con, bu may cả áo mới cho con cơ.

Thạo bé vội vàng:

- May cả áo mới cho cái Tý. Vậy hôm nào bu xuống phố, bu xin than rồi con bế em đưa ra tận ngoài phố quạt bán cho các cô ấy đi làm kho và Máy tơ về.

Tôi đã có cảm giác thấy thật như những cây ngô của Thạo bé đã bẻ xuống. Nõ ngô, thân ngô đem phơi đun cháy vèo vèo. Những bắp non mà bị thui Thạo đem luộc, cả nhà xì xụp nhấm nháp với nhau một bữa trưa nghỉ chợ và nghỉ việc. Còn những bắp to, Thạo cất để dành chờ tối nào mưa gió mới đem quạt bán ở đầu ngõ ngoài phố. Cảnh những người đi tầm đêm, xe cộ và dáng người nhòa cùng bóng tối. Cái bếp than của Thạo bé sẽ nhóm lên. Ánh than hồng trong chiếc nồi vỡ. Mạt sáng thỉnh thoảng bay lên xèo xèo... Rồi một phiên chợ, tiếng gà sẽ liếp nhiếp ngoài vườn.

Hai tuần lễ sau, quả nhiên nắng bỗng úa đi, gió và cát bụi tung mù mịt. Mây đen kịt từng tảng lở ra. Trời không những giờ rét mà còn mưa trút nước như bão.

Mụ chủ nhà bỗng sang. Lần này cái giọng the thé kia không từ ngõ nói vào, mà mụ vào tận nhà, thông thả gọi Thạo bé lại:

- Này Thạo! Tao bảo!

Thạo vẫn nhìn mục chủ nhà nọ bằng cặp mắt run run. Không cho Thạo kịp dạ, mục nói với Thạo một hồi dồn dập:

- Ngô của mày đã có bắp phải không? Thôi thầy mày còn thiếu tao sáu hào ruối tiền nhà đấy, tao cho mày hào ruối mày đòi thầy mày mà ăn quà, còn năm hào tao chỉ lấy mười bắp ngô trừ thôi!

Nói đoạn mục chủ nhà bỏ xuống sân, mặc gió thổi như tát nước vào mặt. Mục lấy áo toi của mẹ Thạo trùm đầu, xéo bừa cả lên những đồng rác, ra khoảng đất đằng góc vườn.

Rắc... rắc... soạt.. soạt... những bắp ngô bẻ nghiêng ra, có bắp chặt quá mục giàng cả cây xuống mà rút. Năm bắp, mười bắp, mười lăm bắp, hai mươi bắp, thoáng chốc trên miếng đất ngồn ngang những lá xé tả toai, còn trơ lại mấy gốc cây vừa thấp vừa hầy còn xanh. Mấy gốc ngô mà đến chết người ta chăm bón cũng không thể nào có bắp.

Cả buổi chiều hôm ấy, chẳng nón áo gì, Thạo bé cứ luẩn quẩn hết gốc ngô này sang gốc ngô khác vuốt, chấp chấp nổi nổi, và khóc. Nó khóc chỉ có tiếng nức nở chứ không thấy nước mắt. Nước mắt của nó bị nhòa hắt dưới những trận mưa đổ rào rào xuống người nó run cầm cập và xám ngắt.

Mãi sáng hôm sau Thạo bé mới dám kêu sốt. Mình mẩy nó lúc nào cũng nóng như lửa. Không dám chờ bu nó lấy thuốc, tôi phải cho nó uống cả mấy thứ thuốc cảm tây. Nhưng nó cứ li bì suốt mấy ngày đêm rồi chỉ càng mê sảng nhiều hơn và kêu hét, giàng xé cả quần áo. Tôi phải nói mãi, bu nó mới chịu nghỉ chợ và đưa nó vào nhà thương, nếu

không thì bu nó định vay mấy đồng bạc đi xem bói rồi sửa lễ tạ cho nó. Người mẹ này và cả mọi người đàn bà xóm trong, xóm ngoài và ngoài phố đều tin rằng không phải Thạo bé cảm sốt mà như thế, mà vì nó đã đại dột bế em nghịch ở miếu Thần linh, ở đồng Ông Nối, hay chạm vía một bà cô nào đó.

Thạo bé chỉ được nằm nhà thương có năm hôm, đỡ sốt là phải về. Hơn một tuần lễ sau Thạo bé lại phải bế cái Tý cho bu nó đi chợ, mặc dầu nó xanh ngắt như tàu lá, đứng lên đi chỉ được mười bước, lại phải ngồi phịch xuống đất.

Trong cái khu vườn khuất nẻo, đứa con gái nhỏ nọ càng ngày càng ít nói. Trước kia, những trưa tôi không thể nào ngủ được và cố đọc sách mà không thấy hiểu, thấy cảm gì tôi còn được nghe những trẻ con cười nô mà Thạo bé khẹp nép rủ về. Nhưng từ hôm ở nhà thương ra và phải dậy bế em thì Thạo bé hoàn toàn là một cái bóng.

Cái bóng còm cõi ấy thường thân mặt ra mà nhìn thiếp vào khoảng không. Trong khối lưu ly của hai lòng mắt sâu sáng của Thạo bé, những ngấn long lanh lại luôn luôn hiện lên và mờ đi. Hàng mi dài, cong và tơ càng đồ dẫn thêm trong cái quầng thâm hằn như cắt ra khỏi nước da xanh mượt.

Dưới mái hiên, Thạo bé dỗ cho em ngủ trong lòng mình. Còn Thạo tựa vào bức cửa, đầu lệch về một bên, tóc rối xõa xuống gáy và dính mồ hôi lấm vào trên trán, chân duỗi dài, hai tay giao nhau trên lòng, Thạo bé ngồi hàng giờ không nhúc nhích nhìn ra vườn.

Nắng tháng tư ngùn ngụt. Cánh đồng ngay ngoài bờ tre rục lên, làm hoa cả mắt vì lúa chín như vàng diệp. Gió nam từng cơn rất nhẹ đưa vào trong xóm, hương lúa mới thoảng với hương hoa cau và hoa lý bắt đầu điểm trắng, vàng trên những nóc nhà và những bể nước. Các giậu mùng toi lại mọc đầy, các giàn mướp lại lủng lẳng những quả là quả và cơ man những cánh tím tím hồng hồng rung rung ở những giàn đỗ ván.

Buổi sáng tinh sương, theo lệ thường tôi dậy tập thể thao. Tôi bỗng giật mình vì thấy sào sạt ở bờ giậu và có một cái đáng bé nhỏ lúi húi. Tôi đã toan kêu lên nhưng nén ngay được. Tôi nhẹ bước đi ra. Cái đáng lúi húi ấy là Thạo bé.

- Thạo bé làm gì đấy?

Ở ven miếng đất mà những luống ngô hôm nọ bị giằng lên vỡ nát lả tả, không hiểu được xới lại, làm lại và nhặt sạch cỏ lúc nào, Thạo bé đương khom khom với cái dao rựa cùn và một mảnh nứa trong tay. Nghe tôi gọi, Thạo bé choàng ngược lên, nhón nhác nhìn tôi:

- Cháu làm gì đấy? Ai bảo cháu làm gì sớm thế?

Thạo bé chớp chớp mắt và đứng lên. Cái thân hình bé nhỏ áo thì sã cả hai vai, quần thì cộc đến gối ấy, đã run lên ở trước mặt tôi với những tiếng nói run run như không thể vượt ra khỏi cổ họng:

- Cháu... cháu đã mua được lẻ ngô giống... cháu lại giồng ạ.

3-1942 - 5-1944

CÁNH CỬA XÁM

Chúc đã phải ghét người tù nọ. Chúc ghét hẳn đến mực không còn dám nhìn mặt hẳn. Tuy Chúc cũng mặc áo sớ, chân đeo xiềng, và không được như hẳn, Chúc lại không có ngày về. Chúc bị án khổ sai chung thân mà hẳn chỉ có bảy năm thì đã ở được hơn bốn năm.

Chúc để ý tới hẳn từ hôm Chúc phải đưa ra nằm nhà thương đây. Chúc đã ốm chỉ còn chờ chết. Nhưng Chúc đã bớt và đã gượng gạo đi lại được. Chúc đã không thể sao hiểu được cái sự lạ thường này và cả nhà pha cũng đã ngạc nhiên vì thấy một người bạn tù sốt rét, đái ra máu, phải khiêng đi nhà thương và sớm tối xuống nhà xác, mà còn sống.

Cái mầm ghét đã chồi lên ngay từ lúc Chúc tỉnh dậy, chập chờn hay biết. Cái hơi nhà thương gây gây, hắc hắc, nồng những mùi kêdìn, thuốc vàng, mồ hôi người và quần áo khét, vừa làm cho Chúc bàng hoàng hồi hộp, thì tiếng quát tháo của hẳn rầm lên. Hẳn quát từ ngoài cửa, chưa kịp bước khỏi những bậc xi măng nó dội chói óc tiếng xiềng xúng xoảng. Mọi người đều ngược nhìn. Hẳn đứng sừng sững, trừng trừng mắt, với bộ quần áo vải Nam Định hồ rất xanh, là bằng cách gối đầu, và với cái mũ bêrê cũng bằng vải, đội lệch, thêm cái sớ tù tấy thật mờ, khâu nhỏ tý ở mép túi áo trên. Trông hẳn hiện ra lúc đó còn hống hách, dữ tợn

hơn cả những *suwaydāng* hay những cai tù ở những trại giam kẻ chưa thành án phần nhiều len lét, ai đánh chửi, sai bảo cũng được.

Hắn đập giường người này, tung màn người kia, văng tục vì một cái chăn lê thê xuống đất, dằn hắt những chai thuốc không gọn gàng trên đầu giường. Khi những câu bản thủ đã đồn dập, hắn bước liền sang, chửi rửa nào kẻ nhỏ bậy ra nhà, nào hút thuốc lào để vương tàn đóm, bã thuốc, nào ăn uống cá mú để dây dính nhóp nhúa. Kết cục, hắn gằn tiếng nhắc đi nhắc lại rằng “điều luật thứ nhất” trong nhà thương là giữ vệ sinh mà hắn là kẻ phải chịu trách nhiệm tất cả với ông xếp, với các thầy ký, và ông xếp cùng các thầy ký chỉ nghe hắn “bô” mỗi một câu là lập tức tổng cổ hết kẻ nào không chịu vâng theo ra khỏi nhà thương...

Tất cả đều im lặng. Người thần mặt ra, người lấm lét nhìn, kẻ luống cuống ngồi vào chỗ, có kẻ lập cập đón lấy chiếc chổi của hắn quét và giục các bạn ồm xếp dọn. Họ bị sợ hãi, khủng khiếp như thế không phải bây giờ mà đã nhiều quá rồi, lâu quá rồi. Họ là những người chỉ có hai bàn tay xương xẩu, liều thân lên đất rừng rú để cố kéo cái đời khốn khó mà no, đói, rét, sống, chết đều mặc số phận định đoạt cho thế nào được thế nấy. Họ gồm có bảy người, không kể Chúc. Một người đi phu làm đường, một người đốt củi, một người đóng gạch, một người phụ bếp, hai người cu ly xe bò và một người đã mấy năm nay chỉ ồm hết nằm ở nhà thương, nằm ở chợ tỉnh lại lần vào ăn xin ở các lán bè, các lán mò.

Trong cái con sấm sét của tên tù, vẻ mặt bảy người nọ xanh xám, hốc hác thêm, sau đó, họ càng phờ phạc, lò ngò. Nhưng thế hay hơn thế nữa, hẳn cũng không thể làm nấy ra cho hẳn một xu nào, một vật gì. Trừ phi họ chết, chịu để hẳn lòi xuống nhà xác thì những manh quần, tấm áo, cái dây lưng, đôi giày vải - những của cuối cùng của họ kia - mới đành rời bỏ.

Cả buổi sáng hôm ấy, mặt trời đầu tháng hai hé nỏ, nắng vàng lấp lánh, cảnh vật tươi mát bao la, mà Chúc thấy khó thở vô cùng. Bao nhiêu cảm xúc và bao nhiêu ý nghĩ của Chúc đã sôi lên thành những đau xót và hằn học. Chúc chẳng còn thiết trông nhìn một vật gì mà chỉ cầu sao lại được thiếp đi. Càng cố lắng tâm trí Chúc càng thấy nặng nề, đè nén. Mỗi lúc cái chuỗi xích to và ngắn đeo ở cổ chân Chúc va chạm nhau, kéo giật bước chân Chúc lại là Chúc lại lắc đầu, thở dài. Chúc ngồi rũ xuống giường rất lâu rồi ngược mặt lên, choáng váng, buồn bã.

Chúc lại muốn chết.

... Ngày lại ngày, cái cảnh quát tháo, hành hạ ấy cứ nối tiếp khi buổi sáng, khi buổi chiều, có lúc cả buổi chiều, cả ngày chủ nhật với một người ốm mới vào hay sắp ra, hay bất thành linh được tin có một sự khám xét, hẳn phải quét dọn gấp. Đã gần một tháng. Ít lâu sau, tên tù kia cũng quen mặt Chúc. Chúc không thấy khó chịu lắm vì cái chổi vung văng, cái thùng sắt tây đổ nước tung toé, cái bộ quần áo nhà pha cũn cốn hồ lơ và cái dáng đi loảng quảng hết buồng này sang buồng khác. Tất cả những cái ấy, đối với Chúc cũng

như đối với bọn người ốm cùng khốn, nó đã thành một sự tất nhiên mà người ta không chịu cũng không được.

Về phần hấn, hấn cũng biết Chúc không ưa hấn nhưng hấn vẫn phải hỏi nói với Chúc bằng một giọng ôn tồn. Chúc tuy cũng là tù và mới phát văng lên đây, không vẫy cánh, không có tiền vung vãi mua chuộc nhưng chẳng gì Chúc cũng là một kẻ thông thạo chữ nghĩa hơn cả những thầy ký trong đề lao và ở nhà thương. Chúc đã là một thư ký đầu một hãng buôn to, lương tháng bạc trăm. Quá chơi, Chúc đã tiêu hết cả tiền kết rồi đầu độc người quản lý của hãng định để vừa thay chân y, vừa làm tiêu tan sự biến thủ. Vào tù, đáng dấp, ăn nói, cách đối đãi của Chúc vẫn đầy vẻ phong lưu, lịch thiệp khiến từ *suvaydăng*, khán hộ đến bà đỡ đều tìm Chúc, chuyện trò luôn, ông ông tôi tôi với Chúc, và bắt cả hấn phục dịch Chúc.

Nhưng trong sự đối đãi cố gắng thân mật giữa hấn và Chúc, Chúc vẫn thấy không thể nào quên được những cử chỉ độc ác của hấn chỉ lăm lăm bóc lột người ta. Giờ hấn một điều “thưa bác” hai điều “nhà em”, tươi cười chào hỏi Chúc đấy, song chỉ mai kia thôi, nếu Chúc lại lả đi, sốt liệt giường, liệt chiếu, Chúc sẽ bị ngay hấn gắt gỏng và cả chửi mắng nữa để Chúc có gì trong mình thì phải mau mau lột cho hấn. Hoàn toàn hấn đã thuộc về cái hạng tù tối tăm, bạo ngược, không thân thích chăm nom, đi tới đâu cũng kiếm cách kéo bè đảng với những kẻ uống máu người không tanh. Còn chung đụng với hấn, Chúc tránh sao được những sự giáo giở của một sự giả thù nung nấu!

Bên sự ghét hấn, không những Chúc ghê sợ hấn mà còn ghen hờn nữa.

Hấn tuy lùn nhưng vạm vỡ. Da hấn đen bóng, bắp thịt tay, bắp thịt chân, bắp thịt vai và ngực cứ rung rung, cuồn cuộn theo những cử động thoăn thoắt của hấn. Mắt hấn lúc nào cũng lấp lánh, cặp môi dày, mọng như tô son. Tóc hấn cứng, đen nếu luật nhà pha không bắt cạo trọc thì hấn cũng đến phải húi rất ngắn để hợp với cái đầu tròn và cái trán thấp của hấn. Trong cái thân rưng rục máu ấy hấn còn coi mùi gì những công việc nặng nề, khổ ải nhất, và, những mầm bệnh khó mà chớm lên vật hấn ốm được. Án bấy năm chứ đến mười bảy năm hấn cũng thừa sức ở lại cái mạn ngược của sốt rét, ngã nước, phù sưng này.

Không những hấn khỏe mạnh như thế mà còn được thêm những thứ của quý báu trên hết mọi “của” quý báu của những người tù là sự “vô tư lự”. Không bao giờ Chúc được nghe một lời thở than của hấn. Cả khi còn ở trong trại với hấn, Chúc chỉ thấy hấn chuyện trò hát xướng chán rồi thì quay ra ngủ. Hấn ngủ từ chập tối tới khi kèn la vầy thổi vang mà vẫn còn ngáy giòn. Sự sung sướng này không phải hấn không hay biết. Hấn thường bảo đó là giới cho riêng những người vùng hấn. Hấn ở vùng Quảng Yên, quanh năm suốt tháng hấn đắm mình trong nắng gió và nước mặn mênh mông. Hấn chỉ ăn tôm, cá tươi và gạo đỏ lứt. Già như trẻ, những người vùng hấn đều đi nghề và đều bất chấp mọi sự vất vả, nguy hiểm.

Trông thấy hần hơn hớn như thế, Chúc càng khổ sở, đau đớn, chán nản. Và lòng hờn ghét của Chúc càng bị nén đi càng âm ỉ cháy chỉ đợi một dịp ghê gớm bùng lên.

*

* *

Sáng ấy cũng có sương. Sương rừng không chỉ tỏa ra ở xa xa, ở chân trời mà ở cả ngay trước mặt, cả ở trên đầu, cả dưới chân, ôm lấy người ta. Đã tưởng rồi nắng lắm nhưng mãi mặt trời vẫn chưa rõ. Cái sắc xám mịn mịn loãng đi, trong dần, mong manh. Cây cối, núi non từng khoảng xanh đặc và ướt át lờ lờ nổi bật ra.

Chúc không thấy lạnh. Ánh vàng đã chiếu lấp lánh dòng sông chảy âm âm sau nhà thương. Gió gợn gợn, xào xạc qua những đám lau trắng vàng pha muốt. Cái mát đi vào cảm giác Chúc như nước ngọt của lê, táo. Chúc thờ như bằng thứ phổi khác và càng nhìn cảnh vật càng thấy sự khinh khoái lâng lâng ở trong người.

Gần mười giờ. Lác đác những quần áo chàm và những vòng cổ bạc đã xuống đường cái. Đó là những người Thổ ở gần đây ít cũng hàng chục cây số. Họ gánh rau, chuối, măng, gạo nếp, củ nâu đi chợ. Họ cười nói ríu rít, bô bô. Bắp chân to của họ cứ thoăn thoắt. Thịnh thoảng có kẻ kèm theo con ngựa nhỏ, gầy, lặc lè thờ hàng.

Một lúc sau, những tiếng chim hót rộn ràng khi sớm mai hé trắng như thiếc, tan đi. Cả những tiếng xôn xao của

người chợ búa. Yên lặng trở nên bát ngát, trong vắt, thăm thẳm. Sắc xanh loáng ánh nắng càng mọng mỡ.

Trừ hai ông già sốt rét đương lên cơn còn tất cả đều lò dò ra cái ghế ngoài hiên. Kể cả Chúc là năm. Một người cũng đã đái và ho ra máu. Một người sa đại tràng. Một người phù. Một người sâu quảng. Kể riêng thì thế nhưng chính bệnh họ là sốt rét. Họ đương nói nheo nhèo đấy, thoáng cái đã về giường nằm, trùm chăn kín mít, hừ hừ, rung chuyển cả giường và uống hết chai nước này đến chai nước khác.

Khi tên tù nọ quét dọn xong và những tiếng hạch sách của hắn chuyển sang bên “san” đàn bà thì câu chuyện của bọn bệnh nhân ran ran hẳn lên. Trong kia, bốn gian bệnh viện càng trống hơ trống hác vì chơ chổng hai hình thù nằm co rúm sát vào tường như muốn có cái ôm ấp để có chút hơi nóng và vững chãi. Họ lại nói toàn những chuyện ở làng, ở tổng, ở huyện họ, chuyện tiêu pha may mặc và chuyện... ăn. Giờ đã đúng mười giờ, thuốc pha xong cả rồi, đằng đằng những hai tiếng đồng hồ nữa mới đến bữa. Trông những gương mặt búng beo, hốc hác, những thân hình xơ xác đùm dùm đều thấy nồng nàn những say sưa trong sự kể lể của mình. Ai cũng cho rằng đặc sắc nhất, phi thường nhất mà chỉ thoáng nghe người ta cũng thừa hiểu rằng họ chỉ cóp nhặt ở mỗi chuyện mỗi nơi một tý trung làm chuyện sống của mình chứ mãi đời họ cũng chưa được hưởng những món ăn kỳ lạ, lắt léo ấy.

Bên cạnh bọn ma đói ấy Chúc đã bút rút cả người. Họ nói sao mà nhiều thế? Tranh cướp nhời nhau, kèn cựa, dè bủ nhau, cười hơ hớ, ho sặc sụa... hàng giờ rồi! Mãi sau thấy

chuyện mình đã nhạt phèo và tai thì bỏ hơi, bụng reo xào xạo, họ mới chịu thôi. Ngồi im, mặt họ thuôn ra, đây ngốc nghếch u mê. Cái yên vắng trở nên xám xịt càng đè nặng xuống tâm trí Chúc.

Một lúc nữa, trên buồng thuốc gần đấy, tiếng quét tước cũng bật. Cái dáng đi loảng quảng họ không thấy nữa. Hai người tù đàn bà, một người ta và một người Khách mà nhà thương thỉnh thoảng mới xin ra cũng đâu ấy. Người lính khố xanh coi họ thì nằm dài ra ngủ trong cái buồng khu buồng Chúc, trước khi dặn Chúc “gác” cho y chọn mắt gỡ một lúc kéo đêm qua hẳn đã bị cay sè mắt vì sáng nghìn và xóc đĩa.

Nắng đã rực lên. Gió thổi loang loáng những làn ánh sáng nồng nàn như phấn da cam. Những cây long não và xoan ta reo rào rào. Không khí vang lừng thêm vì những tiếng suối đổ đàng xa chan hòa bụi nắng.

Chúc lại có ý muốn trở về trại và mong chóng khỏi để đi làm. Tuy bó buộc, vất vả nhưng còn hơn ngồi ủ rũ không còn cái gì để vui, để bầu bạn, để chờ đợi. Trọn hai buổi cỏ vè dầu dãi đốc thúc, Chúc được cái sung sướng nghỉ ngơi. Chúc được ăn uống với một sự đói khát cào cào. Chúc được nằm mà nghe cái ồn ào soang soảng tiếng xích của những bạn tù đi lại cười đùa, hát xướng đề lên những tiếng cãi cọ, chửi rủa. Chúc được dự vào một cách tha thiết những phút vui hồi hộp, ngẩn ngơ vì những cái tin rằng có “ân xá”, có sự “loại” bớt về Hà Nội. Và bao nhiêu sự thì thảo bàn tán nữa: phát quần áo, đổi chăn, mổ lợn, giết bò đặc biệt, đổi giám binh, có quan to đi kinh lý...

Không thể nén được sự cồn cào, Chúc đứng dậy, đi lấy cái thau sắt con ở buồng đằng sau kia xin nước rửa mặt. Tay vịn tường, chân lẫm từng bước, Chúc cố thở đều để chống lại sự bải hoải cứ chực đẩy Chúc ngồi xếp xuống.

Qua hai cái giường và qua cái lối đi chính giữa, Chúc rẽ vào cái lối đi nhỏ. Gian buồng chứa đồ ở mãi tí t mé bên trong, giáp giới một gian dành cho những kẻ có bệnh nguy hiểm truyền nhiễm và một nhà tiêu. Cho tới đây, ánh nắng chỉ còn mờ mờ. Cái mát lạnh lạnh lướt qua da người ta như hơi nước tỏa trên dòng suối ngập bóng cây. Dáng người Chúc đi nhẹ nhẹ, gần tan hẳn với bóng mờ. Bàn tay Chúc vịn mặt tường run thêm. Mồ hôi Chúc toát ra ướt cả ngực áo. Chúc đã toan dừng lại ngồi nghỉ rồi quay ra chờ người đưa com đến, Chúc nói với hần mức nước cho mà rửa ráy. Nhưng nghĩ tới những giọt nước hiểm như vàng mà Chúc đã khổ sở như điên vì nhóp nhóp từ hôm qua rồi, Chúc lại cố bước.

Thoáng phút, cái cánh cửa xám của gian buồng chứa đồ đã sát tới tay Chúc với mùi kêđin và mùi ẩm mốc. Chúc chỉ phải đẩy cửa ra để lấy cái vật mình dùng. Rõ ràng lắm, cử động nhẹ này. Cái cánh cửa gỗ sơn nọ, vừa mỏng, vừa không khóa, quả đấm lại móm lóng lẻo, nên tay Chúc run run chỉ vừa khê quay cái nắm sứ là cửa hé ra, không một tiếng động.

Nhưng Chúc dừng ngay bước lại, và, mặt Chúc bỗng tối sầm, bàng hoàng như trước một sự xuất hiện ma quỷ trong cơn mê hoảng.

Trên cái giường sắt thái bừa bãi những chăn chiếu, mền bao tải, thùng sắt, chổi, tên tù cỏ vê đương áp má vào mặt

người tù đàn bà. Đó là người tù con gái Khách. Không! Không phải Chúc hoa mắt nên trông nhầm. Rõ ràng người con gái Khách vận áo trắng, cúc tết cài nách, quần thâm cộc, tóc đen nhầy bện vòng lấy đầu, và vẫn giữ được đôi hoa tai bạc thây lấy ở tai. Y phát văng lên đây đã lâu, thường vẫn làm ở vườn hoa. Y nghe đã thạo nhưng nói vẫn chưa được cả câu và lúng túng luôn. Án y mười năm. Từ ngày y bị bắt, không thấy một ai thăm nom y và cũng không thấy y nhờ cậy ai viết thư. Tổng tích y, chẳng một ai rõ. Chỉ biết y tòng phạm trong một vụ cướp của giết người rất tàn bạo ở biên giới.

Như những làn chớp xé ra giữa một trời tối đặc, những thù ghét, căm hờn, góm ghieếc bùng cả lên trong lòng Chúc. Chúc toan kêu lên mà chỉ kêu một tiếng Chúc sẽ được tất cả mọi sự thỏa nếu Chúc muốn đã hờn. Hẳn lập tức bị người lính Thổ đương pháp phóng kia vùng dậy đánh cho thối ngực rồi điệu về pha phạt xà lim hàng tháng. Cả người tù con gái Khách cũng sẽ bị trừng phạt vì sự liều lĩnh của y.

Nhưng trong ngực Chúc hỗn hển, tim Chúc bỗng bị bóp chặt. Chúc rung mình một cái, lão đảo lùi bước. Ngay đó cặp mắt lò dò trên da nâu nhòn của người tù con gái nhắm vụt lại. Y co rúm người, xô ngựa người đàn ông ra, cuống quýt gỡ cái vòng tay vừa ôm ấp vuốt ve hẳn, và y nhón nhác, xanh xám nhìn theo Chúc với những tiếng kêu gọi riu cả lưỡi:

- Ông ơi! Tôi van ông! Tôi chết mất! Chúng tôi chết mất!

Thoáng giây, Chúc rợn cả não cân. Chúc vụt tưởng đến bao nhiêu sự ghê gớm khủng khiếp, những trận đâm máu gây nên bởi người đàn bà ở ngay trong tù mà Chúc được

nghe kể và không thể nào quên, những vụ âm mưu vượt ngục bị vỡ lở thảm khốc trong những truyện viết và những phim ảnh của những tội nhân đi đầy hết đời; những cách hành dâm quái gở không còn tí gì của người để được dịu một chút tình dục già vò mà chính mắt Chúc chứng kiến trong những đêm tối ở trong trại. Và Chúc tưởng đến sự thèm khát của cảnh thiếu thốn không phải chỉ vì nung nấu bởi xác thịt mà vì những tình cha mẹ, anh em, con cái, bạn bè thân mến chung quanh. Mất những ánh sáng và không khí đầm ấm này, không phải chỉ những kẻ tù tội như Chúc mà cả mọi người đều khổ, tiêu tan sinh thú, và thường lao mình vào bất cứ những cái gì tàn ác, say sưa, tối tăm.

Bước lùi lại, Chúc như không còn hay biết một tí gì ở trước mặt. Chúc như đi lẫn trên không khí. Chúc phải mau mau trốn tránh như chính Chúc là một trong hai kẻ khổ nạn kia. Tim Chúc nứt nẻ. Trí nghĩ Chúc nứt nẻ. Chúc đau. Chúc tê tái thấy người tù con gái và hẳn ta phải tủi nhục lắm, khủng khiếp lắm vì cho rằng mình đã phạm thêm một tội, thêm một sự xấu và sắp bị ngấp dưới những hình phạt không hiểu đến thế nào đây.

- Không! Không!

Chúc lắc đầu. Mất Chúc chơi chơi. Nhưng Chúc không khóc. Nước mắt chỉ vỡ ra ở trong lòng Chúc làm nghẹn tất cả mọi nhơ....⁽¹⁾

1943-1944

⁽¹⁾ Mất chữ trong Di cảo.

BUỔI CHIỀU XÁM

Xan bỏ hẳn kính ra, cất vào túi áo trong rồi ngược mắt trông. Xan hơi bàng hoàng vì sự hiển hiện đột ngột này. Trên đầu Xan, mây chỉ càng thấp xuống, và chung quanh Xan, cảnh vật càng thẫm lại. Gió thổi mạnh hơn. Bụi đường cùng lá cây cuộn lên thành từng đám dày, chạy rào rào và quẩn quại như những chim chóc chạy trốn trước cơn bão.

Cái lạnh càng thấy rõ nữa trong cảm giác Xan. Xan rít tiếng khe khẽ:

- Không biết còn rét đến bao giờ hử?

Câu hỏi này làm Xan cúi mặt xuống, không dám nhìn ra xa và nhìn kỹ chung quanh nữa. Từ những thân thể trần truồng, co quắp, những cái dáng đi lẩy bẩy mờ mờ, và những cặp mắt ngo ngác của những đám người nhan nhản ở hai bên đường và các xó hè, đến những cây cối, nhà cửa và trời mây đều âm âm hỏi theo Xan:

- Đến bao giờ nữa hử? Đến bao giờ nữa hử?

Cái không khí u uất về chiều này! Cái cảnh tượng nhợt nhạt của chiến tranh này! Cái hoang mang của sự sống qua những đói rét, tàn phá và chết này! Nghĩ tới đây, thót cái tim

Xan như bị kẹp mạnh bởi một cái kim, và ngực Xan như bị ai đứng dận lên. Lại như có từng núi gạo đương đốt ngùn ngụt ở trước mặt Xan. Lại như có từng đồng xác chết vây bọc lấy Xan trong đó có cả cha mẹ, anh em, vợ con, và bao người quen biết của Xan, mấy tháng trước đây còn vạm vỡ, nhanh nhẹn không thể tưởng tượng được. Và không!... không!... có cả Xan nữa. Xan giờ đây ở nhà in và, nay vẫn còn khét mùi dầu mắt vẫn còn những trang giấy dập thử lấp loáng dưới ánh đèn điện và trong đầu vẫn còn âm ỉ những tiếng máy. Xan - một kẻ trong hạng người cũng chỉ có hai bàn tay làm việc mà tiền lương chưa cuối tháng đã hết, gạo trữ không, ruộng vườn cày cấy thì thật hoàn toàn không bao giờ được biết đến.

Ình... ình... ình... sầm... một cái “cam nhông” lao qua mặt Xan rồi dừng lại trước một máy nước. Không bóp còi và phóng bừa cho tới cả lúc rẽ vào đám đông, cái xe quái gở nọ chỉ tý nữa là hất tung Xan đi hoặc đè nát Xan. Ngã dúi vào một cột đèn, Xan, khi đứng lên, không phủi quần áo vôi mà chỉ trừng mắt nhìn. Sự căm tức lại chen lấy cổ Xan. Đó là cái xe của quân đội Nhật lù lù như con voi, bụi bậm bám đầy, với mấy chục lính lỗ nhố, súng dựng ở trước ngực, tay cầm rung rung như sắp vung lên bắn vào người ta.

Sau một câu chửi hỗn hển, Xan đã toan đi, nhưng thấy mấy tên lính phốc xuống đất, sấn vào đẩy dúi những người chực nước mà tranh lấy cái vôi. Thì Xan nảy ra một ý nghĩ, bèn thôi. Xan muốn với tất cả đau xót trong lòng chứng kiến một lần nữa sự dã man mà đồng bào Xan phải chịu để xem

nó còn tới mức nào trên những kiếp người hiền lành nhân nhục này.

Ê ê ê... hô hô hô...

Những tiếng dọa nạt, xua đuổi và cười đùa càng làm cho không khí đặc sệt lại. Chỗ này là một cái chợ chuyên họp về chiều cả các thứ hàng ế với các người làm ăn đầu tắt mặt tối. Bị cái xe cam nhông chắn gần hết lối đi, xe cộ, gồng gánh ứ lại, chen chúc nhau ầm ĩ. Trong khi ấy những kẻ chực nước và rửa ráy đun nấu hễ được dịp ghé vào vòi nước là lại xô đẩy nhau, thùng xịch loảng xoảng, chửi bới lộn bậy. Bọn lính vừa phần bị vướng, vừa phần tinh nghịch, lại đẩy lại đạp, lại giơ thùng vung lên để cùng cười ran trước những trẻ con vỗ tay, reo hò... Xan tưởng đầu óc đến nứt mất.

Xan càng rùng rục cả tâm trí.

Chối vào tai Xan, ở những xe đằng đầu đường kia, lại luôn luôn có những toán lính ngồi lên, nhảy xuống, dận thành thành và cười hát hô hố. Cuối cùng, chúng thúc cái nắp mui xe lên. Thế là mấy tên lính nữa lại ủa xuống.

Nhưng trút được mấy tên lính xuống xe thì sự đùa nghịch đã bớt. Hơn chục tên lính còn ở trên xe lại dựng súng lăm lăm trong tay. Xan bỗng ngạc nhiên vì nhận ra một tên lính hình thù rất lạ trong số lính im lặng ấy.

Hắn - không! Một thứ người ở vùng rừng núi nào bên Triều Tiên, Trung Quốc hay ở một xứ nào khác thì mới phải chứ người Nhật sao lại thế - Hắn cũng lùn, nhưng đó là một thứ lùn dày và bè ra của một thân thể to chắc. Cái mũ hắn

đội chỉ vừa dính có chỏm đầu, mà đầu thì tóc xoắn tít mọc trùm cả gáy! Mặt hấn chỉ để nhận thấy có hai con mắt, hai con mắt quăm quăm dưới đám lông mày lấm tấm bạc, hai con mắt rất sáng, rất tợn nhưng không làm người ta sợ - còn thì chỉ thấy râu ria xồm xoàm.

Một con khi độc!

“Con khi độc” này lại mặc cái quần thùng thình như cái váy, thắt lưng da trễ ra để hở cái rốn và lông bụng. Nó không lờn xuống đám đông để phá phách mà đứng ngậy ra nhìn.

Trời tối gần hết. Chỉ còn một khoảng bằng cái hang nhỏ đỏ bầm ở góc phía tây. Dưới cái ánh sáng thoi thóp này, một ngọn núi tím đực cố ngoi lên giữa lớp sương nhờ nhờ như khói. Bao nhiêu ngọn cây và nóc nhà về phía này cũng đều như có khói quẩn quýt. Và từ cái biển khói ấy, tiếng chim gọi nhau, tiếng lá xao động, tiếng gió vi vu thoang thoảng đưa lại hóa thành một thứ tiếng xào xạc heo hút vô cùng.

Cặp mắt nhìn quăm quăm của “con khi độc” bỗng chớp chớp. Gian hàng tạp hóa ngay chỗ ô tô đỗ đã bật đèn. Từ cái cửa sáng trưng đi ra một người đàn bà bế một đứa nhỏ cuống quýt chỉ tro:

- Kia mợ đã về!... Em nín đi... chóng ngoan... Mợ về kia.

Đứa bé càng giẫy đạp. Nó đòi bế hẳn ra hè để được thấy hẳn nếu thật mợ nó về. Người đàn bà bế nó phải chiều theo. Y càng riu rít nựng nịu nó, vỗ về nó. Cảnh nhộn nhịp và những tiếng ồn ào dần dần quyến rũ đứa bé. Nó không

những nín hẩn mà lại còn cười khanh khách và sà xuống nô với con chị nó đưa tay vẫy vẫy đùa cợt. Người đàn bà bế nó mấy lần phải nhào theo đà đùa bé mà y bế có vẻ nặng lắm.

Không phải vì trời rét nó quấn chăn bông và mặc nhiều áo nên nó làm người đàn bà khó bế. Da dẻ hồng hào, mắt sáng và xéch, môi tươi, cổ tay như bột nặn, đầu đội mũ len hồng bịt kín tai, kiểu mũ tàu bay, đứa bé tự nói rằng nó là một thằng cu khỏe lắm. Người đàn bà mỗi khi nâng nó lên hay xốc lại nó thì cả người đều chuyển động. Hai bắp tay béo mẫm của y gân lên, ngực y rung rung nổi căng, mặt y đỏ bừng.

Xan chọt giật mình.

“Con khi độc” bỗng quăng súng lên mặt hòm nước, nhảy bịch xuống đất, xô đến người đàn bà, hai cánh tay lông lá đưa ra như sắp ôm lấy. Người đàn bà rú lên, quay ngoắt đi. Khủng khiếp vì cái hình thù quái đản ấy, đứa bé cũng chồm lên một tiếng rồi nhắm mắt lại, gục mặt xuống vai người bế. Chết rồi. Khốn nạn!... Khốn nạn! Xan mím môi lại, quắc mắt lên, chờ một cảnh đùa nghịch dâm đăng sắp xảy ra giữa người vú em béo trẻ và “con khi độc”, mà kẻ sợ đến mất trí là một đứa trẻ ngây thơ đương cười nô hồn nhiên. Khốn nạn! Khốn nạn!... Sự khốn nạn đã đến cùng tội rồi! Đi bắn giết người, đi cướp đất người, đi bóc lột của cải, vợ vét thóc gạo trong khi mùa màng mất và sự đói kém tàn hại hàng triệu sinh linh chưa đủ lại còn hãm hiếp đàn bà một cách công nhiên nữa. A! Đồng bào xem! Hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Xan còn phải đợi những điều kiện nào mới vùng dậy, đập tan những thống khổ?

Nhưng không! Không phải. Xan lóa mắt. “Con khi độc” đã đến sát người vú em rồi mà cánh tay lông lá của hấn gio ra vẫn chưa ôm lấy. Đã thế, thấy người vú em luống cuống chực chạy trốn vào nhà thì hấn lùi lại. Hấn khép bớt một cánh tay, và hấn vừa gật đầu vừa cười rất tươi bằng hai con mắt sáng nhấp nháy:

- Ê ê ê... tí ti ti...

Những ngón tay bấp chuối của hấn vung vẩy, miệng hấn toét ra những răng to và trắng ỏn. Mặc, đứa bé vẫn giấu mặt vào ngực người vú và người vú vẫn quay đi.

- Ê ê ê... tí ti ti... tí ti ti...

Lần này, vừa nói hấn vừa tiến sát lại người vú. Một tay hấn níu lấy cánh tay bế em của người vú, một tay hấn vẩy vẩy đứa bé mà hấn ghé hấn mặt nó vào mặt hấn, vừa nháy nháy mắt, vừa gật đầu, khấn khoản ra hiệu với đứa bé đừng sợ nữa, hãy theo hấn bế ẵm.

Trẻ con và người lớn đã đổ xô đến. Tất cả đều bấm nhau chỉ trỏ “con khi độc”. Không để người vú trao đứa bé cho mình, “con khi độc” ôm giằng lấy nó mà áp vào người. Hấn vỗ về nó, cười khà khà rồi xốc cao nó lên trên mặt mình nhẩn nhó gật đầu, nháy mắt. Thế rồi, sau khi cái bàn chân bé xúu đi bít tất hồng nhảy nháy nháy trên cái mặt xồm xoàm nó thì những tiếng cười nức nở rúc lên. “Con khi độc” lại rít miệng vào trán, vào má đứa bé. Cái tã bông cài kim băng bị tuột. Hai bắp đùi mập mạp của đứa bé lồ lộ tất cả làn da thịt mon mơn. “Con khi độc” liền ngoạm lấy, nhay nhay, suốt từ

háng xuống gót, lại từ gót lên háng, sau đó thì hấn rúc vào cái dải quả ót của đứa bé mà hít lấy hít để.

Như có một ánh sáng khác, một bầu trời khác mở ra trước mặt Xan. Một buổi chiều ở đảo Phù Tang xa nước Xan kia. Ngọn núi Phú Sĩ phoi lơ lửng vùng trán trắng xóa giữa những sương lung linh cuồn cuộn nở. Hoa hạnh đào phoi phối ngợp trời. Một người cha đi làm về, ở một xưởng máy mịt mù than bụi hay ở một cánh đồng đất nâu xói mịn toi như bột. Quần áo hầy còn nhóp nháp, tay vẫn còn đen thui, y đã ôm chầm lấy con bé trong tay vợ đứng đón ở trước cửa cái nhà gỗ nhỏ. Y cũng đã hôn hít, cũng đã trao tất cả tình thương yêu và lòng hy vọng đời mình vào da thịt của con, cái giọt máu của y sẽ ra... Ba năm, năm năm, mười năm rồi! Hay lâu hơn nữa cũng nên, cái buổi chiều ấy mới trở lại. Mà biết đâu, biết đâu nó lại sẽ không mất hẳn với một con người đã bị chiến tranh lôi đi không còn biết tới đâu, không còn biết đến bao giờ mà cả dân tộc của bọn đi xâm chiếm và dân tộc bị xâm chiếm, đều ê chề, tàn hại.

Xan lạnh tê cả người, Xan thôi không nhìn người lính nọ, đưa mắt trông lên tốp lính đứng trên xe. Vẻ hung bạo trên những con mắt một mí và những gương mặt lầm lẫm kia không còn nữa. Đó là những bộ mặt phờ phạc, ngây độn dưới ánh chiều hấp hối đã gần lẫn hẳn với bóng tối. Quần áo màu nước dưa đen xỉn lại, vá víu, xốc xếch, nó cũng bẩn thiu tồi tàn chỉ kém một tí những quần áo rách rưới của những người chung quanh. Sự thiếu thốn khổ sở đã kêu lên cả ở những con người này với những tiếng kêu bị bóp một cách

chặt chẽ hơn, quyết liệt hơn, mà nếu kẻ kêu để bọn cầm đầu hay bên ngoài nghe thấy thì cái chết đến ngay lập tức.

Thoáng giây phút, Xan tưởng đến bao cảnh choáng lộn đã diễn ra làm bao kẻ phải nghẹn ngào khao khát. Những dãy ô tô bóng lộn, những cò bay phấp phới, những vàng ngọc chói ngời, và những tòa nhà sực nức hương hoa của những ngày đại hội, của những dạ tiệc. Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng kèn... âm nhạc lúc tung bừng, lúc lả lướt, lúc loạn xạ, mê toi đã cất lên át những tiếng rên âm u của đói và chết. Cảnh hoan lạc đã được cực điểm trang hoàng để làm quên một cuộc chiến tranh bẩn thỉu, quên rằng ngoài mặt trận kia khói và lửa đang ngút trời, từng lớp, từng lớp những người bỗng thành bia thịt, những máy bắn chém người không tiếc tay, giày xéo lên xác chết để làm giàu cho một lũ lái súng, khát vàng và máu.

*

* *

Cách buổi chiều ấy không đầy hai tuần, Xan đương coi máy chạy thì nghe được một chuyện sau đây:

“Một đêm kia ở một ga nhỏ trong một hàng cao lâu đã đóng cửa, có một viên võ quan Nhật còn rất trẻ và người lính già vào gọi cà phê. Cả hai uống xong rồi vẫn ngồi thừ trên bàn, chẳng ai nói với ai một lời. Chợt người lính choàng dậy. Y móc ở trong túi áo ra một bức thư, một tấm hình và một con búp bê nhỏ. Y đặt tất cả lên bàn, mếu máo nhìn rồi khóc nức nở. Xem bức thư, ngắm tấm hình và mân mê thứ đồ chơi của trẻ con nọ, viên quan cũng nước mắt đầm đìa và cũng gục mặt xuống bàn mà nức nở. Đoàn... đoàn... hai

tiếng súng vang lên. Mọi người đều kinh hoàng. Người lính rút súng lục của viên quan ra lúc nào không biết ghé vào thái dương mình bóp cò. Viên quan nhanh mắt giằng được súng. Người lính già liền tuốt vôi lưỡi lê, chạy vụt ra chỗ khác mà tự rạch nát cổ và xia be bét vào ngực mình. Lính đóng ở gần đấy đổ đến, thì sau một phát đạn suốt qua thái dương với khẩu súng của chính mình, viên quan trẻ tự bắn, chết gục xuống bên cái thân sưng máu của người lính già tụt tụt”.

Như có một mũi kim chọi vào tâm trí Xan. Máy đương rầm rầm dưới tay Xan mà Xan cũng thần mất ra nhìn. Cái hình thù đầy bè bè và cái bộ mặt râu ria xồm xoàm, mắt quăm quăm của tên lính mà Xan gặp buổi chiều hôm nọ đã tưởng quên đi, giờ lại hiện ra trước mắt Xan. Xan lại thấy hai cánh tay lông lá thú vật ấy giờ ra đón đưa bé bụ bẫm, và cả cái mũi, cái miệng râu ria che kín của hăn cứ rít vào tay, vào trán, vào má, vào đùi, nhất là vào háng, vào dái đưa bé. Xan lại tưởng đến một buổi chiều xa xôi gần mờ mịt kia mà “con khi độc” ấy, một người cha cũng như Xan, đã ôm ấp hôn hít lần cuối cùng rồi dứt ruột ra đi.

Nước mắt Xan không vỡ ra nhưng một cảm giác đau xé ran lên khắp trí tưởng Xan. Xan thở hỗn hển và vội nhả mặt lại vì một câu hỏi:

- Người lính Nhật già kia có phải là “con khi độc” không? Hay cả “con khi độc” ấy cũng chết rồi, chết vì buồn nhớ, chán nản và đau khổ rồi?

1945

TÀU ĐÊM

— Thóc gạo gì lại cứ một ngày một giá thế này? Gạo xấu trước kia chỉ bốn đồng một tạ là cùng thế mà trong vùng này tháng này lên mười lăm đồng rồi ba mươi đồng rồi tám mươi đồng, đến một trăm thì đã ghê sợ quá. Sau lại tăng hẳn lên hai trăm, ba trăm, rồi cũng tưởng không còn thế cao được nữa, thế mà giờ lên sáu trăm, bảy trăm, tám trăm và không khéo lên một nghìn hay hơn một nghìn cũng không biết chừng. Vậy thóc gạo đi đâu? Còn lên đến thế nào nữa?... Cứ kém đói như thế này rồi đến chết hết mất sao?

Chỗ gần buồng máy lửa cháy rực và ầm ầm ì ì càng đông người thêm. Trên dòng sông, gió thổi như bão và sương tỏa mờ mịt. Đêm khuya tháng tư lạnh không kém gì mùa rét. Đây là người thứ tư rồi mà câu chuyện và cái đói vẫn không bớt phần sôi nổi, trái lại càng gay gắt hơn, mê mải hơn. Người đàn bà ấy kể:

- Cái con ấy tên là cái Tý, năm nay nó độ mười bảy hay mười tám tuổi. Không hiểu bố mẹ nó và quê quán nó ở đâu! Nó đến làm cho bà Cả ở xóm tôi được ba bốn năm thì bà Cả mất. Nó sang làm cho bà Ký. Sau bà Ký dọn lên phố, nay nhà này mai nhà khác, hễ nhà nào có việc là nó làm, không thì nó đi chợ cất lại rau bán ở đầu làng. Sang tháng hai năm nay cả

xóm chỉ còn nhà con mẹ Nghị Huy là còn thóc. Trong nhà nghị Huy ruộng tư hàng năm chục mẫu mà nó còn chiếm cả hai chục mẫu ruộng công để cấy nữa. Nhà nó thuê đúng hai chục người làm rồi mà vẫn còn thiếu. Tuy nhà thóc lúa từng kho chật vậy mà khi con mẹ Nghị Huy mượn được cái Tý thì nó giao hẹn ngay với cái Tý rằng ngày chỉ nuôi có hai bát cơm bữa sáng, và một bát cháo bữa chiều, và nếu chẳng may phải hôm mưa gió chỉ có một bát cơm hay bát cháo thôi thì cũng phải chịu. Cái Tý không những nhận nhời ngay mà còn cam đoan ở với con mẹ Nghị Huy mãi mãi, và muốn bắt làm việc gì hay cho ăn thế nào cũng được.

Nào sáng tinh sương đã phải dậy đi vợ bèo, nào lên phố ngày hai buổi để xin nước gạo, nào quét tước dọn dẹp sân sường, nhà cửa, thổi nấu cơm nước và rồi thì bế em, thấy cái Tý nó làm mà tôi thương hại. Vì thật nó làm bằng năm người khỏe mà ăn thật không bằng con chó nhà con mẹ nó. Thế mà đến cuối tháng ba nó cũng lại “thất nghiệp”. Hai con lợn sề của con mẹ Huy không hiểu sao bỗng lẫn cổ ra chết. Con mẹ Nghị Huy bảo chỉ tại cái Tý ăn cả cám lợn của lợn nó. Nó đánh cái Tý liên mấy trận. Cái Tý khóc sưng cả mắt, đành phải trốn đi. Nó vợ vất gánh thuê ở các chợ rồi cũng ốm. Lúc gượng dậy nó đành phải đi ăn mày.

Bằng đi mấy hôm tôi không thấy nó và tôi cũng quên đi. Bỗng một hôm đi chợ về, tôi qua cái đám cúc tần ở mé đường sau làng thì tôi giật mình, thấy lạ quá, sao có một con bé giống nó thế. Sau tôi nhìn kỹ nó, nghe nó cất tiếng chào thì tôi lại càng ngạc nhiên hơn. Vẫn cái Tý đấy! Nhưng nó lại

chỉ bằng nửa cái đạo nó mới ốm dậy. Mặt nó quắt lại, mắt trở ra, cổ ngẳng, chân tay lẻo khèo như chiếc củi rào, cả người đen sạm và chỉ có một miếng vải bằng bàn tay che... Tôi nhìn kỹ thêm thì thấy nó tuy rạc đi như thế nhưng vẫn không ghê lở, mặt mày vẫn tỉnh táo lắm. Nó bảo tôi rằng nó ở trên phố về. Nó cố lê về đây vì trên ấy người ta đuổi, và cũng chẳng xin gì được nữa, đã thế lại còn rất ghê sợ cái tụi đàn ông, cũng ăn mày nhưng còn khỏe. Tôi đã mua cho nó chiếc bánh đúc hai hào và tìm cho nó chiếc nón rách.

Lại bằng đi hơn một tuần lễ, tôi không thấy nó. Khi tôi được nghe nói thì mới biết nó vừa mới chết. Cái bà cho tôi biết tin nó chết còn kể thêm cho tôi nghe cái lúc nó chết như thế này:

Buổi chiều hôm ấy những người phu rác kéo xe bò nhặt những xác chết thì thấy nó nằm ở bờ cỏ đằng mé đầm thả sen chỗ mát mẻ sạch sẽ nhất. Một người đã toan thông dây thừng vào cổ nó lôi đi, thì nó mở mắt ra rên rĩ nói: “Con lạy các ông, con chưa chết đâu!... Con xin các ông làm phúc để con nằm đây đến sáng mai thôi”.

Một người khác chạy đến thoát nghe nó nói đã phải phì cười nhưng sau nghiêm ngay nét mặt và quát lên:

“Còn vẽ, mai với thuồng gì nữa? Thôi để người ta chôn một thể cho tiện việc, đằng nào chả chết!”

Cái Tý liền cố ngóc hẳn đầu lên:

“Không! Con lạy các ông làm phúc để con nằm đây chỉ đến sáng mai thôi, con lạy các ông!”

Nó đã chấp hai tay lạy hăn hoi. Mấy người phu rác đã xèng cuốc quay đi chỗ người khác nằm, nhưng thằng cai chủ nhà thầu cứ thét lôi cổ Tý đi chôn, bảo lệnh trên truyền không được để một ai đói nằm chết bần thành phố cả!

Thế là người phu rác cầm thòng lọng trông chừng vào cổ cái Tý lôi xềnh xệch nó xuống hố.

- Thế thì khiếp quá! Giời đất thiên địa ơi!... Kinh khiếp quá!...

Những người nghe kể chuyện đều kêu lên. Sự bàn tán ồn ào lại được một dịp nữa ran đi suốt mé tàu này sang mé tàu khác. Một người đàn bà khác lại tiếp ngay nhời:

- Kể thế thì cũng khiếp nhưng vẫn chưa bằng chuyện “cái nôi luộc” và “thằng quỷ lỗi mắt” ở vùng tôi.

- “Cái nôi luộc”! “Cái nôi luộc” là cái gì? Và lại còn “thằng quỷ lỗi” mắt nữa?...

- Ấy một cậu em tôi học trên Hà Nội, về thấy cái cảnh đói chết nọ thì đặt cho mấy cái tên như vậy, rồi tôi cũng cứ thế gọi quen mồm đi.

Người đàn bà thứ năm nọ cũng lại nhấp giọng bằng một miếng giàu rồi kể:

“Vùng tôi vốn chỉ trông vào cái khung cửi nên lúc trước sợi khan đã đói rồi sau đây vừa mua sợi không được, vừa làm không thể nào kịp với giá thóc gạo, thì lại càng đói, đói quá, đói đến nỗi không nhà nào không có người chết, và, ai còn sống thì chỉ còn có hai lỗ mắt. Đói bán hết cả mọi cái...

Trong làng chỉ còn nhà hoang và người nằm hấp hối... Đói, sau đến nỗi cạy cả đất vách ra ăn vì nhà dỡ ra bán không ai mua. Đói, lắm kẻ bòn vét các thứ, cố lê ra tận chợ huyện bán được đồng bạc, mua được mấy lẻ ngô sống ăn và uống nước đoạn thì chết ngay ở chợ. Lại còn có kẻ cũng nhặt nhanh bòn vét bán được hơn đồng bạc, lúc về cứ cầm đồng bạc ấy ngăn ngơ cho đến chiều đoạn lả đi chết ở cổng làng.

Sang cái tháng ba, thì trừ mấy nhà lão chánh tổng, lão Nghị viên cày cấy nhiều nhất làng, còn thì chẳng thấy chỗ nào có khói lửa và tiếng nói, tiếng gọi gì hết. Những kẻ làm thuê làm mướn vừa phần chẳng có công ăn việc làm gì, vừa phần đâm ra tê liệt phù sũng cả, nên bỏ con cái chết gần hết. Thấy vậy, mấy nhà bà cụ Giáo, ông cụ Tú và bà cụ Lang gần chợ chung nhau bỏ ra mỗi phiên một vài bo gạo và nói với làng không lấy thuế chợ mà quyên các hàng, hàng thì vài lẻ ngô, hàng lẻ cám, một lẻ gạo, một nắm com để phát cho những kẻ con mọn. Ai muốn lĩnh com thì lĩnh, ai muốn để con ở đến chiều về nhận cũng được. Gửi con ở đây đến chiều thì con vừa được nắm com ăn mà mình thì được rảnh tay mà kiếm cái cua cái ốc, hay khỏe thì đi gồng gánh thuê.

Phiên đầu có ngay hàng hai chục người gửi con. Phiên sau tăng lên năm chục. Phiên sau nữa hơn trăm. Được ba phiên là chu đáo rồi sau không ai còn hơi sức dỡ dành, dọn cút đất và cho ăn, cho uống, chăm nom bằng ấy đứa trẻ được nữa. Về cuối tháng ba thì đến cả mấy nhà đứng ra quyên và cho gạo, cho tiền cũng đói nốt. Đã thế trẻ gửi lại càng đông nên người ta đành phải bỏ mặc. Rồi trong mấy quán chợ, ăn

mày nằm chết ngổn ngang, người ta phải làm như là một cái chuồng, không phen, không lá che gì cả, chung quanh cửa đóng gióng tre, dựng ở dưới gốc gạo cạnh bờ ao cuối chợ, để quây chung những đứa trẻ cho tiện việc trông coi.

Trong chuồng hơn trăm đứa bé cứ trần truồng lồm ngồm như những con chuột đốm hỏn. Sáng còn khá, mười giờ giờ đi nắng chói chang, hơi bùn ao ngùn ngụt xông lên như nước sôi, người ta cũng đành mặc. Được miếng cơm lúc tám giờ, đứa nào no thì thôi, còn đứa nào đói thì có cái chậu đựng mười bát cơm ở giữa chuồng ấy, bò bò lằn lằn đến lấy mà ăn. Cơm dính bết ở cạnh chậu, cơm vương vãi ra đất, cơm lẫn cả với cứt đáí nữa. Còn khát, cũng có một cái chậu đựng nước ở giữa chuồng mà chúng nó vầy vò đục ngầu lên uống với nhau.

Sang cái tháng tư này, cảnh chuồng nuôi những đứa bé lại càng gớm quá! Đứa thì dái sưng đỏ mọng lên, nằm còng queo; đứa thì ngời rũ ra, mắt díp lại; đứa thì khóc nheo nheo không ra hơi bên cạnh đứa đã cứng đờ, cứt đáí dề dề ở đít; đứa thì hể đứng lên lại ngã dúỉ xuống, mặt mũi càng tím bầm mà mắt vẫn lơ ngơ không khóc khiếc gì cả. Ruồi nhặng bầu đen ngòm lấy chúng nó, thỉnh thoảng lại rào rào bay lên vì có đứa quờ quạng bò đi chỗ khác. Những đứa này leo cả lên đứa chết, dính bết cứt đáí vào người, đưa cả tay vào mặt vào miệng đứa chết mà quẹt mà hít. Lại có lắm đứa đói sữa quá, bị nắng quá, trông thấy ai đi chợ cũng tưởng là mẹ, lêu nghêu cố lách ra ngoài, khiến người ta lại phải lôi vào.

Phiên nào ít cũng bốn năm đứa bé chết. Phiên gần đây thì hàng chục. Có cái thằng lòi một mắt trước kia là tay chân của nhà chánh tổng chuyên làm khách nợ cho nhà lão Nghị nhận trông nom thì vừa đói rượu, vừa lười, nó cứ để đến chiều mới nhặt những xác chết đem chôn một thể. Nó xách chân từng đứa bỏ vào cái xe bò như những con mèo chết ấy. Một hôm giời đương nắng chang chang bỗng nổi cơn trận, mưa như trút nước xuống, thành thử những đứa bé cứ ngoi ngóp bùn nước ngập ngựa trong chuồng. Thằng Lòi mắt vừa nhặt xong mười mấy cái xác chết nên không kịp chôn. Sau trận mưa thấy mấy đứa nữa chết, nó nghĩ rằng chửi văng cả giời đất lên, rồi nó xách chân những đứa bé đứng ngay trong chuồng mà ném bình bịch vào xe. Không biết hôm ấy nó có đào lỗ không, hay chỉ vùi ở cái hố rác, mà sáng hôm sau người ta thấy có đứa trôi ra đường, không hiểu vì nước mưa chảy giạt đi, hay đứa bé ấy cũng như cái Tý bà nợ vừa kể, hãy còn sống nên cố ngoi ra”.

- Ở quê bà hở? Vùng nào thế hở bà?

- Giời đất thiên địa! Lại còn đến thế nữa cơ à?

Những tiếng người đương hỏi nhao nhao ở một phía thì cả tàu bỗng ầm ầm lên, xô đẩy nhau rối loạn:

- Có người bỏ con xuống sông!... Có người bỏ con xuống sông!

Nghe được rõ tin này tất cả hành khách đương bàng hoàng tỉnh hẳn người lại như cất được gánh nặng. Họ đã tưởng có tàu bay đuổi mà cái tàu họ đương đi này tuần lễ

trước đã bị bắn sạt nóc, hành khách suýt chết hết nếu tàu không chạy gần một bờ sông cạn và lái nhanh được vào bờ. Nhưng thoát khỏi sự hãi hùng bị bom đạn tàn sát, người ta lại càng ồn ào hơn. Không chỉ xô đẩy nhau thôi, người ta còn xéo bừa qua cả đầu nhau để được nhìn xem cái người đàn bà nọ sao mà có thể nhẫn tâm như thế được?

Tiếng hỏi gọi, tiếng trả lời, tiếng kêu ai ái, tiếng chửi rủa và cả tiếng khóc thét của trẻ con nữa đồn đến tối ngòm cả lại một góc tàu.

- Làm sao có người lại đang tâm bỏ chết con họ như thế?

- Nó người như thế nào nhỉ?

- Trói nó lại cho mại bán khi đến bến điệu nó lên “bóp” thôi!

Những người nói chẳng còn thể nghe ra ai với ai. Và chỉ có những người đi buôn gạo, đi mua rẻ đồ đạc ở các vùng quê và mấy đám nhà giàu ra tỉnh chơi quần lành, áo tốt, vàng bạc đây người là làm ầm ĩ lên thôi. Còn số đông những người cũng ra tỉnh nhưng để trốn đói và những mong có công ăn việc làm, bọn năm người, bọn mười người, khur khur ôm giữ con cái bên những gồng gánh lưng còng chồng chất lên nhau, thì họ chỉ nghe lên trông và vẫn chẳng nói chẳng rằng gì hết.

Thoáng phút, chung quanh một người đàn bà rách rưới, mặc vá, ngồi sụp xuống sàn và gục mặt vào lòng, những kẻ xúm đến can thiệp đã chi chít như kiến. Kẻ chửi, kẻ mắng, kẻ trách, kẻ chặc lưỡi, kẻ thờ dãi, kẻ bàn tán... không biết bao

nhieu giọng, bao nhiêu nhời dỗi tới tấp lên cái đầu bù xù và cái mặt cúi gằm xuống nọ.

- Đói thì đói chứ sao lại khốn nạn đến như thế?

- Ở nhà quê không làm gì được, đã cố công bế con ra đến đây thì cố giữ lấy nó mà đi xin nuôi nó chứ sao?

- Hay muốn rảnh rang nữa thì cho nó vào nhà bà Sò xem ai hiếm hoi thì để người ta nuôi có được không?

- Ôi dào cái hạng mụ này thì chỉ biết có lúc no ăn ấm cật... ấy thôi mà. Giá có bế con đi ăn mày thì có ai cho con thứ gì mẹ cũng lại tọng hết vào miệng mẹ, rồi chỉ khổ đứa bé bêu nắng, bêu mưa.

- Giời đây!... Giời đây cả đây! Sấm ông Trạng đã truyền “muoi người chết bảy còn ba, ba người chết hai còn một” cơ mà. Chuyển này thi phúc, thi phận cả đây!

Có kẻ lấy chân đá đá vào người mẹ nọ mà vẫn không làm được y nhúc nhích. Không những y không cất tiếng đáp mà gần như không khóc nữa. Cái mặt gằm xuống đầu gối ấy thỉnh thoảng mới rung rung cùng hai vai gầy, áo toạc ra để hở lỗ chỗ da thịt. Chán chê rồi người ta mới chịu về chỗ, bỏ mặc người mẹ nọ ngồi rũ một mình ở xó tối. Cả cái đám đông ban nãy chuyện dờ dang về cái đói cũng thôi. Sự ồn ào chỉ còn tiếng máy chạy, tiếng nước ngược bị xé ra, tiếng sóng và tiếng lầm rầm của hành khách chen vai thích cánh.

Bên ngoài đen như mực. Sương mù quấn lấy cả tàu. Làng mạc, ruộng nương, bờ bến âm âm, u u, thăm thẳm. Họa hoằn mới có vài ánh lửa leo lét. Nhiều người đã ngáy.

Họ phải ngủ ngồi hay không thì phải nằm co quắp với nhau ở cả những lối đi nhóp nhép. Mặt ai nấy đều nhăn nhúm phờ phạc. Lẫn với những tiếng thở hổn hển, khò khè, rên rĩ, còn có thêm những tiếng ho sặc sụa, tiếng khóc oe oe, nheo nheo. Không khác gì cảnh các ngã tư, các bờ hè, các cổng chợ, các bến ô tô và ga tàu hỏa của cảnh đói đương diễn ra ở các thành phố. Đây ban đêm ánh đèn cũng đục lảm và trên mặt đất người sống và xác chết cùng rũ ra, ngổn ngang, không chẵn không chiều. Những sắc mặt cũng đen sạm, những con mắt cũng vàng lò sâu hoắm. Già trẻ, đàn ông, đàn bà cũng khó mà phân biệt nếu không có những mái tóc, những ngực và những khoản dưới phơi ra. Một mùi hôi thối nồng nặc cũng ngẹt lên với sự ồn ào. Và ở xó xỉnh nào cũng chỉ thấy nói những chuyện gạo, chuyện ăn, chuyện thu thóc, chuyện giồng cấy, phá lúa, chuyện bom đạn, chuyện chết chóc, chuyện bắt bớ, tra tấn tù đầy bắn giết...

- Đến bao giờ mới hết chiến tranh?... Đến bao giờ người ta mới có cơm ăn việc làm no đủ?... Đến bao giờ dân Việt Nam mới cất đầu mở mặt?

Những câu hỏi trên đây cũng lại thấy thốt lên như đã thốt lên trong mọi đám đông, từ tờ mờ sáng cho tới đêm khuya, khi mà người ta mệt lịm đi, ở các ngã đường, các hang cùng ngõ hẻm.

Bỗng những tiếng kêu rú lên. Cả tàu lại một lần nữa bị chuyển động ầm ầm vì hành khách nhốn nháo hỏi gọi nhau.

- Người đàn bà bỏ con nhảy xuống sông tự vẫn theo con rồi!... Người đàn bà nhảy xuống sông tự vẫn theo con rồi!...

Lần này có thêm rất nhiều người xô cả về một mạn tàu. Nhưng dưới vùng trời đen kịt, người ta chỉ thấy dòng nước như mực chảy ì ì, luôn luôn réo lên trước mũi con tàu đầy lèn người và hàng hóa, - những người, trong số đó chín phần mười là dân quê cùng khổ lũ lượt nối tiếp nhau bỏ đồng ruộng bị bão gió tàn phá, bị vor vét thóc lúa, bị sưu cao thuế nặng, bị cướp nhà cướp ruộng, họ dắt díu, bồng bế vợ con ra các thành thị, tha lòi những gồng gánh, chõ cùn rế rách, nôi đất bát đần, quần tã áo mướp, những đồ vật không còn thể sao đổi lấy được vài lẻ gạo, những đồ vật cuối cùng của cả một đời sống bằng hai bàn tay trắng và mồ hôi... họ ra đi bán mình cho bất cứ công việc gì... với bất cứ giá nào để sống...

1945

VỮNG MÁU

Quang bảo Tâm:
- Anh uống gì?

Tâm đã phải ngẫm nghĩ mới trả lời được:

- Lại cà phê.

Quang cũng cau mày giây phút rồi mới gật đầu:

- Ủ thôi lại cà phê vậy.

Quang quay ra gọi người bồi dương tíu tíu hầu khách.

- Hai cà phê phin, hai cà phê phin!

Chung quanh Quang và Tâm các ghế đều kín người. Bàn nào, bàn ấy bày ít cũng ba bốn đĩa bánh và la liệt cốc nhón cốc bé, thìa, đĩa. Thấy Tâm gọi có mỗi thứ uống hạng bét kia, bọn bồi bàn quần áo trắng là và đầu chải bóng nhảy nọ chỉ hất hàm cho nhau chứ không trả lời, rồi không một người nào đưa gì đến. Mãi sau mới có một đĩa lạc do một bé con cầm lại, để đánh ngoắt xuống bàn, đoạn bỏ chạy đi bàn khác. Hết sữa, lại sôcôla, lại trứng đường, lại cà phê “rom”, lại rượu mùi cứ tuôn đến những bàn khác với cả cam quả vắt và đá đập nữa y như đã hẵn mùa bức vậy. Hai người không thể không sốt ruột. Riêng Tâm, Tâm thấy bưng bưng

cả mặt. Mấy bọn khách ăn xong và mấy lũ khách vào sau, được tiếp rất kính cẩn. Mãi mới đến lượt Tâm, Quang. Và khi hai người không lấy đĩa bánh đem lại mà chỉ uống có cà phê thì họ thấy mình hoàn toàn chướng quá trong cái đám đông nọ chen chúc nhau ăn uống nhồm nhoàm và cười cười nói nói...

Giời đã tối hẳn. Những cơn gió lạnh nổi lên cùng một ít hơi sương trở lại sau mấy ngày hoe nắng.

Nước trong ngăn lọc đã rõ khá nhiều xuống cốc và mùi thơm ấm áp đã sực nức. Hai người vội bỏ ngăn lọc ra, cho đường vào cốc lấy nước sôi chế. Tâm chỉ quấy sơ, rồi tợp luôn một ngụm! Khà... Một ngụm nữa... Một ngụm nữa...

Quang đặt cốc xuống bàn nhìn Tâm:

- Anh khát thế cơ à?

- Khát thì không khát lắm, nhưng tôi uống cái gì nóng tôi cũng thích uống liền mấy ngụm như thế. Và lại đến hơn tuần lễ nay mới lại thấy trở gió lạnh, mới lại được uống cà phê nên tôi thấy ngon lắm.

- Anh thì cái gì mà chả thích chả ngon!

Tâm cười, Quang trở đĩa lọc giục:

- Ăn đi chứ, mà này, ta gọi gì uống thêm.

- Ủ... Ủ... Uống thì uống.

- Nhưng uống gì?

- Cà phê chứ còn gì.

Khi... Quang cười bật ra:

- Có sách của anh thì mới tái bản chứ cà phê thì không ai uống hai lượt cả. Và theo như mấy ông “phong lưu ẩm” cà phê uống hàng cốc thế này là “ngưu ẩm” đấy!

- Mặc chứ, tôi thích thì tôi cứ uống hai lần hay ba lần cũng được.

- Không thể được! Thôi đây! (Quang quay ra hát hàm cho một người bồi đến). Hai “rom”⁽¹⁾ không “sôđa”⁽²⁾ và cũng không đá, và một đĩa lạc nữa.

Người Tâm đã nóng rực lên sau tợp rượu mạnh. Mặt Tâm càng bùng bùng và cái đám ồn ào ở trước mặt Tâm càng ồn ào hơn. Thêm hàng chục võ quan Nhật gót giầy choang choang, gươm dài lách cách, lầm lầm đi vào. Thêm hàng mấy chục những áo đỏ, áo vàng, áo kim tuyến, những tóc lưỡi trai, tóc cánh nhọn, tóc bò liếm, những cánh tay trần, váy cùn cùn. Đó là những con rắn quăn quít bên những cái ủng da, bên những cái cặp to phình, những cái điều tẩu thuốc lá khói mù, những cái bụng khệ nệ áo sơ mi lụa cụt tay và quần đùi cộc. Còn có thêm cả những cặp mắt xanh, những cái mũi lỗ và những cái đít uồn ọo nhọn nhọn phè phôn một cách lạ.

Cái chỗ ngồi nọ xây nhô ra khỏi mặt hồ nước xanh nhòn vói những ánh vàng ngọc gần như không cần đến ánh đèn. Chỉ thiếu mấy cây đàn đánh lên thì đây sẽ hiện ra

⁽¹⁾ *Rom*: một thứ rượu nặng.

⁽²⁾ *Sôđa*: một thứ nước men để chế.

ngay một cuộc khiêu vũ tung bùng mê ly như trong những phòng trà thâu đêm ca nhạc đương mở ra như mạng nhện khắp thành phố.

Đĩa lạc thứ hai đã hết. Tâm để yên người bồi thay bằng đĩa bánh to, và, không chờ Quang mời, cầm bánh ăn trước. Không thể giữ được, Tâm phải hỏi to lên:

- Kia! Bánh bây giờ mà cũng còn có những thứ ngon đến thế này ư?

Thấy Tâm sững sốt, Quang không nói ngay, mãi mới thùng thảng cười và hỏi lại:

- Cái gì lạ thế?

Tâm nhắc lại vừa giơ tấm bánh ra trước mặt Quang. Quang vẫn giữ nụ cười:

- Thế thôi à? Chỉ vì anh được ăn cái bánh bằng sữa tốt, trứng tươi, “sôcôla” và “vani” nguyên chất mà kỳ ngạc? Hừ!... tôi đã tưởng anh kêu vì thấy một đốt ngón tay, một miếng tai, hay một miếng lưỡi trẻ con như thứ bánh giò nào kia mà mấy hôm nay cả thành phố xô xao bàn tán vì nhiều người ăn thấy thế ở những bến tàu Nam Định - Thái Bình. Hay tôi tưởng anh lại nghe được tin mấy hầm gạo mấy ngàn tấn hấp một cách hoá học để làm lương thực kéo dài cuộc chiến đấu của anh hùng thực dân ba giờ đầu hàng nọ, mà người ta tìm thấy đã mọc ở dưới đất. Lạ! Có phải lạ như thế không? Chứ nếu lạ vì những thứ ăn uống rất ngon, rất đắt như bây giờ thì còn phải lạ nhiều hơn nữa nếu anh phải ăn những bữa tiệc, phải uống những cốc rượu, phải hút

những thuốc phiện, thuốc lá ở mấy khách sạn, phòng trà và khách thánh thượng lưu quý phái nọ. Nhưng thôi, đấy còn là chuyện cầu kỳ ở xa. Đây, tôi cho anh biết một sự lạ xoàng thôi ở ngay trước mắt anh đây.

Quang ngừng lại, nhìn vào mắt Tâm, mày cau cau hỏi rất đột nhiên:

- Một người thợ như người thợ nhà in mà anh được biết lương một ngày bây giờ bao nhiêu?

- Ba đồng.

- Một người phu xe hay phu bắt-tê thì thường thường ngày làm được bao nhiêu?

- Cũng ba đồng là cùng.

Quang gật gù:

- Vậy một người thư ký hạng thường?

- Mười đồng.

Quang lắc đầu:

- Không được! Ấy là ngay hạng thư ký chính ngạch công sở. Hay nếu được, thì kẻ đó ít ra cũng phải có bằng thành chung và có từ năm đến mười con và một vợ như loại tôi... Vậy còn những người buôn bán nhỏ nhặt như bà cụ, như chị anh?

- Mẹ tôi, mẹ tôi bán nón lãi mỗi chiếc nhiều lắm mới được hào rưỡi, hai hào. Phải gánh đi những chợ xa hàng mười cây số, và phiên đất nhất mới bán được sáu bảy cái

nón. Còn chị tôi, cái gánh rau đậu sang đón mãi ở cầu Đuống hay lên cầu Phùng ấy, may lắm mới được hai đồng. Có hôm lại lỗ vốn.

- Còn anh?

- À tôi... tôi... cái nghề văn sĩ của tôi... nghề viết sách có được phép in, có được phép bán mới có tiền ấy... tôi... tôi kiếm...

Quang ngắt ngay lời Tâm, giọng càng rành rọt:

- Thôi anh đừng ngượng nữa. Đây, thế này có đúng không? Trung bình một năm anh viết được một truyện dài và mười truyện ngắn. Truyện dài nhà xuất bản in 2.000 cuốn - tác giả nổi tiếng và nhà xuất bản được tín nhiệm lắm, tôi mới dám tính đến số sách in như thế - mỗi cuốn bán 5 đồng. Anh lấy dần lấy mòn, tháng đưa tác phẩm lấy một trăm, tháng in tác phẩm xong lấy trăm rưởi, tháng phát hành tám chục, năm chục... Rồi trừ tam khoanh tứ đếm nào sách ế, sách tặng, món tiền tác giả ấy anh được tất cả là 800 đồng. Còn 10 truyện ngắn đăng báo mỗi truyện 40 đồng. Ấy cũng là truyện ngắn vào hạng cừ và tờ báo chạy lắm. Mười truyện được 400 đồng. Vậy vị chi mỗi năm tiền sách, tiền báo anh được tất cả 1.200 đồng. Ấy là vì may anh có chút tiếng tăm, vừa phần anh phải viết gò ngực, mờ mắt chứ nhiều bạn anh thì...

Tâm không thể không đỏ mặt, ghen ngào cười bảo Quang:

- Thì chết đói! Và tôi kiếm như thế là may mắn lắm chứ gì! Phải là có một nghề tự do, một “nhà văn hóa” thì mới sống được như thế chứ gì?

Quang trở vào mặt Tâm:

- Kìa tôi đã cho phép anh mĩa mai đâu! Nhưng thôi anh đã nóng tai đỏ mặt thì cứ việc nóng tai đỏ mặt. Và đây, đã đến cái kết của những câu tôi hỏi lục vấn anh. “Anh có biết mỗi ngày một người bồi thôi ở cái tiệm “Lơ lắ”⁽¹⁾ của thượng lưu trí thức và phong lưu tư sản sang trọng này ở đây kiếm được bao nhiêu không? Một người bồi thôi chứ chưa tính đến những thượng lưu trí thức và phong lưu tư sản sang trọng ăn chơi kia?

- Thì lại hơn tôi chứ gì?

- Không được! Không được! Phải hơn bao nhiêu chứ!

- Hơn à... thôi tôi xin chịu!

Quang cười nhếch một tiếng.

- Anh chịu là phải, vì các anh còn biết cái đếch gì ngoài những cái “gọi là rung động” một cách rất thiếu thực tế của các anh. Đây, anh nghe tôi: một người bồi hầu hạ ở cái nơi “quý phái” này ngày nào mạt nhất cũng được hơn 40 đồng của chúng nó quảng cho, ấy là không kể những ngoại tài khác.

Tâm suýt bật kêu lên thì Quang lạnh ngay nét mặt:

⁽¹⁾ *Lơ lắ*: Bờ Hồ.

- Chính tôi đã ngạc nhiên hơn anh nhiều. Nhưng anh cứ xem những cảnh sống ở đây và những nơi khác, ăn uống ngập ngụa, ăn uống cho mồm thật ngấy, cho bụng thật căng, cho đầu óc nhức nhối, choáng váng, để đi chơi, tán láo, cò bạc rồi đâm dục, rồi ngủ, rồi lại dậy, tắm rửa, lại đi ăn uống, đâm dục... Những cảnh giấy bạc tiêu như vút đi như thế kia thì cái đồng tiền mà bao người phu xe, thợ nhà in, mẹ anh, chị anh và tôi còn là phải khốn cực nữa mới kiếm được.

“Thiên đường! Chính cái sự sống như trên kia được gọi là thiên đường đấy! Cái thiên đường này là của một ít kẻ chuyển hết cả tinh khôn, tàn ác ra mà giữ lấy. Và chúng vu khống, bịt mồm, kết án, bỏ tù những người vạch thật nó ra, muốn phá bỏ nó. Còn như anh và tôi hay bao người ở cạnh cái thiên đường ấy muốn không phải lo từng đồng bạc, không phải ăn dè cho con từng bát cơm, không phải bóp mồm cha mẹ từng cái bánh, thì lúc này...”

Quang chợt giật mình, đưa thoáng mắt nhìn sang bàn bên có hai người ngồi im hút thuốc lá mà một người thì mắt một mí quần cộc đùi, áo sơ mi trắng, xắn tay nhưng vẫn phòng phòng hẳn một khẩu súng ngắn ở túi quần. Nhưng, sau một cái thờ ơ gần, Quang liền nói tiếp, giọng tuy thấp nhưng vẫn dần mạnh:

- Anh phải thôi hì học viết những truyện xã hội, xã hiếc. Tôi phải thôi lóc cóc hai buổi đến nhà dây thép làm thay cho những máy chữ, máy tính. Và mọi người biết ăn biết nói, biết chữ, biết nghĩa hãy thôi chịu khó làm lụng, suy nghĩ, phát minh, kiến thiết. Anh và tôi, chúng ta, tất cả mọi người gọi là

luơng thiện ấy phải... đàn ông thì đi làm chỉ điểm, làm bồi cho Nhật buôn, Nhật lãnh sự, Nhật hiến binh, và đàn bà, cố nhiên có vợ anh, vợ tôi, em gái anh, em gái tôi, thì đến Takara karô hay Môni-cô-nica gì đó mà làm... làm gì nhỉ? Làm gì không phải tốn sức mà lại có cả cơm ăn, “bông” vải, “bông” đường, tiền kéo vàng, tiền cho cả cha mẹ, cả chồng nữa?...

Quang nhấc ly rượu uống hực một hớp, đặt chát xuống bàn, cười hét lên một tiếng, đoạn đứng dậy, gật một người bồi đến. Quang chưa kịp quay ra, người bồi đã lại đứng khoanh tay trước mặt Quang cúi đầu:

- Ngài gọi gì con ạ.

Quang cũng cúi đầu:

- Thưa thôi ạ, ngài làm ơn tính tiền cho tôi.

Hết mười đồng ba hào nhưng Quang đưa cả hai tấm giấy năm đồng và tấm một đồng rồi kéo Tâm bước tràn ra cửa. Mấy lần Tâm vấp phải những cái đùi ngộn ngộn vắt vèo trên ghế. Mấy lần Tâm suýt trượt vì những thức ăn vương vãi, nhóp nhóp mà nếu Tâm không lằm thì Tâm đã xéo hết cả một chiếc cùi bánh mà người ăn chỉ khoét lấy kem ở trong ăn.

Hai người ra đường.

Giời đen xịt. Gió hun hút. Mưa lất phất. ở những đám cây lù mù, lại thấy co ro lượn đi lượn lại mấy cái hình thù quần đen áo trắng, quần trắng áo đen và không có mặt.

- Có chơi không?

- Chơi nào!

Những tiếng gọi ào ào qua tai hai người như toát ra từ dưới hốc cây hay dưới cỏ ướt. Quang kéo Tâm sang hè bên kia, ngược lên phố trên. Lại những hình thù nữa sầm vào mặt họ. Nhưng đó là những người nằm ngòai rúm ró dưới hàng hiên, ôm giữ những thùng, những bị ở trong lòng. Có cả mấy người ôm con, mấy người vừa ho vừa rên và mấy người đấm bụng thành thịch. Họ là những gia đình đi lĩnh gạo. Mẹ thay con, con thay mẹ, cháu thay bà, ông thay cháu, cháu chực không biết đến bao giờ. Sang một khu phố nữa. Cái dãy người rũ rượi co quắp và xám xịt ấy còn dài hơn. Và trên nền đất nhóp nhúa, lồng gió ấy lại nổi lên có cả những tiếng khóc nheo nheo và những tiếng ru đã khản.

- Đương nắng lại mưa, lại rét thế này thì lại thêm hàng vạn người nữa bị “rụng” đây!

Quang lẩm bẩm nói rồi chợt cất tiếng hỏi Tâm:

- À anh mới được một cháu giai nhi. Dạo này thằng cu ấy có khỏe không, đã biết làm trò gì rồi?

- Khỏe lắm! Nhiều trò lắm! Giờ nó mới được tám tháng rưỡi, chỉ mười một tháng hay đầy năm là có thể đi được.

- Thú nhi. Còn tôi, cái thằng cùng đẻ với cháu nhà anh ấy lại sắp có em rồi. Không hiểu cuối năm nay lúc đẻ cái ông hay cái bà tướng thứ bảy ấy, chiến tranh liệu có hết không? Sự sống liệu có thay đổi không?

Quang cười rộ lên mấy tiếng rồi im bật. Sau đó một lúc, Quang nắm lấy cánh tay Tâm giọng run run :

- Anh! Anh có biết những tin gì đương âm ỷ ở các vùng quê không? Và những tin gì bùng bùng của thế giới đương bị bịt đi không? Cách mạng! Phải có một cuộc cách mạng mà máu của chính mình đổ ra, phải có một trận cuối cùng của quần chúng lật hẳn cái chế độ xã hội này đi nếu không thì đến tắc thở, đến phát điên cả mất.

Đảo chính... độc lập... chính phủ... những gì gì viết bằng chữ vàng nữa của những tổ chức giờ đây trương lên hò hét cổ vũ... cũng chỉ là một thứ ăn cướp, ăn cắp, và ăn mày, không hơn, không kém.

Ngừng lại một lúc lâu, Quang lắc lắc đầu rồi nhìn vào mặt Tâm:

- À... À... Anh đã được nghe thấy một chuyện gì vừa xảy ra không.

Tâm nhìn lại Quang cười :

- Lại một chuyện chi bồi rượu ông hiến binh Nhật hay một con “gà” của một thằng chủ buôn đồng bán sơi chơi một cái “bông” cũng hơn cả tiền một đời tôi viết văn chứ gì ?

- Không ! Một chuyện khá khủng khiếp tôi vừa đọc trong tờ báo, không hiểu anh ở nhà quê ra đã đọc chưa ?

Quang đợi Tâm im lặng rồi lắc đầu, hờn hển :

- Vẫn chuyện đói nhưng thảm lắm anh ạ. Một đêm giờ rét tuần trước, ở một khách sạn sang nhất Hà Nội mà cả Hà Nội biết tiếng là Métropôn đấy, một ông to béo quần đầy len dạ, mồm phúng phính xì gà, tay lật đật dắt một con phấn

sáp ngào ngạt chen chúc đi ra chỗ ô tô chờ. Trên vỉa hè ngay đấy, không biết bao nhiêu thân hình trần truồng, tả tơi, già có trẻ có, đàn ông đàn bà lẫn lộn, ngổn ngang, tất cả nằm thoi thóp. Còn mấy bước cách những đồng thối hôi thối nọ, ông to béo đứng lại, hắt hơi văng lên rồi nhắm mắt, lắc lắc đầu. Bỗng, hự một tiếng, ông khom cái bụng khệ nệ lại mà khạc, khạc đoạn cứ thế òng ọc nôn. Tức thì những đồng thối nọ ngóc cả đầu dậy, mắt bàng hoàng, nhón nhác, long lanh rồi xúm cả lại quanh bãi nôn mà...

Quang đã bỏ dở lưng câu. Còn Tâm, như có một tiếng thét ở đầu Tâm, Tâm ù hết cả tâm trí không nghe thấy gì nữa...

1945

LỬA THIÊU

Quang vùng bước xuống đường. Ra hẳn ngoài hàng cây và quá vườn hoa rồi mà Quang vẫn thấy đầu óc bùng bùng. Sự huyền ảo ấy vẫn theo đuổi Quang, chưa chịu buông tha Quang. Những tiếng đàn - những thứ đàn gì thế và sao lại hàng năm chục chiếc thế? - và những tiếng kèn, tiếng sáo, tiếng chũm chọe, tiếng lắc cắc, tiếng trống vẫn cứ rít lên, chói vào tai Quang.

Đêm nay ở Nhà hát lớn, những bọn trước làm tay sai cho giặc Pháp giờ quay phắt sang làm cho giặc Nhật, lại tổ chức đại hội cứu tế. Chúng hoà nhạc, chúng tung hoa, chúng bán hoa, chúng quăng tiền, chúng thu tiền, và chúng cười, vỗ tay, reo hò ầm ầm giữa một không khí chói loà ánh đèn điện và ngọt ngào những quần áo, phấn sáp, vàng ngọc.

Ba nghìn... bốn nghìn... năm nghìn rưỡi... sáu nghìn... tám nghìn... một vạn... vạn tư... vạn tám... hai vạn rưỡi... bốn vạn... Bốn vạn đồng! Giá một bó hoa danh dự cướp được trong tay một ả lưng tiếng quen biết nhiều bậc quyền cao chức trọng, những cố vấn đại thần, những thượng thư, những tai nọ mặt kia, giàu sang nhất nhì... Những cái bụng lặc lè... Những cái má sề sệ... Những guom lê thê sáng loáng. Những lon vàng, chỉ bạc, bài ngà, hoa vóc... Những cái đầu bóng soi gương được... Những cái mặt lồm lộp không thể

cái gì nhẫn lý hơn được... Những bộ ngực, cặp môi không thể cái gì núng nính hơn được. Cả một phè phỡn mê toi... Cả một mùi thơm nồng nặc... Cả một ánh sáng rực người.

Trong lòng Quang, nước mắt đã rung rung.

Cổ họng Quang tức nghẹn.

Ngực Quang bẹp dí. Những hình ảnh bùng bùng ở trước mắt Quang đã nhiều lúc quay lộn tan nát, nhòe nhoẹt.

Quang đã phải cắn ghì lấy môi.

Những dòng chữ ấy và những tiếng nói ấy đã lại nổi lên như gai như lửa trong tâm trí Quang:

“Một dạ hội chưa từng có!!! Tất cả những danh ca Khâm Thiên, Vạn Thái, Ngã Tư Sở cùng tất cả những danh cầm của kinh thành hoa lệ sẽ biểu diễn một nghệ thuật tuyệt vời để giúp quỹ ủng hộ quân đội Nhật và các hội thiện”.

Từ nửa tháng trước đây, cái bùa này vừa treo lên, quả nhiên một phần Hà Nội rung chuyển ngay. Một số những trai trẻ vô công rồi nghề và sẵn tiền, những chỉ điểm, hiến binh, những con cái quan lại, nghị viên, địa chủ, gặp nhau đầu bọn chúng nó cũng hất hàm hẹn hò nhau và bất luận giò nào cũng bàn tán say sưa. Những cảnh vũ nữ cời trướng che mặt múa hát của sân khấu năm xưa được bọn Pháp khuyến khích cho mở rộng, tuy không trở lại, nhưng với đêm vui nọ, sự khát khao dâm dăng cũng được vuốt ve đôi chút bởi bao nhiêu “đào” lọc chọn của những nhà hát, những tiệm nháy, những phòng trà đương mọc lên như nấm. Chẳng phải khó khăn tốn kém lắm, bọn người chỉ biết

có khoái lạc này, cũng sẽ được đón tiếp, được mời chào, được cười cợt, được đụng chạm không những với các hạng gái trên kia mà còn cả với hạng gái nồn nuột của những con nhà thượng lưu cao quý.

Còn một số nữa đông hơn.

Đó là những con buôn đầu cơ, những kẻ chạy hàng sọt sấm lổp, dây điện, “đadênăng”, v.v... những thần thế với các phòng kinh tế, sở mỏ, phủ toàn quyền, với các lãnh sự, tham mưu, tổng tư lệnh... những bồi, ma cô, chạy việc của những cửa khó khăn ấy... những mặt mới bốc vác, những dĩ chuyên môn... những đại tri thức mua chuộc để làm quảng cáo, - cả một lớp người tiêu bạc vạn, kiếm bạc triệu, thừa mứa trên những sống lưng xác xơ của dân chúng lầm than mà chúng lớn tiếng gọi lòng thương xót cứu giúp.

Cái nhà hát rộng bằng cả một xóm ngoại ô kia đã mở hết cả hàng nghìn bóng đèn. Những tường đắp hoa và chỗ ngồi lót toàn nhung và sáng rực lên để nhìn thấy từng hạt bụi. Bầy từng ngồi chót vót, không hở một chỗ. Nhiều bọn đứng chực bên ngoài đã phải dúi giấy bạc hai mươi đồng vào tay các ả kiểm soát và năn nỉ như ăn mày để vào mà không được. Mặc kệ cả luật lệ phòng thủ chiến tranh, xe ô tô đều bật tung đèn và cứ vun vút đổ đến, vây mấy vòng sáng loáng trước cửa nhà hát. Đứng từ xa mà nhìn, người ta phải tưởng một “thiên đường” nào mới hiện ra.

Hơn một giờ trong cái biển ánh sáng và tiếng ồn ào ấy, Quang đã bao lần cố nhắm mắt lại, cố không nghĩ đến mà không thể được. Mỗi lần hàng mi lập lòe của mắt Quang

vừa chụp xuống thì sự tưởng tượng của Quang càng ngùn ngụt hơn.

Ở ngoài kia.

Cái bên ngoài mà Quang vừa đi khỏi kia.

Trời đỏ bầm ở phía tây. Mây đen không ra đen, tối không ra tối, cứ lò lò động ở trên đầu người ta như khói sôi của cường toan ngấm kêm.

Cây cối đờ đẫn. Bụi đường lớn vón làm thành một màn vôi cháy âm ỉ vậy không để hở một ngả nào. Trông mọi hình dáng đều phờ phạc, mọi sắc mặt đều nhợt nhạt, cả những hình sắc của những đôi uyên ương dọc đường tình tự.

Quang ra đi, không dám thở mạnh và không dám nhìn lâu vào một vật gì ở hai bên hè.

Một mùi tanh nao ruột tẩm lấy không khí. Những xác chết và cả những thân thể trần truồng, đen như than còn thoi thóp ở tý bụng hơi hóp dính trên mặt đất, đều nằm thành dãy, đều trông lên mắt Quang với những con mắt lò ngò vẫn máu cá, và đều rên rỉ cùng một tiếng:

- Đói!

Người qua lại như không nhìn thấy. Nhưng Quang vẫn thấy nhiều tia mắt hơi ánh lên và nhiều nếp trán hơi chau lại.

Lòng thương tuy đã bị dạn đi nhiều nhưng chưa bị tắt hẳn, tuy đứng trước một cảnh tượng tàn khốc mà người ta cảm một cách rõ ràng và ghê sợ rằng mình bất lực. Hơn nữa, người ta còn choáng váng thêm vì thấy còn chiến tranh, còn

phải bán thóc cho quân Nhật hay bất cứ tổ chức nào của chính phủ Nhật đưa ra, còn sự đầu cơ hoành hành, còn sống hay chết là ở trong tay những hiến binh tha hồ bắt bớ, tra tấn, bắn giết, và còn chỉ trông vào đồng lương tháng, cái vốn nhỏ, vài mảnh ruộng, hay hai bàn tay không thì cái chết thế nào cũng đến. Chết! Không! Đói đã rồi mới chết. Chết nhan nhản như đây kia. Chết... cả vợ mình, con mình, cha mẹ mình, anh em mình và chính mình...

Chiến tranh... Bóc lột... Đàn áp... Thống khổ... Giàu sang... Những tiếng rên xiết cùng vang trong tâm trí Quang. Sáng nay một tờ báo tuy chỉ được phép nói lờ mờ thôi, nhưng cũng phải để dân chúng biết số người bị cái đói cướp đi đã tới hai triệu rồi. Quang không còn thể đau đớn hơn được.

Nguyên hai tỉnh Nam Định và Thái Bình, nơi Quang sinh trưởng, bị tàn sát thế là nửa dân số. Tại đây, có làng đã chết hết. Cả những nhà đã cày cấy bốn năm mẫu, mọi năm nào thóc ăn, thóc để. Không còn một ngọn rau, một củ chuối. Có kẻ đã ăn sống cả lúa non để bồng bế con cái ra đi hẳn, bỏ mặc cha mẹ anh em thân thuộc ngắc ngoải ở lại. Nhà cửa tro bụi, vườn đất cỏ mọc um. Nhìn đâu cũng thấy mờ mờ khói. Sáng, trưa, chiều hôm nay... ngày mai... ngày kia... làng mạc, đồng áng cứ lịm dần, lịm dần, và, dưới mặt trời chang chang, trông xa thăm thẳm như vùng Mê Hà trong truyện Tây du, đọc thăm một trưa hè.

Trong khi ấy, những tin thóc lấy lại của những kho Pháp tích trữ sẽ đem bán cho dân và những tin gạo ở miền

Nam tải ra tiếp tế cứ nhạt dần đi. Thay vào đó, những tin gạo cứ tăng giá vùn vụt. Năm trăm... năm trăm rưỡi... sáu trăm... bảy trăm... tám trăm... và có nơi đã tới một nghìn một tạ gạo. Thợ lương ba đồng một ngày... buôn bán mỗi mớ rau lãi dăm xu... kéo xe ngày trừ tiền thuế còn được bốn năm đồng là đắt khách nhất... làm mượn đi cày khoẻ lắm mới được chủ mượn công không hay có công chỉ dăm hào một buổi... đi ở vú em com một bữa cũng không đắt. Phải cả một đời, suốt cả một đời, nhìn cả mọi thứ, dân nghèo chưa chắc đã mua nổi một tạ gạo. Đã thế, chỗ này bọn đầu cơ được giấy của Nhật lại về đông với hàng va li toàn giấy bạc năm trăm, chỗ kia hàng đoàn cam nhông về chuyển nốt thóc. Xa hơn, bao nhiêu toa xe lửa đã không chở gạo mà chỉ chở đường để bán gấp mùa bức. Rồi được chuyển xe bò nào hì hục chuyển gạo ra gần tới Bắc thì lại bị quân Nhật lấy hết. Thùn thụt, lại thêm không biết bao nhiêu cam nhông khác đã đưa gạo qua biên giới không phải để nuôi lính mà để bán chợ đen cho bọn “hán gian” cùng các tay sai dùng.

Cứu tế!... Cứu tế!... Hai tiếng này càng được khua ran...

Kịch, hát, chiếu bóng, trưng bày tranh ảnh, ngày vui phụ nữ, bữa nhậu trong tù... trại Giáp Bát... đoàn Khất thực... dân chúng các nơi cứ phải nối tiếp nhau đứng lên mà chống đỡ nạn đói.

Người chết chỉ tăng thêm.

Ở thành phố xác chết đã tới mức phải đem đi bằng xe ô tô rác vào vùi từng hố rộng.

Và ăn mỳ. Những ăn mỳ đông hơn cả người đi đường, lũ lượt ngổn ngang tràn hết cả mọi ngã. Họ đi như thế để rồi là đi, thay thế ngay bằng những lớp khác.

Hơn cả mấy miền quê tàn hại nhất, phố xá đã lảm buối chiều vắng lạnh một cách hoang mang như những năm dịch tả ngày xưa các cụ già kể lại. Đèn che lù mù. Nhiều hàng chỉ hé hé sáng! Nhà thường thì đóng cửa kín. Xe tay lơ thơ. Những gánh quà bánh bán rong phải họp từng đám, chúi vào nhau ở trước cửa mấy hiệu đóng. Cả những đầu đường trước kia huyên náo không thể chịu được cũng chỉ ồn ồn một lúc chập tối. Những hiệu sách có tiếng là sầm uất đều ế tro ra. Ai có vào, dán mắt tìm ở các tủ thì vẫn thấy những quyển sách đã bày từ mấy tháng trước, từ năm ngoái hay không, thì là những tờ báo lem nhem, mỏng teo. Sách học hoàn toàn là những sách cũ. Giấy bút tuyệt nhiên không được một học trò nào hỏi đến. Cái lớp tuổi xuân phơi phới ganh đua và vui tin kia đã bỏ hẳn nhà trường, vợ vất lông bông ở nhà; còn những người lớn chung quanh thì bơ phờ chán nản trong các công sở, các nhà máy, các bàn giấy, các phòng đọc sách, âm i một thứ không khí nặng nề, u uất, ngột ngạt.

Nước mắt Quang đã vỡ ra chan hòa trước tấm phong chói lòa. Sự sống đã đến chỗ tắc rồi! Cái bức tường lửa - như lời của một người bạn Quang đã nói - không phải giờ mới hiện ra. Bao năm rồi! Trong cảm giác và trong trí tưởng Quang nó đã dựng lên, cháy bùng bùng. Dội vào nó, muôn vàn tiếng kêu đã trào lên:

- Sống!... Phải sống!...

Lúc này đây, những tiếng kêu thống thiết ấy, nhiều khi đã tưởng bị dập tắt đi lại càng cất cao lên, bóp chặt lấy tâm trí Quang. Quang thấy đương sống một cuộc đời u tối, cảm giận hơn bao giờ hết. Một lũ ăn cướp và một lũ vô lương tâm, tàn ác và tham lam vô cùng, đã ủa ra mà hò hét cổ vũ cho nhau vo vét, bóc lột. Thêm vây cánh cho bọn này, một lũ hiểu biết sự đau khổ, nhục nhã hằn hoi nhưng chẳng bao giờ dám phản đối một bạo quyền nào, đã cố cúi đầu mà chাম mút những phần máu đó. Dưới cùng là bao nhiêu lớp dân chúng cần lao và hiền lành đã bị tất cả những bè lũ trên đây tuốt thịt rút xương và bị chúng làm cho thù hằn nhau, chia rẽ, lục đục, để chúng đàn áp và bóc lột cho đến chết!

A! Đế quốc! Khai sáng!... Giải phóng!... Dân tộc Việt Nam của Quang, hơn hai mươi triệu linh hồn máu mủ với Quang đã bị giết đi một phần rồi dưới những chữ mạ vàng kia. Bom đạn, phu phen, lính tráng bắt buộc, buôn bán phá sản, làm lụng thất nghiệp, tù tội đầy ải, chết rét, chết đói, dịch tễ? Tất cả những sự tàn khốc này đã bị một tổ chức tuyên truyền nhồi sọ khéo léo đến nỗi người ta thấy thành một tai giòi và một cuộc thi phúc thi phận. Trước thì bọn giặc Pháp, sau thì bọn giặc Nhật, hết sức xô đẩy nhân dân, cùng nhau tàn phá một ngày một đêm sâu sắc hơn để làm kiệt quệ thêm cả mọi sinh lực chiến đấu. Cạnh những tấn thảm kịch ấy lại còn những cảnh đau xót là nhiều kẻ cùng dòng máu Việt Nam nhưng vì bị mua chuộc mà quên cả tổ tiên, anh em con cháu sau này, đã giúp cho quân thù phân chia tàn sát đồng bào, đạp đất nước xuống sâu nữa cái hố diệt vong.

Và bao nhiêu dân tộc khác với bao nhiêu triệu sinh linh cũng bị hy sinh một cách tàn nhẫn, cho những danh từ choáng lộng của một lũ lái súng và chúa đất tung ra kia...

Những mẩu tin tức bí mật gần đây lại nhắc lại trong trí tưởng Quang. Quân Đức phản đối rầm rầm ngoài mặt trận. Thợ thuyền và dân chúng Đức có nhiều kẻ bị cả nhà chặt đầu, treo cổ vì tội biểu tình, đòi bớt giờ làm, thêm bánh mì, và thôi đi lính. Bên Nhật cũng thế. Một sự rối loạn ghê gớm đương âm ỷ chỉ chực bùng lên ở khắp mọi nơi chiếm đóng và ở ngay trong nước Nhật khiến từng xâu người bị phơi nắng cho chết. Còn bên đế quốc Anh Mỹ sự bóc lột, đè nén, càng tàn bạo. Nhiều trận đói cũng đương giết hàng triệu người ở Ấn Độ và ở các nước nhược tiểu châu Mỹ, đương làm ngòi cho cả một phong trào sâu rộng, mạnh mẽ mà bọn đế quốc đã tìm hết cách kìm hãm bao năm rồi, giày đạp trên bao nhiêu xương máu của dân chúng. Cả miền Bắc Phi, Angiêri, Maroc nữa, một khi còn bị bọn thực dân, bọn giả dân chủ thiết lập lại cái chế độ thuộc địa thì sự thống khổ vẫn thế. Rồi ở cả ngay chính nước Anh và Pháp ê chề bại hoại sau mấy năm ròng, mất bao thanh niên trai tráng, không hiểu sẽ đền bù những sự đau khổ tàn sát, đổ mồ hôi nước mắt của những người mẹ mất con, vợ mất chồng, con mất cha bằng những cái gì? Hay lại vẫn một lũ người giàu thêm, thừa mứa ăn chơi thêm. Hay lại phải một cuộc cách mệnh lút máu để thay hẳn cái đời sống quý quái, đều giả nọ.

Căm hơn! Đau xót! Cái nhân loại căm hờn và đau xót đã tới cùng mực chịu đựng rồi...

Nhân danh những “tự do” “chính nghĩa” một lũ tham bạo đã đẩy con người vào một cảnh thiếu thốn, khổ sở không thể còn giấu giếm hơn được nữa. Thợ thuyền làm việc như súc vật, không còn giờ giấc. Dân quê nai lưng ra cày cấy để nhịn và chết đói. Binh lính bị bịt mắt lại đi các mặt trận để bắn và đổ đạn của những kẻ cũng khổ cực như mình, nhưng đã biết đứng dậy phá xiềng xích định đoạt đời mình. Kẻ cầm ngòi bút bắt buộc chỉ để ca tụng. Các trí óc chỉ để vâng các lệnh sai khiến...

Và tất cả đàn bà, con trẻ, kẻ già đều phải nhịn ăn, bớt mặc, đầu tắt mặt tối làm những người máy. Không một tiếng kêu được cất lên! Không một lời đòi hỏi được rí ra. Không một chút gì là quyền sống, là hạnh phúc của mình được nhìn tới!... Chỉ có bắn và giết!... Sự bắn giết diễn ra không còn kẻ ngày đêm... Không còn biết đến bao giờ... Dưới quyền hành tuyệt đối của một lũ khát vàng và máu.

Tấm phong chói lòà ở trước mặt Quang bỗng biến đi.

Quang quắc mắt lên trông.

Một hình thù hiện ra, rã rượi, lẩy bẩy và chập chờn.

Từng bước, từng bước, hình thù họ lùi dần vào một khoảng tối âm u rồi thoát cái ngập hẩn đi.

Quang choáng váng.

Quang ghé rợn, thấy hình thù nọ rõ ràng có đôi mắt long lanh, một cặp môi tươi mọng và một lồng ngực phồng nở. Một con người lành mạnh đấy. Hay chính Quang đấy!

Hay thật một người lính Nhật, lính Đức, dân Anh, dân Pháp, dân Ấn, dân Mỹ đấy?

Hay một người của đất nước Trung Quốc, Triều Tiên, Mã Lai, Nam Dương cũng đương quần quai bên cạnh đất nước Quang đấy.

Một con người sắp bị chết thảm khốc hái đi, đã hiện ra một lần cuối ở trước mặt Quang. Một con người dưới cái chế độ này, chịu cái chế độ này. Một con người đã có hẳn một sức mạnh và một tâm hồn và một lòng tha thiết. Nhưng nó đã là một con người lẻ loi bị tía ra, di lên như sâu kiến. Nó đã không cùng những con người khác cũng bị đau khổ vì bóc lột, áp bức, sát cánh nhau vùng lên thành hàng ngũ mà bẻ những gông cùm giằng lấy sự sống trong tay quân thù.

A! Một con người cam chịu chết. Không! Không thể như thế được!...

Quang nức nở, tim Quang bị xóc hấn lên. Nước mắt Quang đỏ ngầu vỡ nữa ra. Quang run cả da thịt. Sự vật chung quanh Quang cũng run lên, vang ầm. Những câu hát - cách đây năm năm, hồi Quang còn mười tám tuổi đi học việc trong một nhà máy, hồi Quang đã từng dự vào những tổ chức thanh niên bí mật và những cuộc đình công biểu tình bị đàn áp tàn nhẫn, Quang thường âm thầm cất lên những lúc vui mừng, hay đau khổ và chán nản - những câu hát đã lâu lắm Quang không dám nhắc đến ấy giờ cất hấn lên, rầm rầm trong đầu Quang.

Quang vụt nghĩ đến phong trào cách mệnh đương sôi nổi và bao lần tiếng gọi của nó vẳng đến tai Quang và Quang đã cố đón hút lấy. Không thể nén được, Quang vội nghiêng răng gầm lên theo: *“Dấy lên! Những ai nô lệ trên hoàn cầu”, “Dấy lên! Những ai bị áp bức trong đời”...*

1945

CƠN SỐT

— Thế là bà giết người... Bà giết tôi, giết hai con tôi, giết cả hai đứa bé còn nằm trong bụng kia. Buôn bán!... Bà mà lại buôn bán à? Bà buôn bán cái gì? Tiền vạn bạc triệu đâu để bà như người ta quẳng ra mua từng kho hàng rồi bỏ đấy, vài tháng sau tiền thành gấp đôi, gấp ba, và nhờ có sao thì đã đứt lốt cả rồi, với đốc lý, mật thám, công sứ, đoan, quân Nhật, lãnh sự Nhật.

“Bà thì phải như thế họa chẳng bà mới buôn bán, chứ hơn trăm bạc mua vụng, mua trộm mấy cuộn dây đồng lõi không thấy đâu, thấy lỗ, rút cục để mật thám Nhật nó ăn chặn mất, vậy bà tính toán xoay giò như thế thì tính toán xoay giò làm gì. Cái trí khôn ngoan của bà để đâu đến nỗi đương lúc gạo một ngày một cao, hơn sáu trăm đồng một tạ, người ta xô nhau đi buôn gạo, mà bà lại dám húc đầu đi cầm sổ buôn gạo ba tháng lấy có hơn hai trăm bạc? Trí khôn ngoan của bà để đâu? Bà là người hay là cái giống gì? Hay quen mồm qua bánh chịu đựng quá rồi nên vẽ chuyện cầm sổ, buôn bán bị mất để lấy tiền lấp liếm đi... Phải! Chi lấy tiền lấp liếm đi chứ vàng nanh đỏ mỏ như bà thì còn bị đứa nào ăn được! Hờ! Giờ ơi!”...

“Là cái giống gì mà lại nhẫn tâm đến thế hở?”

Hắn hét. Hắn hét. Rồi hắn nghiêng rằng, nắm tay run run gió ra trước mặt. Hắn không những muốn cắn xé người chung quanh mà cắn xé cả hắn nữa. Thì tất cả những cái ghê gớm của hắn được đáp lại ngay.

Người mẹ mà hắn định làm cho sợ hãi nhục nhã kia, sau một lúc im lại vênh mặt lên, cười nhạt, nói dần từng tiếng:

- Phải!... Bà quen mồm ăn quà. Bà nợ nên bà xoay cầm sổ lấy tiền buôn bán rồi kêu mất hàng. Bà giết mày, giết vợ con mày đấy! Nhưng ai bảo mày kiếm được hết trăm ấy đến trăm khác, hết món hàng nợ đến món hàng kia, chẳng chịu biết đến con gái già này, con mẹ trẻ kia và lũ mẹ nhón bố bé mày, mà mày cứ cô đầu con hát, ăn uống chơi bời cho ngập mày ngập mặt, cho mắc bệnh nợ tật kia, để trút cái gánh nặng nhà này cho bà mấy tháng giò, để lúc thân tàn ma dại, mồng bốn mồng năm Tết mới chịu bò về nằm nhà mà rên... Hơn hai trăm bạc, hừ! Đến hơn năm trăm bạc nữa liệu có đủ tiền đóng gạo nấu cháo cho những mồm thường luồng kia không? Ấy thế lại còn ngót trăm bạc giả ông lang cho con mẹ mày đương nằm tênh bệnh kia kia... Lại còn tiền đưa chúng nó nay chạy báo động vào Hà Đông, mai chạy báo động lên Chèm... lại còn tiền tiêu Tết... tiêu cho cái bàn thờ kia kia của nhà mày... Hơn hai trăm bạc... Hừ! Hơn hai trăm bạc... mày thử hỏi cái bàn thờ kia kia của nhà mày mấy mâm hôm ba mươi và mấy mâm hôm hóa vàng có đủ không?

- Giời ơi! Thế này thì chết mất. Vậy ba trăm bạc tôi gửi về đạo tháng một đâu? Ba trăm bạc đạo ấy mẹ con chúng nó

có biết đến xu nào, thì đâu? Và gạo đạo ấy mới hơn ba trăm một tạ, nhà lại có gạo bông, thì ai đói? Ai nuốt?

Người mẹ liền quay ra trở người vợ:

- Thì cũng lại hỏi mẹ trẻ mày kia. Ba trăm bạc! Ba trăm bạc! Thế hai cái tháng chín, tháng mười mày đi Sài Gòn thì lấy cút mà đổ vào mồm các bố, các mẹ mày à? Này thôi... bà bảo, muốn cho bà đi khỏi cái nhà này thì bà đi, bà đã khổ nhiều rồi chẳng bấu gì nữa đâu. Bà đi cho chúng mày tha hồ sung sướng với nhau. Rồi có đói, có gạo lên tám trăm, chín trăm hay một nghìn mà không kiếm được tiền thì con đẩy tổng mỗi đứa một cửa cho người ta nuôi, hay gởi đất này chẳng ai dám rước cái tội ấy thì đem chôn chúng nó đi... Chỉ còn cách ấy là tha hồ rảnh rang, tha hồ chơi bời, tha hồ kiếm tiền...

Huych... Hấn nằm vật xuống giường như người bị quật ngã. Hấn nuốt nước bọt ừng ực. Mặt hấn, nước mắt cứ ứa ra. Cuối cùng, hấn oà lên, nức nở:

- Thôi!... Thôi! Giời ơi! Mẹ quỷ mẹ ma kia...! Tôi chết mất!...

Lại tiếng hét... tiếng giấy đập... Hấn lịm đi. Ruột gan và tâm trí hấn càng như bị thiêu đốt. Những hình ảnh lại hiển hiện. Tiền! Những giấy bạc từng ghim, từng tệp, từng bó, từng va li, từng két giấy năm đồng... Giấy hai mươi đồng... Giấy một trăm... Giấy năm trăm... Giấy kiểu cũ... Giấy kiểu mới... cứ phấp phới, cứ nổi cao lên, cứ vây bọc lấy hấn! Một bộ quần áo mới năm trăm... Một đôi giày mới trăm rưỡi. Một cái xe người đập hai nghìn... Một cái gác có điện, có nước, có

xa lông, buồng ngủ, buồng ăn, buồng tắm cho thuê hai trăm một tháng... Những quả vật, cà phê, bánh ngọt, ăn trưa, ăn đêm, ba bốn chục một lần... Tiền... phải luôn luôn trong túi ít nhất là bạc nghìn... Không kiếm được, thế thì khổ quá con chó... Không kiếm được, thế thì lại chỉ về nhà ăn đói, ngủ trù, buồn bã, bút rút... Buồn bã, bút rút và chờ chết. A! Chết... Chết vì không có tiền, vì đói.

Những kẻ chết vì thế đã nhan nhản ở các ngã đường rồi. Những cái xác còng queo hay rũ ra hay sống sượng trong gầm cầu, dưới một gốc cây, một lỗ “tăng sê”, cạnh một chuồng xí, mấp mé một bờ rãnh, một bãi rác. Già, trẻ, nhón, bé, đàn ông, đàn bà đều khô đét, dề dề cút đái với hai lỗ mắt nhìn sâu hoắm vào thiên hạ còn sống, ồn ào, nhộn nhịp, tung bùng. Ngày xuân. Nắng vàng. Hoa tươi. Áo màu tha thiết. Năm ngoái, năm kia... hần cũng hưởng những ngày xuân như thế giữa Hà Nội. Hà Nội làm ăn của hần. Hà Nội càng ngày càng ran những chuyện món vãi này lãi mười vạn, món sơi kia lãi hai mươi vạn, những kho diêm, đường, sữa, hàng mấy trăm tấn của thằng A, con P vẫn y nguyên, từng nhà sầm lộp ở phố nọ vừa mới bị sờ Mật thám tịch thu gọi phạt, nhưng liền bị ô tô Nhật đến chở cướp đi ngay. Hà Nội, đây hần đã len lỏi, sục sạo, nghe ngóng... Hà Nội có những dãy người xếp không biết là hàng mấy đầu từ phố này, mình vắt sang phố kia, đuôi kéo tít ra mãi đâu đâu để được lĩnh mỗi người một cuộn chỉ, một bao diêm, mấy tắc vãi, dưới những cái dùi cui, giầy sắt đá, đánh đập tràn lên cả những bụng chứa, những lưng còng, những trẻ loắt choắt chờ thâu đêm suốt sáng... Hà Nội có những xe tay chúi chúi một quãng

mới đứng lại được; người kéo gầm mặt vén vạt áo chùi mắt và trán rồi ngừng lên từng hứng vì mấy hào rách ném vào tay, sau đó một bà đầm toàn đít và vú núng nính, mặt vênh vênh, môi biu biu, hai tay dắt hai đứa con quần đầy len và ngào ngạt nước hoa, lúu títu với một con chó to lớn, tai vênh, lưỡi thè lè, nanh nhọn hoắt; tất cả lừ lừ đi vào để đám người chỉ chít như kiến nọ tự dân ra, rồi thoáng giây phút, vãi thì hàng súc, sơi hàng ôm, xà phòng mấy cân, đường trắng tinh hàng bì, diêm gói tương, lặc lè, nhơn nhơn xách ra...

Hà Nội, hấn sắp ra đấy, phải ra đấy!...

Phác - tên hấn. - Phác lại tức chói cả ngực. Phác phải nhắm mắt lại, cố thở đều để tĩnh trí lại mà suy tính.

Trước mắt Phác, người mẹ vẫn lằm lằm trên cái chổi. Vợ Phác thì hoàn toàn nằm im. Người thị béo sắn lại có mang gần tháng đẻ nên thị là cả một súc gỗ trên giường. Bao giờ cũng thế, thị đã nằm thì khó mà dậy được. Vì hể nằm là phải ngủ. Giấc ngủ mới ngon, mới quý làm sao. Nó khiến thị thiếp đi như say thuốc phiện, chẳng còn phải thềm thường nghĩ ngợi gì cả.

Nhưng giờ vợ Phác không ngủ. Từ chập tối tới bảy giờ sáng nay, vợ Phác đã ngáy no rồi. Vợ Phác cố thức xem chồng và mẹ chồng còn những chuyện gì nữa rồi muốn ngủ cũng thừa kịp. Khi Phác đi khỏi. Bên cạnh những tiếng ị ạch của thị, trong nhà chỉ còn tiếng một cọt két và thỉnh thoảng gió rào rào thổi vào. Nhà Phác ở giữa xóm. Đằng trước, đằng sau, mé phải, mé trái, những dãy nhà cũng úp súp như thế. Và tất cả đều nòng nặc những mùi cống rãnh, chuồng xí,

ao bùn. Những tiếng hét vừa rồi của Phác đã mất hẳn vào cái khoảng không vắng ngắt, nặng nề mà trên là giới xám, dưới là những mái rạ, những hồ ao, những ruộng như đám khói. Một con đường đã chạy qua đấy, nhưng họa hoằn mới thoáng một bóng xe đạp.

Không một đứa trẻ, một con gái, một đàn bà nào đổ đến xem như mọi khi. Họ cũng như mẹ Phác, đều mệt mỏi, cằn cào vì đói, vì rét nên chẳng dám cử động để chịu thêm một hình phạt. Số ít người không đi làm và không đi chợ mà ở lại nhà và còn cố gắng được thì lần lần ra mấy cái bãi gần đấy và ra ngoài tận đường cái kia nhặt rau má, rau dền chỉ còn lấm tấm ở vài đám cỏ lụn. Những tiếng trẻ con nô đùa, những tiếng lão xào trong mấy cái quán nước, lò rèn, thợ may, thợ cắt tóc, những tiếng cười nói của người đi đường và tiếng gà tiếng chó như đã có từ một đời nào, chứ giờ trong cái xóm chợ xép này chỉ còn thỉnh thoảng tiếng còi ô tô đằng xa vắng đến hay tiếng quạ rền lên ở một bờ ruộng, một tha ma đâu đây.

Nắng chói hoe hoe, phớt vàng trên mấy tàu cau và rõ xuống đầu giường Phác. Phác rùng mình vì một ngọn gió, sau đó Phác ngước mặt lên, sợ hãi nhìn. Một cái gì vừa ghê, vừa đau bóp lấy thái dương Phác đánh thót cái. Phác thấy chỗ Phác đang nằm đấy. Nhà của Phác, mẹ Phác và vợ con Phác ở như không có ai cả. Cái giường tre một bên, tấm phản nứt nẻ ọp ẹp một bên, cái chõng một xó, và mấy cái thúng đựng tã... tất cả như của những người chết nào bỏ lại, đương dần dần một, phủ bụi và chẳng mạng nhận vậy. Phác

giục nhà chạy báo động, tránh bom đạn, nhưng trong cái cảnh sống này thật không còn sự tan hoang nào hơn được!

Có tiếng thở dài.

Mẹ Phác đã lên nằm ở cái chõng. Bà nằm co, gối đầu tay, lim dim. Mãi đối đáp với con mệt, bà cũng chẳng buồn vấn lại tóc, mặc nó bù cả xuống gáy, xuống trán, xuống mắt. Dưới những sợi tóc dờ đen, dờ trắng, cứng và xoắn ấy, gương mặt bà càng khô xác, xương xẩu, hốc hác nổi bật hẳn lên. Giời rét, bà mặc có mỗi cái áo cánh cộc tay, rách bươm, và áo vì không chịu vá để hở cả cái ngực chật xương và cái vú beo. Hình hài ấy, mảnh áo ấy, mẹ Phác đấy. Nào đã lâu gì, cách đây bảy tám năm là cùng, mẹ Phác hãy còn làm việc quần quật suốt ngày. Cái áo nâu buộc chặt hai vạt lại đằng sau, cái quần xắn cạp lên mấy nấc và còn kéo cả ống lên, mấp mé đầu gối, thế là bà cất gánh đi. Gạo, đỗ, cá, rau, cà chua, gà, vịt, bà không từ một thứ gì. Chỗ tiện đường tàu hỏa càng hay không thì xe ngựa. Không nữa đi vĩ, nắng, mưa, mặc... Nhưng từ ngày Phác đi làm ra tiền, nhất là từ ngày Phác xoay sang chạy hàng sách⁽¹⁾ và Phác lấy vợ, thì mẹ Phác thôi chợ búa rồi nghỉ hẳn... Mẹ Phác ở nhà, mẹ Phác chỉ biết có tiền Phác đưa về... Người mẹ ấy giờ chỉ còn là một cái xác thê thê được, cười nhạt được và gằm được, rít được, đương nằm lù lù ở trước mặt Phác... Phác lạnh người.

⁽¹⁾ Có lẽ là *hàng sách* (không có hàm nghĩa *sách báo*...).

Người mẹ của Phác ấy chỉ thiếu một chút nữa thì thành một thầy chết, một thầy ma bỏ đường. Ủ! Rất có thể thế được. Thóc gạo càng đắt như vàng; buôn bán làm ăn gì cũng không lại, trong lúc đó mẹ Phác cứ hóng hóng Phác xoay được món này, món khác, tiền chục, bạc trăm, không cất nhắc việc gì cả, ăn lại ăn ngon, tiêu lại tiêu hoang, có tiền không lẽ bán thì chần chạ, mẹ Phác sống như thế không khéo thì Phác bị ốm trận nữa chết, hay không may Phác bị bắt, bị tù, hay cứ như tình thế này, mỗi ngày một khó khăn, một mối lo chưa hở ra đã có nghìn kẻ bầu đến, ra đến đường toàn chạm trán phải những giai gái mắng mắng ganh nhau sục sạo tìm, đón hàng. Phác hết kế xoay tiền, thì sớm tối mẹ Phác cũng sa vào cái bước góm ghê kia thôi.

- Cả mày nữa! Còn mày nữa!

Phác xanh mắt lên và suýt kêu rú.

- Còn vợ mày nữa... vợ mày nữa!...

Phác nhìn hẳn về phía vợ. Đã bốn năm, cái hạng dỏ dĩ, dỏ buôn bán ấy đeo đẳng chẳng chẳng lấy Phác: một đứa con... lại đẻ... rồi đây lại sắp đứa nữa. Lầy nhầy, ì ạch, cái mình và cả cái người kia chỉ oằn oại trở dậy khi một nắm bạc dúi vào tay. Rồi thì chỉ thi nhau ăn quà với mẹ chồng, và, một đảng miệt mài ở các điện, các bàn chầu thì một đảng ở các rạp cải lương mà ngồi lịm đi nghe: “Thôi cô buông tôi ra... thôi cô bỏ tôi ra để tôi đi chốn sông mê biển khổ... Nào ai có đi giảng thề”... và nhìn những cái môi son kẻ lên những bộ giáp nhung viền kim tuyến, những bộ giáp nhung viền kim tuyến quần quýt bên những cái môi son.

- Thế này thì chết mất! Phải thế nào chứ không mãi thế này thì chết hết mất.

Phác gầm một tiếng vùng dậy. Người mẹ vội dậy theo, hất mớ tóc ra sau lưng, cười khanh khách.

- Góm! Chết cái gì mà chết lắm thế. Ai chẳng biết không tiền về cái nhà này thì phải chịu đói, chịu khổ, chịu cực. Thế còn con gái già này chịu mãi thì sao? Thôi này trong lúc đói kém bom đạn này chỉ nên mỗi đứa một ngã, mạnh đứa nào đứa ấy sống. Bà, giờ bà cũng chẳng thiết gì nữa. Bà xem trong nhà này còn cái gì bán được bà bán nốt rồi bà đi chết đâu thì chết. Cầm bằng có mày như mày chết, cái công thất lưng buộc bụng nuôi mày khôn nhớn, ăn học, rồi lạy người nọ, van người kia tam tứ phen xin việc cho mày chỉ là cái công gánh nước cho chó đẻ.

Mất người mẹ long lên, bà ngừng nụ cười, rên tiếng:

- Phải! Cái công của bà chỉ là cái công gánh nước cho chó đẻ. Người ta cũng có con, người ta cũng buôn bán hai sương một nắng, lần hồi nuôi con, con người ta cũng khôn nhớn đi làm thì sao người ta mát mày mát mặt thế. Sao những con mẹ đội Vinh, con mẹ ký Tạo, con mẹ Vĩnh Tường kia chúng nó giàu có thế? Cả đến con mẹ cái Thơm, con mẹ cai Sửu, mang tiếng con gái làm đi hết Tây chán đến Nhật nhưng chúng nó lại cửa cao nhà rộng, kẻ thừa người gửi sung sướng thế. Còn mày ăn học, chữ nghĩa thông minh, tài giỏi hần hoai thì thế. Sao mày lại chịu thân tàn ma dại, để mẹ quá con mẹ ăn mày, hờ cái giống ăn cứt mà chết kia?...

Tiếng rít của người mẹ vừa dứt, có tiếng trẻ con khóc và tiếng cuống quýt đổ dành ở ngoài ngõ. Phác hoa cả mắt, run bắn lên, tìm cái mũ. Phác chẳng kịp chụp mũ lên đầu và mặc cái áo tây vào người, cứ lòng thòng cái áo sơ mi rách bươm bỏ ra hè.

- Phụng ơi! Phụng ơi, đưa ngay em vào đây...

Phác gọi nhưng không chờ đưa con gái nhón bế em vào. Phác chạy ra ôm chầm lấy thằng bé lấm chắm đất, mặt mũi nhem nhuốc nghêu ngao. Phác bế xốc con lên đoạn cúi nắm tay đưa con gái, líu lưỡi nói:

- Đi... đi... chúng mày đi với tao thôi... đi biệt một xứ nào thôi...

Người vợ đã bước xuống đất. Thị lạch đạch chạy theo, rền rĩ gọi:

- Này, này... tôi bảo không phải hành hạ đưa chúng nó đi đâu cả. Nhà còn cái chăn và cái màn kia kìa, có người hàng ngoài ngõ gấp ghé mua đấy thì đưa cho bà cụ bán được bao nhiêu bà cụ lấy rồi ngày một ngày hai lại đem bà cụ về Hà Nội thôi. Báo động mặc báo động, bỏ bom mặc bỏ bom, để bà cụ khỏi ru rú ở cái đất hang cùng ngõ hẻm, phải nhin cả mọi thứ này... cứ thế là hết chuyện... hết cả mọi chuyện...

1945

MỘT BUỔI CHIỀU NHÀ QUÊ

Cánh đồng lác đác còn vài bóng người. Mặt trời đỏ ngầu; hơi đất ngùn ngụt; ruộng bãi, ao đầm và làng mạc mờ mờ như trong một màn khói tỏa ra với lửa than vạc. Trên con đường cái xứ bông giấy, lồi lõm, lầy bụi, người đi làm về đều phờ phạc. Mặt họ đen sạm lại, mắt họ vàng lò lờ, mồ hôi họ ròng ròng khắp người... Không có một tiếng nói.

Vác những cày, những cuốc, những bờ cào, những gầu... đàn ông, đàn bà chỉ còn những bước gần như lão đảo. Bên cạnh họ, những con trâu càng ì ạch, phập phì, luôn luôn đứng dừng hằn lại, sừng chúi xuống vùng vắng và mắt loáng lên, dưới những cái dây thừng quật đen đét. Những vũng nước đã lướt qua; những vũng nước chỉ còn mấy vúc nữa là hết của những cái đầm mọi khi mênh mông, lá sen giải ra xanh rọi, lóng la lóng lánh.

- Người đi làm đồng đã về cả rồi kia kìa... Gái ơi! mày đã nấu bèo cho lợn và đã dọn cơm nước xong chưa mà đã tốt đi đâu không thấy hồn vong bóng vía thế hở? Giời với đất, nắng gì mà nắng mãi thế này? Đất khô như rang, lúa má chết hết cả rồi. Giặc hại đằng giặc, giời hại đằng giời, sống làm sao được?

Một người mẹ vú thâm sì chảy hết ra ngoài yếm, chưa đặt xong cái gầu xuống thềm đã phải đón lấy đứa con mũi dãi ngoen khắp mặt. Y vẩy vẩy cái vú vào miệng con đoạn thì cuống quít với lấy cái quạt nan quạt phành phạch vừa rền rĩ gọi.

Đằng phía phủ, những tiếng thùng thùng từng hồi một bỗng vang lên dồn dập, làm nhiều người hai bên phố bỏ ra, nhón nhác:

- Trống gì thế? Trống gì thế?

Một người mẹ đương bế con chỉ trỏ những chiếc điều trắng, tít tắp ở trên cao, cũng sừng sốt quay về phía tiếng trống. Giây sau, y reo lên:

- A... trống Bình dân học vụ. Hôm nay dưới phố phủ, Bình dân học vụ họ đánh cả trống gọi học trò đấy...

Người mẹ này dứt nhòì, mấy đứa con gái đã đi đến, ríu rít:

- Mà cũng đi học à?

- Cái Thom nó vẫn còn phải bế em à?

- Tao rủ được cả cái Tý nó đi học cơ.

- Ngồi bút tao mới thay tốt lắm. Chú tao làm ngoài Hà Nội cho tao đấy. Tao giả lại ngồi bút này anh giáo viên phát chứ tao không lấy đâu.

- Ê... ê... đi học biết chữ mà còn xấu hổ. Thế đi chợ không đọc được biển phải đi lối “đường mù” thì không xấu hổ!

Ở những căn nhà so le và tối mờ hai bên phố, người ta đều ra cả đường mà nhìn. Mấy người mẹ bỗng con chơi trên hè cạnh những con chó đứ đờn, buông hẳn con xuống, xua xua tay:

- Thôi đi học đi... đi học với các “đồng chí” đi. Nhón rồi phải đi học chứ ai lại còn ôm chằng chằng lấy mãi cái vú thế này!

Không khí bỗng chuyển hẳn lên, ồn ào tấp nập. Mọi người đều trông về con đường qua bãi cỏ rộng trước cái cổng phủ cũ kỹ còn lại của một tòa thành xưa.

Huych... huych... huych... Một... hai... một... Một... hai... một...

Đám đông tiến lại, rõ mặt dần. Người quần áo nâu ngẩn, người quần vàng áo nâu, người áo đen quần nâu, người cởi trần quần xanh, người áo cuộn lên trệt cả rốn, người mặc mỗi áo tây phanh rộng cái ngực thây lầy, lông lá. Họ đi đều tấp tểp, bước chân nện đến lồm đật, tay vung vẩy soàn soạt, súng gỗ, gậy gỗ, gậy tre lố nhố.

Một... hai... một... Một... hai... một...

Mặt người nào người ấy ngược lên, rắn chắc, đăm đăm. Nhất là mấy người đi đầu được bỗng súng thật và đeo lưỡi lê hẳn hoi. Mắt họ quăm quăm hơn; ngực họ phưỡn hơn, những thớ thịt nâu nhẩy rung rung hơn. Hơn ba chục bước chân họ như không thấy gì ngoài đằng trước: con đường ngoằn ngoèo về làng và người chỉ huy đi bên trái, mắt nòng nân chăm chú.

- Toàn những người đi làm thuê ở trong làng nhỉ.

- Ừ toàn những người phải chạy gạo đi tập chứ chả thấy giai công tử nhơn nhơ nào cả nhì?

- Công nhân đấy! Họ vào “công nhân” đấy! Có người vừa đi làm, đi chợ về không kịp ăn uống gì mà cũng cứ tập ngay...

- Thôi đi mau lên không lại bị “phê bình” bây giờ... Hay có nhớ “anh” nào thì bảo chúng tao để chúng tao...

Câu nói trên đây là của mấy người con gái đã nhón run đây, cười nói líu ríu. Trong khi ấy lũ trẻ con giai đã chạy ủa đến trường, reo hò ầm ĩ, theo sau lũ trẻ con gái hồn hà hồn hển, mát mẻ, dăn dỗi, gọi nhau chơ chơe...

Mặt trời chìm hẳn. Vùng tây đỏ như gấc, dần tím bầm lại. Những ngọn cây, những lũy tre, những nóc đình chỉ còn những đám đen mờ mờ. Con đường tàu chạy hút về xa, cao bật lên, chơ vơ những cột dây thép vương vী những đám hơi nước. Những tiếng ộp oạp, rì rì trùm lên cánh đồng xám nhợt.

Toàn dân nước Nam giờ đây quyết tâm...

Đứng lên tranh đấu xích xiềng đập tan...

Tiếng hát vang động xa dần... Một điệu khác lại nổi lên:

Du kích quân, du kích quân...

Toàn dân trông ngóng... du kích quân, du kích quân.

Tiếng thành thị mất hẳn. Chỉ còn tiếng hát vắng vắng trên dải đường đá nóng rát chạy thành một vệt chì trước những gian nhà tối om, nhô ra, thụt vào, cái bằng gạch cửa sắt, cửa gỗ kín mít, cái bằng lá xiêu vẹo, úp xúp, trống hoắc.

*

* *

Tiếng trống càng đổ dồn. Trong một khoảng tối âm u ánh đèn bỗng rực lên.

Lớp “Bình dân học vụ” của phố phủ sắp giảng. Đó là cả gian đình mái mốc rêu dưới một đám cây si cành rẽ chằng chịt và hai gốc bám đầy những mấu sù sì, lá xếp hàng chục tầng. Bốn cái bàn học tròn hẫ hoi kê ở dưới cùng. Hai cái bàn có ngăn kéo kê ở phía trên, chung quanh ghép mười hai cái ghế dựa khác nhau. Hai cái bàn học tròn nhỏ đã ọp ẹp và hai cái chõng gần mất hết nan, kê chếch hai bên lối đi, châu đầu ở hai bên báng. Trên cùng, một cái bàn ba ngăn kéo nứt nẻ, khập khiễng, cũng quây hơn mười cái ghế dựa, dùng cho cả giáo viên và học trò. Từ bậc cửa bước vào, người ta đã vấp phải ngay những bàn ghế. Muốn đi, người ta phải len lỏi qua những hàng ghế hay trèo qua bàn.

Sân trường ban ngày họp chợ. Mấy hàng gạo, hàng rau, hàng mắm muối, hàng thịt dọn ra la liệt trên mặt đất. Mấy người đàn bà hàng phố độc quyền buôn bán ở đây với những chỗ bóng cây và lát gạch. Đường cái xứ chạy ngang ngoài kia, đằng sau lưng đình mà mặt tường bao giờ cũng chi chít những hình người, những chữ những giấy, những biển và cả những cái rất quái quỉ, kệt cớm. Một cái chợ thứ hai giăng ra ở ngoài này, cái chợ của những hàng nước, hàng cơm, hàng quà và lúc nào cũng xúm xít những phu xe.

Rác rưởi chưa dọn, bốc lên tanh nồng nặc. Thêm vào đó, những mùi bùn, mùi bèo thối của những ao đầm ngập ngụa bắn thiu gần đây.

Trong cái đám lũng cùng những kèo, cột, hoành phi và câu đối, ánh đèn đã bớt xô động. Những cái đầu đã nổi riêng ra thành hàng. Nhưng tiếng nói càng ồn ào, càng ngùn ngụt. Tiếng nói ở cả bên ngoài của mấy lớp trẻ con, đàn bà bông con, dắt cháu, công em chen chúc nhau kín mít cả mấy bậc lên xuống, cố rúc đầu vào xem cho kỳ được.

Chát... chát..., cái thước kẻ gõ lần nữa xuống bàn:

- Các anh chị em giữ trật tự..., các anh chị em sắp sửa chào cờ.

Người nữ giáo viên béo núc, tóc húi ngắn nhưng vẫn chít khăn vuông, áo cánh trắng chèn, quần đen, thắt lưng xanh múi lêch, cổ lấy giọng oai nghiêm cất lên. Sau đó, hai ngọn đèn phía trên lại được vặn lại cho đều lửa. Rồi người nữ giáo viên ấy hô:

- Đứng dậy... nghiêm. Chào, chào...

Bàn ghế sầm sầm, một loáng sau im bật. Tất cả bên trong và bên ngoài đều đắm về phía trước mặt sáng rực lá cờ đỏ sao vàng treo trên bảng đen... Chát... chát... Thước kẻ lại gõ. Bàn ghế lại rung chuyển. Mọi người ngồi xuống, về mặt choáng vánh.

- Hôm nay các anh chị em học ôn lại bốn bài vừa học... Các anh chị em vẫn nhớ đấy chứ?

Tiếng đáp ran ngay lên. Từ một mé tường, một nữ giáo viên quần áo trắng dài đi ra. Y búi tóc, trán dô, người dỏng dót, da đỏ phớt hồng trông lạ quá giữa cái đám học trò lúc nhúc nọ. Những nét phấn trắng rung rung dần hiện lên dưới cái bàn tay nhỏ và thon:

i t

ti

Cái trán dô ấy quay ra. Đôi mắt quầng thâm và lơ lơ nhìn suốt một lượt. Một giọng nói khản khản cất hỏi, môi chỉ hơi mấp máy:

- Ai biết chữ gì đây?

Những cánh tay nhao nhao giơ lên. Người nữ giáo viên áo cánh trắng chèn, cau mày:

- Trật tự... trật tự... Không được làm ồn lên thế!...

“Cái trán dô” lơ lơ nhìn xuống bàn những người nhón; y im lặng một lúc nữa mới gọi:

- Ông Ba... chữ gì trên bảng?

Người chỉ đọc như không nghe thấy trong khi mấy đứa trẻ cứ xăm xăm chực đứng dậy.

Giọng nói nhỏ của “Cái trán dô” nhắc lại, run run, khi cái vóc người đầy đặn, tầm thước nọ đứng lên rồi vẫn không đọc.

- Chữ gì? Chữ gì?... Kia ông Ba!

Người giáo viên quần cộc vàng, mắt xếch, đi đến, cau mày giục. Thì hai con mắt kèm nhèm của người học trò tóc đã lấm tấm bạc nọ càng nheo lại. Một vẻ cố gắng đau khổ, một nét gì nứt vỡ của trí tưởng - chói hắt lên ở những nếp nhăn tủa ra như nhài quạt ở đuôi mắt y. Mấy giọt mồ hôi dần tụ lại ở hai gò má nâu cháy, long lanh như nước mắt. “Cái trán dô” đi hắt xuống. Y nhìn, đuôi mắt cũng chớp lại, cái gương mặt tê dại như bị hình phạt của người học trò.

- Chữ... chữ bài học thứ nhất ấy mà...

Có tiếng nhắc ào ào. Ở bên ngoài, có thêm mấy tiếng cười:

- Rõ tội!... Ở cho bà Bá, cả ngày đi cày đã vất vả giờ lại còn học khổ, học sở thế kia!...

Anh giáo viên quần cộc vàng, mắt xếch, nghiêm giọng:

- Không ai được nhắc đấy!... Hừ!... Mà các bà bên ngoài, lạ quá...

Người nữ giáo viên áo cánh trắng chần, đi xuống nốt, nắm lấy cánh tay Ba:

- Hay hôm nay ông ngồi xa và chói đèn nên không nhớ ra nét chữ. Thôi... ông lên trên bảng mà đọc vậy.

- Không!... Không!... - mãi cái giọng rụt rè nọ mới thốt ra được - Đồng chí mặc tôi... mặc tôi.

Hai con mắt nhăn nheo nhú thêm, sau cùng, tiếng nói phào ra:

- Chữ i... Hà... chữ i móc câu...

Cả lớp rầm rầm cười.

Người con gái áo cánh chèn vội gõ thước chan chát.
“Cái trán dô” trở về trên bảng, trở sang chữ bên cạnh hỏi:

- Chữ gì nữa?

Đăm đăm nhìn thêm một giây, cái giọng rụt rè ấy lại phào ra:

- Chữ tờ... chữ tờ có ngang.

Cả lớp lại rầm rầm cười.

Người con gái áo cánh chèn lại gõ thước chan chát! “Cái trán dô” trở xuống hai chữ dưới:

- Ông đọc cả hai chữ này.

- Tờ i ti... tờ i ti...

Cái mớ lấm tấm bạc trên gương mặt xương xẩu cháy nắng nọ vừa dứt tiếng cúi xuống thì “cái trán dô” chớp chớp mắt, quay ra. Y gõ nhẹ thước kẻ xuống bàn:

- Anh chị em đọc đều lên nào... Một hai... Chát!

I tờ giống móc cả hai... i ngắn có chấm, tờ dài có ngang...

Tiếng đọc ầm ầm lên, ngọng nghịu, bập bõm, sai lạc, chậm chạp, dó dẩn, liến láu, lạnh lạnh... Cái vang động nóng ngốt lên ấy một lúc lâu sau mới rút xuống.

- Dậy! Dậy lên bảng viết.

Một đứa bé con gái mắt đen láy, mặt mũi nhếch nhác, vừa đứng dậy vừa vén tóc. Nó lập cập toan mang cả bảng và sách đi ra, thì một đứa lớn kéo lại, rúc rích cười:

- Kia! Xách hòm đi chữa khóa đấy à?

Người nữ giáo viên áo cánh chèn chạy đến, đỡ Dậu ra hẳn ngoài. Dậu lên bảng. Anh giáo viên mắt xếch bê cái ghế đầu đến cho Dậu đứng. Nhưng con bé vẫn phải kiễng kiễng vừa hôn hên miết cục phấn, mắt đăm đăm theo những chữ mẫu. Mấy cái nét nguệch ngoạc như chữ bùa ấy lại khiến mấy người đàn bà thì thào:

- Ấy thế mà cũng hơn khối bà không viết được.

- Dào! Cứ hăng viết được như thế. Ngày trước mình bằng cái kẹo như nó thì đi ỉa, chùi đít cũng khóc gọi người nhón nữa là...

- Này! Bác hàng khóa bác ta nhặt nó dạo đôi hồi còn Pháp, về nuôi thế mà thắm thoát hơn năm rồi đấy. Cả như lúc lồi nó gầy đét ở giữa hai cái xác bố mẹ nó ra, thì ai còn tưởng nó sống được đến ngày nay. Ấy rồi mà thắm thoát chả mấy chốc đâu. Cô Liên con ông Thừa Tảo đương dạy học kia dạo nào bà Thừa bà ấy nhặt về nuôi cũng còm dòm như thế mà... Nhưng quái cô ta đương học giỏi thế sao lại bỏ hẳn ở nhà nghỉ, và cô ta còn con gái mà sao cứ một ngày một gầy rạc đi như thế, còn cái cô Hương hàng tẩm em cậu cả Hào cũng dạy học kia càng ngày cái cửa hàng càng to thêm thì càng phây phây ra.

- Dào, hết Tây phát vé sợi lại đến Nhật nó “tắm bồ” cho làm gì mà không đẹp? Đến bà mẹ già cốc đế mà cũng tươi hơn hớn, đâu cũng sắp lại lấy chồng nữa là... Nhưng mẹ con nhà cậu ta xung khắc thế nào ấy... Cậu ta nhất định không về

ở với mẹ với em mà chỉ mê mê vào hết tập tành cho thanh niên lại đi dạy học tối...

“Cái trán dô” lại rung rung đưa những nét phấn lên bảng.

o ô ơ a
na mơ ta no ô tô...

“Cái trán dô” lại vừa thở vừa gõ thước kẻ:

- Bác Ao đọc.

Một người đàn bà và một đứa con gái cùng đứng lên. Đứa con gái chột mắt, mặc áo sơ mi trong áo nâu cổ xẻ nọ lau chau nói trước. Người nữ giáo viên áo cánh chèn vội gõ thước.

- Cao! Cao ai gọi? Chị Liên giáo viên gọi bác Ao cơ mà!

Người con gái ấy, bán bánh tây giò chả khét tiếng nghịch ngợm và chua ngoa ở trên ga, vùng vằng ngồi xuống trong khi người đàn bà hàng rau bụng chứa trật ra cả ngoài đùm thắt lưng và dải yếm đen đùi, sượng sùng lắm nhảm.

- Bác đọc to lên. Chữ gì?

- Chữ o... chữ o... - Người đàn bà chứa thở thè như một đứa bé.

“Cái trán dô” lơ lơ nhìn “người-mẹ-học-trò” của mình, thông thả hỏi tiếp:

- Chữ gì nữa? Kia! Bác cứ trông thẳng lên mà đọc.

- Chữ ô

- Chữ gì nữa?

- Chữ ơ.

- Chữ gì nữa?

- Chữ a.

Người-mẹ-học-trò ngồi xuống đoạn, anh giáo viên mắt xếch gỗ thước trở:

- Bác Tân, đứng dậy, đánh vần chữ này.

Một người đàn ông cao nhón, tóc phờ như tóc cò, mặt sần sùi vẫn còn bùng bùng, cái khăn mặt vải dòng dọc ướt sũng vẫn vắt trên vai áo đóng bao nhiêu dấu, và mồm vẫn sặc hơi rượu - cái bác học trò kéo xe mà người đi chợ gọi là “Ngựa lồng” ấy đứng lên, lầu nhầu nói một thôi một hồi:

- Thừa đồng chí chữ o, chữ ô, chữ ơ, chữ a, chữ nờ a na... chữ mờ ơ mơ...

Cả lớp lại rầm rầm cười. Nhưng “Cái trán dô” giọng càng nhẹ nhàng:

- Anh giáo viên gọi bác đánh vần chữ đầu thôi mà...

- Hì hì... thôi em đánh vần cả một thể cho tiện đồng chí ạ.

Tiếng cười càng trào lên. Anh giáo viên mắt xếch cũng cười, vỗ vỗ cái lưng khom nọ:

- Thôi được... bác ngồi xuống.

Cái mặt đỏ phùng phùng của “Ngựa lồng” lại cười khì khì ngoan ngoãn ngồi theo xuống nhịp tay của người giáo viên.

- Tý! Tý đánh vắn...
- Cu Chắt đánh vắn...
- Gái nhón đánh vắn...

Một người con gái nhem nhuốc luống cuống đẩy một đứa bé ngồi nín lấy đùi mình ra.

- Chết!... chết!... buông tao ra nào... Cứ bám lấy tao thế này thì còn học thế nào? Buông ra... kéo anh giáo viên anh ấy đuổi ra bây giờ... chóng ngoan rồi chiều mai tao bế đi “một hai” với các “chị bé” ngoài phố...

“Cái trán dô” trở gọi thêm một người học trò con gái nữa rồi gõ thước:

- Chát... chát... - *o tròn như quả trứng gà,*

ô đội nón chóp o là có râu,

o a hai chữ khác nhau

vì a có cái móc câu bên mình...

Những giọt mồ hôi đã lấm tẩm trên cái trán gồ. Những giọt mồ hôi càng ròn ròn ở tất cả những cái mặt bồng bồng. Mồ hôi còn đầm ra có thể vắt được ở mọi sống lưng. Trộn với mùi mồ hôi, những mùi quần áo rách rưới, mùi đầu tóc chua khét, mùi chân tay ghê lở sức thêm lên, làm không khí ngột nóng hơn nữa trong ánh đèn cháy rực.

Hai con mắt thâm quầng và lò dò của “Cái trán dô” đã khác hẳn, lấp lánh một cách khác thường, sau khi y ho mấy tiếng khan. Xóa xong bảng, y lại ho rồi lại viết:

\ / . ? ~

tò mò, ú ó, tí tị, tỉ mỉ, mũ ni.

- Ai đọc? Ai đọc?

Lần này tất cả mọi cánh tay đều chồm chồm giơ lên. “Cái trán dô” chớp chớp mắt nhìn, môi nhợt mím mím, cái ngực lép nhấp nhô càng rõ. Y long lanh nhìn xuống bàn dưới gọi:

- Anh Tiến! Đọc...

Tiến lập cập đứng dậy. Cánh tay Tiến vừa run run thì xuống bàn để đứng cho thẳng thì mắt “Cái trán dô” ngời lên và, bỗng y mỉm cười:

- Không!... anh cứ ngồi đọc cũng được.

Anh học trò què chân làm thợ máy nọ như không nghe thấy. Mặt anh càng đỏ ửng. Lúc sau, cái thân thể lệch lạc ấy đứng hẵn dậy, một cánh tay rung rung thì xuống mép bàn, anh vừa thở vừa đọc:

- Dấu huyền, dấu sắc, dấu nặng, dấu hỏi, dấu ngã...

Tiến đọc xong, anh giáo viên mắt xéch đến đỡ Tiến ngồi xuống, trở một đứa bé.

- Vòi, đọc theo đây.

Vòi đứng dậy, khoanh tay đọc ngược lên theo cái thước kẻ của giáo viên trở. Những tiếng đọc thông thả và vẻ mặt chăm chỉ hồn hậu của thằng bé quét chợ tai quái nọ lại làm

mấy người đàn bà bên ngoài ào ào. Sau cu Ty, một người đàn bà đi gánh thuê, và tất cả trẻ con ngồi bàn đầu.

- *Huyền ngang, sắc dọc, nặng tròn*

Hỏi khom lưng đứng, ngã buồn nằm co...

Cái thước kẻ của “Cái trán dô” lại nhịp nhàng gõ xuống bàn cho những tiếng đọc ran lên. Tiếng đọc ngừng, đều tấp. “Cái trán dô” liền trở gọi từng người đánh vần những chữ dưới đoạn lại ra lệnh đọc chung. Tiếng đọc đã thành hẳn tiếng hát, nhịp nhàng, vang ngân. Sau đó tất cả những cái đầu nhón bé nọ cúi cả xuống những chiếc bảng thay cho vở tập, mắt ngược lên ngược xuống nhìn những chữ mẫu trên bảng, lục tục viết.

Những nét phấn trắng bám cả lên miệng, lên mũi, lên trán, lên áo... Những tiếng thở và tiếng ào ào... Những cánh tay ngượng ngịu... những bàn tay nổi gân... những cặp mày nhíu lại... những cái miệng mim mím... những nét mặt băn khoăn... những vẻ nhìn tê mê...

“Cái trán dô” thần mặt ra, mắt lại đắm đuối nhìn xuống những cái đầu cắm cúi.

Anh giáo viên mắt xếch thì ngồi hẳn bên cạnh ông Ba, người học trò thợ cày, tóc lấm tấm bạc, cầm lấy bàn tay xù xì của y mà nắn nót.

Người nữ giáo viên béo núc, tóc húi ngắn, áo cánh chèn, quần đen, thắt lưng xanh múi chếch, quay mặt ra ngoài trời, tò báo cầm tay lơ đãng bỏ xuống bàn.

Ánh đèn đỏ rực thêm. Khói phụt lên tụ thành đám lớn vờn như đàn muỗi mắt. Mồ hôi nhòn hắt xuống các mặt bàn. Ngoài kia, sao đã lấp lánh chi chít như những vụn mảnh chai... Gió tắt. Cảnh vật đen kịt, le lói vài tia đèn sáng. Tiếng tát nước dào dạt ở những thửa ruộng cạnh đấy nổi lên rõ mồn một với từng tiếng thở hự... hự...

Người ta lại ra đồng.

Sau một ngày ăn vội ăn vàng mấy bát cơm chín, dân quê lại ra đồng. Tháng ba rồi... từ tháng một tới giờ năm tháng rồi, giò vẫn không rõ một hạt mưa. Lúa chỗ mới cấy thì xác như cỏ may, còn ở chỗ nào đâm bông thì cò hết. Trong Nam Bộ, quân Pháp càng bắn giết đốt phá dân Việt Nam... Gạo đã hạ xuống ba trăm lại vùn vụt lên bốn trăm, hơn bốn trăm rồi...

1946

CHÁU GÁI NGƯỜI MÃI VÕ HỌ HOA

Những cuộc múa võ như thế thường diễn vào buổi chiều. Nơi diễn thường là bờ sông Tam Bạc, giữa quãng bến tàu Tây Đếc⁽¹⁾ tàu Quảng Đông hay ở quãng dốc Cầu Gióp⁽²⁾ đổ xuống vườn hoa chợ Baty⁽³⁾. Người xem có những khách chờ tàu đi Hòn Gai, Móng Cái, đi Nam Định, Thái Bình, những phu khuân vác, chân sào, thợ sắt, thợ nề, đi ở gánh nước, du côn bầu sấu. Nhiều khi có cả thủy thủ tàu Ăng-lê, Hà Lan, Na-uy, Mếch-xích, họ say rượu lạc đến đây, ngồi trên xe kéo khật khưỡng như đảo đồng, hay đứng cặp kè khoác chặt tay nhau rồi mà vẫn cứ liêu xiêu xô dúi cả vào người chung quanh.

Nhưng đông nhất vẫn cứ là trẻ con. Toàn những trẻ con lam lũ, tinh nghịch, ngang ngạnh, sục sạo, bạt mạng - những “lỏi” những “nhau” đặc biệt của đất Sáu Kho, đất Hải Phòng.

Tôi thường đến đây vì đây là độ nghỉ chân cuối cùng của tôi sau một ngày đi tìm việc làm ở các Khu Sở Dầu, Xi măng, Cốt phát trở về nhà. Tôi hay nghỉ ở đây cũng vì cảnh vật sông

(1) Tên chủ một hãng tàu chạy đường sông.

(2) Tên một tướng Pháp nổi tiếng trong Đại chiến thứ nhất ở Pháp.

(3) Tên một thực dân quan lại Pháp.

bến, tàu bè, nhà máy và người đi kẻ lại ở quãng này cứ càng ngày càng quen thân với tôi, hứa hẹn với tôi nhiều lắm.

Gánh võ chỉ có hai người và một con gấu. Con gấu không to, lông đen mượt. Một khoảng trắng như cái yếm che dưới ức và những đốm trắng ở trán. Cổ gấu đeo một chuỗi nhạc đồng có chiếc to bằng quả lê và một vòng xích sắt bện dạ vàng kết thêm chùm bông đỏ. Gấu đứng ngồi cạnh một thanh dao cắm sâu xuống đất, xích mắc vào cán dao.

Hai người là cha con.

Người cha còn trẻ, cao lớn, đầu tròn, trán dô, hàm bạnh, râu quai nón, da thịt đen bóng, gân guốc. Cả những ngày rét buốt, ông cũng cởi trần, hay nếu mặc áo thì chỉ khoác một tấm áo rộng vải màu xanh lục, không cúc, cổ thắt dài. Người con gái tuổi chừng lên bảy, lên tám, cao cũng bằng con gấu. Da cô bé trắng ngần, mắt long lanh như mắt thỏ cườm, hai má như hai quả táo đỏ. Tóc cô tết thành hai cánh rủ chấm ngang vai, thắt dài tết tua bằng cầm châu hồ thủy.

Người ta không cần phải xem diễn, chỉ thoáng trông thấy bóng dáng gánh võ và nghe tiếng nhạc đồng là cả khu bến tàu, đầu cầu, vườn hoa - chợ nọ ra đến ngoài cửa sông đã nao nức lên rồi. Người cha lưng lửng gánh đôi bồ mây quang đầu, tay cầm thanh đao mắc xích con gấu, cổ đao buộc một lá cờ đuôi nheo đỏ viền kim tuyến phấp phới một chữ "Hoa" to cũng viền thêu kim tuyến. Cô gái lưng đeo cái gù cũng bằng mây quang đầu, khi thoăn thoắt đi bên cha, khi đi bên con gấu trông thì khệnh khạng, chòn vòn nhưng bước rất nhanh, nhạc cổ kêu xoong xeeng. Tay cô bé cầm đôi

roi tết chỉ ngũ sắc buộc rủ tua bông trắng cũng xoong xeeng tiếng nhạc đồng.

Ngay buổi đầu tiên, đến xem vào lúc nửa chừng, tôi cũng ngạc nhiên, hồi hộp lạ lùng.

Hôm ấy, vừa ở dốc cầu đi xuống, tôi đã bị hút ngay vào đám đông đen nghịt giữa những tiếng thanh la, tiếng thét, tiếng nhạc inh ỏi, dồn dập. Tôi phải cố len lách, kiễng chân, nhễnh mãi mới nhìn được vào bên trong.

Người cha mình cuồn cuộn gân thịt, ngang lưng thắt cả một tấm da báo, quần đen ống chèn, đánh thanh la làm nhịp cho cô con gái bé và con gấu đấu võ. Cô bé mặc áo chèn màu da trời, thắt lưng lụa đào, quần cằm châu màu mận chín, khoa đôi roi tua bông trắng quần với con gấu. Nắng chiếu cuối thu ấm áp, rực rỡ. Đôi roi múa lúc thành một làn mưa hoa, lúc thành những đợt sóng, lúc thành một áng cầu vồng rùng rình như có các thứ chim bạc cá vàng bay nhảy, lúc thành những lớp ngựa phi như xung trận rồi thoát cái lạng đi, phát pho tha thướt. Con gấu cứ lừng lững tiến rồi lui, lui rồi tiến, hai bàn tay vuốt nhọn khuờ khoạng, khi đỡ ngọn roi bên trái, khi quay sang bên phải, rồi lại chới với che đỡ trên đầu, che đỡ trước mặt...

Đôi mắt của cô bé long lanh, lúng liếng trước đôi mắt nhỏ và nhọn của con gấu đen nhoi nhói nhìn lại cô. Nụ cười trong mắt, trong môi, trong cặp má đỏ hừng của cô bé càng rực rỡ say sưa đáng mến bao nhiêu, thì con gấu càng như hiểu thêm mình phải làm gì. Nó rình, nó đỡ, nó đón, nó bắt, nó vòn, nó chộp, nó tránh càng nhanh hơn, trúng hơn, càng

nhịp nhàng hơn với làn roi và bước chân cô bé. Hai bàn tay gấu khuều khoào bộ vuốt chồm chồm cái miệng gấu nanh trắng nhọn thỉnh thoảng lại gầm gừ, lưỡi đỏ lo le. Gấu nhiều lúc còn như sắp chồm hẳn vào mặt cô bé, nhưng vẫn không có vẻ gì hung tợn rồi cuống cả. Càng thật là không phải con gấu chống đỡ những ngọn roi. Cũng không phải con gấu là một hình hoạt động gây sự lo ngại ghê sợ mà là đáng vốc, điệu bộ gây sự hồi hộp, kỳ thú lạ lùng trong vùng ánh sáng của đôi roi tua bông trắng bay múa với những rung vang của bộ nhạc đồng. Trong khi ấy tiếng thanh la đập càng mạnh, càng giật. Bắp tay đen bóng gân guốc của người cha cầm thanh đao lưỡi to, sáng biếc buộc lá cờ đuôi nheo đỏ thêu chữ vàng, giơ lên hạ xuống cũng mạnh cũng giật như thế. Nhưng đôi mắt ông càng sáng lại càng đầy vẻ hiền từ âu yếm, cũng như nụ cười trên bộ râu quai nón cầm bành của ông vậy.

Nhưng đường roi hoa của cô bé chợt loạn choạng yếu hẳn đi. Cả bước chân nhịp tay cũng rời rạc, liêu xiêu, lỏng lẻo như vừa say đòn, vừa mệt mỏi. Con gấu lại khác hẳn. Mắt nó càng nhoi nhói nhìn vào gương mặt đỏ bừng và đôi mắt long lanh của cô bé. Còn hai bàn tay khoằm khoằm vuốt của nó không những chỉ để đón và tránh những ngọn roi, mà cứ chòn vòn tiến dần tiến dần, rõ ràng là sẽ chồm hẳn vào kẻ địch. Thế rồi trong chớp mắt, hai ngọn roi rối loạn hẳn. Con gái người cha mãi võ nọ vừa né mình về bên để tung ngọn roi không cho con gấu định tóm lấy, thì cả cái khối thịt lông lá có những ánh tua tủa như kim bắn của con gấu bỗng sập xuống. A! A a a! ... cả cái khối thịt lông lá móng sắc nanh dài của con gấu đã sập hẳn xuống cái đáng vốc nhỏ

bé kia rồi, trong tay chỉ còn đôi roi bện chỉ ngũ sắc buộc tua bông trắng và chùm nhạc quả nhỏ như của vòng tay trẻ lên ba hiểm hoi mẹ đeo để lấy khước vậy. Rồi đúng là bàn tay con gấu khúp lấy vai cô bé; cái đầu lắc lư, nanh xĩa như mũi dao của nó như đã hập vào má vào gáy cô bé.

Có tiếng rú lên. Đám người chen chúc nhau vòng trong vòng ngoài liên dạt cả ra. Nhiều kẻ rùng rùng muốn chạy.

Xoảng xoảng oảng ... oảng...

Tiếng thanh la đập vào nhau long cả góc trời, ngân như xé. Tiếp đó là tiếng cười xòa rất khoái chí của người cha. Như một làn chớp, cặp roi hoa vung ra với hai cánh tay áo xanh da trời tung lên. Dây xích con gấu loảng xoảng đập vào nhau. Hai bàn tay và cả thân hình con gấu như bị cặp ngọn roi và cánh tay của cô bé hất bắn đi. Con gấu chệnh choạng một cách ngượng nghịu rồi ềnh ra đất, hai chân to kênh boi boi, hai bàn tay lều nghều vòn vòn che mặt, như ra vẻ chịu bị quật ngã và lấy làm xấu hổ.

Tất cả mọi người reo lên. Họ như muốn xông vào tận mặt con gấu để xem.

Xoảng ... oảng... oảng.... tiếng thanh la lại đập vào nhau. Cô bé tung ngọn roi múa một đường thật khác lạ. Cô nhảy lên vai cha, rồi từ vai cha cô phốc lên thanh đao giơ ngang trên đầu cha mà múa tiếp. Hai cánh tay người cha cuộn cuộn nổi lên những làn gân, những u thịt, nâng thanh đao. Hai bắp chân ông khuỳnh ra đứng tấn, tưởng như một thể núi không thể sức gì lay chuyển nổi. Múi thắt lưng da báo xòa dưới bụng. Lồng ngực ông phồng lên những múi thịt vú,

thần, lườn cứ rần rật. Những bước nhảy múa và đôi roi hoa của cô bé càng nhanh bao nhiêu, lại càng như không động gì đến thanh đao, mà thành một làn ánh sáng bay lướt và phấp phới trên đầu người cha. Và trên đầu người cha cũng có một đường ánh sáng nằm ngang lấp lóa lấp lóa. Đó là thanh đao dưới gót chân tung hoành của cô bé và dưới cành lá của gốc bàng già lộng gió và ánh nắng.

Tôi đã ngẩng lên trông cả những đám mây trắng trên trời cao lúc bấy giờ. Tôi thấy như cũng có những làn roi hoa và gót chân của cô bé ở trên đấy.

Ngay khi cô bé vừa nhảy lên vai cha, con gấu liền thoát dậy. Nó quần chung quanh chân người cha. Mình nó cứ quần đi vật lại, vật lại quần đi với bộ lông đen mượt càng lấp loáng, càng như tua tủa những mũi kim nóng cháy. Con gấu lại cùng diễn với cô bé. Nhưng lần này cũng như đường roi của cô bé, những đường bước gân thịt của con gấu thật khác hẳn, khác hẳn.

Tôi không biết chữ Hán. Tôi hỏi mới biết chữ vàng thêu to trên lá cờ đỏ đuôi nheo là chữ Hoa. Rồi tôi vừa phỏng đoán, vừa nghe người cha, nghe mấy người xem gọi cô bé là Sẻo Hoa, nên tôi mới biết Hoa là họ của hai cha con. Tiểu Hoa, tên gọi của người con gái tôi được biết rồi. Nhưng cô là Hoa gì? Cả người cha nữa, tên ông là gì? Ông thuộc môn phái nào quê quán ở đâu của đất nước Trung Hoa hào hiệp và mệnh mông gọi cảm của tuổi thơ và trí tưởng tượng của tôi kia?

Một buổi chiều, tôi đứng nán lại chờ gánh võ chuyển đi nơi khác. Tôi nhìn theo người cha cao lớn, râu quai nón, hàm

bệnh, mình trần, thắt lưng da báo, tay xách thanh đao, gánh đôi bồ mây quang đầu thênh thênh xếp gọn cả một gia tài đồ lều làm ăn. Tôi nhìn theo người con gái bé, mặt tròn, bầu má như táo chín, áo chèn xanh da trời đeo cái gùi cũng thênh thênh, ton ton bên bước chân cha. Tôi nhìn theo con gấu lông đen mượt, ức trắng, vòng cổ xoong xeeng nhạc đồng, chạy chồm chồm, lúc ở đằng trước, lúc ở đằng sau, lúc ở bên cô bé. Bụi đường bay lầm. Ráng chiều đỏ rực. Gánh võ đi mãi mới khuất...

Về sau, chiều chiều qua đây, nhớ đến những buổi múa võ và lại thấy gồng gánh hình dáng của người cha râu quai nón, cao lớn, mình trần, tay xách đao và người con gái tươi hớn như hoa cùng con gấu lông đen ức trắng hiện hiện rồi khuất đi trong bóng chiều, tôi lại càng thấy băng khuâng.

Trong một truyện võ hiệp tôi đọc cho bà nội và cha tôi nghe năm tôi còn nhỏ tuổi, cũng có một người mãi võ họ Hoa. Người mãi võ này cũng có một cô con gái nhưng tuổi cô đã mười sáu mười bảy, còn ông đã già, râu tóc bạc hết. Hoa lão vừa làm nghề mãi võ vừa làm nghề chở hàng thuê từ tỉnh này sang tỉnh nọ. Có những chuyến hàng lúc ra đi là đầu mùa thu trở gió, khi ở dọc đường đã sang mùa đông bão tuyết, đến nơi giao hàng đã là giữa xuân, nhận về tuyết tan. Trên những quãng đường thiên sơn vạn thủy ấy, Hoa lão cưỡi con ngựa ô xám, con gái cưỡi con ngựa màu lửa, đi bên đoàn xe trên chiếc xe đầu trang một lá cờ lớn nhung đỏ cũng thêu vàng chữ Hoa rất to ấy phấp phới trên chiếc xe đã qua không biết bao nhiêu vạn thủy thiên sơn, từ lúc Hoa lão còn trai tráng đến lúc sinh được mụn con gái nọ. Có chặng

nửa tháng ròng đoàn xe băng qua toàn những rừng mênh mông trắng xóa. Đó là những rừng mai, rừng táo. Hoa rừng bay cùng trời với gió bão và hoa tuyết. Con gái Hoa lão cười con ngựa lông lửa, mang đôi kiếm báu, trong mặc áo chên nhung màu mận chín, ngoài khoác một tấm áo toàn bằng da rái cá; còn Hoa lão tay xách đoản đao, cười ngựa ô xám, mũi bịt tai cũng lột da rái cá. Cả hai người và đoàn ngựa đều trắng tuyết và hoa...

Các chủ hàng quán nổi tiếng ở dọc đường cũng như các tay anh hùng hào kiệt chiếm giữ các núi cao lưng hiểm, chỉ cần thoáng thấy đằng xa lá cờ đỏ thêu chữ Hoa trên đoàn xe là cho người đón mời ngay Hoa lão và con gái. Nhiều khi tiền cơm nước họ đã không tính mà con thân đi tiền chân cha con Hoa lão, biếu thêm thức ăn quý lạ để ăn đường cùng nhiều quà quý nữa. Thường đến những độ nghỉ chân đông đúc, Hoa lão và con gái lại diễn võ. Xem người con gái múa đôi kiếm báu và Hoa lão tung hoành cây đoản đao, không một người nào không thán phục, cũng như không thể nào không truyền tụng hai tài nghệ tuyệt vời kia.

Người ta còn chuyện với nhau, vợ Hoa lão ngày xưa chưa sinh con gái, còn múa kiếm giữa những hàng dao cắm ngược lưỡi kín mặt đất. Bà đi chân không, múa tròn bài kiếm, lúc xuống đài mặt không biến sắc và không một vết xây xước ở chân.

Mùa đông năm ấy có những đợt rét hàng tuần thật dữ dội. Trời nắng đẹp nhưng gió thổi buốt tận óc, chân tay tê cứng như muốn rụng. Tôi được xem mấy buổi biểu diễn nữa

của gánh võ họ Hoa. Ra giêng, khi chim nhạn vừa lác đác lác bay về, gánh võ lại đi nơi khác. Năm sau, năm sau nữa. Chiến tranh xâm lược càng tàn phá. Ở Đông Nam Á, quân phiệt Nhật tràn lấn dần dần, chiếm đóng các nước. Bọn thực dân thống trị Đông Dương càng mở rộng các cửa đón quân Nhật vào.

Ở một trại giam của Pháp ra, tôi lại trở về Hải Phòng. Đi một mình trên đường phố tiêu điều của Hải Phòng lúc mùa rét càng thấy lạnh. Nhất là ở các khu Sáu Kho, bến tàu, các khu nhà máy. Sáu Kho không có một tàu to nào cập bến. Cả những tàu đồ chạy đường Hồng Kông, Sài Gòn cũng không. Bến tàu Nam Định, bến tàu Hòn Gai, mỗi phiên chỉ có một hai chiếc chạy ọp à ọp ẹp. Khách đi cũng ít. Các khu nhà máy gần như bỏ hoang. Các xưởng sửa chữa sà lan, ô tô, máy móc đóng cửa. Cả Máy chỉ, hơn ba trăm công nhân cũng đóng cửa. Lính Nhật, quan binh Nhật, ô tô Nhật, ngựa Nhật rầm rập, nghênh ngang các ngã đường. Những phố buôn bán đông nhất tối đến cũng vắng tanh. Đèn phòng thủ xanh mờ, đèn các cửa hàng không có hàng và không có người mua lại càng tro trụi vàng vọt. Thê thảm hơn hết vẫn là các vườn hoa tối, các quảng đường cây cối tối.

Nhiều hôm có việc phải sang khu Xi măng, khu Tam Bạc, đi bộ về biển biết thắm mệt, nhưng tôi cũng không dám ngồi nghỉ lại như trước ở những độ đường quen thuộc. Chỗ cái ghế gỗ dưới gốc bàng cổ thụ cạnh bờ đường trước bến tàu Tây điếc nơi cha con Hoa ông múa võ với con gấu kia, đã xa xôi quá đối với tôi. Tất cả những hình ảnh kỳ diệu

rực rỡ kỷ niệm thiếu thời của tôi gần như bị chìm hẳn, biến hẳn dưới bao nhiêu hình ảnh thối nát, đen tối, ngang ngược, hung bạo và cái không khí âm ỉ, nung nấu của sự sống, của thời cuộc lúc bấy giờ.

Cách mạng Tháng Tám bùng nổ. Rồi toàn quốc kháng chiến. Giặc Pháp biến Hải Phòng thành một thành phố, một bến cảng tồi tệ nhất, và ở đây cũng là một cái lò giết người, khủng bố cách mạng khủng khiếp nhất. Nhưng Hải Phòng đã được giải phóng. Hải Phòng được giải phóng cuối cùng trên miền Bắc. Tôi đi cùng quân đội và cán bộ của Chính phủ vào Hải Phòng giữa một mùa hè hoa xoan tây nở rực chưa bao giờ từng thấy. Khắp nơi, càng những xóm cùng ngõ hẻm, những khu nghèo hèn lắm than nhất, thì cờ sao băng biển lại càng nhiều, càng tung bùng.

Tôi ở tổ phóng viên của tờ báo Hải Phòng hàng ngày. Tổ này chuyên viết về đời sống công nhân trong thời kỳ tạm chiếm và những nhà máy, xưởng thợ trọng điểm của thành phố phục hồi sản xuất 1935 - 1955. Thế là đúng hai mươi năm, tôi đã được mắt thấy tai nghe một số sự việc mà những bước biến chuyển đáng ghi nhớ của thành phố và bến cảng lịch sử nọ, vừa là quê hương thứ hai của tôi.

Một buổi chiều sang thu trời bỗng trở gió. Tôi ở nhà chị K, một cơ sở cũ của Nhà máy chỉ đi ra. Như mọi khi ra khỏi ngõ, tôi lên xe đạp ngay. Nhưng chiều nay, tài liệu để viết bài đã đầy đủ và cả bài đăng số ngày mai cũng đã đưa nhà in sắp chữ rồi. Vừa phần bỗng nhiên gọi nhớ đến bao nhiêu chuyện, bao nhiêu cảnh, bao nhiêu người ở khu cửa sông thân thuộc

này, tôi bèn dắt xe đi thật chậm. Phía sau tôi là ngã ba sông Gấm, sông Xi măng, sông Tam Bạc. Gió thổi vào nghe rõ cả tiếng sóng và nước triều lên. Trời xanh bát ngát trên đầu tôi với những lớp mây trắng bay đồn về phía nhà máy Xi măng.

Chợt tôi nghe tiếng nhạc đồng xoong xeeng. Một con chó xồm nhỏ lông đen mượt chạy quăng, quăn quýt dưới chân một em bé mặc áo vải xanh “hòa bình”, quần vải hoa, tóc tết làm hai cánh buộc dải bướm hồng đung đưa ở hai bên bầu má đỏ như đào chín. Bé gái chạy trước con chó, bước chân rướn lên dưới hai cánh tay như múa. Trong tay bé, hai cái que quăn vải tím hoa sim, đầu buộc hai bông tua lửa lựu, tung lên vòn xuống, vòn xuống tung lên, khiến con chó càng chồm chồm quăn quít.

Tâm trí tôi bỗng hẫng lại. Tôi sực nhớ ra cái ngõ sâu đường bên tay phải tôi quặt vào kia vẫn còn cái lán xẻ bỏ hoang, những bụi râm bụi xanh rườm rà và một gốc ngọc lan. Cái ngõ năm xưa tôi đã theo chân cha con người mãi võ - Hoa ông và Tiểu Hoa - cùng con gấu lông đen mượt ức trắng gồng gánh dắt nhau về nhà trọ. Thấy tôi dắt xe sau bé gái nhảy múa với con chó xồm, chị tổ phó đại biểu nhân dân khu phố này đi chợ mua thức ăn về vội gọi tôi:

- Anh vào bà Hoa đấy à? Bà Hoa có nhà đấy! Phải, anh vào thăm bà Hoa rồi cố nói với bà nhận số gạo của thành phố giúp nhé! Hôm nọ có anh trên thành cũng xuống hỏi chuyện bà Hoa rồi nói với bà nhận gạo, nhưng bà một mực lắc đầu, nói chỉ mong thành phố mở lại nhà máy để lại được đi làm thôi.

Bà tổ phó còn đến hản bên tôi thì thăm:

- Không biết có phải là người “cơ sở” không? Sở mật thám bắt giam hai lần, cũng bị Tây mật đồ tra tấn. Ngày chúng nó bắt người đi Nam, người nhà thằng bang trưởng nghiện đến bắt trộm cái Sẻo Hoa đưa lên phố Đông Kinh rồi, vậy mà vẫn đánh tháo mẹ con ở lại đấy...

“Bà Hoa... bà Hoa... Sẻo Hoa, Sẻo Hoa...”, những tên đó vang hản lên, chuyển giật cả tâm trí tôi. Tôi càng thấy trong người dào dạt nao nức. Tôi lại thấy dấu hiệu một cuộc gặp gỡ rất lạ đương đến mà tôi không thể nào tưởng tượng nổi.

Bà Hoa ở đúng chỗ cũ. Thay đổi chỉ có mấy gian nhà bằng gạch xi măng, mái tôn mới làm ở hai bên. Còn cái nhà lúp xúp trước đây là hàng cơm cạnh lán xe gỗ và đóng xe bò, và cái sân đất nhỏ có một gốc lan chỗ buộc con gấu vẫn y nguyên. Hàng cơm không còn nữa. Chỉ còn một chõng gỗ bày bưởi, chuối, mấy lọ bánh kẹo; người bán hàng là một cụ già bé nhỏ lưng còng, mặc áo nâu dài, tóc bạc hết như tơ cước. Chỗ người cha mãi võ căng lên tấm vải bạt cạnh gốc ngọc lan này là một mái ngói, tường xây hản hoi: nhà bà Hoa. Gian nhà nhỏ mà tôi đến không phải tìm hỏi gì cả, y như tôi đã biết, đã có lần vào rồi!

Người thiếu phụ gọi là bà Hoa đang ngồi khâu giày ở trước ngưỡng cửa dưới bóng cây ngọc lan. Thoáng thấy tiếng chó rít, tiếng bé gái reo, tiếp đó là tiếng tôi chào, bà Hoa từ mừng rỡ chuyển ngay sang trang trọng giữ gìn. Bà đẩy cái ghế trúc con vào góc cửa, nghiêng mình chào tôi, đôi mắt lấp lánh nhìn chệnh chếch. Tôi càng ngạc nhiên, tôi

càng rung rung. Tôi đã nhận ra và nhận thấy đúng đôi mắt xếch, lạnh lạnh hạt cườm. Tôi đã nhận ra và nhận đúng cặp môi hạnh nhân chúm chím. Tôi đã nhận ra và nhận ra đúng cái gương mặt tròn, má như đào chín, có hai cánh tóc tết cài bướm đào đung đưa. Phải, tôi đã nhận ra cô bé múa roi hoa hai mươi năm trước đây. Sèo Hoa con gái ông Hoa đấy! Sèo Hoa và con gấu của gánh võ họ Hoa.

Tôi đã nhận ra như thế, mặc dầu trên gương mặt ấy nay gò má đã lấm tẩm tàn hương và mắt đóng quầng, không còn đâu ánh tươi hớn của tuổi trẻ thơ. Mặc dầu thân hình thoăn thoắt nhẹ thênh như hoa, như ánh sáng trước kia nay trở nên gầy yếu, chậm chạp, lặng lẽ. Mặc dầu mái tóc tết cài dải bướm hoa đào hai cánh đung đưa trước kia nay thành một búi tó, ôm chặt lấy cả gáy, và cái trán xinh mơn mớn nay đã dô dô có nếp nhăn. Phải, mặc dầu như vậy tôi vẫn thấy đầy đủ nguyên vẹn các vẻ, các dáng ngây thơ, lồng lộng, bùng sáng của Tiểu Hoa ngày trước. Và đầy đủ nguyên vẹn các lớp, các điệu múa ấy lại hiện ra trước mắt tôi cùng với Hoa ông cao lớn mình trần, thắt cả một tấm da báo, vừa đánh thanh la cầm nhịp cho con gái bé đấu roi với con gấu lông đen mượt điệu bộ lừng khừng, mắt nhỏ nhọn nhói nhói, ức trắng lác lư xoang xoảng chuỗi nhạc đồng.

Tất cả những hình ảnh, nhạc điệu và âm vang ấy càng trở lại rõ ràng trong tâm trí tôi khi tôi nhìn vào chỗ bày bàn thờ. Một chữ Hoa rất to nổi giữa tờ giấy hồng điều điểm kim nhũ phất trên tường. Khác với chữ Hoa thêu trong lá cờ buộc vào thanh đao thường cầm trong tay Hoa ông, chữ này

viết bằng mực đen, nét đậm, rất bay, rất khỏe. Vẫn ở trước bàn thờ, có một thanh đao cắm trên giá gỗ mun. Cũng chính là thanh đao buộc lá cờ ngày trước, nay lá cờ vẫn được giữ nguyên, và mắc thêm vào thanh đao có cả tấm da báo, đôi roi có tua bông trắng và cái vòng cổ bện dạ vàng mắc chuỗi nhạc đồng của con gấu...

Bà Hoa rót nước chè hột trong bình tích bằng đồng ủ ở giàn mây ra chiếc chén to có vung đặt vào một đĩa riêng mời tôi. Tôi ngồi ở ghế bành lót chiếu cạp vải điều bên cái bàn độc. Từ trần nhà rủ xuống gần mặt bàn có một bức tranh giấy bồi vẽ thủy mặc một cánh rừng núi sông bến thôn xóm xa xưa. Bà Hoa ngồi cái ghế đầu cạnh bộ phản cũng trải chiếu cạp điều. Con chó xồm nằm to hớ dưới chân bà. Bé gái nép bên mẹ, đôi mắt long lanh nhìn mẹ bé và tôi nói chuyện.

Càng nhìn kỹ hai gương mặt dịu hiền ở trước mặt tôi và những đồ vật bày trước bàn thờ nổi lên chữ Hoa nét bút như cánh đao trên giấy kim sa, tôi càng băng khuâng. Nhưng càng tin càng thấy chắc, tôi vẫn không thể dần mất hẳn đi cái câu hỏi nọ: “Biết đâu chẳng có một sự ngẫu nhiên về người, về các di vật, về nhiều điều giống nhau, vân vân..., để rồi sẽ hóa ra đây thật không phải là Tiểu Hoa của gánh võ kỷ niệm của tôi!...”

Nhưng không! Thật đúng là Tiểu Hoa múa võ năm xưa. Trong làn hương thoang thoảng của cây ngọc lan lộng gió và nắng đầu thu và trong cái lặng lẽ của gian nhà nhỏ không khí xa xưa nọ, Tiểu Hoa đã kể cho tôi nghe một phần câu chuyện hai mươi năm qua của cuộc đời mình.

Chính ở gian nhà đây Hoa ông đã nhắm mắt. Đúng thao đao, dải lưng da báo, đôi roi hoa và cái vòng cổ bện dạ vàng có bộ nhạc đồng là những vật để lại. Hoa ông mất năm Tiểu Hoa mười bốn tuổi. Năm 1941, Nhật mở rộng chiến tranh tràn vào Đông Dương. Đường Lạng Sơn bị đóng, bị khám xét rất ngặt. Gánh võ phải ở lại Hải Phòng. Thực dân Pháp càng ra tay khủng bố, bóc lột dân chúng. Thóc cao gạo kém. Người thì đói nhưng gạo lại đem nấu cồn nộp cho Nhật chạy ô tô, chạy máy bay. Ruộng bãi thì phá ngô nhổ lúa để trồng đay. Cái gì cũng khan hiếm, cũng đầu cơ tích trữ. Đâu đâu cũng khó khăn, tiêu điều, ngột ngạt. Gánh võ đã lên Hà Nội, rồi đi về cả mấy tỉnh lẻ và những phủ huyện nổi tiếng là giàu, dễ làm ăn và không hề biết bom đạn là gì. Nhưng gần Tết năm 1943, gánh võ cũng lại phải về Hải Phòng. Đi thêm nhiều nơi, con gấu cũng gầy lắm. Nhiều bữa, nó chẳng chịu ăn gì cả. Nhiều chủ hiệu thuốc, hiệu cao lâu cứ cho người sẵn đón hỏi mua con gấu.

... Ngày hôm ấy là chủ nhật, tiết xuân nắng ấm. Cuộc diễn vào buổi sáng, vẫn ở quãng dốc cầu Hạ Lý gần cái vườn hoa gọi là vườn hoa Ba Ty toàn những cây to mà không có một luống hoa nào kia. Tan lễ nhà thờ lại gặp phiên ngày chẵn có tàu thủy chạy Hòn Gai, Nam Định nên khách xem cũng đông. Giữa lúc tiếng thanh la cầm nhịp vang dậy, đôi roi của Tiểu Hoa bay múa chung quanh con gấu đen, và con gấu đen tránh đỡ càng ngộ nghĩnh kỳ thú, thì có tiếng ngựa hí, rồi tiếng chó sủa. Một con ngựa cao lớn, mõ mượt lộp cộp đến đứng sững ở bờ đường. Một tên quan Nhật, mũ lưỡi trai chum chum trên đầu, trễ bên sườn một thanh gươm

dài đốc buộc tua kim tuyến, mắt nhọn, nghiêm và lạnh, đưa mắt nhìn loáng vào đám đông rồi nhẹ ghì dây cương. Theo sau hắn, một người lính béo lùn, áo cộc tay, quần đùi, lấn quấn cầm một chùm dây da mắc xích ba con chó. Cả ba con chó nọ lông đều xám xám vằn vèo, cũng rất mỡ mượt, đứng gần chấm ngực người dắt. Con nào con nấy tai vểnh nhọn hoắt, lưỡi đỏ lo le, mắt rần rật lắc lơ lắc lảo.

Huýt ... uýt... uýt...

Thấy con ngựa bỗng nghển đầu lên, lắc lắc, thở phì phì, và tên quan đã dừng cương, người lính thối còi miệng cố diu ba con chó lại. Trên ngựa, tên quan lim dim cặp mắt, vẻ mặt càng lạnh, càng ra vẻ không thèm thấy có ai cả. Không ai bảo ai, đám đông liền dẫn ra. Cả quãng bờ hè trước đàn chó và tên quan Nhật cuỡi ngựa liền trống không. Mặc dầu có bọn khách đặc biệt nọ bỗng đến, Hoa ông vẫn chỉ chăm chú vào nhịp thanh la và khúc múa của Tiểu Hoa với con gấu. Còn Tiểu Hoa thì hơi chột ý. Hôn nữa, Tiểu Hoa còn thấy linh tính như báo rằng một tai họa khủng khiếp gì đương đến. Cũng là lúc Tiểu Hoa là ra vẻ đường roi loạn choạng rời rạc, mà con gấu thì như say, chỉ rình xông vào Tiểu Hoa.

Xoảng... oảng... oảng...

Con gấu đã chồm hẳn lên người Tiểu Hoa. Nhưng cũng là trong tích tắc đôi roi và hai cánh tay áo của Tiểu Hoa tung phát lên. Theo nhịp đó, con gấu lại như bị hất lộn đi, lăn ềnh ra, chân tay giơ lên quẫy quẫy thở phì phò. Rồi khi Tiểu Hoa chập đôi roi lại, tiến ra cúi chào đám đông đang vỗ tay khen thưởng, con gấu liền trỗi dậy. Nó chạy rất nhanh đến với

Tiểu Hoa, quần chung quanh Tiểu Hoa như để cùng Tiểu Hoa đón nhận sự chào mừng, cùng “múa” thêm một nhịp chào mừng đám đông.

Xi xì ì ì... một tiếng gì như tiếng cười.

Không! Đó là một hiệu lệnh. Tên quan Nhật gài một tiếng khê. Cặp mắt lá răm của hắn chau lại. Lần này cả đám đông rùng rùng cuống cuống mà chạy. Có tiếng rú.... Nhưng đó không phải là của người mà là của ba con chó cùng một loại vừa rú vừa xông vào con gấu trước đó những cặp mắt lác lác của chúng rình chăm chăm.

Tiểu Hoa thét hẳn lên.

Tiểu Hoa chưa kịp tránh ra bên, thì có tiếng rống rít, sắc sặc. Con chó to nhất và cũng là con thứ nhất định nhảy vào cắn con gấu, đầu vọt máu, vừa kêu vừa lăn ra đất, quều quào cổ cứng lên mà không được. Con chó này bị một cái tát giữa mặt. Bàn tay vuốt như lưỡi gươm khoằm của con gấu đã bổ ngập sống mũi, xé bật hai con mắt con chó ra.

Tiểu Hoa liền lùi lại sau con gấu.

Con gấu lại chồm lên.

Khi nó văng đầu một cái thì cũng là lúc con chó thứ hai xông vào bị lăn ra đất, đầu cũng ồng ộc máu, một mảng mặt bị lóc ra.

- Hùng Quảy à! Hào à... hảo à à à!

Hoa ông cầm thanh đao bứt mất xích con gấu giơ cao lên, lớn tiếng như cả cười lẫn thét...

... Chúng nó đã bắt giam Hoa ông và Tiểu Hoa. Chính bọn lính Nhật đóng ở trại pháo thủ gần đấy đã đổ ra. Lưỡi lê, súng vây lấy Hoa ông và Tiểu Hoa, đấm đánh, đẩy hai cha con vào hầm giam. Ba hôm sau, lúc mặt trời lên quá con sào, chúng nó đưa cha con Hoa ông và con gấu ra hành hình. Chúng nó trồng một cột sắt, chung quanh quây rào sắt và dây thép gai. Chúng nó đã xích con gấu vào cột bằng những xích tàu, lại còn đóng thêm xiềng vào chân và tay con gấu. Miệng con gấu còn bị rọ dây thép. Hoa ông cũng bị nó đóng xiềng chân tay vào cái cột đối mặt với con gấu, ngay cạnh rào sắt. Tiểu Hoa bị trói quỳ dưới chân cha.

Tất cả bọn quan trại ngồi dàn hàng trước, chung quanh có lính cầm súng lắp lưỡi lê lên đạn đứng quây mấy vòng trấn giữ cả ở ngoài xa. Chúng nó thả mười con chó to nhất và con chó bị thương sống sót cho cắn xé con gấu suốt sáng tới chiều. Sau đó chúng nó nấu thịt con gấu bắt cha con Hoa ông ăn. Cha con Hoa ông đã chịu các thứ đòn tra tấn hết mùa xuân sang hè, đến cuối thu, ngày ngày chỉ được mấy vét com canh thừa, có khi còn phải nhịn hẳn và ăn cỏ của ngựa. Khi được thả ra, Tiểu Hoa chỉ còn da bọc xương đã công cha về nhà trọ. Đêm hôm ấy, Tiểu Hoa vượt ngục cho cha thở hơi cuối cùng.

Tất cả đao, roi, nhạc đồng còn được là nhờ còn có người xem quen, họ thu nhặt với cả gánh đồ đưa về nhà trọ. Họ còn cùng với mấy bà con Hoa kiều đi quyên tiền, quyên gạo, rồi gửi nhà hàng để nuôi nấng thuốc thang cho Tiểu Hoa...

... Thấy tôi định rót nước mời lại, Tiểu Hoa chớp chớp mắt, nghiêng mình xin cảm ơn. Bà rót lấy một chén nhỏ, chỉ

nhấp nhấp. Nét mặt, dáng ngồi vẫn lặng lẽ, giữ gìn và giọng nói vẫn nhẹ nhàng. Tiểu Hoa kể tiếp những chuyện của mấy năm sau. Tôi vẫn chăm chú nghe, nhưng tâm trí không thể nào dứt ra khỏi cái cảnh con gấu đã tát chết hai con chó hãnh tiến hung hăng của bọn lính Nhật, và tiếng thét lẫn tiếng cười rất bằng lòng rất tự hào của Hoa ông, cùng cái cảnh từng xẻo hành hình nọ. Cả đoạn đời sau này của Tiểu Hoa, tôi chỉ nghe chứ không hỏi thêm gì cả. Mặc dầu khi nói chuyện, tôi để ý thấy ngoài những di vật của Hoa ông cũng chữ Hoa như ánh đao nổi trên bàn thờ, còn thì không có đồ vật gì của đàn ông ở trong nhà. Và cả trong những năm ở Hải Phòng bị tạm chiếm, tôi cũng không thấy Tiểu Hoa hé một chút gì về đời chồng con của mình.

Tôi đã có ý nghĩ hay bé gái này là con nuôi. Là con nuôi nên mới tên cũng là Tiểu Hoa, lấy họ của bà Hoa, chứ nếu con đẻ và bà Hoa góa chồng, thì đã gọi bé gái theo họ nhà chồng. Hay bé gái chính là con bà Hoa và bà Hoa góa chồng thật? Hay chuyện chồng con của bà có điều gì mắc mứu, ngang trái không thể nói ra?

Bà Hoa rất cảm động được biết tôi còn là người đã từng xem Tiểu Hoa múa võ. Bởi vậy khi thoát nghe tôi nhắc lại mấy chi tiết của một số cảnh vật và sự việc cũ, bà Hoa đã chớp chớp mắt nghiêng đầu, không giấu nổi vẻ ngạc nhiên mừng tủi, và càng trầm tĩnh nghe tôi hỏi và đáp lời tôi. Bà Hoa và tôi chuyện tới lúc ngoài trời ánh nắng đã trong hẳn để rồi dần tối. Tôi chào bà Hoa. Bà đưa tôi ra mãi ngõ ngoài và khấn khoản mời tôi có dịp sẽ lại đến chơi nhà để bà được nói chuyện thêm.

Hơn tháng sau, xưởng máy dệt kim X phục hồi, bà Hoa lại đi làm. Bà không đứng máy mà làm tổ trưởng một tổ chuyên cài hoa, vẽ kiểu, chọn màu chỉ cho các hàng mẫu.

Một buổi chiều tôi đi lấy tin, đạp xe về tòa báo, nhìn mẹ con bà Hoa dắt nhau từ xưởng dệt về qua con đường vườn hoa bên bờ sông Tam Bạc, tôi đã nảy ra một ý định. Đoàn xiếc Việt Nam đang mở to, tôi sẽ giới thiệu bà Hoa và cô gái bé sinh hoạt ở đây. Nếu như bà Hoa không biểu diễn được nữa thì bà truyền nghề cho bé gái và bé gái sẽ học thêm các môn vũ đạo hiện đại khác. Mặt khác, bà Hoa vẫn có thể giúp thêm một số kinh nghiệm cho ban huấn luyện.

Nhìn bé gái theo mẹ đi làm về, tôi càng hồi hộp. Cũng hai bầu má như hai quả táo chín, cũng đôi mắt cuộm long lanh, cũng gót chân như bay và cánh tay như múa. Y như Tiểu Hoa lần đầu tiên tôi gặp cách đây đúng hai mươi năm, lon ton chạy theo Hoa ông lưng lửng gánh đôi bồ mây, tay xách thanh đao, con gấu đen chồm chồm đi bên, xoong xeeng nhạc đồng trên bờ sông Tam Bạc nước triều dâng lên, những đám mây trắng và những tầng khói nhà máy đang bay trong nắng chiều cuối thu...

*

* *

Tháng 4, tháng 5 - 1967.

Giặc Mỹ càng điên cuồng dã man đánh phá Hải Phòng.

Nhưng chúng càng thua đau, thua nhục. Chiếc máy bay thứ 1800 bị bắn tan. Rồi từ 80 đến 90 đến 100 chiếc bị đèn tội

trên mặt đất Hải Phòng. Lâu không về Hải Phòng nên ngay khi bước chân lên ô tô, qua cầu sông Cái đi xuống đường Năm, nhìn về chân trời vùng biển, tôi càng rưng rưng, nao nức cả tâm trí. Bởi vậy, khi xuống đến nơi, được nghe nói chuyện về những cuộc chiến đấu của quân dân thành phố Cảng và được sắp xếp đi với mấy đơn vị tự vệ quyết thắng của mấy nhà máy quen thân, tôi mừng rỡ hồi hộp vô cùng. Y như được trở về nhà, được gặp những người ruột thịt thương yêu đã lớn mạnh vẻ vang mà mình đặc biệt để tâm trí theo dõi vậy.

Trời nắng như đổ lửa.

Chưa sáng, xe cộ đã rầm rập, bụi mù. Nhưng ở các khu vườn hoa các quăng đường có nhiều cây cối, và ở các phố Cầu Đất, đường Cát Dài, trai gái vẫn tập thể dục giăng giăng trên bờ hè.

Vì tình hình gấp rút nên tôi không còn cả thời giờ đến thăm mấy bà con bạn bè và cơ sở làm việc cũ nữa. Tôi cùng với mấy anh em viết văn đến ngay nhà máy T. Trưa nay vừa nắng lại vừa gió tây nhưng chiều chuyển gió. Trận địa của đội tự vệ nhà máy ở ngoài sông. Nếu như tất cả những quăng đường và các khu phố, các làng xóm trong kia ngàn ngút bao nhiêu thì quang cảnh trên sông đây cũng dồn dập bấy nhiêu, nhưng lại vừa có một sự thênh thang mạnh lớn thật là đặc biệt. Ba bề sông nước với trời mây mở ra phía trước mặt. Các thứ thuyền, các thứ buồm, các thứ sà lan, sà lúp băng băng trên sông có phù sa lũ nguồn đổ về. Nhẹ nhất, đông nhất vẫn là những thuyền buồm. Buồm trắng to, chạy

vát gió, chồm chồm như những con ngựa chiến khổng lồ bồm tuyền mao, đua nhau vượt bước trong một thế trận giao tranh quyết thắng.

Trận địa thứ nhất chúng tôi đến thăm ở ngay bờ sông. Lối đi chung quanh các ụ pháo đều rải sỏi và cát già xào xạo dưới chân người còn có lẫn những lá cây, cành rong, sù vẹt, vỏ hà hến,... Chung quanh các ụ pháo, những luống đất xây bờ bằng gạch xi măng gạch trắng men cũ vẫn mòn mẩn những khoảng cỏ tóc tiên. Mấy gốc hồng, nhài, lựu, loa kèn còn lại vẫn nở hoa. Cũng màu ấy, dáng vẻ ấy, nhưng ở một bên bãi ngồn ngán sắt thép xi măng gạch đá, giữa cảnh mây nước trước một trận địa im lặng chờ đánh giặc, sao mà thấy đẹp thấy quý?!

Trận địa thứ hai của đội tự vệ ở khu trong. Đây là bãi đất trống cuối cùng của khu nhà máy. Bãi đây cũng chính là những ao, vũng, hồ, gò đồng gạch đá di tích quân Pháp bỏ lại sau chín năm chiếm đóng Hải Phòng với dãy nhà giam khét tiếng khủng khiếp. Bãi đất ở gần xóm chị K. và xóm của bà Hoa mà tôi định sẽ trở lại sau khi thăm bà Hoa và chị K. Phải, nhà Tiểu Hoa của tôi trước ở trong kia, cây ngọc lan vẫn còn, nhưng chung quanh là những nền, những móng bê tông cốt sắt được làm dở cạnh những nhà đã làm xong, lắp máy chạy rồi. Cũng thênh thang những con đường rải nhựa có những vườn hoa, những sân rải sỏi xinh xắn ở trước nhà sau nhà.

Vừa đi vừa nghe đồng chí chính trị viên diễn tả lại các cuộc chiến đấu mới đây và chuyện thêm về các chiến sĩ xuất

sắc của nhà máy, tôi vẫn cứ phải ngoái lại nhìn về phía bên kia trận địa. Đây cũng là một khu nhà máy đang xây dựng và chính là khu những năm 1943, 44, 45, lính Nhật đến đóng trại. Trong bãi, Hoa ông, Tiểu Hoa và con gấu đã phải chịu cái cuộc hành hình phải gọi là tòng xẻo nợ. Từ trận địa nhìn sang, bất giác tôi thấy hiện vụt lên thanh đao của Hoa ông giơ cao trước tên quan Nhật tím mặt ngồi trên ngựa. Thanh đao sáng lạnh, lưỡi vụt đâm lên nền trời cuộn cuộn mây trắng mà tất cả những nòng pháo của trận địa đang chĩa lên, lá ngụy trang lấp loáng ánh nắng, ánh đồng diệp của những băng đạn và ánh thép của miệng pháo cùng chói rục.

Tôi đi qua con đường nhỏ ngày trước là con đường đi tắt vào xóm bà Hoa để vào bãi pháo. Chúng tôi thăm khẩu đội tự vệ trai xong thì đến khẩu đội gái, khẩu đội của Trần Thị Mơ.

Ban sáng, ở bàn giấy ban Giám đốc có cả ban chỉ huy tự vệ nhà máy, chúng tôi đã được nghe Trần Thị Mơ kể lại các cuộc chiến đấu của khẩu đội và cả của Mơ, đặc biệt là cuộc chiến đấu trong mấy ngày giặc Mỹ bắn phá ác nhất, nhưng cũng thua đau nhất. Giờ đây, Mơ đang đứng trên mâm pháo vẫy đón chúng tôi ngay từ bước chúng tôi vào trận địa. Đến lúc chúng tôi sang khẩu đội của Mơ thì đôi mắt và nụ cười của Mơ càng rục rỏ, hớn hỏ, thân thiết.

Mơ mới mười chín tuổi. Cha làm thợ mộc, anh cũng làm thợ mộc. Ngày bé, Mơ ở nhà bế cháu cho chị dâu và anh đi làm. Mơ được học đến lớp 4. Năm mười sáu tuổi, Mơ được

vào nhà máy. Từ việc cạo gí sắt Mơ đã chuyển sang đứng máy bào và học bổ túc xong lớp 7. Ngay từ ngày giặc Mỹ cố ý và điên cuồng hơn nữa bắn phá thành phố cảng của Mơ, Mơ xin vào đội tự vệ, chiến đấu liền. Tất cả những đợt quyết liệt, Mơ đều ở trên mâm pháo. Trong một trận khói lửa đất đá mù mịt, bom tấn của giặc giội tới tấp, điện và dây nói từ đài chỉ huy đến trận địa bị cắt phá, chính Mơ đứng quan sát và bắt mục tiêu đã để đến tận lúc máy bay giặc lao xuống trút bom, Mơ mới ra lệnh cho cả khẩu đội bắn.

Giữa trận địa đại nắng và lộng gió chiều, trông gương mặt và vóc dáng Mơ càng hồng hào, khỏe căng. Tất cả đôi mắt, bầu má, cặp môi, hàm răng và nụ cười của Mơ đều tươi trẻ lạ lùng. Bên kia nòng súng chỗ Mơ đứng một cô cũng quần xanh có yếm, mũ vải xanh. Chúng tôi chưa bắt tay Mơ xong, Mơ đã quay ra giới thiệu bạn. Giọng nói của Mơ như nhạc rung, nụ cười càng hơn hớn:

- Hoa Bảo Vân đấy! Hoa Bảo Vân pháo thủ số Một của khẩu đội vừa được tuyên dương toàn thành đấy ạ ạ!!

- Chào Hoa Bảo Vân!

- Chào cô Vân!

- Chào cô pháo thủ số Một của nhà máy!

- Chào cô Hoa Bảo Vân!

Cô gái tự vệ nhà máy cười, chớp mắt, cúi đầu chào lại chúng tôi. Đồng chí chính trị viên, giọng miền Nam, cười lớn tiếng.

- Con Sẻ Hoa, con em gái út của đơn vị đấy. Nó với con Mơ cứ như hình với bóng. Mười tám tuổi, pháo thủ số Một của khẩu đội, chiến sĩ xuất sắc, về nhà còn khóc, bỏ cơm bắt đền mẹ, vào nhà máy lại khóc bắt đền ban chỉ huy. Vì tội mẹ cứ không chịu thối cơm sớm, đang ăn thì báo động, bỏ chạy từ bên phố sang nhà máy, cổng nhà máy lại đóng, trật tự không cho vào, nên không được dự trận đánh... Nó cũng ở đội văn nghệ với con Mơ nhưng con Mơ chỉ có chèo giỏi, chứ nó hát cũng giỏi múa cũng giỏi. Múa thì múa võ, đánh cặp roi sắt hay cặp kiếm thì tuyệt vời, tuyệt vời...

Tim tôi chợt như đập tung lên.

Cái tên gọi, những hình ảnh và con người mà tôi được nghe nói, nghe tả, nghe kể ban sáng và đương định tìm gặp đã đến với tôi kia rồi, ở trước mặt tôi rồi, Sẻ Hoa, Hoa Bảo Vân! Hoa Bảo Vân! Sẻ Hoa!

... Hai ngọn roi bện chỉ ngũ sắc buộc tua bông trắng của Tiểu Hoa năm xưa bỗng như hai làn ánh sáng vút qua tâm trí tôi cùng với thanh đao và bắp tay gân guốc của Hoa ông vung lên. Ngay đó từ đầu nòng súng đương chĩa ra phía biển khơi có Trần Thị Mơ và Hoa Bảo Vân đứng ở hai bên kia, tôi thấy còn vụt lên những làn lửa chớp. Những làn lửa chớp đã xả vào các đợt các kiểu máy bay giặc lồng lộn gầm rú bắn phá, những làn lửa chớp của những băng đạn cuộn cuộn, quyết liệt, căm giận vô cùng, và cũng bình tĩnh tin tưởng vô cùng, bắn lên từ một sức sống cũng thật là mới lạ, kỳ diệu vô cùng...

1967

Tạp văn

SỨC SỐNG CỦA NGÒI BÚT

(trích)

NHỮNG TÁC PHẨM KỲ DIỆU ẤY ĐÃ ĐẾN VỚI TÔI

Trước khi những tác phẩm văn học Nga và Xô viết đến với tôi, thì tôi được xem hai phim *Tarát Bunba*⁽¹⁾ và *Tội ác và trừng phạt*⁽²⁾ của hãng phim Pháp chiếu ở Hải Phòng. Vào khoảng mùa rét năm 1935. Mùa rét năm ấy tôi bắt đầu viết văn. Tôi viết được một tập truyện ngắn, có mấy truyện được đăng báo, tên tập truyện tôi quên mất rồi! Hình như là “Những người đau khổ” hay “Những cảnh cùng khổ” gì đó. Sở dĩ tôi quên cả tên đứa con đầu lòng của mình, chỉ vì khi viết xong, một sự thực cứ dần dần hiện rõ ở trước mặt tôi. Tôi thấy tôi có may mắn lắm thì chỉ một vài truyện được đăng báo là cùng, chứ in thành tập đem trưng bày bán ở các hiệu sách là cả một hy vọng mịt mù, một nhén lửa tắt ngay sau khi hé sáng. Ngày ấy, nhà xuất bản rất ít và rất ngại truyện ngắn. Còn tôi, chỉ là một thằng học trò mới ra khỏi nhà trường, một tên tuổi không có hình vóc tiếng

(1) Truyện của Gôgôn.

(2) Truyện của Đốxtôiépki.

tắm gì cả! Một sự thực nữa cũng dần dần mở ra ở trước mặt tôi. Đó là những cảnh khó khăn cùng kiệt của một đời sống nghèo đói giữa những thành phố xa lạ, một đời sống mà sự khắc nghiệt của nó tôi càng thấy thật là cắt vào da vào thịt mình, thật là đè sập xuống đầu mình, cũng như đã cắt, đã đè lên bao nhiêu xương thịt của những con người ngoi ngóp, tan nát ở chung quanh tôi.

Tôi cũng không thể nhớ rõ bằng cách gì tôi đã được đi xem hai phim kia. Hình như đó lại là tiền của mẹ tôi mỗi ngày chạy chợ về cho tôi để hôm sau tôi ăn bún, ăn khoai thay bữa cơm trưa mà tôi đã nhịn ăn để mua vé. Hình như đó là tiền tôi để ra sau những tuần lễ dạy học thay cho người anh cùng mẹ khác cha với tôi, ông ta mở một trường tư trong cái ngõ gọi là ngõ Cổ đạo. Hình như đó lại là tiền của người con gái lớn của bác tôi kia, chị ấy đã giấu cho tôi vì thấy tôi có lần dạy học chỉ được ăn cơm và tiền cắt tóc, còn tiền xà phòng giặt cũng không có!

Phải, *Tarát Bunba* và *Tội ác và trừng phạt* đã đến với tôi vào khoảng mùa rét. Cũng mùa rét năm ấy tôi bắt đầu viết *Bỉ vỏ*, tiểu thuyết đầu tay của tôi. Tôi cũng không thể nhớ rõ tới những chương nào hay xong được bao nhiêu trang bản thảo *Bỉ vỏ* thì tôi đi xem hai phim kia. Nhưng, những ấn tượng của nó để lại trong tâm trí tôi, và những cảm giác đã rung chuyển tôi đến ngày nay, vẫn rõ, vẫn sắc vô cùng... Đó là tình thương mệnh mông đối với con người. Đó là sự đau đớn và tinh thần bất khuất của con người xoắn lấy những tâm trí nào còn thao thức, bắt những tâm trí ấy phải nghĩ

ngợi, phải tìm hiểu về những khổ não tan vỡ của những cuộc đời, về những kiếp sống, về những cảnh ngộ của con người.

Những quần quai của Rátkônnikốp (Raskolnikov) nhân vật phạm tội trong *Tội ác và trừng phạt*, những cảnh tàn khốc, đau xót trong *Tarát Bunba* và tâm hồn anh dũng quật cường của Tarát Bunba, thỉnh thoảng lại như giội lửa lên trong tâm trí tôi những khi tôi ngồi một mình trước bàn viết hay đi đường một mình. Giội lửa và làm tôi thấy tôi không thể một phút xa rời cuộc sống, không thể xa rời và tìm được nguồn hy vọng nào khác ở ngay trong đời sống.

A! Đời sống chung quanh tôi! Con đường hằng ngày tôi ra đi lang thang cho nhẹ đầu óc, cho khuây những buồn rầu! Trên con đường này tôi phải qua một cái chợ gọi là chợ Vườn - hoa đưa người. Cả khu vườn hoa ấy, một đám cỏ tươi cũng không có. Còn hoa thì ở trên mấy cây không có tên mà người ta rất sợ khi nó có hoa vì mùi hoa ngai ngái, hôi, hắc, hễ phấn hoa bay vào tai có thể làm tai điếc. Trong vườn hoa chỉ có những cây cọ, cây núc nác tây gai góc. Dưới những gốc cây đó, tụ tập từng đám từng đám ăn mày trẻ con đàn bà, những người nhà quê tha hương cầu thực, những người con gái mười ba mười bốn tuổi bị đẩy đi làm con sen con nhài, làm cô đầu chanh cốm và bán đi làm nô tì ở các tỉnh biên giới. Và từng đám đi. Những đi thường thường đã có tuổi, ốm yếu, ở các nhà thổ, nhà chứa lậu thái ra, những đi cũng có kẻ chỉ mới mười bốn, mười lăm tuổi mà bệnh đầy người, cứ chập tối là ở các bụi cọ nhô ra the thé gọi khách vào. Giá tiền mãi dâm chỉ vừa

đủ một bát phở, một bữa cơm ăn các thứ thừa của trại lính Tây. Chỗ mãi dâm kín đáo, sạch sẽ nhất là những ngõ nhà xí bên đường, dưới những tầng lầu khách sạn thâu đêm sáng đèn, inh ỏi tiếng bài sừng, đàn tam thập lục và tiếng cười, tiếng hát.

Tiếp vườn hoa này là con sông cụt. Hai bên rệ sông quanh năm ngập rác. Nhà trên sông là những chiếc thuyền gỗ nát, kê trên những cọc gỗ, sắt *tà vẹt*, *xà gồ* cũ, hay là những mái lợp bằng mảnh thùng hắc ín, bao tải, chiếu, giấy dầu. Phu phen, thuyền thợ, buôn thúng bán bưng chui rúc ở dưới những cái mái nọ. Còn có cả tiệm hút, sòng bạc và nhà chứa nữa!... Bờ sông cũng đầy những ăn mày, đàn ông đàn bà thất nghiệp nằm ngời ngồn ngang trước các lán củi, lán gạch, lán than, hàng cơm, hàng quà. Lúc mặt trời mọc, dòng sông hừng sáng, thuyền đồ xạo xạc, khói bếp nhen lên, là lúc cửa nhà đề lao ở bên sông mở cổng. Từng dãy nhà pha lếch thếch ra đi làm cỏ vè. Tiếng gáo dừa, ống bơ loảng xoảng,... tiếng ho,... tiếng rên. Những chân bước như kéo xiềng. Những mặt mày búng beo ngò ngặc.

Cùng lúc mặt trời hừng lên trên dòng sông ấy là lúc than khói ở những nhà máy phía bên kia sông tỏa ra. Những lò, những ống khói, những tầng máy đập chùng vây đề lấy người ta. Chung quanh đây là những xóm thợ ngói ngóp trong than, trong bụi, trên những bãi rác, xỉ than và ao đầm. Xa xa là những làng mạc, những bờ bãi đồng lầy chua mặn, dân sống bằng móc cua móc cáy, xờ xạc, xiêu tán, heo hút...

Trước tác phẩm “Viên thanh tra” của văn hào Gôgôn, thi hào Puskin đã phải cất tiếng kêu, một tiếng kêu từ đêm sâu lạnh thẳm của mặt đất xé lên:

- Giời ơi! Nước Nga của chúng ta sao mà buồn thảm?

Trên cái mặt đất cách đây hơn hai mươi năm tôi đã sống, trên những quãng đường hàng ngày tôi đã ra đi lang thang và giữa những cảnh vật tôi đã về ngồi viết những tập sách trúng nước của tôi, tôi cũng đã không thể không kêu lên:

- Giời ơi! Cuộc sống sao mà nhiều buồn thảm đau xót! Làm sao tôi đủ tâm hồn mà ôm lấy cuộc sống này? Mà viết nổi lên cuộc sống này!

Tarát Bunba cùng với *Tội ác và trừng phạt* với Rátkônnikốp đã thêm là một sự kích thích cho tôi, thêm là những ám ảnh da diết của tôi, thôi thúc tôi phải viết về những con người đã chịu bao nhiêu nỗi đau xót thảm khốc, những con người đã cố vượt lên trên mặt đất tàn ác này, những con người không chịu những sự hèn hạ lăng nhục, những con người bất khuất...

*

* *

1937

Cũng trên cái mặt đất và những cảnh vật ấy, phong trào Mặt trận dân chủ ở Đông Dương, với những cuộc đấu tranh sôi nổi rộng lớn của quảng đại quần chúng, đã dần dần mở ra một bầu trời lồng lộng tươi sáng. Dưới bầu trời đó, tôi

đã tìm đến Lêông Tônxtôi và Mácxim Gorki. Cuốn sách đầu tiên tôi được cầm lâu dài trong tay, thức say sưa với nó là cuốn “Sống lại” (Résurrection) của Lêông Tônxtôi. Rồi tôi tìm được đến Gorki. Tôi đọc *Những vagabông*, *Kỷ niệm thời thơ ấu* và *Người mẹ* của Gorki.

Qua từng trang từng trang trong cuốn *Sống lại* của Tônxtôi mà tôi được đọc lần đầu tiên nọ, tôi thấy cứ dần dần một trái tim menh mông ôm lấy tôi, đồng thời với cảm tưởng này, tâm hồn và trái tim tôi cũng thấy dần lớn lên ôm lấy con người. Sự suy nghĩ của tôi bị xoắn lại với cuộc đời của Mátlôva, người con gái nô tỳ trong truyện, bị tàn phá tan nát và cuối cùng đã vươn lên trong ánh sáng của cách mạng. Một luồng ánh sáng đặc biệt rải ra, soi lên như chưa bao giờ tôi từng thấy một chế độ tội ác với những cảnh sống giàu sang quyền quý mà một bọn người lười biếng thối tha đã gây nên bao nhiêu tội lỗi, phá hoại tàn bạo. Cũng những cảnh nhà tù và đi đày, nhưng với những chiến sĩ cách mạng và do ngòi bút Lêông Tônxtôi diễn tả, sao mà vẫn thấy vằng vặc một cái gì cao quý, một cái gì trong suốt vô cùng của những con người thật là con người. Qua bao nhiêu năm, cho đến bây giờ, nhắc đến Tônxtôi dù chỉ trong một truyện ngắn mấy trang in, tôi vẫn giữ nguyên cái cảm giác có một thác ánh sáng và gió mát từ đỉnh núi trắng xóa gội xuống người tôi, ùa vào tâm hồn tôi, cuốn gọi đi những bụi gai vương váu, và chấp cho cánh bay lên.

Đến với Gorki tôi đã ngạc nhiên và thật là thắm thía khi đọc *Những vagabông* và *Kỷ niệm thời thơ ấu*. Tôi ngạc nhiên

vì thấy cái xã hội và những con người trong tác phẩm đây sao mà gần gũi với tôi. Chừng như cái xã hội dưới thời Nga hoàng cũng có một phần cái xã hội dưới chế độ đế quốc Pháp tôi đương sống vậy. Tôi thấm thía vì thấy tất cả những con người cùng khổ, vất vưởng, bị bao nhiêu hủy hoại về xác thịt cũng như về tinh thần ấy, thấy đều giữ được sâu xa trong tình cảm, trong tâm hồn họ một phần như là ánh sáng nó vẫn cứ cháy, cứ ngời lên giữa những gió bão than gió vui dập của cuộc đời. Tất cả những con người bị coi là cặn bã ấy đều không ít trau chuốt cho sự sống những tình cảm sâu xa tươi thắm mà các bọn người trong giai cấp bóc lột không thể nào có được, không thể nào xử sự được. Và, từ những chốn nhầy nhụa đen tối, họ không ngừng vươn lên ánh sáng, họ không ngừng tìm mọi cách để giữ gìn lấy nhân phẩm và những khát vọng của mình, đó là bản chất, là lẽ sống của những con người lao động bị tàn phá trong cái xã hội bất công, độc ác nọ. Đọc xong những truyện của Gorki, và những sách, những bài nói về Gorki, tôi đã băng khuâng tưởng như Gorki vẫn sống. Trên mặt đất này, vẫn đầm đầm và quăng quắc những nếp trán cay đắng và đôi mày của Gorki cau cau sống chết với chân lý, với sự tin yêu ở con người... Đôi mắt ấy, những nếp trán ấy, tôi thấy vẫn đầm đầm và cau cau nhìn tôi, một ngòi bút non dại chỉ được phép gửi vào cuộc đời những trang chữ tuy vụng về nhưng phải thật chân thành, những trang chữ không thể nào chấp nhận được dù chỉ mang một nét của sự nói dối của sự mưu đồ quái quỷ, của sự sáng tạo không phải do cần thiết, những trang chữ không phải vắt từ tâm hồn ra,

không phải vì lòng yêu dấu tin tưởng ở cuộc sống, không phải vì sự thật, không phải vì quần chúng, vì con người...

... Với *Người mẹ* của Gorki thì tôi đã ứa nước mắt. Những giọt nước mắt của sự vui mừng! Con người không phải chỉ đau khổ. Con người đã vượt lên những đau khổ, tay mình nắm lấy vận mệnh của mình, đi lên với cách mạng để tự mình giải phóng cho mình. Lịch sử của con người đã chứng thực điều đó. Phong trào công nhân, phong trào quần chúng đương sôi nổi ở chung quanh tôi, đã chứng thực điều đó. Nhưng, hơn nữa, từ lịch sử, từ cuộc đời, con người đã nhập vào và hiện lên trên những trang giấy, bằng xương thịt sống hơn, kỳ diệu hơn, lạ lùng vô cùng, sâu xa vô cùng. Con người kết tinh đó, sáng tạo đó lại từ những trang giấy nhập vào cuộc sống, lay động xúc cảm và lay động ý thức của cuộc sống, xốc những con người của cuộc đời xông lên chiến đấu nữa, để thực hiện những khát vọng những lý tưởng của mình.

Và con người của Gorki sáng tạo đây là một người mẹ đã quá nửa đời đau khổ cam lặng! Người mẹ ấy ở một giai cấp mà từ mồ hôi trán họ đã kết dựng lên một xã hội được coi là mới nhất, văn minh nhất, tiện lợi, sung sướng nhất, nhưng lại thuộc quyền một giai cấp khác không phải đổ một giọt mồ hôi, mà trái lại hưởng nhiều nhất những sung sướng, hưởng đến nỗi ngập ngụa, thối nát, bốc uế khí tội lỗi, gây độc hại và gieo rắc tàn phá!... Tâm hồn người mẹ này đã sáng lên qua bao nhiêu lớp bóng đêm dày. Ý thức của bà đã dần dần chấp cánh rồi bay vút. Bà đi vào cách mạng. Bà đi vào cách mạng với đứa con trai độc nhất của

bà. Bà đi vào cách mạng với các bạn của con trai bà. Người mẹ thành đồng chí của con, đồng chí của các đồng chí của con. Và người mẹ nhỏ yếu ấy trong cuộc chiến đấu, trước sức mạnh đàn áp của giai cấp thù, đã đi lên hàng đầu và là một mũi nhọn sáng quắc...

1939-1945. Qua những năm đại chiến lần thứ hai nghiệt ngã đen tối, sống dưới hai tầng bóc lột, áp bức của bọn Nhật, Pháp thống trị, một trong những giờ khắc an ủi tôi, nhóm đượm thêm lòng vui tin của tôi, là giờ khắc tôi nghĩ ngợi và sống với những nhân vật, những cuộc đời của những tác phẩm tôi được xem, được đọc đầu tiên của Gôgôn, Đốxtôiépki, Lêông Tônxtôi và Gorki quý mến kia, tuy ở chung quanh tôi, cuộc sống bây giờ đã thấm vào tôi bao nhiêu yêu thương, bao nhiêu tin tưởng với những con người hàng ngày chung vai sát cánh với tôi, với những sự việc đã gõ vào làm rung chuyển tất cả tâm trí tôi.

Những năm không thể nào quên được!

Cuộc sống của những thợ thuyền, dân cày vô cùng khổ sở, khó khăn, tối tăm. Mồ hôi phải vã ra gấp trăm lần hột cơm ăn. Như không còn được một chút gì để mà đọc, mà xem, mà nghe; không còn một chút gì là tươi mát cho tinh thần, trong khi cả một thứ văn hóa đạo đức, lễ giáo từ hồi phong kiến suy sụp tri trệ nhất được phục hồi lại, bao vây trùm quần lấy họ, với các thứ kìm cặp, bòn rút của sự bóc lột. Và khủng bố, khủng bố, khủng bố!... Đàn áp... đàn áp... Những Bắc Sơn, Đô Lương, Nam Kỳ khởi nghĩa thật là bị chìm trong máu. Nhà tù và trại giam lại nhiều hơn cả những

năm 1930-1931 mà lịch sử của đế quốc Pháp đã được ghi, được đánh dấu là những năm tội ác nhất! Hình như bọn cầm quyền Pháp rửa cái nhục đầu hàng và phản bội của chúng ở Pháp cũng như ở Đông Dương bằng máu và bằng sự đói khổ của cách mạng, của dân chúng, vừa rửa nhục và cũng vừa để được ăn no thêm, ngủ kỹ hơn dưới gót giày phát xít và quân phiệt...

Trong những năm ấy, có thời kỳ mà tất cả các đồng chí Trung ương và đảng viên không bị sa vào lưới quân thù còn lại hoạt động chỉ có hơn ba mươi đồng chí, và quỹ Đảng có không được bốn mươi đồng bạc. Nhưng mỗi lần quân thù họp các hội nghị cao cấp để nhận định về tình hình trị an của chúng, hay mỗi lúc chúng nhìn vào các tấm bản đồ ghi các nơi có phong trào cách mạng, hay những đêm tối chúng lật những tập hồ sơ chính trị ra để xem lại còn những lãnh tụ nào chưa bị lên máy chém, còn những đảng viên nào vẫn trốn thoát và hoạt động... những lần ấy chúng nó đều phải kêu rít lên và như nghe thấy có những tiếng nói vang âm chung quanh chúng nó:

- Cách mạng vẫn sống! Cách mạng vẫn như những mạch nước trầm trầm đi một dạo rồi lại hồng lên, rình rình phụt nổ. Cách mạng không thể nào tiêu diệt được!

Những năm ấy, lịch sử cách mạng, Đảng, các đồng chí đảng và quần chúng chiến đấu đã rọi ánh sáng cho tôi nhìn thấy, ngay trong lúc đen tối nhất, tương lai vẫn ngày một long lanh để rồi rực lên, tươi sáng menh mông. Tương lai ấy là một hiện thực. Mầm sống và sức đi lên ấy là một chân

lý. Mầm sống và sức đi lên ấy chỉ càng ngày càng nảy nở. Và tương lai ấy cũng ngày một mở ra trên tay quần chúng lao động, trên tay giai cấp công nhân lãnh đạo cách mạng, trên tay nhân loại đã nối tiếp nhau đổ mồ hôi cho trái đất và qua hàng nghìn năm, hàng nghìn năm đau khổ viết nên những trang sử bất diệt của mình. Những điều đó còn được cất nghĩa thêm, được chứng minh thêm với những tác phẩm nhân đạo và hiện thực xã hội chủ nghĩa mà với những tên Gorki, Lêông Tônxtôi, Đốxtôiépki, Mácxim Gorki... bất cứ bao giờ, bất cứ lần nào hễ gọi lên trong tâm trí tôi lại rung lên, dào dạt một niềm tin yêu và kích động vô cùng...

*

* *

1957.

Cũng một mùa rét. Một mùa rét mà lần đầu tiên mưa tuyết tấp vào mặt tôi, cái lạnh buốt trắng xóa đồng tuyết thấm vào da thịt tôi, một cái gì mệnh mông chỉ riêng đất nước Nga mới có ôm choàng lấy tôi. Tôi đã đến một làng của đất nước mệnh mông ấy. Đó là làng của Gorki. Làng đây Lênin đã về ở tĩnh dưỡng những ngày cuối cùng của Người. Bọn chúng tôi tình cờ vào thăm nhà của một nông trường viên cạnh đường cái. Bọn chúng tôi đã hồi hộp vì thấy nhà lạng lẽ một cách lạ và chỉ có một người ra tiếp chúng tôi, một thiếu phụ. Bà chủ nhân mời chúng tôi vào buồng khách, bước trên một tấm thảm hoa trải từ cửa vào. Tôi ngồi đối diện với một bức tranh sơn dầu phong cảnh. Chênh chếch phía trước mặt tôi, ở một góc nhà, hai cái giá bày một bức

tượng cẩm thạch và một máy vô tuyến điện truyền hình. Chủ nhân đương dọn các thứ cam, lê, nho, táo mời chúng tôi thì có tiếng trẻ con gọi trong buồng gần đấy. Chủ nhân phải xin lỗi chúng tôi chạy vào. Lúynh quính giây phút, bà mới ra, dắt một em gái bé tóc kết hai dải buông lơi sau lưng, cài một con bướm xanh ở bên mái tóc, áo hồ thủy, váy hồng. Bà cười giới thiệu đây là con gái yêu duy nhất của bà, nó vừa mới ốm dậy, nhưng thấy có khách vào nhà cứ nhất định bắt mẹ cho ra chào khách. Bà mẹ vừa dứt lời thì em gái đã đến trước mặt tôi. gương mặt em hồng hồng, vầng vặc, và nụ cười nở ra, sáng như hoa. Tôi còn đương bối rối vì sự hiển hiện nọ, thì em một tay cầm tấm ảnh con chó Laika ở trong vệ tinh nhân tạo to hó nhìn ra vũ trụ, một tay cầm một quả táo đỏ tươi chưa bao giờ tôi trông thấy, đến bên lên đặt vào tay tôi.

“- Tôi đương ở trong một làng đất nước Xô viết, hay ở trong một truyện thần tiên nào vậy, với một nhi đồng thiên thần, và với một người mẹ hiền dịu, dưới mái nhà ấm cúng mà ngoài trời kia hoa tuyết phơi phới mênh mông”?

Không! Không phải ở trong truyện thần tiên nào cả! Đó chỉ là một mái nhà của nông trường viên, và làng đó là làng của Gorki sau đúng bốn mươi năm Cách mạng tháng Mười, và cũng là sau đúng hai mươi năm tôi được đọc những tác phẩm của Người và của những tâm hồn vĩ đại của đất nước Người.

ĐỌC NHỮNG TRUYỆN NGẮN CỦA NAM CAO

Bây giờ, cái tựa đề cho những truyện ngắn của Nam Cao mới thật tin cậy. Cái tựa tựa tay thời gian viết, giới thiệu, ký nhận. Cái tựa tựa quần chúng mỗi người tìm thấy một bản, mỗi người hiểu một cách trong khi đọc hay sau khi đọc Nam Cao đặt sách xuống suy nghĩ. Nhưng tất cả những bản đó với những cách hiểu khác nhau đó đều đứng chung trên một điểm này: đó thật là những tác phẩm, những tác phẩm thật của con người.

Và bây giờ Nam Cao đã khuất của chúng ta lại mỉm cười. Tác giả của những nhân vật, những tâm trạng, sau đây mỉm cười:

... “Chao ôi! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gọi những tình cảm rất nông, diễn ra một vài ý nghĩ quá thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình”.

(Đời thừa)

Về một mơ ước, một cảnh sống khác:

... “Điền phải đi. Đi để giữ cho lòng mình được tươi lâu. Điền sẽ làm bất cứ cái gì để có ăn. Rồi Điền bình tĩnh viết. Có như vậy Điền mới viết ra hồn được. Lời phải đẹp; ý phải thanh cao. Ngọn bút của Điền phải khơi nguồn cho những tình cảm đầy thơ mộng. Nghệ thuật chính là cái ánh trăng huyền ảo làm đẹp đến cả những cảnh thật ra chỉ tầm thường, xấu xa...

Điền lại thấy hiện ra cái bóng dáng yêu kiều của những đàn bà nhàn nhã, ngả mình trên những cái ghế xích đu nhún nhẩy. Những người ấy sẽ đọc văn Điền. Lòng họ đẹp thêm lên. Họ sẽ yêu Điền. Họ sẽ gửi cho Điền những bức thư xinh xinh ướp nước hoa. Tượng tượng của Điền tỏa rộng ra như một cảnh trăng. Điền nghĩ đến những cuộc tình duyên lãng mạn với những người đàn bà đẹp chỉ biết trang điểm và yêu đương.

Những tiếng gắt gỏng trong nhà lại đưa ra. Vụt cái trắng mất đẹp. Điền bẽn lẽn như bị bắt gặp làm việc xấu. Điền lẳng tai. Tiếng vợ Điền gay gắt hỏi:

- Làm sao thế?

Đứa con gái vừa mếu máo vừa đáp lại:

- Con đau bụng.

- Giời ơi là giời!

Ấy là tiếng vợ Điền rên lên.”

Sự thực trong sáng tác của Nam Cao thì như thế. Còn sự thực của cuộc đời bản thân tác giả thì ra sao? Tôi muốn nhắc

lại tập *Chí Phèo* của nhà văn và một số câu chuyện chung quanh tập đó.

Chí Phèo là một truyện trong tập truyện đầu tay của Nam Cao viết khoảng 1940-1941, trước tiên lấy tên là *Cái lò gạch cũ*. Nam Cao lấy *Cái lò gạch cũ* làm tên cả tập. Nam Cao đưa cho một nhà xuất bản. Chủ xuất bản là một chủ nhà thuốc lậu. Tên này ra mở hiệu thuốc năm hẵn hai mươi hai, hai mươi ba tuổi. Y trước đi ở bé con sai vặt và đóng thuốc lậu vào chai, làm việc cho cũng của một hiệu thuốc lậu mà chủ nó đã là tất cả mối suy nghĩ và mơ ước của y về sự giàu sang, về cứu nhân độ thế... về sự dốt nát, về xoay giờ, bịp bợm, và phát.

Nam Cao phải đưa truyện đến nhà xuất bản nọ mà cũng không tin rằng truyện được xuất bản. Bản thảo *Cái lò gạch cũ* cứ vứt lay vứt lắt ở các chồng bản thảo khác đến nửa năm. Tình cờ *Cái lò gạch cũ* được chú ý. Người chú ý là một nhà văn nọ nổi tiếng một thời về cái «triết lý sức mạnh» cái tài viết nhiều của y, và cả vì cái đức độ có nhiều đàn em đi theo hút thuốc phiện, ăn phở, rồi về viết cho đàn anh ký tên đưa các nhà xuất bản lấy tiền để lại đi hút thuốc phiện, ăn phở. Nhà văn của «triết lý sức mạnh» để ý đến bản thảo của Nam Cao không phải vì tìm đọc mà vì ngạc nhiên. Tên truyện và tên tác giả gì mà lại nô nê đến ngó ngán thế kia ở giữa cái thời mà tất cả những nhà văn có tên tuổi nhiều, tên tuổi ít, hay đương hăm hở, cay cú đi vào làng văn cho có tên tuổi đều phải tìm cho truyện của mình những cái tên gì vào người đọc như điện vậy?

Những: *Sự động cõn của đàn bà... Khi chiếc yếm rơi xuống... Ngựa đã thuần rồi mời ngài lên... Đồi mưa gió... Trại Bồ từng linh... Phấn hương... Đẹp, vân vân...*

A ha! *Cái lò gạch cũ!* *Cái lò gạch cũ* và tên tác giả lại là Nam Cao!

Cái lò gạch cũ được nhắc ra khỏi đồng bản thảo vút bạ ở nhà xuất bản để rồi theo nhà văn đàn anh kia, lại nằm bạ ở một cái bàn cũng như thế. Lại một sự tình cò khác, *Cái lò gạch cũ* lại được chú ý. Cũng vì cái tên truyện và tên tác giả. Nhưng lần này nó được đọc. Người đọc nó chỉ là một gã bạn lấy tên của nhà văn. Gã chưa đọc xong hết tập thì sừng sốt vô cùng và đi ngay các nơi thường nhóm họp làng văn mà tri hô lên những cái lạ, cái hay trong tác phẩm. Nhà văn đàn anh lừng lẫy kia bỗng chùng ra, vội vàng đòi lại xem. Y ngốn xong bản thảo liền đề cho luôn ngay một cái tựa. Chưa đủ. Y còn đổi cho một cái tên khác: *Đôi lứa xứng đôi*.

Thế là *Đôi lứa xứng đôi* được xuất bản. Nam Cao của chúng ta đón lấy cuốn sách đầu tiên của mình mà bàng hoàng. Bàng hoàng vì truyện không những được in mà lại còn được cả tiền nữa. Tôi không nhớ chắc, tiền tác giả tập đó đầu như ba chục bạc thì phải.

Chao ôi! Không có những cái gọi là sáng suốt phát hiện tài năng, chân thực lẫn tài, nhiệt tình nâng đỡ cây bút mới của nhà văn đàn anh kia và của một nhà xuất bản cục cung tận tụy với văn chương mặc dù không lãi bằng thuốc lậu, thì làm gì một người mới viết như Nam Cao lại có sách in... có tiền... nhất là có tên tuổi nữa...

Nhưng, dù đã được cả một bài tựa của một nhà văn đàn anh đề cho, dù được đặt cho một cái tên rất là một sự lôi cuốn, dù được tri hô lên ở giữa làng văn: “Thiên tài mới! Thiên tài mới”..., từ lúc ra đời cho đến lúc nằm mốc meo ở các hiệu sách, *Đôi lứa xứng đôi* không được một dòng chữ nào nhắc nhở đến trên mặt sách báo lúc bấy giờ. Chỉ vì đã được gọi là nhà văn, nhập vào làng văn mà Nam Cao không biết tùy khúc. Nghĩa là Nam Cao cứ liệt bệ ở cái xó làng Vũ Đại với những *Thị Nở*, *Chí Phèo*, *Lão Hạc*, với những Điền, Hộ, Thị Từ v.v... của anh. Nam Cao không chịu vác món tiền ra Hà Nội, “rưới” cho tác phẩm đầu tay của mình theo như tục lệ làng văn, bằng những chả cá, thuốc phiện, và rượu hát cho các bạn làng văn. Nhất là tiêu cho các nhà phê bình trấn ở các báo hàng ngày, hàng tuần lúc đó, nóng lòng chờ đợi các thiên tài đến gõ cửa, và sẵn sàng giáng cho những búa to, dùi nhỏ lên đầu những ai không biết hiểu thiên tài, và cả lên đầu nhau để tìm cho ra và giữ cho được cái “chân lý” của mình. A ha! Tác phẩm ra đời nhưng không có những ngòi bút “phê bình”, khám phá ra những điều hay ho, rồi giới thiệu cho, thì làm sao thiên tài lại xuất hiện và được hiểu biết được? Nhất là làm sao sách lại bán chạy, lại được nhiều người đọc?

Chao ôi! Với những ba chục bạc và mười lăm cuốn sách bản quyền tác giả mà Nam Cao của chúng ta lại không biết dùng cho tên tuổi và sự nghiệp của mình!

Mặc dù, *Đôi lứa xứng đôi* vẫn cứ được đến tay những người đàn bà nhàn nhã ngả mình trên những chiếc ghế xích đu nhún nhảy đọc.

Và tôi lại xin phép kể thêm một chuyện về *Đôi lứa xứng đôi*.

Lại một sự tình cờ, trong một buổi chuyện gẫu bên bếp lửa lụi sắn trên nhà sàn ở Việt Bắc, Nam Cao và mấy chúng tôi đều rất hăng hái, mê ly bàn luận về các thứ văn chương thiên hạ sự. Không hiểu sao chúng tôi lại nhắc đến *Chí Phèo*, đến độc giả của *Chí Phèo*. Một nhà văn bạn trong chúng tôi gật gù bảo Nam Cao:

- Bác Nam ơi! Bác cứ hay phẫn! Chính nhờ cái độc giả *nhàn nhĩ ngả mình trên ghế xích đu nhún nháy* mà Điền của bác mơ ước ấy mà tôi được phát hiện về bác đấy.

Nam Cao đương ngồi chành bạnh, cái đầu gối rung rung, thì đỏ ửng ngay mặt, khịt khịt mũi trong mũi soa, không cười nói nữa. Anh bạn chúng tôi vẫn cười nói tiếp:

- Cái kiểu người chính là kiểu người vợ tôi. Đạo ấy tôi còn làm phán nhà Đoan lương hơn trăm, vợ là con gái út một ông phủ cơ mà! Vợ tôi đọc bác. Đọc bác và phát hiện ra bác. Số là tôi rất có thành kiến với bất cứ tác phẩm đương thời nào, đó là một tật; tật thứ hai là tôi chỉ đọc những tác phẩm nào mà vợ tôi chê dở, chê tồi. Thì một hôm, tôi đi làm về thấy có một cuốn sách mới mua mà chỉ rọc có mười trang, bỏ lay lút ở dưới chân giường vợ tôi. Tôi thờ ơ cầm lên hỏi: “Cuốn này thế nào?”. “Hôm nay em nhức đầu hay sao mà sách mới lại đọc bỏ dở như thế?”. Tôi sò trán, sò đầu vợ tôi thấy chẳng sao cả, vợ tôi nguẩy người một cái, quẹo lấy cuốn nọ:

- “Truyện vớ trò! Thế này mà cũng in! Cũng bán! Vớ vớ vẩn vẩn, chẳng ra cái chuyện gì cả.

“Rồi vợ tôi và tôi ra ngoài hiên, ngồi chờ dọn cơm. Theo như cái tật của tôi, tôi liền đọc cái cuốn sách mà vợ tôi phê là truyện “vớ vớ vẩn vẩn” ấy...

Anh bạn chúng tôi liền ngừng nụ cười, hạ thấp giọng:

- “Bác Nam ơi! Em hoảng đấy! Bác làm em hoảng đấy! Bác viết lạ quá! Hay quá! Lần đầu tiên em hoảng đấy!... *Chí Phèo* của bác lạ quá! Hay quá! Thật là hoảng vì truyện ngắn của bác, vì bác đấy. Thế mà bác cứ hay phân!

Guang mặt bóng và gồ gồ của Nam Cao càng đỏ ửng lên. Nam Cao cười. Bác Nam tôi cười trước cả chúng tôi...

*

* *

18 năm. Phải, đúng 18 năm, *Chí Phèo* của Nam Cao bằng xương bằng thịt khật khưỡng đi vào cuộc đời văn học, đi vào trí nhớ của mọi người. Và nhiều nhân vật khác nữa của Nam Cao, mà hồn với xác của nó cùng bao nhiêu hồn xác khác của những con người tưởng tượng và sáng tạo của văn thơ, đã làm cho sự sống thật của mặt đất thêm phong phú những suy nghĩ, yêu thương. Một khoảng thời gian không dài lắm. Nhưng cũng đủ cho tất cả những cái gì là ăn sống nuốt tươi, gian dối, lừa bịp, đĩ thõa, buôn bán, tệ hại... tất cả những cái gì mà chữ đúng nhất để gọi tên nó, chỉ có thể là hai chữ “bất lương” dù nó được khoác được đội cho các thứ khăn áo gọi là văn chương, tác phẩm, phê bình, nghệ thuật,

cao quý, tuyệt vời v.v... Tất cả các văn học làm bằng những thứ ngòi bút đầu cơ bán mình và vô sỉ ấy đã tro ra hết sự thực của nó.

Qua thời gian, những giá trị thực của một nền văn học chân chính, hay nói một cách khác, chân lý của tư tưởng, của con người chiến đấu và trưởng thành trong nghệ thuật, chỉ càng ngày chói ngời, vời vợi. Qua thời gian, quần chúng lấy tâm hồn của mình chuốt cho những tác phẩm. Những tác phẩm của Nam Cao đã được sự trau chuốt này. Vàng ngọc của sự sáng tạo của Nam Cao đóng góp xây đắp cho lâu đài văn học đã óng ánh thêm trong những bàn tay lao động và sáng tạo của quần chúng. Cái con người mãnh mãnh, gầy yếu ấy đã đứng thẳng không một phút chùn bước, không chịu lút mình trong bão lốc vui dập của một chế độ vô cùng thối nát, đen tối. Anh đã vất từ những quần quai, xót xa của mình ra những dòng ánh sáng thương yêu và tin tưởng để chứng minh sự sống nỗ lực của con người.

Bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào, những con người nghèo khổ, chịu thương chịu khó, vã mồ hôi ra làm nên thức ăn, áo mặc và lâu đài, đều vươn lên ánh sáng. Họ càng xơ xác, càng kiệt bao nhiêu thì những tình cảm tươi tốt của họ càng rõ thấm nhiều thêm mặt đất bấy nhiêu. Họ càng lấy thể làm sung sướng. Hai bàn tay của họ mở ra, không có một mảy may tiền của, trừ có mồ hôi, chai tay và bùn đất, trên đó một thứ quả chín ngọt nhất, một thứ hoa tươi ngát nhất, nở ra... Hoa và quả của tâm hồn họ... Cái chín ngọt và tươi ngát của bản chất họ.

Giữa những con người ấy, có những ngòi bút cùng chịu với họ những sự giày đạp, tàn phá. Những ngòi bút ấy cất vẽ lên những gương mặt, những tâm hồn của họ. Với những ngòi bút ấy, trái tim xấu xa của họ được soi chiếu thật là sáng rõ. Nhờ những ngòi bút ấy, cuộc đời được thấy thật thêm hình ảnh của họ. Cũng nhờ những ngòi bút ấy, họ nhìn trở vào thấy trái tim mình rõ hơn, thấy hết, thấy đúng, mà cả họ và cuộc đời đều bàng hoàng, sùng sốt, không ngờ được.

Nam Cao là một trong những ngòi bút kể trên. Những con người của Nam Cao sáng tạo là những con người trong đám người kể trên. Những Chí Phèo, Thị Nở, Lão Hạc và bà cụ già chỉ có cái tên chung là *bà cái đi* trong truyện *Một bữa no* kia mà Nam Cao để lại cho cuộc sống, chính là hình ảnh sinh động của một số nông dân ngoi ngóp trong cảnh nghèo đói. Họ đã bị áp bức và bóc lột đến cùng kiệt, và cũng bị phá hoại đến cùng kiệt, thể chất cũng như tinh thần, dưới cái chế độ thống trị của bọn cường hào phong kiến.

Sự xuất hiện của những truyện ngắn của Nam Cao thật là đột ngột.

Dòng tiểu thuyết của văn học Việt Nam đã non yếu lại phải vượt lên qua bao nhiêu sự khó khăn, phá hoại của chính sách ngu dân và chế độ kiểm duyệt lúc bấy giờ. Mặc kệ, những tác phẩm của Nam Cao cứ như một luồng ánh sáng xuyên qua tất cả những sự bùng bít, chèn ép mà đi sâu vào quần chúng. Nghệ thuật vững chãi và sâu sắc của Nam Cao gây thêm lòng tin ở những khả năng tiềm tàng thật là tươi tốt và ở sức phát triển của dòng văn học hiện thực, đi

vào đây, chiến đấu trong đây, có bao nhiêu ngòi bút chật vật, gian khổ.

Chật vật, gian khổ và cố gắng không ngừng, ngòi bút Nam Cao đã đem lại một nét thật là đặc sắc. Có lẽ trong văn học Việt Nam, với ngòi bút của Nam Cao ta bắt đầu được thấy thật có sự sống, thật có con người trong truyện ngắn, cùng với một số tác phẩm chân thực của một số ngòi bút dũng cảm khác. Tuy ta đã được đọc không ít những truyện viết về sự đói khổ, bóc lột, áp bức về những cảnh thương tâm, đen tối của một xã hội đầy rẫy những bất công, nhưng qua Nam Cao ta được nghe thấy cất lên thật là những tiếng nói, ta được thấy lung linh thấm thía thật là những tâm hồn, ta được chứng kiến thật là những cuộc đời, - những tiếng nói, những tâm hồn, những cuộc đời mờ mịt, ngoi ngóp, xơ xác ở nông thôn mà từ trước đến giờ ta rõ ràng đã trông, đã nghĩ mà gần như không hiểu, không thấy gì hết!

Mà sao heo hút, sao ngột ngạt đời những con người nông dân nghèo túng, tro troi kia? Đọc Nam Cao, cười với Nam Cao xong, ta thấy tâm trí nghẹn lại, ngực ta tức tối, ý thức ta có một cái gì nhấp nháy như ánh sáng chỉ chờ bắt cháy được thêm một sức mạnh gì đấy có thể nổ bùng lên.

A! Cái cười làm thêm cay đắng, xót xa, không có Nam Cao làm sao ta được cười một cái cười đặc biệt như thế? Không có Nam Cao làm sao ta có được những hình ảnh như Thị Nở, lão Hạc... cùng với bao nhiêu hình ảnh sáng tạo khác để cho ta thương yêu thêm và hiểu sâu sắc thêm cuộc sống của con người trên mặt đất này? Và cái thế giới của những

Bá Kiến, Đội Tào, của cái làng Vũ Đại hẻo lánh dưới một quyền hành cho ai sống được sống, bắt ai chết phải chết kia, càng làm ta thêm suy nghĩ và thấy phải có một trách nhiệm gì trước với những con người bị đè nén, bóc lột ở trong đó.

Bên cạnh cuộc sống của những người nông dân cùng cực mà Nam Cao tạo nên kia, còn có thêm những con người cũng túng thiếu, cũng bị giày vò, quằn quại nhưng mà thuộc về tầng lớp khác: đó là tầng lớp tiểu tư sản. Đọc xong những *Trăng sáng*, *Đời thừa*, *Nước mắt*, *Mua nhà* v.v..., ta cũng bị ngạc nhiên. Đó là những cảnh đời. Ở ngay bên cạnh ta, những cảnh đời của chính là tầng lớp của nhiều chúng ta, mà đến nay nhờ đọc Nam Cao chúng ta cũng mới thấy thật hơn, sâu sắc hơn. Chúng ta càng bàng hoàng đau xót vì thấy bao nhiêu ước vọng, mê say, thương yêu, tha thiết nhất của những con người họ, của chính chúng ta đã bị trĩu cánh xuống, giập nát. Cũng vì nghèo khổ! Cũng vẫn chỉ vì nghèo khổ!

Sự nghèo khổ cũng chưa được cắt nghĩa và chưa được một luồng ánh sáng của ý thức mới chiếu vào, nhưng cũng cạo vào đến xương trắng của chúng ta. Mang những đau xót nhức nhối ấy, chúng ta cũng lại bị thôi thúc vì nhiều ý nghĩ, nhiều câu hỏi. Tuy chúng ta không được Nam Cao trả lời một cách đến nơi đến chốn, nhưng trước một thái độ thật là trung hậu, chân thực như thái độ của Nam Cao, chúng ta càng đi với anh, càng quý mến tin tưởng. Trong cái giai đoạn đen tối đè trĩu lấy con người lúc đó, chúng ta càng thấy phải nhìn thẳng vào sự thực, và chỉ được nhìn thẳng vào

sự thực, đem hết lương tâm ra chịu trách nhiệm trước cuộc sống, tìm một con đường giải phóng.

“Bao nhiêu người nữa, cùng một cảnh, khổ như Diên. Cái khổ làm héo một phần lớn những tính tình tươi đẹp của người ta. Tiếng đau khổ vang dậy lên mạnh mẽ. Chao ôi! Chao ôi! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối; Nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than, vang dội trong lòng Diên: Diên chẳng đi đâu cả, Diên chẳng cần trốn tránh, Diên cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời.

Sáng hôm sau, Diên ngồi viết.

(Trăng sáng)

Qua những truyện ngắn, con mắt nhìn Nam Cao đặt cho chúng ta, những ý nghĩ Nam Cao gọi dậy trong tâm trí chúng ta, và tinh thần trách nhiệm Nam Cao đề ra với chúng ta, càng ngày ta càng thấy rõ hơn. Tới Cách mạng và kháng chiến, chúng ta càng gần với Nam Cao, trân trọng Nam Cao hơn. Chúng ta gần bó, trân trọng quý mến Nam Cao vì Nam Cao nâng hẳn chúng ta lên một mức. Đó là mức ý thức tích cực của một con người trước quần chúng, trước dân tộc, trước lịch sử. Với những trang nhật ký *Ở rừng* và *Vài nét ghi qua vùng vừa giải phóng*, chúng ta được sống thêm với Nam Cao, vẫn trong một tinh thần phải vận dụng hết mình ra để suy nghĩ, tìm hiểu, vượt lên tất cả những đau đớn riêng tây, lao vào cuộc sống chiến đấu mà gánh lấy nhiệm vụ.

Tôi xin được dừng lại ở đây. Tôi xin chỉ được viết về những truyện ngắn của Nam Cao. Những truyện ngắn cách đây mười sáu, mười bảy năm đã da diết tâm trí tôi, lay động ý thức tôi. Những truyện ngắn sao mà quý báu! Càng đọc thêm càng thấy tin cậy, quý báu, càng tiếc. Nam Cao mất năm 1951. Giặc Pháp đón bắt, bắn chết Nam Cao ở bờ sông trên con đường Nam Cao trở về quê nhà công tác. Năm ấy Nam Cao mới ngoài ba mươi tuổi.

7 -1960

HẢI PHÒNG VỚI TÁC PHẨM “CỬA BIỂN” CỦA TÔI

Tôi lớn lên rồi vào cuộc đời ở Hải Phòng, một thành phố kỹ nghệ, một hải cảng, một cửa biển lịch sử. Cuộc sống nơi đây, cái xã hội lao động, lầm than với những phong trào cách mạng của nó, cái mặt đất biển khơi với những dòng sử xanh bất tử của nó, đối với tôi cho đến bây giờ, vẫn là những hình ảnh, những điều gợi nhớ suy nghĩ, những niềm thương yêu và tin tưởng vô cùng.

Đất nước thần thánh và lịch sử hát ru. Đất nước và lịch sử Hải Phòng yêu dấu của tôi. Ngay từ bước đầu vào đời văn, tôi đã thấy đối với Hải Phòng, tôi mắc một món nợ, tôi đã yêu một tình yêu, không có thể nào trang trải, thay thế được, nếu tôi không có những tác phẩm mang tận cùng sự cố gắng và say mê của tôi khi viết về nó. Bao nhiêu năm tháng tôi đã trải qua là bấy nhiêu năm tháng của con người, của cuộc sống và của lịch sử của Hải Phòng đã quần quýt da diết tôi.

Những năm dưới gông xiềng Nhật - Pháp, những năm mà tâm hồn và tư tưởng của con người không thể nào chịu những sự gian dối hơn được nữa, không thể nào thở và sống thêm được nữa với một chế độ bạo ngược cứ một ngày một thất lấy đời mình, càng ngày càng đen tối ngột ngạt ấy... tôi lại càng còn cào vì viết, viết về Hải Phòng.

Hải Phòng với những con người cần lao đau khổ. Những con người đã đem mồ hôi nước mắt của mình tưới cho mặt đất, khát vọng của họ cũng như cuộc đời của họ đã đầm mồ hôi nước mắt luôn luôn phải cố cất lên nhưng cứ bị những sự bất công tàn bạo dập xuống, thậm chí họ cũng không còn được nhìn nhận là có quyền có cuộc đời của mình, có quyền khát vọng, có quyền mơ ước. Tôi phải viết về những con người và cuộc sống ấy của Hải Phòng. Những con người và cuộc sống ấy đã quằn lên, đã bị dập xuống, lại quằn lên, và đã chịu bao nhiêu tan nát, chịu bao nhiêu cái chết. Những con người và cuộc sống ấy đã có những tiếng hét chưa dứt mà cổ đã bị bóp lại, đã có những lúc tâm hồn và ý chí bốc lên thành lửa, bùng lên thành ánh sáng, và đã từ bùn lầy than bụi đứng lên giằng gỡ những xiềng xích. Những con người và cuộc sống ấy đã nhận ra những nguyên nhân của mọi nỗi thống khổ của đời mình, và thấy không thể làm việc gì khác, là tự bàn tay mình phá tan những ngục tù giam hãm mình để từ cái mặt đất đau thương của mình đã chết đi sống lại kia, lại tự tay mình xây một cuộc đời khác, mở ra một bầu trời khác.

Những con người và cuộc sống ấy ở Hải Phòng là những con người và cuộc sống của quần chúng làm cách mạng. Trong cách mạng, họ đã đi đến mỗi người với một sự đau xót, với một niềm khát khao không thể nào xóa nhòa được. Nhưng cũng trong cách mạng, mỗi người đã phải, vẫn với máu thịt của mình, chiến đấu để đánh đổi lấy sự tự do, niềm tin tưởng hy vọng và tương lai cho mình, đã phải chiến đấu một sống một chết với cái giai cấp thống trị đã đàn áp

họ bằng tất cả những sức mạnh tàn bạo nhất và bằng những sự dã man nhất dưới cả súc vật.

Cách mạng: một lò lửa. Trong lò lửa ấy những xiềng xích đã cháy ra. Cũng trong lò lửa ấy những cái gì là thối nát, phản động đã bị chiếu rọi tan tành. Cũng trong lò lửa ấy những cái gì là quý báu nhất, tốt tươi nhất của tinh thần, tình cảm, ý chí con người đã chói ánh lên, rực rỡ, cất cánh.

Hải Phòng với những quần chúng cách mạng của nó, Hải Phòng với những con người và cuộc sống lầm than, đau khổ của nó, Hải Phòng với những năm từ 1935 đến 1945, qua bao nhiêu cuộc biến chuyển với bao nhiêu sự phân hóa trong các tầng lớp xã hội, Hải Phòng thương yêu, đau xót, tin tưởng và chiến đấu của tôi ấy, là đề tài của bộ *Cửa biển* của tôi, mà tôi đã hoàn thành xong phần một là tập *Sóng gầm*.

1939, Đại chiến lần thứ hai bùng nổ. Thống trị Pháp ở Đông Dương chuẩn bị cả một cuộc đầu hàng bọn quân phiệt Nhật. Trong sự chuẩn bị ấy, chúng trở lại đặc biệt khủng bố phong trào cách mạng, bóp nghẹt và cướp lại những quyền lợi mà quần chúng công nông đã giành giật được. Sau những bài báo: *Những giọt sữa*, *Người đàn bà Tàu* đăng trên tờ Mối của Đoàn thanh niên dân chủ xuất bản ở Sài Gòn, tôi bị đế quốc Pháp xử tù ở Hải Phòng. Tôi đã được gặp đồng chí Tô Hiệu trong nhà tù. Cũng trong nhà tù, tôi được sống với những đồng chí công nhân. Có cả công nhân Hoa kiều. Đó là hai cha con ông thợ máy già ngoài mỏ Hòn Gai, và một người cháu của ông cũng là thợ máy. Một lớp huấn luyện theo đề cương Cách mạng tư sản dân quyền do đồng chí Tô

Hiệu hướng dẫn, đã mở liền một tháng ròng cho chúng tôi. Lớp huấn luyện với những bạn học đầu tiên trong đời tôi là những công nhân, những người chiến đấu, những thanh niên dường như hoàn toàn sống bằng lý tưởng, vui tin và hy vọng. Lớp huấn luyện còn thu hút cả những chị em công nhân và những nữ thanh niên dân chủ giam ở xà lim riêng, bên kia trại chúng tôi. Trong số chị em bị giam đó có cả một đứa bé còn phải ẵm. Đó là con anh chị Đồng, công nhân Nhà máy xi măng. Anh Đồng cùng giam với tôi. Tôi suýt quên: chị Đồng lại đang có mang. Trong nhà tù, đứa hài nhi này đã được ra đời, nhưng lại chết sau khi lọt lòng mẹ. Chị Đồng bị sẩy thai trong xà lim. Tin đó chúng tôi nhận được một buổi sáng mùa rét, cửa các trại giam mở ra quét dọn. Chúng tôi chỉ được lờ mờ nhìn nhau và ra hiệu cho nhau. Những ngày mùa rét năm ấy, sao mà ghi nhớ! Đồng chí Tô Hiệu ho lao nặng. Chúng tôi phải chia cho nhau từng cái đầu tôm mặn trong những bữa ăn. Đồng chí Tô Hiệu cả một bữa ăn cũng chỉ có hai cái đầu tôm, và, đêm lạnh, anh em nhường chần cho đồng chí cũng không nhận. Cả ngày đồng chí hướng dẫn anh em thảo luận. Trưa tối và khuya đồng chí ngồi còm côi gò ngực trên miếng biển gỗ đề số tù để viết tài liệu sáng mai truyền sang cho xà lim phụ nữ.

Những chị em nọ án nhẹ hơn được thả ra trước. Tất cả rồi lại lao vào chiến đấu trong phong trào.

Ở tù ra, tôi trở lại xóm Cẩm rồi xóm Chùa Đông Khê, những xóm lao động nghèo thảm của tôi. Tôi viết tập *Xóm Cháy*. Tôi đã viết được bốn chương. Tháng 6 -1940 đế quốc

Pháp trước cuộc tấn công của phát xít, tuyên bố Ba-lê bỏ ngỏ. Chính phủ đầu hàng, phản bội và phản động Pê-tanh lên. Tôi lại bị bắt, tôi bị đưa đi giam ở trại tập trung Bắc Mê, Hà Giang. Bốn chương *Xóm Cháy*, tôi lại để lại cho mẹ tôi và em gái tôi. Thế là những chương tiểu thuyết viết về Hải Phòng ấy bị đứt đoạn! Lên trại giam được mấy tháng, tôi lại tiếp tục viết. Tôi viết lại từ đầu, viết hẳn những chương mới. Buổi trưa đi làm *cỏ rế*, tôi viết ở một góc cây mé sau trại. Tối khuya, tôi viết trên cái mặt hòm gỗ bưu kiện với ngọn đèn dầu lạc. Dầu lạc mẹ tôi gửi từ Hải Phòng lên, cùng với cá khô, tôm kho mặn và mắm ruốc. Năm ấy dầu tây khan hiếm, vả lại gửi dầu tây rất dễ đổ vỡ, dây dính vào thức ăn, vì từ Hà Giang vào Bắc Mê phải thò bằng ngựa lội qua hàng chục con suối. Có những ngày tôi sốt rét và ho ra máu, tôi nằm đọc cho một đồng chí viết. Đạo sau này tôi viết bằng bút chì. Tất cả được gần 300 trang giấy poluya mỏng. Tập *Xóm Cháy* viết xong, tôi ghép lại thật chặt, bọc bằng tờ giấy dầu, giấu trên nóc mái lá đầu sàn chỗ tôi nằm... Hoàn thành xong bản thảo này và cất giấu đi, tôi cũng không mong được xuất bản hay gửi ai đưa về nhà cả. Trừ phi chiến tranh kết liễu, cách mạng thành công, hay tôi được tha. Thì một tối... tôi giờ xem tập *Xóm Cháy*, không thấy đâu nữa. Thời kỳ này “căng” đương bị khủng bố. Những “chó” lớn, “chó” bé ở “căng” cùng với bọn “a - b” cài vào cứ sin sít.

Tôi ngơ ngẩn không biết là bao nhiêu lâu. Nhưng rồi tôi lại viết. Tôi không viết tiểu thuyết nữa. Tôi viết những mẫu ngắn ngắn giả làm nhật ký và thư. Lúc được tha về, tôi lấy một số mẫu đó viết thành tập *Cuộc sống*.

1942, tôi về quản thúc ở Hải Phòng. Bốn chương đầu của bản thảo đầu tiên trong *Xóm Cháy*, mẹ tôi giữ cho tôi vẫn còn. Cầm trong tay, đọc lại những chương truyện mà bao nhiêu người quen biết, thân thuộc trước đây, kẻ xiêu tán đi hết, kẻ vẫn tiếp tục chiến đấu, kẻ tù đầy, chết, đưa quay ra phản bội, đưa giàu có mãi lên, giữa cái thành phố từng giờ, từng ngày rền rú còi báo động bom Mỹ, hết nhà máy này đến xưởng thợ khác đóng cửa, cứ hàng nghìn hàng nghìn thợ đuôi ra, bơ vơ không còn biết đi đâu, đêm đêm phố xá lạnh vắng với ánh đèn xanh, gọi là đèn phòng thủ, tinh mơ dậy đã thấy tiếng vó ngựa lộp cộp, tiếng ngựa hí, tiếng gót giày đinh xào xạo ngoài đường, tiếng những thanh gươm xàn xạt bên đùi của những sĩ quan Nhật lạnh lùng, tàn bạo,... đọc lại *Xóm Cháy* và sống giữa những ngày ấy, tôi lại thấy còn cào cả tâm trí, và lại thấy phải viết tiếp. Nhưng tôi thấy không thể sao viết tiếp, viết lại được. Những đau xót, những u buồn cứ đè trĩu xuống ngòi bút tôi. Càng cố đưa ngòi bút đi chỉ mong được lấy mấy dòng đầu thôi, thì ngòi bút lại càng quẩn lên, nặng nhọc vô cùng, và không làm sao ra chữ. Không những tôi không viết tiếp được mà cuối cùng tôi đã xé cả bốn chương kia đi. Khi xé xong và đốt thành đống tàn ở trước mặt, tôi đã giấu cả vợ tôi. Tôi xé và đốt đi như thế để một ngày tới đây, tôi sẽ viết hẳn lại, viết khác hẳn, thêm nữa những nhân vật, những con người, thêm nữa những cuộc đời và những cuộc chiến đấu, thêm nữa những chuyển biến và sự thật - những nhân vật, những con người, những cuộc đời, những cuộc chiến đấu, những chuyển biến và sự thật mà cách mạng và thời gian đã cho tôi thêm ánh sáng để soi

chiếu và suy nghĩ, mà cách mạng và thời gian đã mở ra cho tôi thấy được những chiều sâu, đã làm cho tôi thấm thêm được những sức nặng, vừa đòi hỏi ở tôi, vừa cho phép tôi tin tưởng hơn nữa, ở sự cố gắng lớn mạnh của mình.

Cách mạng tháng Tám thành công... Kháng chiến bùng nổ... Nhân cái đà sau khi viết được xong tập “Địa ngục” và “Lò lửa” tôi trở lại với những dự định cũ. Hải Phòng bây giờ đương nằm trong vùng tạm chiếm. Những Nhà máy xi măng, Bến Sáu Kho, khu Gia Lạc viên, Phốt Phát, Hạ Lý, Máy Tơ, Máy Chi... những con sông Tam Bạc, sông Dế, sông Cửa Cấm... những cầu Ca Rồng, chợ Vườn hoa đưa người, chợ Cột đèn và cái xóm Cấm, xóm Chùa Đông Khê xa xôi của tôi kia, cứ mỗi lúc hiển hiện lên trong trí tưởng tượng của tôi lại càng làm tôi xa xót. Những lúc tôi ba lô trên vai, đi một mình trên những nẻo rừng ngút ngàn Việt Bắc,... những lúc nhìn những làn khói bom giội xuống đen ngòm, của những trận máy bay giặc oanh tạc điên cuồng ở chung quanh tôi; ... những canh khuya tôi thức giấc ở cơ quan càng ngày càng lùi mãi vào những thẳm rừng,... những bữa ăn làn khói cơm bốc nóng chung quanh tôi đông đủ có mẹ tôi, vợ tôi và các con trai tôi... thì Hải Phòng xa xôi, đau thương và vẫn chiến đấu của tôi kia biểu hiện lên sao mà rõ và nung nấu?

Những năm đó tôi đã chỉ nghĩ làm sao tôi lại được trông lại Hải Phòng, chân tôi lại được đi trên những con đường Hải Phòng, và Hải Phòng mà tôi trở lại đó sẽ là Hải Phòng giải phóng để tôi ôm rồi hát lên cùng với nó. Phải! Tôi đã chỉ

tưởng nghĩ như thế, còn viết về nó tôi vẫn thấy ngại ngùng và không sao cất nổi những dòng chữ bắt đầu...

*

* *

Nhưng những dòng chữ bắt đầu không những đã bắt đầu được mà đã thành trang, thành tập. Tôi đã trở về Hải Phòng giải phóng. Tôi đã trở về với Hải Phòng những ngày đầu tiên tiếp quản. Tôi đã trở về với Hải Phòng tàn phá tan hoang dần dần khôi phục. Tôi đã trở về với Hải Phòng không những đã lên da lên thịt, khí huyết dạt dào, mà còn tươi sáng lên, rục rỡ, nguy nga. Hải Phòng đương nhả khói, đương vang động các tiếng còi tàu. Hải Phòng đương từng giờ từng giờ đổi khác với những cơ sở công nghiệp, với những khu công nhân, với những trường học, những vườn hoa, những nhà thương, những phòng đọc sách, những nhà ăn công cộng, với những con người từ đây vĩnh viễn làm chủ đời mình, những con người lao động mà cha ông đã đổ mồ hôi xây dựng, đã rỏ máu chiến đấu cách mạng và kháng chiến, và con cháu mình đương lớn lên dần dần vào các nhà máy, xưởng thợ và chia nhau đi các công trường, nông trường toàn đất nước. Tôi đã trở về Hải Phòng với một tuổi bốn mươi và một tâm hồn thấy trẻ, thấy khỏe, rạt rào chưa từng thấy.

Tất cả những nhân vật, những cuộc đời, những chuyển biến và những cuộc chiến đấu mà tôi nghiền ngẫm kia, đã nhuần nhuyễn đến độ mỗi lúc tôi tưởng tượng ra thì lại hiện lên roi rói thành xương thành thịt hoạt động lên ở trước mắt

tôi, nâng đỡ ngòi bút tôi, thì thầm kể lể, và thôi thúc ngòi bút tôi phải viết. Tôi đã viết xong *Sóng gầm*, một giai đoạn chuyển biến của những nhân vật, những công nhân, những dân nghèo thành thị và những tiểu trí thức sống trong những phong trào Mặt trận bình dân từ năm 1935 đến 1939.

1958 tôi đi thực tế ở Nhà máy xi măng, thời gian ấy tôi đã hoàn toàn dành cho công việc xây dựng *Sóng gầm*. Tôi rất ít ghi chép tài liệu về những đời sống và những sự việc. Tôi chỉ hỏi và nghe. Tôi chỉ nhìn ngắm và suy nghĩ. Tôi chỉ hồi hiện và phác tả. Tôi chỉ tưởng tượng và tưởng tượng. Ngay trong khi tôi xếp gạch cò-lanh-ke ở lò nung, hay đẩy goòng, hay lái xe cày, ngay trong khi tôi làm việc, hội họp, chuyện vui, ăn uống, đi chơi với những bà con anh chị em công nhân ở đây, tôi đều không thấy mình là nhà văn và là nhà văn đi lấy tài liệu, tìm tài liệu gì cả. Tôi chỉ là một con cháu của đất Hải Phòng, sống với những bà con thân thuộc của mình ; dĩ vãng của họ, lịch sử của họ gắn với dĩ vãng và quá trình trưởng thành của tôi như chính là dĩ vãng và lịch sử của cha ông tôi, của con cháu tôi. Từng mảy may ý tình của những anh chị em công nhân chung quanh tôi, của gia đình công nhân nơi tôi ăn ngủ và đi lại, mà tôi được nghe họ thổ lộ, tôi đều không thấy xa lạ một chút nào và chỉ làm tôi càng thấm thía, làm tôi càng thấy rạt rào, càng thấy thêm bao nhiêu sự sâu xa, yêu mến của con người. Tôi sống một sự sống rất hàng ngày với tất cả những diễn biến bình thường của nó. Nhưng khi xây dựng cốt truyện, khi xây dựng lại những nhân vật, khi đề lên những vấn đề của những nhân vật, thì lại là những phút cao độ nhất, quyết liệt

nhất, mê man nhất của tôi trong một sự hủy diệt và tái tạo phức tạp nhất. Tôi thật làm nhà văn. Tôi phải sáng tạo. Tôi phải chịu những trách nhiệm đặc biệt. Sự sống của văn học đòi hỏi tôi phải vui trước, đau trước, hy vọng trước, thấy tương lai trước; tôi phải dựng lên cho mặt đất những con người, những cuộc sống có phần nhuần nhuyễn, tươi rói, sinh động còn hơn cả những cuộc sống, những con người đã có mặt trên mặt đất với tôi. Nếu không được thế, thì cái nợ, cái ơn tình, cái nghĩa sống mà họ đòi hỏi ở nơi tôi, lòng tin cậy của họ đối với tôi, chức năng mà họ đặt cho tôi, vinh dự và tình yêu của họ choàng ấp cho tôi, tất cả những điều đó, tôi không trả được không đền đáp được! Tôi không xứng đáng một chút nào hết.

Tôi đã viết *Sóng gầm* không ở Hải Phòng mà ở Yên Thế, quê hương chiến đấu của anh hùng Hoàng Hoa Thám. Trong khi viết *Sóng gầm*, tôi lại sống với những người nông dân ở chung quanh tôi, những con người sau đây rồi tôi lại phải trả nợ trong cuốn tiểu thuyết lịch sử về Yên Thế và Hoàng Hoa Thám. 1959 tôi đã viết xong năm chương đầu *Sóng gầm*. Năm chương ấy tôi lại bỏ đi. Tôi viết lại toàn tập *Sóng gầm* cho đến tháng chín 1960 thì lại đi thực tế.

Lần này tôi về Cảng Hải Phòng. Lối làm việc của tôi lần này cũng như lần về Nhà máy xi măng. Tôi không sửa chữa gì *Sóng gầm* trong thời gian này cả. Tôi chỉ đọc lại, mỗi ngày đọc một đoạn, và tôi đọc thêm các sách lịch sử, tôi đi tìm những dấu vết di tích, những chuyện của các cuộc chiến đấu chống xâm lăng, của phong trào cách mạng, của kháng

chiến. Đi thực tế về, tôi vào bàn viết ngay. Tôi lại về Yên Thế. Tôi lại viết trên cái giường tre cũ, giải chiếu ngồi dưới đất, mắt trông ra những ngọn đồi, những cánh đồng, những cụm rừng, những dòng suối vẫn còn như đầy đủ những con người và không khí chiến đấu của Hoàng Hoa Thám trước đây, và của cả chín năm kháng chiến vừa qua. Tôi lại viết và thấy như vẫn còn Nguyễn Huy Tường ngồi ở trước mặt tôi bên cái bàn mà các con nhỏ tôi vẫn nhắc: “Bàn bác Tường viết đấy!” chuyển anh lên nhà tôi sửa và viết lại *Bốn năm sau*.

Gian đây có sẵn một bếp củi nhỏ. Đọc xong, tôi nhóm lửa lên sưởi và đun nước uống, ăn khuya rồi đi ngủ. Giấc ngủ của tôi thường là sự hoạt động, diễn biến mới của những nhân vật sắp tới. Nhưng tôi không vì thế mà thấy mệt nhọc. Sự yên tĩnh và cái không khí khoáng đãng của bầu trời khuya đã gọi tắt cho giấc ngủ của tôi. Vừa phần tôi thấy tôi yên tâm, vui sướng hơn và tin cậy hơn khi hết một chương và bắt đầu thêm chương mới. Nhưng gần đến những chương cuối và bước vào mùa bức thì dần dần, tôi thành một đồ vật. Tôi lại phải viết cả tối, nhiều trưa không ngủ. Định đầu tôi đã nhiều lúc mỏi tê, khi gọi đầu tôi không dám cào mạnh vì đụng tay vào thì làm nhức chói ghê gớm.

Nhưng rồi *Sóng gầm* đã tới đoạn chót. Thêm một đứa con của tôi gửi vào cuộc đời! Thêm một phần máu thịt của tôi trả lại cho cuộc sống. Đúng vào mùa thu 1940 đây, trên trại giam tập trung ở Hà Giang, tôi đang viết *Xóm Cháy*. *Xóm Cháy* đã bị thủ tiêu, đã bị bỏ dở, đã chết đi sống lại qua hơn hai mươi năm kia.

Tôi đã viết xong *Sóng gầm* với trọn vẹn tấm lòng tin yêu ở cuộc sống mà Đảng đã gắn chặt đã soi sáng cho tôi, mà quần chúng cách mạng đã là một nguồn kích động vô cùng thấm thía của tôi. Xong *Sóng gầm*, tôi lại trở về Hải Phòng và đi những vùng quê xưa của tôi ở Nam Định và những vùng quê Thái Bình, Hưng Yên mà tôi đã được nghe bà tôi, mẹ tôi kể những chuyện hồi tôi còn nhỏ.

Tôi chuẩn bị viết tập *Thời kỳ đen tối* trong bộ *Cửa Biển*.

CON NGƯỜI VÀ TRÍ TUỆ, VỐN SỐNG, TINH THẦN LAO ĐỘNG VÀ LÒNG YÊU NGHỀ CỦA NHÀ VĂN

Một trong những nhân vật và những câu chuyện đã làm tuổi trẻ tôi mê say nhất là Na Tra tam thái tử trong tiểu thuyết *Phong thần*. Na Tra là con thứ ba của Lý Tĩnh, người ta thường gọi là Tháp tháp Lý thiên vương. Na Tra ít tuổi, nhỏ người, nhưng rất nghịch. Một hôm Na Tra cùng các bạn trẻ con đi ra sông tắm, vùng vẫy bơi lội chán thì đem giặt khố. Dưới sông bỗng nổi phong ba bão táp, Thủy tinh cung rung rinh nghiêng ngả, thủy quái choáng ngất bị chết, xác nổi lên đầy mặt sông. Long vương kinh hãi, cho thủy thần lên bờ xem thì thấy một thằng bé trần truồng đương tắm giặt. Thủy thần thét giận, sai quân hỏi xem con cái nhà ai để bắt giữ. Na Tra bèn xưng danh ngay là con thứ ba Tháp tháp Lý thiên vương và xông lại đánh. Cả thủy thần và quân lính đều bị thương, tả tay chạy hết cả xuống long cung.

Long vương cả giận truyền đem chiếu chỉ lên bắt Lý Tĩnh. Lý Tĩnh cả sợ, gọi Na Tra để cùng đi tạ tội thì Na Tra lại đi chơi. Lý Tĩnh cho người đi tìm, Na Tra nghe gọi cũng mặc. Lý Tĩnh phải sai Kim Tra, Mộc Tra đem mấy người nhà đi đón Na Tra về. Na Tra không những không chịu về, còn đánh đuổi cả hai anh và bọn gia nhân. Lý Tĩnh giận quá,

thân đi bắt Na Tra, Na Tra không để cho cha bắt. Lý Tĩnh đuổi đánh Na Tra. Na Tra cứ chạy, không chịu nhận tội, không chịu theo cha đi tạ tội. Na Tra bị đuổi đánh rất quá, lại chạy ra sông. Đến bờ sông, Na Tra gạt vũ khí của cha đi, vừa khóc vừa lạy cha và tự tay mình lóc hết da thịt xương cốt của mình trả lại cho cha rồi chết bên sông.

Phật tổ Như Lai đi qua thấy thế bèn đưa hồn Na Tra về Tây Phương, lấy ngó sen làm gân cốt, lá sen, cánh sen làm da thịt, hương nhụy làm khí huyết, dựng Na Tra lại, thổi nguyên khí vào cho Na Tra hoàn sinh.

Một Na Tra mới ra đời, vẫn bé nhỏ nhưng tươi đẹp, khỏe mạnh phi thường. Tay cầm Càn khôn quyền, chân đạp Phong hỏa luân, Na Tra lại trở về với cha, phù Khương Tử Nha đi đánh Trụ vương, ra trận chiến đấu muôn người khôn địch.

...Na Tra với *Phong thần*, tôi đã đọc cách đây ba mươi năm, ba mươi sáu năm hơn, ngày tôi chưa đầy mười tuổi. Không biết tôi có nhớ đúng hết không nhưng cảm xúc và hình ảnh đã rung động cả tuổi thơ tôi, từ bấy đến nay vẫn còn tươi rói trong tâm trí tôi. Không biết bao nhiêu lần tôi đã muốn được là Na Tra, sau những trận cha tôi đánh mắng vì tôi đã trốn học đi bắt cá, tìm rễ tìm cây, đuổi bướm, săn ong, hay bỏ cả sáng chủ nhật đi lễ nhà thờ mà phạm vào những tội trên kia chứ chẳng có đi tắm sông tắm biển, giặt khố giặt quần, làm nổi phong ba bão táp, động đến long cung, làm chết thủy quái, và đánh lại thủy thần nào cả.

Một nhân vật và một câu chuyện tôi xin phép kể lại với trí nhớ đã mờ nhiều của tôi.

Và tôi xin phép được kể thêm một nhân vật và một câu chuyện nữa đã làm mê đắm tuổi thơ của tôi không kém là Tôn Ngộ Không trong tiểu thuyết *Tây du*. Tôi vui say tung hoành với Tôn Ngộ Không bao nhiêu thì cũng cùng Tôn Ngộ Không đau khổ, bực giận bấy nhiêu. Đau khổ, bực giận vì trong cuộc trường hành thiên san vạn thủy đi lấy kinh với Đường Tam Tạng, Tôn Ngộ Không cứ phải đi bộ. Thậm chí đến những trường giang, mệnh môn sóng dữ, đầy yêu ma, mặc dù có thất thập nhị huyền công, bảy mươi hai phép thần thông biến hóa, Tôn Ngộ Không muốn cưỡi, muốn đi Đường Tam Tạng bay qua cũng không được. Cả từng quả núi Tôn Ngộ Không di chuyển cũng chỉ nhẹ như không, cây thiết bổng của Tôn Ngộ Không nặng hàng bảy ngàn tám trăm cân, Tôn Ngộ Không cảm thấy chỉ nhẹ như chiếc lông, vậy mà khi cỡi Đường Tam Tạng trên lưng, nghĩa là mang một thứ xương thịt của loài người trên mình, thì Tôn Ngộ Không thấy nặng vô cùng, không tài nào diu nó cùng mình cất bay lên khỏi mặt đất được, càng cố càng trĩu xuống, càng hoàn toàn bất lực.

Sao lại như thế?

Còn sự đau khổ bực giận của Tôn Ngộ Không da diết tôi nữa là mỗi khi Đường Tam Tạng thấy Tôn Ngộ Không cưỡng lời mình suy nghĩ và định làm những điều gì mà Đường Tam Tạng không cho phép, Đường Tam Tạng chỉ niệm chú một câu tức thì cái *mão kim cô* chụp trên đầu Tôn Ngộ Không liền thất lại, khiến Tôn Ngộ Không nhức nhối hết thần kinh, không sao chịu nổi, liền phải ngoan ngoãn vâng nhời.

*

* *

Bốn mươi năm qua... Bốn mươi năm tuổi, tôi vẫn thấy tôi là một đứa trẻ và không gian tôi đang sống vẫn đang là của một mùa xuân... Trong mùa xuân của chế độ xã hội chủ nghĩa này, tôi đã từng thấy có những con người, những tâm hồn, những tư tưởng, giữa sự ruồng bỏ xô đuổi của cuộc đời, đã bỏ trốn và tự lóc xương lóc thịt mình ra đổi lấy một sự sống khác với một xương thịt và tinh thần khác. Sức sống của những con người, những tâm hồn, những tư tưởng kia đã tươi trẻ, khỏe mạnh khác thường. Trong số những con người, những tâm hồn, những tư tưởng ấy, tôi thấy có không ít của những văn nghệ sĩ. Những văn nghệ sĩ này đã được Cách mạng đắp thịt, dựng xương, thổi linh hồn mới vào cho, rồi lên đường với thứ vũ khí càn khôn, với đôi bánh xe bay như gió như lửa của mình là: Sáng tạo.

Những ai đã từng được nghe một sức sống mới lạ, một linh hồn mới lạ dào dạt cuộn cuộn trong cảm xúc, trong tinh thần mình như một làn nước phù sa mát lạnh menh mông tràn ngấm?

Tôi đã nghe thấy.

Tôi còn được nghe thấy từ xương thịt và tâm hồn tôi những xương thịt và tâm hồn khác đã nảy ra, từ từ đứng dậy, lớn lên đi vào cuộc đời với một đời sống mới lạ, riêng biệt của nó. Những con người và tâm hồn này, cũng giữa những trói buộc xô đuổi ruồng bỏ, đã phải tự chiến đấu để

giữ lấy tên tuổi bóng hình và tiếng nói của nó. Nó đóng góp thêm vào sự sinh động, phong phú, mới lạ của cuộc đời. Nó đặt cho cuộc đời thêm những suy nghĩ về thương yêu; nó gọi nhắc thêm cho cuộc đời những đau xót, căm giận, tin tưởng, trách nhiệm và ý nghĩa của sự sống chiến đấu.

Không có gì hồi hộp sung sướng bằng những phút giờ này.

Không có gì đánh đổi được những phút giờ này.

*

* *

Và trong cuộc đời, trong quá trình đấu tranh và sáng tạo, tôi còn thấy giữa con người-con người bằng xương bằng thịt đi trên mặt đất của sự sống này-và trí tuệ, óc tưởng tượng của con người không còn bị ngăn cách, trĩu nặng nữa.

Óc tưởng tượng và trí tuệ của nhân loại đã mang chở con người xương thịt của mình bay lên vũ trụ rồi. Bay lên vũ trụ rồi nhìn trở lại trái đất xanh xanh, đặt thêm nữa những bài tính về sự chinh phục vũ trụ, gọi thêm ra, đi sâu nữa vào những cuộc khám phá về sự sống, và sáng tạo nữa. Bay lên vũ trụ sáng khoái, hào hùng, hồi hộp, suy nghĩ rồi lại quay về mặt đất, càng sáng khoái, hào hùng hơn, càng yêu thương, vui tin hơn, mồ hôi da thịt càng rõ giọt, mồ hôi ở trí não càng rõ giọt...

Những con tàu Phương Đông một, Phương Đông hai, Phương Đông ba, Phương Đông bốn vừa nối tiếp nhau cất cánh kia, trên bầu trời mây xanh hay lung linh trắng sao,

mỗi lúc tôi ngược mắt nhìn lên vẫn thấy như còn có những đôi mắt, những nụ cười và những vầng trán của những Gagarin, Titốp, Papôvích và Nicôlaép hiển hiện lấp lánh với bốn đường ánh sáng kết bằng cánh thiên thần và hoa hồng, dòng dòng hương thơm của trí tuệ và tư tưởng cộng sản, vù vù bay trong vũ trụ. Hay dùng một hình ảnh khác, thì tôi thấy cũng vẫn dưới bầu trời mây xanh bát ngát ban ngày, và lung linh trắng sao ban đêm, trên mặt trái đất của con người vút lên một cây nến thần kỳ, quần cò búa liềm xuyên qua các lớp khí quyển, cháy sáng một búp lửa, dội tia đi các vì sao. Đó là những tia sáng của búp lửa trí tuệ và tư tưởng cộng sản.

Phải! Trí tuệ và tư tưởng không còn cực nhọc vì mang chở con người của nó nữa. Con người đã thật được sung sướng, thật được tin tưởng ở trí tuệ và óc tưởng tượng của mình trong việc thực hiện những giấc mơ hàng ngàn năm nay đã làm mình nhức nhối cả cảm xúc và tâm hồn...

Và nếu như đã có những giấc mơ hàng ngàn năm nay đã làm con người nhức nhối tất cả cảm xúc và tâm hồn, thì tôi cũng đã mang một phần nào sự nhức nhối chung ấy. Làm tôi nhức nhối đó là những nhân vật. Những nhân vật bấy lâu chập chờn trong óc tưởng tượng của tôi; lúc tan biến, lúc kết tụ; lúc thì thâm, nhắc nhủ, thôi thúc, lúc lạnh lẽo thờ ơ. Những nhân vật mà tôi nhiều lúc thấy cơ hồ mãi mãi chỉ là những ý niệm, chỉ là những vấn đề ấp ủ trong sự suy nghĩ mơ tưởng của mình thôi, khó mà dựng lên được thành xương thịt, đưa nó ra ánh sáng của mặt đất.

Sự lo lắng ấy của tôi đã được giải quyết.

Với kinh nghiệm của cuộc sống, với kinh nghiệm của cuộc sống soi chiếu dưới ánh sáng của duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với kinh nghiệm của sự sống kết đúc lại dưới ánh sáng thần kỳ ấy tạo thành một sự hiểu biết về con người, về các mối tương quan của nó trong đời sống xã hội, về những mâu thuẫn nằm ở chính ngay bản thân nó, về quá trình phát triển của nó... Phải! Chính chỉ có hiểu biết, có nắm được những qui luật trên kia, đồng thời có được những lá sen, ngó sen, nhị hương sen của sự sống kia, mà tôi đã thực hiện được những ước mơ sáng tạo của mình. Trí tuệ tôi không phải chịu sự bất lực cực nhọc trước những đối tượng con người nữa. Trí tuệ của tôi đã cho phép sức sáng tạo của tôi mang những nhân vật ẩn từ những lớp bùn đất, quặng rắn và gai góc phức tạp vô cùng của vật chất ra hẳn mặt đất, nhắc bổng nó lên cho nó hiển hiện, cất bay trong vũ trụ.

Nếu như trí tuệ và trí tưởng tượng của nhân loại đã chờ những Gagarin, Titốp, Papôvích, Nicôlaép là xương thịt và óc não của mình du hành trong vũ trụ, thì trí tuệ và trí tưởng tượng của một số nhà văn cũng đã tự chờ mình và những nhân vật của cuộc đời du hành trong vũ trụ. Một thứ vũ trụ của sự suy tưởng, của cảm xúc, cũng vô cùng vô tận, nhờ ánh sáng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và nhờ nhiệt tình chiến đấu và sức sáng tạo của mình phục vụ cách mạng, phục vụ dân tộc, phục vụ quần chúng lao động.

Và cái *mão kim cô* mà trước đây tôi lo ngại sẽ thất lấy ý muốn và sức sáng tạo của tôi không còn là một ám ảnh nữa!

Quy luật của sự sống... mối liên hệ giữa tôi với xã hội, với quần chúng... nhận thức về chức năng của mình, về công việc tôi phải đóng góp, về vị trí và vinh dự nhân dân dành cho tôi, về trách nhiệm tôi phải làm tròn... nhận thức về tiền đồ của dân tộc, của nhân loại... đó là phạm vi của sự tự do, của sức vùng vẫy, của những khát vọng, của những lo lắng, vui tin, đau buồn, sung sướng của tôi... đó là phạm vi của sức sáng tạo của tôi.

Ý thức của tôi tự thất hay nói cỏi cái *mão kim cô* của trí tuệ và lòng khát muốn của tôi. Ý thức của tôi trong kỷ luật của sự sống của cách mạng. Kỷ luật này tôi phù hợp được thì chỉ làm tôi thêm sức mạnh, mũi nhọn của sức sáng tạo của tôi càng nặng, càng bén, càng tung hoành, và những khát muốn của tôi càng như ngọn lửa trên ngàn độ được tập trung vào những vật chất cần phá vỡ, cần đúc kết, hay càng như sức đẩy của hỏa tiễn và tốc độ vũ trụ có lái hướng của con tàu vũ trụ vậy...

*

* *

Nếu như Cách mạng đã đắp thịt, tiếp máu và thổi vào tôi một linh hồn tươi trẻ, và nếu như công việc của tôi chỉ có thể xứng đáng với hai chữ sáng tạo khi nào thật tôi cũng đắp thịt, tiếp máu và đưa vào cuộc đời một linh hồn, nghĩa là một sự sống, một sức mạnh, thì ý nghĩa của sự tu dưỡng càng thêm khẩn thiết, quan trọng và thật là chính yếu.

Tôi đây tôi xin phép được đề cập đến sự trau dồi vốn sống, tinh thần lao động nghệ thuật và lòng yêu nghề của văn nghệ sĩ.

Tôi thấy như ta có được máu thịt mới của cách mạng bồi đắp cho thì chính là ta đã chuốc lấy cũng bằng máu thịt, bằng mồ hôi trán và hơi thở cường độ nhất của một sự lột xác, của một cuộc chiến đấu lâu dài và triệt để trong tâm hồn và tư tưởng ta vậy. Cũng như ta muốn đưa vào cuộc sống thêm những con người mới, những linh hồn, những tư tưởng mới, truyền cho cuộc sống những tình cảm, những tư tưởng mà ta muốn lấp lánh những ánh đặc sắc của sự sáng tạo của ta, thì những con người mới, những linh hồn tình cảm và tư tưởng mới đó phải từ trái tim, từ tinh thần ta lấy những mảng da thịt và óc não của ta mà dệt nên, mà đắp vào cuộc sống.

Địa vị của ta, những cái gì mà ta được hưởng, được trả lại đều do đó mà quyết định. Tôi xin phép được dẫn ra một ví dụ rất thông thường của đời sống hàng ngày, và tôi xin trở lại gần cận với đời sống hàng ngày đó. Chúng ta như là những người bỏ ống và mua họ của bà con hàng xóm, hay của anh chị em trong công đoàn cơ quan. Phải! Chúng ta chỉ là những người bỏ ống và mua họ một cách thông thường trong xã hội. Nếu như ta muốn có một cái *Môtcôvit* của đời sống thì ta phải bỏ tiền tiết kiệm, rồi lấy xe về với một món tiền ba hay bốn ngàn đồng. Hay ta muốn có một xe đạp Thống nhất đàn ông hay Hữu nghị đàn bà để cả ta, vợ ta, con gái lớn, con trai nhỏ chúng ta đi được thì theo thời giá ta phải bỏ hai trăm tám mươi hay hơn ba trăm đồng. Nhưng

nếu ta chỉ có một ngàn đồng mà cứ nhất định lấy *Môitcôvit* hay một trăm đồng mà cứ lấy “*Thống nhất*”, “*Hữu nghị*” thì ta phải đi vay, đi mượn; Vay mượn hay giật lừa của bạn thì không phải chịu lãi, vay của ngân hàng thì phải trả lãi, nghĩa là vẫn phải trả bằng tiền mình làm ra... Còn như nếu ta không bỏ tiết kiệm một đồng nào, hay chỉ vay mượn rồi quyết, mà cứ bộ *Môitcôvit* và “*Thống nhất*”, “*Hữu nghị*” về thì lập tức ta sẽ được nhiều sự can thiệp của xã hội.

Hoặc giả như muốn xây một cái nhà thì ai kia phải có gạch, ngói, xi măng, gỗ, sắt v.v... Còn như chỉ có nước bọt mà muốn có nhà xây thì đó là làm quỷ thuật. Hơn nữa, lại đem cái nhà hư cấu, cái nhà ma mị ấy mà bán lại, nhường lại cho chung quanh rồi lấy tiền, dù công việc ấy có được người chứng nhận hay dấu triện nào đóng cho, thì cũng sẽ được nhiều sự can thiệp của xã hội.

Trong văn học nghệ thuật, trong sự sáng tạo nghệ thuật, để có một số vốn sống, để xây dựng một công trình, để đem đến thị trường xã hội đổi lấy và đem về của xã hội, của quần chúng một cái gì, tôi xin phép được ví dụ và so sánh một cách nôm na lẫn thẩn như trên.

Và tôi nghĩ để có vốn sống xây dựng một cái gì, để trả lại bát họ của cuộc đời đã đóng cho mình, để được có một cái gì là mồ hôi và sự quý mến tin cậy của quần chúng, tôi thấy chỉ phải bằng mồ hôi và đem mồ hôi mà đóng góp, mà đền chuộc. Tôi muốn như con chim bồ câu, ngày lại ngày từng phút, từng phút tha rác làm tổ; từng canh từng canh thay phiên nhau ấp trứng, thâu đêm một mình đứng ở cửa chuồng

nghe động tĩnh của trời đất, rồi đi nhặt từng hạt thóc hạt gạo, hạt đỗ, hạt muối cho chim non nó rúc vào mỏ mà nhay mà hút cho đến khi chim con ra giàng dều dít bay chuyền, rồi bay thật cao, bay thật xa vào trời mây, đồng ruộng của sự sống...

Chim bồ câu có được một cái tổ và đẻ đôi trứng chỉ bằng hai hòn cuội trắng nhỏ phải đi tha từng cọng rom vương, từng chiếc lá rụng, và chim câu nuôi được chim non từ là núp xương thịt mọng mọng phập phồng thoi thóp cho đến khi chim non bay vút lên và bay xa vạn dặm, phải đi nhặt từng hạt thóc, hạt đỗ, hạt muối.

Có những bông mật ngọt sắc và thơm say, con ong phải đi chọn kiếm từng giọt phần trăm ly khối nhụy hoa.

Tôi đặt sự cần cù ấy trước lương tâm và tất cả mọi phút suy nghĩ về sáng tạo của tôi. Tôi thấy tôi phải cần cù như thế, hãy chỉ như thế trước đã trong công việc sáng tạo. Đó chỉ là những công việc của bản năng và hình thái sống của man sơ, thì tôi xin cứ lấy đó là một sự nhắc nhở, một châm ngôn cho sự sáng tạo của mình, cho tinh thần trách nhiệm và ý nghĩa việc làm của mình.

Cuối cùng, về tình yêu nghề của văn nghệ sĩ, tôi cũng xin phép được kể một chuyện nọ. Có một đồng chí đảng viên của Đảng ta bị ốm nặng, nằm đã lâu trong bệnh viện. Tổ chức đã hết sức chăm sóc, chữa chạy rất nhiều thuốc thang, nhưng đồng chí ấy không khỏi. Gần đến ngày hấp hối của đồng chí ấy, bác sĩ bệnh viện và các đồng chí trong chi bộ có hỏi đồng chí ấy cho biết nguyện vọng của mình. Đồng chí ấy đáp:

- Bác sĩ và các đồng chí hỏi nguyện vọng cuối cùng của tôi. Nguyện vọng cuối cùng của tôi, tôi nhờ bác sĩ và các đồng chí nói giúp tôi với Đảng: nếu tôi chết mà có phép gì làm tôi sống lại, thì kiếp tái sinh của tôi, tôi chỉ xin sẽ lại làm đảng viên, lại làm việc trong hàng ngũ Đảng.

Tôi xin phép được lấy mấy câu đó nói thay cho mấy anh em văn nghệ sĩ và cả cho tôi:

- Kiếp tái sinh của chúng tôi, chúng tôi được phép gì làm sống lại, một khi chúng tôi lại thấy mùi đất ẩm, thấy không khí, thấy ánh trời, thì khi ngồi dậy chúng tôi sẽ lại cầm ngay lấy bút mà viết, mà vẽ, cầm ngay lấy đàn mà đánh, lên cao giọng mà hát, mở rộng ngay cánh tay mà múa. Nghĩa là chúng tôi lại làm văn nghệ sĩ và làm đảng viên văn nghệ sĩ của Đảng, của dân tộc, của quần chúng, chúng tôi lại tiếp tục làm những công việc hàng ngày để xây dựng đất nước, Tổ quốc Việt Nam và tương lai rực rỡ của nhân loại.

Là vì:

Hồn còn mang nặng lời thề

Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai.

Thưa tác giả *Truyện Kiều* thật là thơ, thật là tiểu thuyết, thật là trữ tình, thật là lãng mạn, thật là hiện thực, thật là một niềm tự hào của dân tộc, thật là một tác phẩm nhân đạo và bất tử của dân tộc, đây là lần thứ bao nhiêu của năm tứ bao nhiêu rồi, hậu thế lại lấy thơ của cụ nói thay cho mình, chắc cụ mỉm cười, gật đầu cho phép...

1962

LÚA MỚI

MỘT LẦN CHẾT NỮA?

*C*húng ta hãy nhìn lại những cảnh tượng ấy:

Hai dòng sông Hồng Hà và Thái Bình cùng sáu con sông nhánh Cà lồ, Đáy, Bờ, Kinh thầy, Lô, Đuống hợp thành tám luồng nước đỏ ngầu, cuồn cuộn, cao ngất, băng mình dưới một vòm trời mây đen đồn dập, gió âm âm, tiếng kêu khóc ran ran, ri ri. Tất cả những đê hai bên sông đều lỏng lẻo. Nó chỉ chực bung ra như những cánh tay đã mỏi rã, trên đó hàng mấy mươi vạn gia đình đương cố bấu lấy, với lấy những cửa cái cuối cùng của cả một đời giường tre, cánh phản, hòm quần áo, rổ bát, ổ lợn sề, mái gà, trâu bò, vài gánh thóc, và những con cái lóc nhóc tả tơi, xanh xám.

... Những vệt đất mấp mé, xa tắp nó đã bật đi thật. Một biển máu tức khắc tràn lên mọi ruộng nương nhà cửa. Tám tỉnh Sơn Tây, Hà Đông, Hà Nam, Vĩnh yên, Phúc yên, Bắc ninh, Hải dương, tám cái vựa thóc mồ hôi nước mắt của miền Bắc Việt Nam hoàn toàn bị ngập. Sấm chớp đã reo mừng cùng mưa gió. Mưa gió đã lồng lộng ca hát cùng sông nước. Trời cao tím bầm thêm. Mây đen đã thấp nữa xuống trên đầu bảy triệu sinh linh đã cướp đi hai triệu anh em, cha mẹ, vợ con, máu mủ, thân thuộc bởi nạn đói và rét.

- Thế này thì còn sống sao được nữa hở giời?
- Thế này thì lại chết đói đây đường đây chợ, cướp bóc, loạn lạc tan hoang, ăn thịt lẫn nhau, chết hết mất thôi!...
- Hết giồng đây thu thóc lại đến lụt lội sạch sành sanh thế này thì làm thế nào mà sống nổi với giời, hở giời?

DƯỚI CHÂN HÀ NỘI

Những tiếng trên đây, lại vang lên trong những đám dân hốc hác, da bọc xương, hấp hối ở khắp hang cùng ngõ hẻm... Người ta lại choáng váng tưởng đến một cửa địa ngục tối thẳm nửa mở ra, một địa ngục trên đó cả một lũ thực dân, quan lại và đầu cơ đã đục khoét, bóc xương, hút tủy dân chúng để phè phỡn say sưa và dâm dật.

Những cảnh tượng và những tiếng nói trên đây đã nổi lên trong trí tưởng tôi khi tôi rời Hà Nội để đi viết những trang “lúa mới” này. Tôi bắt đầu bằng một vùng ngay cạnh Thủ đô, không, ngay dưới chân Thủ đô, mà số người chết qua mấy trận tàn phá nọ đã nhiều nhất và thê thảm nhất: dưới Bãi.

Tôi đã không thể hồi hộp.

Trước những đám nhà lá ụp sụp, long lở bên những bức tường nhà gạch, vết bùn vàng xạm chấm đầu hồi, một sắc xanh kỳ lạ ủa vào mắt tôi. Những vũng nước mọi khi bừa bãi

rác rưởi, cứt đái, bèo tây giò bồng biến hết thành ruộng. Lúa non mon mớn, nước lấp lánh nắng, những tiếng rào rào thấp thoáng, một vùng quê được mùa nào ở bên Bắc chứ không phải là một vùng ngoại ô Hà Nội với những người chồng đi làm xe, phu khuân vác, thợ nhà in, thợ máy đèn, thợ cạo, thợ giày và những người vợ đi bán xôi cháo, bún bung, bún chả, chè đường, thạch, xáo gạo, bán rau... và những đứa con đi bán báo, bán nước, đánh giày mũ hay phát phơ ở các đường, các chợ.

Càng quá mé dưới, những khoảng trồng trọt càng nhiều, càng xanh tốt. Ngô khoai cứ san sát ở ngay thềm nhà, ngay trước cửa bếp, ngay rìa lối đi và ra cả ngoài đường. Không còn một ngọn cỏ nào với đất hoang. Không còn một rẻo đi nào thừa, ngoài những rãnh để lột một bàn chân. Và chẳng hiểu nhà ai trồng, nhà ai không trồng, của nhà này, của nhà nọ, vì dải phù sa xa tấp và rộng thênh thang chỉ toàn những luống nhón, luống nhỏ, luống dài, luống ngắn, chẳng bờ, chẳng rào, chẳng lều, chẳng túp nào cả.

Những luống ngô, những luống khoai, những luống rau cạnh dòng sông phơi sáng lòng cát nâu lổ chỗ những hằn bàn chân và dằng dặc những bè nứa, những lán nứa, những thuyền, những cột buồm, thật là cả một cánh đồng màu mà bao đời bao kiếp đã cày sâu cuốc bẫm.

Cuối tháng Giêng, nắng chang chang như mùa hạ. Hơi đất bốc lên trắng lờn vờn. Những dãy nhà lò mờ. Tiếng trẻ con ròi rạc ở trước cửa và ngoài đường. Văng vẳng xóm đây xóm kia những tiếng kèn đám ma rền rĩ. Con chết chóc

vừa qua mà mỗi ngày hàng trăm người vừa chết dịch vẫn mờ mờ lờ mờ như cánh diều nâu trên không khí... Tôi đã thở không đều.

Những tiếng động của sự làm việc làm ngược tôi và tâm trí tôi thêm nặng: Người xay bột tráng bánh, đồ bún, chẻ đóm, rửa ốc, xẻ gỗ, đồ “nhôm” và lại còn những tiếng lâm râm “i tờ” và “thề phan thầu uống máu quân thù” ở cả trong những căn nhà nắng và bóng tối ngùn ngụt bốc lên. Ngoài kia trong khi ấy thì trên những luống đất loang loáng nắng những khô mặt bùng bùng, môi mím lại hì hục cuốc, xới.

Những bàn tay nào đã cày đã bừa đây? Những bàn tay nào đã cấy lúa và đương gieo ngô, rắp khoai đây? Những bàn tay nào đã khiến đất xanh tươi đây kia dưới cái vùng bãi bao năm nay, về đạo này, đàn bà, con gái, trẻ con đương chen vai thích cánh nhau quanh những đám sóc đĩa thò lò, chần, đồ muối mà các du côn, ăn cắp, mật thám, nặc nô, cho vay góp chào tiền khách... đã hét ra lửa, hoành hành giữa cả ban ngày, trộm cắp như rươi.

Tôi đã có cảm tưởng bàng hoàng như đương ở trong một giấc mơ không thể ngờ được...

QUA CẦU SÔNG CÁI

Lúa đã được cấy ngay ở dưới chân Hà nội. Không chỉ có lúa thôi mà còn ngô, còn khoai, còn rau đậu nữa. Những bắp ngô non, bột sánh như sữa, thành phố đã nấu một thứ chè thơm ngon vô cùng để ăn giải lao những buổi trưa ngấy cơm. Hay đã sợ của ngọt quá, thành phố không nấu chè thì đem luộc nguyên cả bắp lấy nước uống, thứ nước vàng trong trong như nước sâm vậy. Và lại còn khoai, những miếng trắng miêng sau bữa cơm, hỏi một ai kia đã có thể làm đất phải bật những thức đó như một phù phép tuyệt diệu:

“Tăng gia sản xuất”

“Tắc đất, tắc vàng”

“Tay ta bới đất, ta cứu lấy ta”.

Một buổi sáng tôi sang hẻm bên kia con sông Hồng Hà để xem trên những mặt đất tàn phá lúa còn mọc lên thế nào với mồ hôi của dân quê.

Sương vẫn còn chập chờn. Hơi đêm vẫn còn lành lạnh. Nhưng, trước những làn gió ù ù, tôi thấy không chỉ tôi mà mọi người đều không có chút gì co ro rét mướt cả. Những vang động không ồn ào từ đằng xa hưởng nắng đi đến cứ một phút một dồn dập. Những gánh hàng kiu kịt và những bước chân thành thị chuyễn hảnh cầu. Lại còn những xe bò inh inh, những vó ngựa cồm cộp và những tiếng người kéo xe

hự hự. Toàn những ngô, khoai, bắp cải, rau, cà chua, cá tôm, ốc đưa sang từng lớp, từng lớp không ngớt với những đoàn xe bò nhón nhơ đầy ụ những gạo.

Quang cảnh này khiến tôi sực nhớ đến cái quang cảnh năm ngoái, ngày cái chính phủ bù nhìn của Nhật trình trọng tuyên bố cái nghị định tóm tắt như sau trên khắp mặt báo:

“Việc chuyên chở mua bán thóc gạo được hoàn toàn tự do trong khắp xứ Bắc Kỳ. Dân chúng và những hàng xáo được phép mỗi người sáu mươi cân và bằng gánh”.

Từ Bắc Giang về Hà Nội, từ Hưng Yên, Nam Định lên, từ Việt Trì, Phú Thọ xuống, đeo sáu mươi cân trên vai, hỏi con người nên đi bao nhiêu ngày? Nên ăn bao nhiêu com? Bởi vậy, đã có những cảnh quái lạ diễn ra: những đoàn xe đạp đèo gạo.

Hầu hết những xe này đều ì ì ạch, bánh như sắp rơi ra, khung như sắp ọp xuống, xích kêu cùc cùc chỉ định tuốt, định dứt phụt, và lớp cái mỏng dính như ruột gà, cái nát bét như dải khoai phải chẳng chịt dây gai, dây thép. Người trên xe, áo cụt tay, quần đùi vải vàng, vải xanh vá đít thật dày, đội mũ cói vành to, đi dép cao su, mặt mày đen xạm, mồ hôi ròng ròng, càng càng chân mà đạp vừa hỗn hển thở. Một bị gạo vắt qua khung xe, một bị gạo chằng trước tay lái, một bị chằng đằng sau yên... những tội nhân khổ sai này đã lê những quả tạ nọ qua những đò những dốc, những đường ổ gà, những cầu vèo vèo ô tô nhà binh, để về Hà Nội, bán lấy những tờ giấy bạc in vung ra. Chiều nay bán hết sớm mai lại đi, ngày kia lại về... Ngày đêm những trai trẻ thất nghiệp,

những ký, những cai ngắc ngoải nối tiếp nhau dằng dặc trên những con đường bóng rầy chân, nắng chang chang mà họ nhiều khi mếu dờ, khóc dờ vì xe hỏng, ngược gió và giờ mưa... Bên cạnh họ có cả những người con gái gọi là “tiểu thư tân thời” để con ở nhà cho chồng mà cũng đi gạo, cũng lê chân cướp lấy miếng ăn giữa xác chết phơi ngổn ngang.

BÊN CẠNH NHỮNG VŨNG MÁU VỪA KHÔ

Đến giữa cầu, trông xuống bãi sông, trông xa xa, mắt tôi càng bị hút đi bởi ruộng đất. Trên làn phù sa bát ngát, sắc xanh dâng lên mênh mông không hở một khoảng nào. Mặc dù không được lấy một giọt nước mưa, sắc xanh vẫn hơn hớn ánh nắng như những nụ cười trẻ thơ. Và không tiếng nói, không rõ mặt, những chấm người lác đác, lúi húi trong cái bể ngô và khoai bao la, luôn luôn khuất hẳn đi và như tan theo cùng sức xanh và ánh nắng.

Tôi qua khỏi cầu lúc nào không biết. Tôi không xuống hẳn đường cái mà quặt ra rẽ đường trước ga Gia Lâm. Tới đây, giồng màu thưa hẳn. Cánh đồng lại chỉ cấy có lúa và trong cái nạn khô cạn, những cánh bát mồi hôi đổi lấy bát nước cho ruộng là độc nhất dưới vòm trời lòn nắng.

Nước... Nước... chỗ này gàu giai, chỗ này gàu sông, chỗ kia đập guồng, nhà nào có ai khỏe mạnh là ra cả ruộng tát nước. Họ lấy nước từ đầm ngoài đường vào tận trong làng

xa hàng mấy cây số và cao hàng ba bốn thước. Tất cả cái đầm đầy bèo, nước đen thối như nước cống, chi chít bọ gậy và muỗi, giò bị tát cạn chỉ còn sâm sấp và trong veo. Lúa đã cấy xuống kín hết lòng đầm, xanh um và mát lạnh.

Lặng lẽ. Vẫn chỉ có tiếng gió và tiếng nước dào dạt. Tiếng cười nói rộn ràng và tiếng hát véo von chỉ thấy trong những đợt lúa xao động khi nước tóe đến. Cái lặng lẽ dần trở nên đè nén tôi khi tôi đi lên, chân bước qua những gióng sắt vằn vèo và những đồng than, gạch, ngói, đã đóng lại như xi măng. Tôi nhìn, mắt chói chói, những chiếc toa đồ sụp, gãy nát, những bức tường nứt nẻ, vỡ lở, những tầng gác đen nhăm nhở và trống ho trống hoác, những ngọn cây thui trụi, cụt ngùn, và những cái hồ nước rêu nhờn... Tiếng tàu bay ì ì, tiếng bom inh inh, tiếng súng cối xay ran ran bỗng vang lên trong trí tưởng của tôi. Máu đỏ bầm lênh láng... xương và thịt bị xẻ ra, bê bết đất và than. Những cái đầu mất nửa... những mớ ruột tung toé... Chiến tranh. Chết và tan hoang lại hiện lên...

Tôi bỗng giật mình. Có tiếng thở hổn hển đằng sau tôi. Đó là bọn ba người thợ quần áo rách rưới đương loay hoay “kích” một chiếc toa trật bánh. Cách đấy mấy bước tiếng nước dào dạt rất nhanh, và nước bắn vọt lên sáng loé. Một cặp vợ chồng, người đàn ông quần áo cộc xanh mình trần, người đàn bà quần nái áo đen, đương tát nước dưới đầm lên. Ở bờ bên, một người đàn bà mặc váy, bụng chửa và một ông già gầy rạc, mắt nheo nheo, cũng nhờai người đưa dài những gầu nước qua những tia nắng chói lòà...

LÚA VÀ NƯỚC

Mưa... dân quê thật hết trông mong! Cái cảnh mưa phùn, gió bắc, rét cắt ruột, rụng chân, bùn lầy lấm láp, người sẵn bát ăn ngồi trong nhà trùm chăn sưởi hỏa lò chỉ nghĩ đến cũng vội lắc đầu thì dân quê đã coi như không bao đời nay, vậy giờ nếu có rét nữa, dân quê cũng xin chịu, miễn là có mưa, có nước cho lúa thế mà cũng không được. Mưa... nước, dân quê thật đã quên hẳn giòi và cũng chẳng buồn nhắc đến sự may mắn này ở giòi thương giúp cho. Tất cả hơi sức và tâm trí họ chỉ còn biết có mình. Tự tay mình phải sao có nước cho lúa? Tự tay mình phải sao cho lúa bật đồng, phải có thóc?

Lúa phải sống! Mùa gặt phải có!

Đấy, chỉ có ngàn ấy tiếng ngày đêm, thầm thì trong ruột gan dân quê.

Bao nhiêu của cải bòn vét của họ đã đem cả ra đồng rồi. Tôi muốn nhắc đến những cánh đồng vùng Bắc liền với con đường số một mà nước lũ đã tung cả đá cả sắt, cả gỗ của cầu cống đi, đã như phá bằng mìn nhiều quãng đường tàu, đường cái toang ra hàng mấy trăm thước, và đã đổ xuống ruộng những tảng đá, tảng sỏi, vùi lấp hàng mấy mẫu.

Lắm cánh đồng trở nên rất đổi lạ lùng. Nó như là một bãi bể sau khi đổ cây nước, hay như là một vùng đất đồi hoang. Gồ ghề, đồng nhón, đồng nhỏ, hố rộng, hố hẹp, cát

đóng khô trắng, cây đại mộc lồm chồm, nhìn đây khó ai có thể tưởng tượng cái cảnh lúa, đã mon mớn, ngô khoai đã rập ròn, và những váy nái thắt lưng hoa đào đã phất phơ những ngày mùa xuân mưa lớt phớt, trống chèo thùng thùng đây kia...

Những tiếng kêu ca oán trách gần như không thấy có. Vợ bảo chồng, cha bảo con, ông bảo cháu, chỉ vài nhời cộc lốc hoặc thở than với nhau, hoặc gắt gỏng với nhau, hoặc an ủi thúc giục nhau trong một bữa cơm chiều sau đó thì ở những thửa ruộng tàn phá nọ, đá sỏi bị cuốc lên đem trả lại cho trên đường tàu, đường ô tô, lẫn cát chua bị đập vỡ ra cho đất thít lại tự do thở hít khí trời, ánh nắng. Thế rồi những luống cày lại rạch đất, đất lại toi ra, phân gio lại gánh ra vãi, nước lại gợn sóng, và lúa lại cấy xuống.

Một, Chạp, những tháng gạo bấy tám trăm một tạ, khoai ngô không có, dân quê đã đói như cào ruột. Bụng bát cơm nóng trên tay nhai những miếng cơm cứ tuồn tuột xuống dạ dày, tất cả những con người này đều lịm cả tư tưởng đi vì nghĩ đến ruộng, đến lúa, đến cái tiết giờ lạ lùng ra tai ra khổ không còn biết kéo dài tận thế này đây?

- Nào hơn mầu mầu, hơn mầu lúa, vụ này nhờ sao thì thật chết hết mất!

Ngay từ mừng hai Tết, trong lúc những tiếng pháo nhần tâm vẫn nổ ran ở nhiều chỗ, và bao tiếng cười nói phè phỡn say sưa ngang nhiên trước mắt mọi người, thì trên những cánh đồng nắng chói chang, đất nứt nẻ, lúa vàng úa, dân quê đã ra tát nước rồi. Nước trong ao tát ra, nước ngoài đầm

tát vào, nước các vũng, nước các ngòi, gạn lên nếu có thể thì người ta sẽ quyết xúm lại hàng tổng, hàng huyện, hàng tỉnh mà khiêng sông về đổ các đồng xa nhưng khốn thay sông cũng bị cạn nốt.

Nhịn ăn mua mạ cấy, chịu rét để tiền thuê người làm cỏ, tát nước giờ, dân quê lại còn bớt cả tắm giặt, bớt cả nước uống. Những cái ao sạch sẽ nhất trong làng đã bị tát nốt và những cái thùng sâu như cái giếng đã đào lên để lấy nước cho lúa. Lúa càng khát. Nắng càng chang chang. Nhiều giọt nước mắt đã phải ứa ra.

Bên Bắc Ninh hầu hết những vùng gần phủ, huyện, nhà ga, chợ, những đàn bà con gái phải đi ra chợ từ mờ sáng mua nhật những nồi nước đá về tưới. Những tiếng rao lạnh lạnh “Ai bán nước giải không?” lúc hé ánh mặt trời và những tiếng xe bò ình ịch chở gạo ra tỉnh đã tưởng như một thế giới nào. Cái thế giới không còn mang cái nhục khốn nạn là có những kẻ thừa mứa chỉ có việc ăn không ngồi rồi và khuyen người ta phải giữ liêm sỉ.

Cái thế giới ấy tôi có nên nói rằng đã có với một vùng quê đây kia không. Buổi chiều hôm ấy tôi đi đã moi toan cố bước đến hàng nước nghỉ thì anh D. bỗng nắm cánh tay tôi chỉ:

- Anh trông kia.

Anh và tôi cùng đứng lại nhìn. Một con bé áo và quần mướp ra, đặt cái gánh một bên là cái nồi đồng còn miệng, một bên là cái chậu mẻ, xuống ruộng. Nó múc nước ở chậu

ra với cái gáo nhỉnh hơn cái chén, đổ từ từ xuống những gốc hành vừa lấy tay vẩy từng giọt. Chúng tôi càng thấy tâm trí bị đè nặng hơn khi quay ra đi thấy lác đác mấy giọt nước sánh ra qua bao bờ ruộng ngoằn ngoèo đến một cái vũng nước vàng như gạch cua và chỉ còn sẫm sấp.

Lúc đó nhiều đám mây đen đã sầm lại, gió mát rào rào, một cơn mưa may ra thì đến. Nhưng tất cả ở quăng đồng ấy, đàn bà, người già, người trẻ, vẫn cứ gánh nôi, gánh chậu, tưới nước như thế. Và chính chiều hôm nay dân Hà Nội đương rầm rập tản cư, những lũ lượt xe cộ chồng chất đồ đạc và người đương đổ về các vùng quê. Ở khắp các ngã, vào tận những ngõ hẻm trong làng, những tiếng “đánh phá”, “tan hoang” cứ ran ran. Cùng với những giọt mồ hôi nhễ nhại của những con ngựa người rập mình lôi những xe tay, xe bò ở ngoài đường, những giọt nước cũng nhòn nhụa ở các vũng, bị gạn lên tưới cho những luống cày khát nước như những trẻ thơ khát sữa vậy.

RUỘNG VÀNG

Có lẽ từ thuở có người và người bắt đầu cày cấy, những ngày xuân của miền Bắc Việt Nam như thế là một. Trên cao trời cứ xanh ngắt, chói lòa, dưới đất, đường như tấm tôn nung, ao hồ khô nứt như lòng chảo cháy. Nhiều làng đưa ma bố, mẹ, chồng, vợ, con chết hôm trước vì sốt định kỳ, vì đau màng óc thì tình sương mai, người ta đã lại

phải ra đồng tát nước. Rồi gạo chính tay mình làm ra, cá to tôm tươi chính tay mình đánh được, dân quê lại phải ăn cơm độn ngô với cà nén chạt muối và nước cáy.

Những ngày ê chề cùng cực với nạn khô nỏ với nạn cướp nước bên ngoài và bán nước bên trong! Nhưng qua những ngày ấy, dưới những chữ “Việt Nam dân chủ cộng hòa năm thứ hai” giữ được một phần lớn bằng máu của những quân đội khí giới ít, chịu khổ và hy sinh nhiều ở các mặt trận kinh khủng, trước xe tăng, đại bác, tàu bay bom của quân thù cực kỳ văn minh, hỏi dân quê đã đi tới một đoạn đường thế nào?

Hôm nay đây chính những dòng chữ kêu gọi đại khái như sau đây nổi lên trên khắp mặt báo:

“Cần gặt!

Nhiều tỉnh mùa màng rất tốt nhưng thiếu người gặt. Bộ thanh niên và các đoàn thể công nhân, nông dân phải tổ chức gấp những đoàn gặt hái để giúp các vùng đó...”

Dù không được đọc những dòng này, bất kỳ một ai, ra khỏi thành phố Hà Nội ngược lên phía Bắc hay đi quá xuống vùng Nam cũng phải bưng bưng tâm trí, nắng và khô cạn đến như vậy mà sao lúa vẫn chín rực thế kia? Cạnh đường cái, nhiều ruộng tốt đến nỗi làm nhiều người ngồi trên ô tô chỉ được nhìn vút qua muốn đỗ lại để xuống hẳn ruộng mà xem mà ngắt vài chẻ thóc, mà cắn chặt, mà nhấm nháp!

Những bông lúa! Phải nói đó là những đứa trẻ lên mười, mập mạp, rắn rỏi, sáng sủa, tươi cười. Từ gốc lên ngọn, thân

lúa cao vút rồi trĩu xuống, những bông thóc cứ mọng lên và vàng ươm. Luôn luôn những bông thóc xô vào nhau rào rào, lảo đảo, lấp loáng.

Tháng tư: tháng gặt và tháng dỡ khoai, bẻ ngô. Thế mà giờ, nhiều ruộng vừa trơ gốc rạ được mấy hôm đất đã lại lộn lên, nước mới dẫn về để cấy lúa ba giăng. San sát những ruộng khoai, ngô, cà, dưa vẫn còn thấy ở mọi cánh đồng.

“Vô tận” hai chữ này bắt tôi một lần nữa nhớ sâu thêm vùng cấy chiêm nọ.

Muốn có nước cho lúa, dân quê tuy không thể khiêng được sông, vắn được sông về đồng mình, nhưng họ chiếm hết cả mạn sông và lòng sông mà cấy lúa. Tôi đã ngạc nhiên trước câu hỏi của anh T. đi với tôi hôm ấy:

- Anh này! Có phải năm kia chúng mình đi qua vùng này lên Nhã Nam phải không?

- Chính thế chứ còn phải hỏi gì nữa!

- O kìa! Thế cái con sông anh và tôi xuống rửa ráy đâu?

Cả hai tôi đều nhú mày nhìn; một lúc sau anh T. reo lên và trỏ:

- Thành ruộng rồi! Thành ruộng cả rồi! Mà anh trông kìa, cái dải lúa bát ngát vắt lượn như vồng từ mé đồi nọ sang mé đồi kia vẫn còn trơ trảng mấy khung gỗ cầu mà dân quân trong kỳ tiền khởi nghĩa đã phá...

Chúng tôi qua đây mấy cây số lên vùng trên thì cạnh những con sông lúa mới mắt nhìn như thế lại còn những

tầng lúa không chỉ một ánh vàng mà hàng bao nhiêu ánh vàng. Ruộng này vàng nhẹ như tơ, bờ kia vàng ấm như lụa, ruộng khác vàng mỡ và nuột như nồn chuối, có bờ vàng lóng lánh như thủy tinh, có bờ vàng ngời như lửa, và có ruộng như làn phấn da cam tỏa ra ở một thịt da lành mạnh.

Lúa chín, lúa sắp chín, lúa hè đồng, lúa mới cấy cạnh những con đường đất đồi son thắm và những con sông máng nước trong xanh, lúa bông lên lồng lộng như những mảng ngực nở căng với những mạch máu tươi tốt.

QUÂN THÙ

Tháng tư: mới bắt tay gặt mà gạo đã từ tám trăm rút xuống quá nửa, rồi tới khi có lúa ba giăng và tháng chín, tháng mười được mùa gạo còn phải hạ nhiều nữa. Những cái bụng đói, thèm của những kẻ nghèo làm bụng đã ngót tháng nay, vợ chồng con cái được đều hai bữa cơm nóng và những buổi trưa, còn thêm bắp ngô, củ khoai.

Nhưng, tháng tư, những cơn mưa bão táp đã bắt đầu trút nước xuống. Hàng vạn ngọn suối của miền ngược lại cuồn cuộn dồn vào các lòng sông. Hai dòng sông Hồng Hà và Thái Bình lại đương làm lũ cuốn nước với các sông nhánh chật hẹp trên cái miền đồng bằng miền Bắc Việt Nam phẳng lỳ này.

Có thể những cánh đồng bao la vàng rực và xanh tươi bát ngát kia lại chịu cảnh tàn phá xác xơ, người chết, nhà tan không?

Có thể những con người vừa thoát chết đói vừa bẽ được cùm xích, vừa giằng được hàm thiếc, lại chịu cảnh chân xiềng, tay khóa, cổ bị bóp, xương bị nạo, tủy bị hút trên một dải đất lại nằm dưới gót đô hộ không?

- Nền đô hộ lần này bất kỳ với bọn thực dân nào nếu xéo lên ngực dân tộc Việt Nam thì không còn tim phổi nào không tan nát?

Tháng 4 và tháng 5 - 1945

ẤP ĐỒI CHÁY

Anh Cương,

Tôi phải đi chỗ khác. Nhưng bọn họ vẫn ở Đồi Cháy, và Đồi Cháy của anh hiện giờ hình như không còn dấu vết gì Đồi Cháy đạo anh đi cả. Những gia đình cụ Điền, cụ Giáo, anh Can, anh Huyền đã lên hết đây. Tôi quên, lại còn thêm vợ chồng anh Bàng ở Chèm và bà cụ bác cu Chỉ ở bên kia sông Đuống nữa.

Sự sống lại nổi lên quyết liệt vô cùng, Cương ạ. Gà gáy, tất cả, mọi người thức giấc rồi dậy hẳn khi trời hé sáng.

Tiếng cụ Giáo ho sù sụ, tiếng những con bác cu Chỉ, bác cu Điền oe oe khóc, tiếng thổi lửa, tiếng vo gạo dần dần ran lên một vùng trên ngọn cái đồi trụi lù lù giữa những đám ruộng đất sương mờ mờ. Họ dậy, xuống suối rửa xong là vào ngay mâm cơm. Họ ăn ở dưới đất. Thoạt tiên, cơm nóng, rau muống luộc và tương còn ngai ngại, nhưng sau vài bận xối thì cả những đứa bé con thèm ngủ quấy khóc ới ới cũng ăn thun thút và chỉ sợ thiếu.

Sáu giờ thì đã sáng. Đàng Đông rúc những mây lửa. Xa xa những dãy núi Thượng Yên Thế và Lạng Sơn dằng dặc sù sì xanh rêu, hiện bật hẳn lên. Còn nắng nữa. Chung quanh rừng rú kín mít đều toát ra những làn hơi nhò nhò, và lấp

lánh những giọt nắng đỏ. Mọi người đều choáng váng. Cạnh những bác cu Điền, bác cu Chỉ và Minh là những người trai trẻ sức lực cũng lại thấy ngây ngất muốn nằm lại. Nhưng không, họ đã đứng phắt dậy. Bác cu Điền và Minh rít một hơi điếu cày nữa, ông bố nhà cụ Giáo uống thêm một bát chè tươi, bà cụ Chỉ về thêm mồi thuốc ăn giàu... đoạn họ cầm xẻng cuốc, quang, gánh, dao, cưa, vồ, đục đi ra ngoài. Cái quả đồi mà chân họ giẫm lên ấy trông đã lại như kẻ thù vậy. Nó phủ một lần đất lạo xạo như sành vụn. Chẳng một thứ cây nào ngóc được lên ngoài những đám sim, mua, giành giành và chổi xể mọc chẳng chịt làm dao cuốc luôn luôn bị văng lên.

Mặc, hàng tuần lễ, hàng nửa tháng rồi, họ vẫn cứ cuốc, đào, cứ nhào cho đất toi ra và san mặt đất cho thật phẳng. Họ phải có nền, có tường, có sân. Họ phải có nhà.

Mồ hôi họ ròng ròng. Những chuyển nước ở dưới suối gánh lên cũng rỏ giọt theo, liên tiếp đổ vào những khoảng đất trình tường dạn thình thịch dưới chân họ. Nồi đồng, nồi đất, chậu, xanh, hũ, thùng đựng nước mắm... tất cả những thứ gì có thể đựng nước được đều đem ra hết. Bên những bọn người lớn đen nhẻm nhại những đứa trẻ mới lớn son chạy cũng làm. Chân tay mặt mũi chúng nó cũng lấm láp và bùn đất còn bám cả vào dái cò chúng nó nữa.

Anh Cương, trước đây đã bao nhiêu trăm năm, bao nhiêu đời cha ông chúng ta đã phải lập những bãi lầy, giầy cỏ những bờ sông hoang và đốt phá những rừng rậm rồi. Mồ hôi lúc ấy đổ ra phải còn gấp mấy mươi bây giờ. Những nóc nhà cũng đã cất lên. Những ruộng vườn cũng đã mở

ra, rồi những lũy tre, những phần mờ. Bao nhiêu nước mắt và xương máu. Trên đây đã vượt lên nào Mê Linh, Hoa Lư, Thăng Long, Kinh Bắc; nào Đình Bảng, Túc Mặc, Lam Sơn, Trấn Võ, Thọ Xương... tiếp đến nào Hà Nội, Bắc Ninh, Hà Đông, Hưng Yên với những Trường Thi, Ô Quan Chưởng, Hàng Gai, Cầu Nôm, bến gạch ngói Bát Tràng...

Quê hương...

Quê hương của tổ tiên chúng ta.

Quê hương của chúng ta.

Cương đương nghĩ gì thế?

Tất cả những thành quách, đình chùa, nhà cửa, giếng khơi, đường đá, trường học, chợ búa ấy đã kéo đổ sập hết, đốt cháy hết phá bỏ hết rồi. Cũng bởi chính tay những con cháu của đời đời thất lung buộc bụng, đầu tắt mặt tối kia đã vạch lên khắp cả những đồng tan tành này dòng chữ bằng than, bằng gạch những nhời nguyên cha truyền con nối:

“Thề chết không làm nô lệ”

“Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm”.

... Những ngày mưa nắng đầu dãi, người nhón trẻ con đều ồm no bò dậy. Trên Đồi Cháy đã dựng những nóc nhà dưới đó họ đã có hẳn hoi mấy cái giường gỗ hẫng còn mùi tươi để nằm ngời. Nhà ta! Nhà ta! Những tiếng trẻ reo lên sao mà rộn ràng và thấm thía.

Mấy cái nhà ấy trông thẳng về hướng Nam, cửa sổ mở cả đằng trước đằng sau. Màu tường đất đỏ và mái rạ mới:

lấp loáng ánh nắng nổi lên thật bàng hoàng, lạ lùng. Nó như của một thế giới nào khác, có những người sống nào ấy đối với những gian nhà ở dưới chân đồi. Những bức tường lè tè, mái ọp ẹp, bụi bặm, những gian buồng lúc nào cũng như là lửa vạc; những mảnh sân gà vịt sục lấm lên, những chuồng trâu chuồng lợn, chuồng gio, xông mùi hôi thối mù mịt vào khắp chỗ người ở.

Đó là những nhà cửa những người tá điền đến ở trước. Có kẻ đã sống hàng mười năm, mười lăm năm rồi bên rìa cái dinh cơ của tên chủ ấp mái ngói tường hoa, cây rau bẻ nước bao quát cả đằng trước mặt họ kia.

Chính trong những gian nhà ụp sụp họ đã ở cả buồng cả gian giữa. Các chủ nhà lại còn để họ đun rom rạ cùng mượn các đồ dùng. Nhưng họ không phải tàn cư nữa. Họ đã có nhà rồi. Khói bếp, ánh đèn tỏa ngay ra chính dưới mái bếp mái nhà của họ. Cha con, vợ chồng, ông cháu, anh em đến những bữa cơm lại được quây quần ăn cả một lúc mấy chiếu liền nhau.

Một buổi chiều đầu tháng, cụ Giáo thân sinh anh Minh lom khom ra lễ ở giữa trời trước một mâm cơm canh. Sau đó cụ quay vào nhà khấn dưới một bài vị phủ nhiễu đỏ và một bát nhang bày trên cái tráp sơn then, ở thành tường gian giữa lá cờ đỏ lại giở ra treo liền với tấm hình có cái vàng trán mệnh môn và đôi mắt sáng nhưng lo âu.

- Hồ Chủ tịch! Hồ Chủ tịch! Từ đêm nay Người lại phảng phất cùng với những vị thần chú bất diệt của những

dòng họ Lê, họ Trần, họ Đặng, họ Nguyễn lại một lần nữa ngâm ngùi cảnh non sông bị giày xéo.

Tiếng gà cũng chiêm chiếp ngay sau hôm lợp xong nóc nhà. Trong bếp, ngoài sân, ngoài bãi, những con gà mới rời khỏi mẹ loăng quăng chạy, bới và ngó ngoáy ria lông không lúc nào chịu yên. Chính những người giai trẻ nọ đi mua lấy. Họ chọn toàn những gà sống lộc ngọc, thịt đỏ nâu, hai núm lông cánh vênh lên như hai bờ liếm và những gà mái tuy chỉ mới bằng nắm tay đã chăm chỉ gọn gàng như những giống gà mẹ thất đấy lưng ong, dắt dìu hàng mười mấy con mà không để sa sảy.

Cái chái chuồng lợn cũng làm xong.

Giờ thì mặt mày những người giai trẻ đã cháy xạm. Lợn họ cũng đi chợ mua lấy. Không cần rọ, họ đã ôm chặt lấy lợn đưa về nhà. Buổi trưa ấy, họ lại bỏ ngủ sửa lại cái chậu cám bằng gỗ và họ xin thêm trấu, rom lót chỗ cho lợn nằm để lấy phân. Những rổ bèo, những nôi cám, những chiều chiều cho lợn ăn. Nhìn họ ngấm nghĩa vừa vui sướng và lo lắng những con lợn chún mún, ủn ỉn thật khó mà tưởng tượng được...

Cũng vẫn dưới cái nhà ấy, những tiếng i tờ... bò a ba và thò ê thê cất lên lao xao, ngân nga vắng vắng trong những buổi trưa trời xanh lòa, mệnh mông và những trẻ con nhem nhuốc hàng ấp và mấy ấp bên đều lên hết trên Đồi Cháy học. Không bàn, không ghế, không bảng, lớp học là những giường tre, những manh chiếu buồm và những mảnh giấy cắt xén ở những sổ sách cũ. Không đây mười hôm cái nền nhà chật hẹp nó lại còn thêm cả những trẻ lớn đã theo được trâu cày

và những người đứng tuổi mắt mũi kèm nhèm, ăn nói ngờ nghệch đến làm thuê cho những nhà cày cấy ở chân đồi. Những con giai, con gái, bác Cả, bác Cu của các lớp Bình dân ấy đã đem cả sách ra đồng mà lấm nhấm, đã hậm hùi đánh vần cả những lúc tối nhá nhem, mâm cơm dọn trước cửa dưới những đàn muỗi ri ri, đã viết giăng ra ở cả những mòm đá bên bờ suối, ở cả những bắp cày, những cán cào, những dòng chữ mà cụ Giáo và Minh đã bắt tay cho họ rất nhọc nhằn.

Cương!

Quên sao được những người ở Đồi Cháy kia! Bác cu Chi có khi cả ngày không nói một tiếng, bà cụ Điền trẻ có thể nhịn cơm chứ không thể ngồi mồm những miếng trầu kèm mồi thuốc Lào vè bằng đầu ngón tay, vợ chồng anh Bằng hai người khiêng một thùng nước. Nhất là Minh, người giai trẻ con cụ Giáo hàng Giấy. Cái thân hình vạm vỡ đen nháy của Minh, những tiếng nói ròn ròn cười cười của Minh và những cuộc sống mà Minh vừa ra khỏi để lại hàng mười năm, mười lăm năm dằng dặc những mê say, đau xót. Gì nhỉ?... Những tiệm nháy, nhà sấm, sòng bạc, nhà hát, tiệm hút, đầy bao nhiêu lớp trẻ đã lịm xuống đến tận cùng sự tui hèn và chán nản để dập tắt mọi chuyện cao quý, rộng lớn đã có lần nâng niu hồi mười bảy, mười tám, đôi mươi.

Họ chỉ còn nghĩ đến ruộng... Hơn năm mươi con người bị cướp bóc, bắn giết, đốt phá từ Hà Nội phá vòng vây hãm ra và từ các vùng chiếm đóng tàn hại bò lên ấy, giờ họ chỉ còn biết có ruộng. Những thửa ruộng rực nắng ở trước mặt họ, dưới chân Đồi Cháy kia...

Mười lăm mẫu, hơn năm mươi miệng ăn, sự sống rồi ra sao đây. Cày, bừa, thóc giống, mạ non... Cảnh làm ăn ở trên này đều khác lạ... Vậy cày bừa thế nào?... Phải gieo những thóc gì?... Chỗ nào cấy lúa nào? Nước nôi giữ gìn làm sao? Tìm kiếm phân gio với muối ở đâu mà bón... Lại còn bao nhiêu đồ ăn thức đựng thiếu thốn. Từ con dao phát bờ, cái gầu, cái chạc, cái thùng, cái sào, cái chum đựng nước, cái vại muối cà, cái hũ làm tương, nhất nhất đều không có cả. Đồng bào cho mượn mãi sao cho xuê? Mà tiền đâu sắm sửa đã?

Sang tháng thứ tư rồi. Ở dưới quê lúa chín gần hết còn gì. Nhưng bị mưa nhiều như dạo này lúa đến đổ hết mất. Gặt hái cách nào bây giờ! Nhưng làng họ lại sát ngay chỗ giặc chiếm đóng trông nom gì vót vát được về nhà những hột thóc thiếu cả nước nôi, phân gio kia? Vậy mà trên đây ở chung quanh họ nhà nào nhà ấy đều đương chất ngất thóc lúa, rom rạ đầy sân, đầy buồng. Tiếng xay giã, sàng sảy cứ rào rào cho đến khuya với những tiếng cười hát.

Bà cụ Điền, bà cụ Chi, bà cụ Giáo... những người mẹ già dăm chiêu nọ lại càng dăm chiêu hơn.

“- Hay đành về làng thôi!”

Những tiếng thì thầm họ nghe mà ghê rợn.

Những mấy bà cụ lại chỉ nuốt đi cùng với nước mắt. Làng!... Những nóc nhà, những bức tường, những kèo cột, gạch ngói vỡ lở, đổ nát ngổn ngang. Đây một chiếc giường cháy dở, thang sọt bị cỏ mọc lấp gần hết! Kia một chiếc chiếu rách, một cái nôi mây còn tro mấy cái khung và hình

như còn giữ vài vết máu! Kia một cái độn tóc vương vãi với những mảnh yếm rách. Lại một bàn thờ lỏng chỏng, bát nhang, lại một mái nhà trống hoác. Rồi những lối đi cúi rúc giữa những ngõ ngách qua những tường, những hố, những gian nhà lạnh mờ mờ, không còn hiểu nhà ai.

Ơi làng!...

Chung quanh làng là lũy tre rạp kín gai góc. Ngoài làng là đường chỉ còn vết ngoằn ngoèo, mấp mé nước như bờ ruộng. Những ụ lù lù vượt lên bằng đất, đá, gạch, ngói đắp lại với những cột lim cả cây, những sắt đường tàu chèn ngang, chèn dọc, bù loong chi chít. Nắng, mưa, đây đã thấy cỏ mọc phơ phất và loáng thoáng những đám rau sam, rau má.

Không một vết khói lửa. Không một bóng người; mùi hôi tanh thối thoang thoang ở cả mỗi chỗ nào mà giặc đã đến với súng máy và đàn chó săn đã nghiền cả mùi thịt chết.

Giờ về đây, phải, nếu có giờ về đây thời cha, con, ông cháu, vợ chồng chỉ còn với giặc thôi. Chỉ còn sống với tiếng cười sặc mùi rượu, những tiếng nghiền rít trong khi máu thịt bị đánh xé, những tiếng rên của người quần quai, và những tiếng nức nở của đình chùa, mồ mả. Không! Còn phải sống cả với những tiếng xót xa của chính mình mỗi khi chợt thấy mình không còn được là người Việt Nam nữa, thờ ngọn cờ đỏ sao vàng nữa, vui mừng với dân chúng anh em đồng bào nữa. Đã có những vùng dân lặn ngòi ngoi nước làm ăn mãi tận đâu đâu đã phải bùng mặt khóc rưng rức khi được tin làng mình, nhà mình bỏ đi với giặc còn mình thì trở nên

một giống hủi rồi... Họ càng nghĩ đến ruộng mười lăm mẫu, ruộng của Ủy ban và đồng bào địa phương san sẻ cho. Nhà đã cất, bếp núc cũng ngày ngày ba lần đổ lửa như chung quanh. Những vông con thơ đã có chỗ mắc nằm. Tiếng gà lợn đã nhộn nhịp ngoài sân. Canh khuya lại có cả những tiếng thở chèm chẹp của những con vện, con mực nằm dưới chân giường người ngủ mệt. Một nửa cuộc sống đã gây dựng lại rồi. Những dây máu đã lại bám lấy một khoảng đất khó mà dứt gỡ nổi.

Mười lăm mẫu ruộng thế nào cũng phải cấy, phải gặt hái, phải có thóc. Thóc để ăn mùa này và làm mùa sau. Thóc để lấy cái tằm, cái cám. Thóc để có vải mặc, thuốc thang khi ốm đau, cái nón, áo toại đi chợ búa, đồng áng, tằm chăn, chiếu mùa rét tới, đồng quà tấm bánh cho mẹ, con cháu. Thóc để lo những ngày tết nhất cúng giỗ. Thóc để một năm, hai năm... năm mười năm... ba bốn mươi năm... để đời đời sau nối dõi hương khói.

Kháng chiến... Sự đau khổ không còn biết bao nhiêu năm nữa, vậy mà chỉ có hai bàn tay và ruộng đất. Mà lần này một khi cây mạ cắm xuống ở đây thì sự sống chết phải một mất một còn với giặc như những miền đã bị giặc chiếm đóng đương chịu tất cả sự kìm kẹp nung nấu để giữ vững lấy cái cày, cái bừa, con trâu và gốc lúa và để đêm đêm cùng bộ đội, cùng dân quân lăn vào với quân thù, giăng lấy súng đạn mà bắn giết, đánh phá tung hoành.

Rồi lại về xuôi. Lại về làng. Thế nào cũng lại về những nơi chôn rau cắt rốn.

Những thửa ruộng vàng, những mảnh đất vàng. Còn bao nhiêu ruộng đất, bờ bãi, sông đồi bát ngát đây kia để giồng giọt. Nhà cửa lại cất nhiều nữa, tre, chuối, cau, mít, ngô, đậu còn san sát nữa. Trâu, bò, gà con đầy đàn nữa. Khắp nước lại cò đỏ sao vàng phấp phới. Dân chúng lại mít tinh, biểu tình tung bừng. Các nhi đồng con cháu lại hát vang Tiến quân ca cùng những bước nhộn nhịp của bộ đội... Quê hương mới... Quê hương độc lập... Quê hương tự do... Quê hương ấm no... Quê hương Việt Nam lại vùng lên một lần nữa những ngày máu và nước mắt đọng xám khắp mặt đất dưới những hằn gót giày và bánh chiến xa của giặc thù.

Cương!

Những ngày tháng năm, nắng rừng núi càng như đổ lửa. Ở những cánh ruộng chiêm vừa gặt đoạn, hơi nước bốc ngùn ngụt. Người ta thấy họ ra cả đấy. Bác cu Chỉ và Minh bì bõm theo trâu. Bà cụ Điền, bà cụ Giáo, bà cụ Chỉ đất lấm đến tận mặt se mảy sém làm rau trên các thửa ruộng cao.

Xa xa ... trên đồi trước một thềm nhà có tiếng ru trẻ khóc, một người cha già mắt đã lòa, cụ Giáo hàng Giấy, hì hục suốt cả buổi trưa với cái cuốc...

1947

TIẾNG HÁT Ở BẾN TRÀNG SẢO

Tôi không thể nhớ lại được chúng đã hát những bài gì. Hình như là điệu “Đàn chim Việt”, điệu “Dân quân Việt Nam”, điệu “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn chúng em nhi đồng”, điệu “Chiến sĩ vô danh” ... điệu?

Những tiếng hát ấy đã đến đột ngột quá! Ở khu rừng Trạm Thẩn đi ra sông Lô, chúng tôi đến một ngã ba thì tiếng hát đâu xa vắng lại, phoi phới lẫn với tiếng gió lạnh và tiếng cây cối xào xạc. Đó là năm đứa trẻ lưng đeo bị, đầu đội mũ lá. Chúng không phải là những em liên lạc mà chỉ là trẻ thường thôi, những trẻ tản cư. Trong bọn chúng có cả đứa lon xon chạy, anh nó dắt nó và một đứa con gái chừng lên tám, khỏe nệ đeo một cái làn mây lưng cùng những chai những gói. Đứa nào cũng gầy gò xanh xao, ăn mặc thì quần vải dòng dọc nhuộm nâu, có lẽ là quần ngủ của bố phá ra - đứa khoác cái áo tây lưng thùng quá gối, đứa mặc áo trấn thủ may bằng vạt áo bông của mẹ đã rách. Mặt đứa nào cũng võ vàng nhưng vẫn nhanh nhẹn và tươi tắn một cách lạ ở đôi mắt và cái miệng.

- Chúng em ở trong lán ra?

- Chúng em cũng về Tràng Sảo.

- Từ hôm quân Pháp đánh lên đây thì thầy mẹ chúng em đưa chúng em vào quá trong rừng ở.

- Hôm nay chúng em lại về nhà đây. Chúng em đưa muối giầu ở trong ấy về ăn.

Chúng vừa đi vừa nói. Những tiếng nói cứ lâng lâng, những nụ cười hớn hở. Rồi chúng lại hát. Tôi đã đi theo những tiếng hát ấy qua những lối cheo leo, quanh theo những đồi, những rừng và ruộng...

... Tiếng hát bỗng cao lên rồi ngừng lại. Đến Trảng Sảo rồi! Đằng trước chúng tôi nổi vụt lên những bãi đốt phá hoang tàn. Một màu tro vàng xám nham nhò loang ra đến bờ sông trơ một gốc đa cành lá thui đen, lồm chồm, lòng sông sâu như vực. Không một bóng thuyền đò nào. Một cái im lặng như chết giữa những nhà cửa đổ nát, đình chùa trống hoơ chống hoác, cây cối cháy trụi khẳng khiu. Mấy gian nhà mới đã dựng lên và mấy gian nhà đương làm dở, nửa lá còn tươi nguyên, như cắt bên cạnh những bức tường vỡ lở. Đây là quán bán nước. Trong quán vắng ngắt, leo teo ít bát đĩa, bánh chưng, kẹo bột bày bên trong hàng. Hai người đàn bà khăn trắng ngồi cạnh đó xay bột và khâu vá.

Chúng tôi nghỉ lại ở một hàng cuối dãy. Đây họ nhận thối com cho chúng tôi. Mỗi bữa hai suất có cả trứng trắng, su hào xào, dưa chua, cá kho mà chỉ có 6 đồng trong khi ở những nơi khác nhất là những chỗ đông đúc buôn bán, làm ăn ít ra nhà hàng cũng tính 10 đồng. Chúng tôi đã toan trọ lại ngay đấy nhưng để đến kịp chỗ họp ngày mai, chúng tôi ăn xong lại phải đi ngay.

Ở ngoài đường, những đứa trẻ ban nãy đã ra chơi lúc nào không biết. Tiếng cười nói ran ran trong ánh nắng. Và những tiếng hát phôi phới lại cất lên vang vang theo chúng tôi rất xa...

DUỚI CHÂN CẦU MÂY

I

Người mẹ đang khom khom bụng chậu nước gạo vào bếp để nấu cơm lợn thì Giang và anh bộ đội bước vào đứng ở ngay trước mặt bà. Bà đã kêu lên “Các anh mua gì thế?” và khi nhận ra, bà luống cuống đặt vôi cả chậu xuống mà rú hân lên:

- Giời ơi thằng Giang... Bố nó ơi thằng Giang, thằng Giang đã về... chúng mày ơi thằng Giang...

Những tiếng rối rít cứ thế mà kêu lên, nổi lên quẩn quýt lấy Giang và anh bộ đội cứ đứng thần người ra.

Buổi tối sáng trăng và có gió mát. Hàng xóm và những khách hàng ở hai bên đường đều đổ xô lại. Bố Giang đi củi về nằm trong buồng lập cập trở dậy. Ông bàng hoàng không thể sao chen được chân ra với con. Hai em giai Giang thì bám lấy Giang mà reo gọi tíu tít với các bạn.

Giang đã bớt thờ. Giang kéo cánh tay anh bộ đội bảo ngồi xuống ghế bên chõng hàng cho đỡ mệt. Rồi Giang quay ra hỏi mẹ:

- Nhà dọn hàng mà không thấp đèn đóm gì cả à? Bu để con đổ nước gạo vào nồi cơm cho mà cũng ngồi xuống đây.

Thầy con đã ngủ rồi cơ à? Chị Tre đâu? À nhà có nước nóng không để con đi lấy cho anh Chí uống.

Có tiếng thở phì phào và hỏi khe khẽ. Ông bố Giang gầy yếu dút dút và rất ít nói đã lần ra được ngoài cửa:

- Tao tưởng chúng nó đưa mày đi những đâu rồi. Làm sao mày lại tìm về được đến cửa đến nhà thế này? Anh nào đi với mày kia? Tay anh ấy làm sao thế kia?

Đến đây thì người mẹ vừa ngượng vừa cảm động quá không giữ nổi nữa, tu tu lên khóc. Bọn trẻ con xúm xít chung quanh huých huých, đẩy đẩy vào người nhau. Chúng nó càng trở mắt ra nhìn. Ở gian đầu đằng kia, ông cụ Tám tra xong cái giống chuồng trâu, quay ra bảo bà cụ:

- Cái thằng con lớn nhà bác Tre đã về à? Thôi hãy lấy cái rổ đựng mâm cơm lại, tôi sang xem nó một tí cái đã...

Mâm cơm dọn ra. Một nồi to cơm gạo mới. Hai bát canh cà chua. Một đĩa đầy đậu phụ om. Bao lâu nay mới lại được bữa cơm quý hóa này. Chí và Giang ăn như người nằm mơ ăn cỗ. Suốt bữa cơm cho đến khuya câu chuyện không một lúc nào ngừng. Chí cũng nói nhiều như Giang. Chí nói khản cả tiếng và thở thấy mệt mà vẫn không chịu nghỉ. Thật là Chí đã say lên trong cái vui bàng hoàng vô cùng này.

Chí bị Pháp bắt đúng nửa năm nay, gần đây mới được gặp Giang. Sáng sớm hôm ấy, tiểu đội Chí bố trí một trận phục kích để tiêu diệt và cướp súng của bốn thằng da đen thường lệ đi dò mìn ở đường đê. Bọn Chí để chúng nó đến

cái cồng bố trí, nhảy xổ lên, rút dao đâm. Không may hôm ấy một trung đội Pháp đi xe *Dép* ở cầu Đuống xuống, thấy động liền nhảy cả xuống đường xả súng máy bắn. Chí đã vùng xuống sông bơi nhưng bị một phát đạn vào đùi và cánh tay phải mới đành vùi súng xuống bãi ngô và chịu để chúng bắt. Buổi sáng hôm ấy Chí đã tưởng chết. Thường bộ đội và du kích sa vào tay chúng là bị bắn ngay nếu không bị chọc tiết hay thắt cổ cho vào bao tải trôi sông. Chính tay Chí đã vót và đã chôn cất nhiều đồng chí của mình ở cánh đồng bên này sông, dưới cái gốc gạo kia cứ đến mùa xuân là đỏ rực lên ở trên cao mà đạo còn nhỏ Chí vẫn thả trâu chơi, rồi ngủ ngay ở đấy. Đêm hôm ấy chúng đã bịt mắt Chí lại, dí súng vào sườn bảo đi. Chí đã chửi và tìm hết cách để dứt dây trói. Không! Không thể nào Chí lại bị cái chết đau đớn như thế được. Chúng nó đã không đưa Chí ra bờ sông, mà ấy Chí lên xe *Dép* đánh về cầu Đuống.

Sáu tháng giam cầm của Chí là trăm tám mươi hơn ngày dụ dỗ, tra tấn, ăn đói và bị trói. Chúng đã quấn dây điện vào cổ Chí, hiện giờ vẫn còn thối. Chúng đã ấn đầu Chí vào thùng voi, vào cả cứt đá. Bàn tay phải bị đạn của Chí đã nát hết mười đầu ngón tay vì kim và lưỡi dao lạch vào. Cuối cùng, chúng đã lấy búa dần nát cái bàn tay cầm súng ấy. Và đe nếu không khai ra những cán bộ, những ủy ban và nơi nào đơn vị thường đi về, trốn tránh thì bàn tay trái kia cũng mất nốt.

Một hôm, Chí đương thiu đi, mồm mép ứ máu thì thấy ngòn ngọt ở miệng. Trong bóng tối của gian buồng tra tấn,

trước cặp mắt mờ mờ của Chí, đôi mắt xéch và sáng quắc của Giang trên một vầng trán nhẵn nhẵn hiện ra. Giang ghé vào tai Chí nói khe khẽ:

- Anh Chí ăn mấy cục đường này đi... ăn mau đi... Chúng nó sắp về đấy! Anh cố mà chịu ít lâu nữa... anh em ta sẽ cùng trốn ra... Nhất là anh đừng nên liều... Nó có giết mình thì mình mới chịu chết... còn thì đừng nên liều. Ở Đập Cầu mấy anh cán bộ, anh bộ đội còn bị tra tấn giam lâu hơn anh nhiều... các anh ấy cũng cố chịu được... các anh ấy đã bắt được liên lạc trốn thoát hết...

Mắt Chí đã giàn giết lên như lửa. Trong người anh nóng bừng, run không thể nào tưởng tượng được. Cái thằng bé con, rạng rỡ nhanh nhẹn vẫn bưng rượu, bưng sữa, quét nhà, đánh giầy cho thằng xếp Xôm “đơ bê” kia mà lại cứu anh cơ? Hay là mưu chước của *thằng Xôm* nham hiểm? Một quá, Chí đã lại lả đi dưới cái chân bàn mà chân tay Chí bị xích.

Một tuần lễ sau thì Chí vững lòng lắm. Chí đã được biết bố mẹ Giang trước cũng ở Từ Sơn, từ ngày Pháp tràn đánh Trung du phải tản cư lên Thái Nguyên. Lên tới đây, Giang gặp một anh cán bộ trước có bà mẹ cũng tản cư cùng làng với nhà Giang. Giang nói ngay với anh xin cho làm liên lạc ở Huyện bộ Việt Minh đóng ở gần nhà Giang. Giang bị bắt đạo quân Pháp mở trận nhảy dù lên Thái Nguyên để giữ tiếng cho trận thua khủng khiếp của chúng nó ở biên giới. Cũng trong một trường hợp nguy hiểm như của Chí. Hôm đó đạo quân chúng nó vừa bị bộ đội chặn đánh xong đương

lễ mễ khênh những xác chết thì Giang sa vào tròng vây của chúng, giữa lúc đi lấy công văn khẩn ở trên tỉnh về. Giang cũng đã bị chúng đưa ra bắn với mấy thanh niên chúng càn được ở dọc đường. Một thằng Tây trẻ, rất thạo tiếng Việt Nam, đã ra lệnh tha cho Giang. Chính thằng này đã dụ dỗ Giang và tra tấn Giang luôn hai tháng ròng cho tới ngày gần đây nó về chơi với thằng Xôm *đơ bê* giao lại Giang cho nó.

Thế rồi một đêm mưa, thằng Xôm đi ra Hà Nội nhảy đầm ăn tiệc, Giang tháo khóa buồng giam đặc biệt của Chí và hai anh cán bộ, đưa ba anh đi. Hai anh nọ đã lên ngay tỉnh để lại công tác. Còn Chí, đã được Giang đưa đi mấy ngày liền tìm liên lạc nhưng chưa tìm được. Đơn vị anh đã đi bổ sung và chinh huấn ở một vùng rất xa đấy, và lại Chí cũng còn đau quá, vừa phần thấy không thể nào dứt khỏi Giang ngay được, nên theo về nhà.

Tám ngày thoát khỏi tay giặc, đến tối nay Giang mới về đến nhà. À! Vui quá cái quán bún bánh của nhà Giang vẫn còn đây, bên dòng sông máng nước xanh rào rạt. Con đường phá hoại lấp lại rồi, luôn luôn vang tiếng chuông xe đạp. Cái cầu sắt chơi với giò cao một khúc cầu lên để lấy lối đi cho những chuyến đò Bắc Giang - Thái Nguyên vẫn nguyên vẹn, âm âm tiếng gió như tiếng sáo diều. Những nhà cụ Tám, bác Tài, anh Bình, chị Lành cũng vẫn còn cả, đèn và lửa bếp sáng phấp phới cả một mé sông. Lại thêm bốn nhà nữa ở bên cái ụ phá hoại tre mọc rườm rà ở cuối phố. Càng về khuya, giảng càng sáng. Đêm ấy Giang và Chí hai anh em nằm ở cái chõng trông ra sân...

II

Cũng như các hàng ở phố, hàng nhà Giang thu dọn rất sớm. Mọi khi Giang còn phải rửa bát đĩa, lau láy chõng ghế, cắt thịt đậu, và xếp bánh kẹo lại mất hàng giờ. Nhưng dạo này hàng ế quá, ngoài món bánh cuốn ăn với riêu thịt, bán thêm ít kẹo bột, còn chẳng có quà bánh gì cả. Lộng gió, Giang hạ nốt cánh phen cửa xuống. Ngọn đèn dầu châu thấp lên, loi nhoi ở một góc nhà gần chỗ bố Giang nằm.

Chí lại đăng nhà cụ Tám chơi sau đó thì đến dạy ở lớp Bình dân học vụ phố trong khi Giang vào trong làng họp. Hai thằng em Giang đều đi học cả. Trong nhà chỉ còn tiếng xay bột rì rì với cái bóng lúi húi của người mẹ.

Giang gánh gánh củi của bố và của Chí ở ngoài sân đưa vào xếp ở dưới mái hiên rồi quay vào nhà bảo mẹ:

- Bu để con xay bột cho mà đi gọi đầu, lau mình đi. Chậu bồ kết ngâm kia lại đến chị Tre gọi thôi. Bu cả ngày mồ hôi mồ kê mà ban nãy cũng chả chịu đi tắm. Ốm rức đầu vì thế đấy!

- Được! Mặc tao... À mày đi họp có tin tức gì mới không? Bộ đội vẫn đánh ở mạn dưới Bắc Giang, Hồng Gai đấy chứ? Lại thấy nói nó đóng thêm quân ở Mỏ Thổ, Núi Con Voi và ở cả Núi Đồi nữa. Chúng nó lại rục rịch đổ bộ lên sông Cầu đây chắc.

- Tin... tin thì nhiều tin vui lắm. Ở Hồng Quảng nó lại mất hàng bốn tiểu đoàn, bị tiêu diệt hàng chục vị trí này! Thằng tướng to nhất của nó lại phải đâm bổ ra đây diễn thuyết này. Mà ở Mỏ Thổ, Con Voi, Núi Đồi, nó cũng lại đóng thêm quân này... Nhưng những tin ấy cũng chỉ là đặc biệt vừa vừa, mà còn tin này mới thật đặc biệt đặc biệt... Tin dân càng thi đua tăng gia nữa, càng tiết kiệm nữa, để kháng chiến mạnh nữa, mà nhà ta và hàng phố cũng phải thi đua đấy... Nhưng thôi bu đi gọi đầu đi... rồi vào con kể nhiều tin hay nữa cho mà nghe. (Vừa nói Giang vừa ngồi vào chỗ ngồi của mẹ, đón lấy tay cối).

Người mẹ mắng yêu Giang một câu rồi đứng dậy.

- Đạo này nó lại càng diễn thuyết với mình tợn. Đây không chính trị, không thi đua tăng gia, không cố gắng đóng góp, không ủng hộ bộ đội dể thì trên huyện gửi giấy khen về là cấp cho bằng phí đấy...

Giang nhìn theo cái bóng lếch thếch lỏi thỏi của mẹ. Bao giờ mẹ Giang cũng nhẹ nhàng, dễ dãi như thế. Trong nhà dù thiếu thốn đến đâu, mẹ Giang cũng chạy vạy xong xuôi bằng hết, không có vẻ gì là nặng nhọc, khó khăn cả. Lòng thương chồng con đã làm người mẹ này như không còn biết gì là khổ sở ở cuộc đời. Không còn biết cả thân mình nữa! Nhất là từ ngày kháng chiến, tuy bà gầy sút hẳn đi, ốm no bò dậy, thì bà lại càng bực tuệch học tòa, chẳng coi đói rách, đồng tiền nông có nghĩa lý gì cả.

Được người mẹ chịu thương chịu khó và tháo vát như thế Giang chỉ có việc ăn, học, chơi và đi họp. Nhưng sau

những ngày bị giặc bắt xa cha, mẹ, chị em, Giang đã suy nghĩ, thấy thương nhà vô cùng, nhất là người mẹ. Giang thấy không thể nào nhòn nhơ mà để mẹ, để bố làm ăn chạy vạy như trước... Cùng với Giang có một người nữa áy náy, bứt rứt vì sự sống của nhà Giang. Đó là Chí.

Chí đã ăn được. Người trông đã có da, có thịt. Cái anh bộ đội vạm vạp ấy sắp lại khỏe như trước, chỉ phải tội bàn tay phải đã quắt lại lèo nhèo như cái chân gà rút xương. Phiên chợ trước và phiên chợ này. Chí theo bố Giang đi vào rừng bên kia sông lấy củi. Bố mẹ Giang và Giang nói thế nào cũng không được. Ngoài ra Chí còn vun lại các gốc chuối, sói lại cái bãi sản ở chân đồi đằng sau nhà, và cắt danh về lợp lại bếp.

- Nếu ông bà, chị Tre, cùng các em không để con đỡ đần cất nhắc làm việc thì con xin phép lên tỉnh ở với cơ quan. Con còn ở đây chờ liên lạc đơn vị ngày nào thì con xin ông bà cứ coi con như là người nhà, mà thật lòng con đã làm con cái của ông bà rồi từ ngày được biết em Giang...

Chí thấy hơi ghen ghen trong lòng. Bố mẹ Chí, anh em Chí đều không có. Chí mồ côi từ thuở nhỏ, đi ở cho lão quản lý ở đồn điền Gia Lâm cho đến ngày Tổng khởi nghĩa. Chí đã được đoàn thể thanh niên ở đấy xin cho làm mấy mẫu ruộng, nhưng sau khi nổ tiếng súng toàn quốc, Chí nhường lại cho một người bạn, gia nhập bộ đội địa phương huyện. Năm ngoái, phong trào đỡ đầu bộ đội lên cao, hầu hết các anh em của đơn vị Chí đều có bố nuôi, mẹ nuôi, nhà thì ở ngay trong vùng tạm chiếm, nhà làm ăn ở ngoài vùng

tự do. Riêng Chí và một anh nữa chưa có. Chưa có không phải vì không có. Mà vì ngưng. Cả hai người cùng cảnh mồ côi như nhau, không vợ con gì cả, giò bỗng chốc đi về một nhà đủ cả ông bà, chú bác, bố, mẹ, anh em rồi ăn giỗ ăn tết, và được các bà cô, các chị gái sắm sửa lo cho cả từ cái khăn mặt, cái quần đùi, đôi dép, lọ dầu bạc hà, ống ký ninh, hai anh thấy *thế nào ấy...*

Từ ngày bị bắt, nhiều lúc chợ chồn Chí đã nghĩ đến dân chúng ngoài kia. Ngoài kia có những ông cụ, bà cụ, ốm yếu, chậm chạp nhưng rất vững vàng, cam đảm. Có những vợ chồng nhà đông con rất nghèo mà vẫn thối hàng nôi com nắm cho bộ đội. Có những người con gái xấu xí mò cua bắt ốc rất vất vả nhưng chết thì chết không bao giờ chịu gồng gánh cho Pháp, rồi lại còn ủng hộ bộ đội, ủng hộ đoàn thể cứu tiền trăm. Những lúc nghĩ đến đồng bào dân chúng che chở, giúp đỡ, quây quần lấy mình và cùng mình chiến đấu với giặc ấy, Chí nhớ tiếc như nung như nấu cả ruột gan. Cái cảnh nhà bố mẹ nuôi người bạn hôm Chí đến ăn giỗ thật là một cảnh tưng bừng.

Những người con gái riu rít gọi người bạn Chí nào bằng chú, bằng anh, bằng em ấy thật là quý như ruột thịt của chính Chí vậy. Và mấy hôm nay thì Chí thấy thật gia đình Giang là gia đình mình rồi. Vì thế mà Chí lo. Chí lo cho tương lai nhà Giang.

Nhà Giang không cày cấy gì cả. Đạo này thóc lúa ở các vùng dưới bị giặc đốt phá, cướp bóc thật tàn hại, rồi phần vì nhân công khan hiếm, gạo giá mỗi ngày một cao, như thế

nhà Giang làm sao mà đủ ăn. Làm bún bánh, thổi xôi nấu chè, bán chuối, bán kẹo... Mẹ Giang có chịu khó và có được lãi đến đâu cũng chỉ là trợ thời. Còn bố Giang đi rừng lấy củi buổi đực buổi cái, đỡ việc nhà đã chẳng được bao nhiêu, lại còn ốm luôn nữa. Chị Giang, chạy chợ nhàn đấy, nhưng nay về tề, mai về tề, nay mấy thước phin, chiếc khăn len, đôi sàng đan, bộ cốc, mai tá bài chải, hộp xà phòng Díp, rồi thành ra luôi biếng mụ mị, bỏ cả công việc chính cày cấy giồng giọt, làm thua thiệt cho kháng chiến mà làm giàu cho giặc.

Muốn thay đổi tình trạng này chỉ có thể thay dần dần từ gốc thay đi. Nhà Giang phải làm ruộng. Không có ruộng phải xin ruộng mà làm. Chị Giang, cả Giang nữa phải học cày học cấy. Nhất là phải vào đoàn thể mà sinh hoạt. Bố Giang trước kia làm phu than ở mỏ Vàng Danh có nghề đốt than đấy, nên xin vào một công xưởng nào mà làm, ở đấy ông sẽ được làm việc có giờ giấc, ông được sự săn sóc sức khỏe đỡ phần đau ốm, nhất là bỏ được cái tính rút rút buồn bã đi, và được giảng dạy học hành hiểu biết rộng ra. Rồi cả mẹ Giang và chị Giang cũng phải vào hội liên hiệp phụ nữ và cố thu xếp công việc để cũng được học hành thêm. Chịu thương chịu khó như mẹ Giang và dân phố đây không thể nào không tiến được, một khi được tổ chức vào những đoàn thể căn bản như thế...

Giang tỉnh ý lắm. Giang nhận thấy ngay sự lo lắng của Chí. Những ý nghĩ sửa chữa cho nhà Giang, tuy Chí chỉ nói nhẹ nhàng một đôi câu với bố mẹ Giang và Giang thôi, Giang cũng thấy hết cái quan trọng của nó. Chính Giang cũng khổ

sở vì sự làm ăn của nhà Giang nhất là của chị Giang. Giang không thể nào nén được sự bức rút, đã đi tìm Can phụ trách đội Thiếu niên tiền phong của Giang ngay tối chủ nhật tuần trước. Giang bày tỏ tình cảnh nhà và báo với anh sự hoạt động của hàng phố.

Chiều hôm nay, Giang cùng Can chuyện với nhau từ lúc ăn cơm chiều cho đến lúc tối mịt, mọi người rũ giường rũ chiếu đi ngủ, hai anh em mới đưa nhau ra về.

- Giang cứ yên trí lại về học hành và nhất là sinh hoạt chặt chẽ với các thiếu nhi và đồng bào trong phố. Giang nói với anh muốn đi làm liên lạc cho bộ đội, cho du kích hay ở các cơ quan, nhưng Giang còn đương tuổi đi học, tập tành và công tác đoàn thể thì Giang phải đi học, phải tập tành rồi sang năm nữa, Giang sẽ làm những công tác trên đây hoặc xung hấn vào bộ đội chiến đấu.

Giang dùng dằng không muốn rời bàn tay chặt chẽ của Can ra. Giang chớp chớp mắt nhìn lên gương mặt tròn tròn trắng xanh của Can, nhìn đôi mắt của Can, bao giờ cũng lấp lánh những thân mến, nhất là với các em nhỏ đội viên của Can thì thật là những nụ cười ấm áp, tin cậy, thương yêu vô cùng.

Giang đã đi được một quãng, Can còn chạy theo, choàng vai Giang nói như chị dặn em:

- Giang nhớ nhé! Phải sẽ sàng lựa nhời mà nói chuyện với thầy Giang và chị Giang. Anh tin chắc thế nào thầy và chị cũng nghe ra. Đó là một điều. Còn điều này nữa là Giang

về tập hợp ngay lại với thiếu nhi hàng phố, làm những việc anh và Giang đã bàn định với nhau. Anh lại cũng tin chắc rằng thiếu nhi ở phố Cầu Mây do Giang phụ trách thế nào cũng thành một đội kiểu mẫu... Giang của anh cố lên..

Cối bột đã xay xong. Giang rửa cối, đập diêm chậu bột cẩn thận rồi đứng dậy đến kèo nhà lấy chiếc sà cột xuống. Bố Giang lại rên, vật vã chuyển cả chông, cả vách. Giang nhắc đồng chân chiếu lò sò trên người bố ra, lay lay vai gọi:

- Thầy ơi! Thầy dậy uống thuốc này...

- Thuốc gì thế? - Ông mở mắt ra ngơ ngác nhìn, ú ớ nói tiếp: - Đương con cũng uống được à?... Tao chẳng phải thuốc men gì đâu!... Mai xông nồi nước lá tre nữa là khỏi thôi...

- Không! Sốt rét thì xông sao khỏi. Thầy phải uống ký ninh mới khỏi. Rồi mai anh Can lại nhờ y tá đến tiêm cho.

Giang bung chén nước, lần lượt đưa bố uống viên thuốc cảm và ba viên ký sinh vàng của Can cho. Ánh giăng soi vào tận chỗ bố con Giang. Cái thân hình còm cõi, đầu tóc bù sù của người bố nổi rõ với gương mặt bột nhột, đôi mắt sâu trũng.

- Thầy đừng đi rừng nữa. Thầy ốm quá rồi...

Câu nói trên đây, Giang chỉ nghĩ mà không dám nói. Giang lau mặt, lau lưng cho bố rồi đỡ bố nằm xuống. Giang ra bực cửa ngò. Im lặng. Gió sông ù ù. Tiếng xay thóc đangg cụng Tám rõ mồn một. Trống ngực Giang đập thình thịch. Mẹ Giang đã gọi đầu, giặt rũ xong sắp vào đây. Giang sẽ nói gì với mẹ về chuyện nhà cửa và tình hình kháng chiến nhân lúc vắng vẻ này đây?

Mẹ Giang rũ rũ quần áo phơi ở cái dây dưới mái hiên. Bà cũng ngồi xuống bực cửa sỗ sỗ tóc ra chải lại đón những làn gió ở sông thổi vào. Giang thấy da thịt rờm rộm. Chợt Giang vén đằng sau áo lên gọi mẹ:

- Bu ơi!... Bu gãi con cái nào!...

- Gãi!... Lại gãi.. Bé bỏng lắm đấy. Anh em nhà mày lúc còn bé đứa nào cũng vậy cứ hễ nóng cái là phát ban, phát hạch, làm khổ tao cả đêm...

- Bu gãi quá lên vai con ấy! Bu gãi mạnh vào chứ! Bu rần rần cho con mấy cái nữa. Bố thằng *đơ bê tóc quăn*, nó cứ nhè chỗ vai ấy mà dọt ông nó hàng trăm thước đồng ba cạnh đấy...

Câu chuyện của hai mẹ con bắt đầu. Những câu nói ngập ngừng, dành dẽ, ngọt ngào và cương quyết của Giang. Trước người mẹ còn đối đáp lúc cả câu, lúc từng đoạn, từng việc, sau bà im dần, nghe Giang nói. Một lúc sau, thấy tiếng thút thít của người mẹ và cả Giang nữa khóc... Ngoài đường bỗng ran ran tiếng trẻ con đi học bình dân về. Có cả tiếng hai thằng em Giang loáng thoáng tiếng cười hì hì của Chí.

Giang vội chùi nước mắt, chạy thoát ra đường. Giang, một tay nắm bàn tay thằng em út, một tay khoác lấy cánh tay Chí.

- Anh Chí!... Cụ Tám bằng lòng để thằng cu Nửa nhà em chặn hộ bò cho rồi chứ! Các cụ cũng đồng ý để thiếu nhi phố vỡ cái miếng đất chung quanh chòi phát thanh giồng sắn và đào thêm mấy hố chuối chứ?... Anh Can mai ra phố

chơi với anh đấy! À... Anh ấy sẽ hỏi chuyện anh rồi viết bài báo gửi cho báo Thanh niên, anh Chí ạ...

- Viết chuyện tôi đăng báo ấy à! Ấy chết đừng! Nhỡ lộ bí mật hay sai chính trị thì chết!...

Giang phá lên cười:

- Vậy từ hôm anh về đây anh nói lộ bao nhiêu chuyện bí mật và sai chính trị rồi?...

Có mấy đáng người gồng gánh ở con đường rẽ đi đến. Những tiếng cười nói ròn rã. Tre đi chợ về, một tay nải nặng sệ ở bên vai. Thoáng thấy cánh tay áo lòng thông co ro của Chí, mấy cô nọ hỏi ngay:

- Anh ấy là anh Chí và em mày đấy à?

Tre không đáp, đi dẫn lên gọi:

- Giang ơi! Nửa nhón, Nửa út ơi!...

Rồi Tre đến bên Chí, ngượng ngập:

- Anh Chí vừa mới sốt khỏi đã đi dạy học bình dân học vụ cơ à? Hôm nay em mới nhớ quà của anh Chí... Em nhờ mua cho anh một hộp phấn ướp bạc hà của hiệu thuốc tây và cả *po mát*, bông băng để anh buột tay...

Một gói to gói bằng chiếc khăn mặt bông trắng nồn đưa vào tay Chí. Đằng sau Tre những tiếng cười hóm hờ:

- Chúng em rồi cũng có quà cho anh Chí đấy. Rồi anh Chí dạy cả chúng em học thêm và kể chuyện chiến đấu Nam phần cho chúng em nghe nhé?

Giang đón cái gói cho Chí. Một cái gì như làn nước mát dung dung lên trong người Giang.

- Sao chị Tre lại không thể noi gương những chị Trương Thị Xin nữ anh hùng sản xuất ở công xưởng khu Bốn hay chị Dậu, chị Hồng nữ chiến sĩ dân công Cao Lạng?

Ý nghĩa thoáng qua tâm trí Giang, Giang lặng đi, Giang phút quên cả mấy người con gái bạn chị xúm xít chung quanh Chí mà Giang bước xéo cả lên chân họ.

III

Quen chân những đồi ở bên đường Cầu Mây đã giống hết sản. Sản xanh vòng vòng lên mãi tới lưng đồi đất đỏ, sỏi lạo sạo ánh như son, như bạc. Ở đằng xa sau nhà và ở hai đầu nhà nào cũng giống chuối. Toàn chuối tiêu. Những hồ chuối đã rườm rà lại còn thêm những đàn bí, đàn mướp và cả thiên lý nữa, che rợp cả mặt đất.

Quãng đường chạy qua phố Cầu Mây lại còn sửa thêm thật là phẳng phiu, hết cỏ rác. Từng quãng, lại có hố cá nhân. Mỗi một nhà còn đào thêm mấy chiếc hố nữa khoét sâu thêm những lỗ hàm ếch, để đặc biệt cho các trẻ con, các cụ già và đàn bà con mọn khi tàu bay sập đến. Quán nào cũng gọn ghẽ; tò mò sáng quang gánh đồ đạc đưa hết ra những hố có mái che ở ngoài chân đồi.

Đây cũng là chỗ hàm trú ẩn cho cả dân phố và khách qua đường.

Chòi thông tin làm lại ở dưới gốc cây mít mé đường đi vào trong làng. Vừa râm mát, vừa không lộ liễu. Tấm biển cốt quét màu đất, luôn luôn có báo mới, bản tin mới và những tranh ảnh, ca dao của các cụ và của cả trẻ em làm sát từng công việc đề ra: mua công trái quốc gia, ký bản tuyên ngôn Bảo vệ Hòa bình thế giới, hoan nghênh đảng Lao động, Mặt trận Liên Việt, cho Chính phủ tạm vay. Riêng việc lấy chữ ký Bảo vệ Hòa bình, ở đây toàn thể dân phố hơn ba trăm người và hai trăm đồng bào qua đường đã ký gửi lên báo Cứu Quốc. Lớp bình dân học vụ tối mở ở ngay gian nhà dưới cụ Tám đã một dạo mưa bão dột nát nhưng vì neo người cụ đành chịu. Từ những tranh ảnh, cánh cửa làm bàn, ghế ngồi đều tối đến mới bày biện. Ba gian nhà sửa sang lại, vách chát mới, liếp che mới, dàn lý mới bắc ngoài hiên, rộng là thế mà sắp chật rồi vì số người đi học từ mười người trong vòng một tháng tăng lên hai mươi. Gần đây thì tất cả những cụ già, đàn bà con mọn còn lại không biết chữ đều đi học hết. Một chị trước đi theo quân y, giờ có mang về nhà nghỉ, và Chí trông coi, đặc biệt lớp này mà mẹ Giang và bà cụ Tam là hai học sinh chăm chỉ nhất.

Tất cả đó là công trình của đội thiếu nhi phố Cầu Mây Giang phụ trách, và của các cụ Liên Việt, các chị Liên hiệp phụ nữ trong phố chỉ bảo, ủng hộ thêm vào. Và cả công của Chí nữa. *Thiếu nhi Chí* không một việc nào không làm với Giang và đội thiếu nhi trong phố, mặc dầu lên đây bị sốt

luôn. Tất cả giờ giấc của các chú bé ấy là giờ giấc của anh bộ đội tàn tật nọ.

Sáng tinh mơ giờ máy bay địch lên sẵn đuổi bắn phá những thuyền đồ trên sông và những dân chúng buôn bán đi lại đường trường. Giờ từng đợt khu trục, *bê vanh xít* nổi tiếp nhau, dội bom xuống các làng, các thôn ấp. Cũng là giờ đội thiếu nhi phố đã dậy rồi. Các em giúp cha mẹ và hàng phố chuyển đồ đạc ra ngoài đồi. Các em chia nhau từng tốp ra làm ở các bãi sắn, bãi khoai và các hố chuối. Các em vun sỏi lại; các em tưới tắm cho các dàn bí; các em làm thêm những luống rau mới, sửa soạn cho vụ *giồng rau thắng lợi* sắp tới. Những ngày giờ đặng đặng nghỉ ở nhà hay chơi bồi lêu têu để chờ tối đến đi học không còn nữa... Lúc nào cũng có việc làm rồi từng tốp một, không đọc truyện, đọc báo thì tập hát, tập nhảy múa.

Tiếng hát đã thỉnh thoảng vang lên nhịp với tiếng cuộc sôi, đào hố, đập đất... Cả hàng phố, trừ những ai phải đi chợ hay làm hàng, đều gia tăng ra với các em. Và hát cả với các em nữa.

Một quang cảnh mới, mỗi ai đi qua Cầu Mây lúc sớm hay lúc tối đều phải vui sướng. Cái quang cảnh ngày đầu năm, mưa dầm gió bắc, hàng quán lèo tèo sơ xác vì gạo kém, trong nhà bộn những người mà như chẳng có công việc gì, trẻ con khóc quấy, đồ đạc ẩm sì, lỏng chổng, ngổn ngang, rác rưởi ùn lên ở bờ bãi sau nhà, cỏ gianh và giàng giàng mọc um tùm, cái quang cảnh buồn, đói và nhếch nhác ấy như của tự bao giờ, không còn thể tưởng tượng được...

Nguyên nhà Giang bắt đầu xin cấy được mẫu bảy ruộng. Bố Giang đã vào làm ở một công xưởng, tuy thế công việc nhà cũng không bận quá. Tre không đi về tề chạy chợ nữa. Đôi hoa và chiếc nhẫn của Tre đã bán đi, tậu một con bò và gây thêm một con lợn nái. Tre đi cấy, tát nước, làm cỏ quần quật cả ngày, không những việc nhà mà còn cho cả hội hợp công nữa. Thằng Nứa đi chăn con bò của Tre tậu và con bò của cụ Tám mà hai ông cụ bà cụ có mình anh Tám thì anh đi bộ đội từ ngày kháng chiến. Những Minh, Hùng, Tý, Xim, Lan của đội ban ngày không đi học thì cũng đi trâu hay đi cò đõ cho những nhà bác Tài, bác Hồng, cụ Huấn tản cư nhà thì đông con, nhà thì con trai, em giai đi công tác cơ quan và đi làm ở công xưởng hết... Riêng Giang và một em gái thiếu nhi trông coi tám đứa cháu của ông cụ Tín. Anh Tín làm ở nhà in nghe đâu mãi ở trên cùng Việt Bắc, còn mình chị Tín chạy chợ nuôi cả nhà.

Vụ chiêm đã qua. Tính ra đội thiếu nhi Cầu Mây đã giúp các nhà gặt lúa, được hơn năm mươi công, và thu vào quỹ ủng hộ thương binh và bảo vệ thiếu nhi xã gần tám nghìn đồng. Hội hợp công, hàng xã đã tính cứ được cái đà giúp đỡ này của các đội thiếu nhi của hàng xã mở rộng nữa thì vụ làm cỏ và gặt hái mùa tới, số nhân công thuê mướn sẽ bớt được hàng trăm và tiền ủng hộ còn thu hai ba vạn là ít.

- Thiếu nhi của bác Hồ đấy!

- Thiếu nhi của bác Mao đấy!

- Thiếu nhi của ông Xít-ta-lin đấy!

Trong lúc những nhịp hát cất lên, những tiếng chỉ chò trên đây đã cất lên theo.

Trên đồi, lúc trưa nắng, dưới những gốc thông cao vút loang loáng gió và ánh nắng, trẻ em giai gái hàng phố lại tay nắm tay, soay chung quanh Chí ngồi ôm hàng năm, sáu em bé trên đùi, trên vai mà hát cho Chí nghe và bắt Chí dạy những bài hát của đơn vị.

Có lúc điệu hát còn thay cả lời do Giang thêm vào.

- Ai yêu bác Mạo Trạch Đông hơn chúng em nhi đồng.

Thương yêu và xa rộng nữa:

- Ai yêu ông Xít-ta-lin hơn chúng em nhi đồng...

Tiếng hát vẳng xuống đường. Bà cụ Tám, chị Lành nhiều lúc ngừng hẳn tay cuộc đất lại, lắng nghe rồi lại bảo nhau:

- Anh Chí mà đi nhận công tác thì nhi đồng chúng nó nhớ lắm đấy!

- Cụ Tám ạ, cụ cố giữ anh ấy ở với cụ thì thế nào cũng được. Mà lạ thật! Trông anh ấy nhiều lúc sao mà giống anh Tám thế. Nhất là cái cười hị hị bên lên như con gái thì thật hệt như nhau.

- Trên làng gì ấy họ tổ chức đón được hai anh thương binh về rồi đấy!... Phở ta có thì cùng với ông cụ Giáo cố đón lấy anh Chí về cấy cho anh ấy một mẫu, để anh ấy may mặc thêm... Anh ấy đến quý, cụ Giáo thấy rách may biểu bộ quần áo mới mà anh ấy lại còn cho lại anh đồng chí hôm hành quân qua đây...

Một buổi tối, trên đồi thông bên đường vào trong làng, một cuộc lửa trại nhóm lên, đông đủ cả dân phố và đại biểu các giới rất đông trong làng ra... Đó là buổi tiễn chân Chí và Giang lên đường. Chí đã được liên lạc của đơn vị. Chí đã yêu cầu lại được theo đơn vị chiến đấu. Nhưng giấy trên Khu bảo cứ lên Khu xem công việc và sức khỏe thể nào hầy hay. Giang cũng lên tỉnh. Giang đi dự hội nghị thanh niên tỉnh với Can và hai thiếu nhi gương mẫu của hàng huyện...

Đúng mười giờ hôm ấy thì đồ ngược lên. Cũng vào một đêm giăng sáng như đêm Giang trốn thoát tay giặc về nhà. Chí và bọn Giang và Can đã xuống đồ rồi mà ló ló tiếng hoan hô còn vang theo...

Cầu Mây mờ mờ chơi voi dưới khoảng trời xanh sáng bao la. Những nhịp đồi thoáng hơi sương và những chòm thông xa dần, bên dòng sông gió rào rạt. Chí nhìn lại đằng sau, phố Cầu Mây phấp phới ánh lửa. Cánh tay bị tàn phế của Chí càng ôm chặt lấy vai Giang:

- Nếu anh công tác trên Khu thì tết năm nay thế nào anh cũng xin phép về Cầu Mây ăn tết với thầy mẹ và Giang nhé... Mà thế nào Giang cũng phải là thiếu nhi danh dự của hàng tỉnh trong kỳ tổng kết thi đua thiếu nhi làm công tác Trần Quốc Toàn 19 tháng chạp đấy!...

IV

Nửa tháng sau, chuyến đò xuôi tờ mờ sáng đã đến Cầu Mây. Chẳng đợi bắc ván cầu, Giang nhảy tót lên bờ và reo lên:

- Các em ơi! Anh Chí được Khu cho về đây công tác rồi...
Cụ Tám ơi! Chị Lành ơi! Chị Bình ơi... Anh Chí về ở hẻm Cầu Mây rồi...

Tất cả hơn chục em đương lễ mễ mang những đồ đặc và xéng cuốc ra ngoài đồi và tất cả hàng phố đều đổ xô ra cầu. Bà cụ Tám, lếch thếch dắt cả bò ra. Còn chị Lành, chị Tín thì cứ dúi lúu reo tên Chí lên mà gọi, mà hỏi.

Chí lững lảng chiếc ba lô nhỏ vải nâu của chị Lành may cho đi lên với Can và hai em đi dự hội nghị về. Cả miệng, mắt, mũi, trán Chí là một nụ cười díp lại. Chí đón lấy đứa con nhỏ của chị Lành vừa quay ra chào lại mọi người. Chí luống cuống, mặt mũi cứ đỏ ửng lên chưa kịp nói hết câu này đã phải giả nhời câu khác.

- Con về ở hẻm với cụ Tám, cụ Tre, thầy mẹ con đây!...

- Con lại về dạy Bình dân học vụ và tăng gia với thiếu nhi Cầu Mây đây.

3- 1951



Thơ

... Không! Tương lai trời xanh

Trời xanh đang mở và không gian đang lạnh lót

Những tiếng chim đầu tiên buổi sáng

Những giọt sương đầu tiên óng ánh

CỬU LONG GIANG TA ƠI

Ngày xưa ta đi học
Muời tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu
Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ
Nhu đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.

Bản đồ mới tường vôi cũng mới
Thầy giáo lớn sao, thước bảng cũng lớn sao
Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ
Đưa ta đi sông núi tuyệt vời.

Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu
Mê Kông sông dài hơn hai ngàn cây số mộng mênh
Nguồn tự Trung Hoa có Vạn Lý Trường Thành
Có Hy Mã Lạp Sơn Động Đình hồ Tây du Thuỷ hử
Mê Kông chảy
Cây lao đá đỏ
Lan hoang dứa mật thông nhựa lên hương

Những trưa hè ngọn núi Trường Sơn
Ngắm nghĩ voi đi
Thác Khôn cười trắng xóa
Rừng Lào Miên rộng quá
Dân Lào Miên mến yêu
Xôi nếp nước trong sẵn sàng chia bạn đói.

Ta đi... bản đồ không nhìn nữa...
Sáng mùa thu lại còn bướm với trời xanh
Trúc đào tươi chim khuyên rửa cánh sương đọng
long lanh
Ta cười áo lội dòng sông ta hát
Mê Kông chảy Mê Kông cũng hát
Rừng núi lùi xa
Đất phẳng thở chan hòa.
Sóng tỏa chân trời buồm trắng.
Nam Bộ
Nam Bộ
Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vàng
Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa
Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền

Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên
Suối mát dội trong lòng dừa trĩu quả.

Mê Kông quận đê
Chín nhánh sông vàng
Nông dân Nam Bộ gởi đất nằm sương
Mồ hôi vã bãi lầy thành đồng lúa
Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa
Những Hà Tiên, Gia Định, Long Châu
Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau
Những mặt đất
Cha ông ta nhắm mắt
Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.

*

* *

Ta đã lớn
Thầy giáo già đã khuất
Thước bảng to nay thành cán cò sao
Những tên làm man mác tuổi thơ xưa
Đã thấm máu của bao hồn bất tử

Những Minh Khai, Hà Huy Tập,
Lê Hồng Phong, Trần Phú
Những bông hoa DÂN TỘC ANH HÙNG
Mười sáu tuổi xanh xanh
Em Đuốc sống đốt mình phá tan kho đạn giặc
Võ Thị Sáu vành răng cắn chặt
Giữ trung trinh cho đến phút cuối cùng
Đạn giặc xuyên lỗ chỗ ngực măng non
Đỏ thắm nụ cười
Chào Bác Hồ và Việt Nam bất diệt.

Đêm nay
Cửu Long Giang vẫn âm vang sóng cát
Sao khuya lấp lánh
Lửa chài thức sáng, nhịp hát hò ơ
Đồng Tháp xa đưa những tiếng mẹ ru
Hồ Chí Minh thành ca dao bát ngát...

1955

NGHE CHÚNG EM ĐÂY

Nghe chúng em đây
Nhi đồng Việt Nam
Bước chân lên đường
Chúng em hát vang
Sách học đầy tay
Ban ngày mở rộng
Ban ngày xưa kia
Bao nhiêu cay đắng...

*

* *

Chúng em chín tuổi
Ngần ấy ban ngày
Giặc muốn cướp đi
Cha em đi cày
Giữa đồng trắng nước
Giặc muốn cướp đi

Mẹ em làm cỏ
Trong ruộng lúa lên.
Giặc muốn cướp đi
Nắng trưa vông đưa bà ngủ
Mắt đen em nhỏ nghe vông làm thơ.
Giặc muốn cướp đi
Những đường mưa tầm xuân gai nở
Trống chèo rung em tìm chị cùng đời.
Giặc muốn cướp đi
Những trường làng cổng mới ngói tươi
Hoa gạo thắm chúng em chào cò yêu dấu.
Giặc muốn cướp đi
Những ngày đông nắng ấm
Bến nước cười reo phiên chợ đợi chờ
Lợn kêu gà gáy chó cắn u ơ
Hàng tò he rực rỡ, bác kẹo kéo ngâm nga
Những hòm ảnh rung chuông
Năm châu hiện với các đô thành kỳ ảo.

Ban ngày
Những ban ngày bùng dậy

Có mặt trời lên
Có mây trắng nở
Có lá tre reo
Có heo may rải đồng
Có sơn ca líu ríu tầng không
Có sóng nước
Có lúa thom...
Sao lại có khói tuôn?
Sao lại có lửa cháy?
Sao lại có những tên ma quái
Những Mèo đen Khạc lửa Vua rắn⁽¹⁾
Của đế quốc găm lên
Đòi uống máu nhai xương trên thân người hiền hậu.

*

* *

Chúng em lớn giữa những ban ngày chảy máu
Chân tập đi
Tay men lưng mẹ như vịn lấy địa cầu
Tập gọi yêu thương

⁽¹⁾ Tên các thứ máy bay của đế quốc.

Tập ca chiến đấu
Tập hát cần lao
Đường khuya đi học
Chúng em nhịp bước đếm trời sao
Quên gió bắc trường xa bụng đói
Đèn dầu vắn nhỏ mắt cay nhoi nhói
Chữ thần tiên càng phôi phới trong hồn
Túi sách đầy sao ấp bầu má nóng ngủ chung
Cùng súng gỗ đêm đêm cười mơ bên vú mẹ.
Bộ đội ơi! Các anh bước bé
Cho chúng em đi theo đi theo.
Chị văn công ơi múa nữa
Chúng em múa cùng.
Ổ trứng ơi mau nở
Mừng Bác, quà thương binh
Và không gian ơi rộng nữa
Tuổi xuân mai tươi bao chuyện anh hùng...

*

* *

Nghe chúng em đây
Nhi đồng Việt Nam
Bước chân lên đường
Chúng em hát vang
Sách học đầy tay
Ban ngày mở rộng
Ban ngày từ đây
Nguồn nguồn vui sướng...

1954-1955

HỒNG HÀ TÊN CON, DÒNG SÔNG YÊU DẤU

Hồng Hà
Ngẩng trán lên
Cha hôn.
Nước sa đã về
Vải thiều đã đỏ
Bãi ngô ngả rạ
Gió tây chảy vàng đồng lúa
Mây đen Tam Đảo gọi gió chiều hôm
Lô, Thao thác réo ghềnh sôi
Biển Đông chớp nhói lửa chài chông chênh.

Mẹ đẻ con
Mùa ấy
Tên con tìm đặt
Ngay khi thai nghén
Vú nhỏ nổi gai
Bụng nhỏ căng tròn

Mặt vàng vắt những buổi chiều nhớ sốt
Trong thịt xương một xương thịt mang hồn.

Cha đón con
Đêm ấy
Áo cũ bọc che
Sao khuya vời vợi trên đầu
Canh khuya đất thờ
Trái đất từ đây trên tay cha ôm giữ
Có tên con và những nguồn thơ.

Hồng Hà
Tên con
Dòng sông chảy miết
Giữa đôi bờ đói rét.
Dòng sông vang dội
Những nước nở khổ nghèo.
Dòng sông có những cuộc đời
Mất khôn nhằm vì một mái nhà và tiếng trẻ.
Dòng sông mang từng trang lịch sử
Đêm đêm thức những linh hồn

Mắt ngược lên nhìn
Tìm những vì sao và ánh lửa.
Dòng sông năm năm bãi bồi bến lở
Làng mạc đồng trắng cỏ tươi
Lưng người bụng trâu lấm láp
Giữ cho những ước mơ ngàn năm không tắt.

Hồng Hà

Tên con

Dòng sông lặng lẽ

Cát bạc trời xanh mây trắng

Mây trắng cát bạc trời xanh

Bè gỗ lênh đênh

Buồm nắng

không! Những cánh chim

không! Những mây roi

Không! Những thuyền xuôi ra biển

Những lưới giăng cá quẫy

Vó kéo nước tuôn

Những củi mục cành hoang

Những sáo trúc còn lau bãi gió

Những hình ảnh đầu tiên của đời con mê mải
Những tiếng gọi đầu tiên trong hồn con lồng lộng.

Hồng Hà

Tên con

Dòng sông lấp lánh

Những sớm mai tràn nắng

Cát bãi thổi hơi bờ sương quẩn quýt

Giò lúa xanh lại hát

Quả chín nhức thom

Vỏ cây nhựa nứt nòng nài

Hoa mộng như môi người

Sóng nước sơn ca dào dạt.

Hồng Hà

Tên con dòng sông bát ngát

Con dắt tay cha trên dòng sông đi mãi.

1956-1957

NHỮNG TIẾNG HÁT KHI MẶT TRỜI GẦN TẮT

Mặt đất có những chiều mây úa đỏ
Có những giờ rừng già nổi gió
Có thác gầm đỉnh núi mù sương
Trăng lên thú đói kêu vang
Thung lũng ngạt ngào quả chín hoa tàn chảy mật.

Mặt đất có những phút mặt trời gần tắt
Nhân loại lặng nhìn tưởng nhớ.

Tự vô cùng cuộn lên chói lói
Ba by luân⁽¹⁾
Kim tự tháp
Vạn Lý Trường Thành
Xương trắng muôn đời phơi dưới trời xanh
Máu xối
Công xã Ba Lê

⁽¹⁾ Babylon, vườn treo, một trong bảy kỳ quan thế giới.

Cách mạng Tháng Mười
Vạn lý trường chinh
Chân hồng quân ngày nay còn rạn nứt.

Tự vô cùng thời gian
Và trong da thịt
Trong tuỷ xương
Trong thăm thẳm linh hồn
Hình ảnh bao lần Sự Sống đứng lên
Trái đất cựa mình cuộc đời chuyển dậy.

Sự Sống đứng lên
Mắt nhưc sáng hai thái dương bốc cháy
Xiềng bẻ gãy ròn ròn máu chảy
Hầm ngục sập tan tràn ánh sáng
Cung điện bàng hoàng
Lịch sử lật trang
Nước mắt nụ cười giàn giụa.

Sự Sống đứng lên
Đại bác nổ chào

Lưỡi lê

chiến xa

hoa lá

Tuốt sáng

chuyển bánh

rải đường

Những dân tộc kháng chiến anh hùng

Những binh đoàn cách mạng thần kỳ lớn lên

trong bão sắt

(Có Việt Nam gậy tầm vông còn nóng rát)

Khải hoàn đồn bước

Một sớm mai chim hót

Trẻ nhỏ kiệu vai

Cha già tóc phơ phơ chống gậy

Những thiếu nữ trắng muốt khăn choàng

Những người mẹ mặc lại áo ngày mới cưới

Vẫy đón tương lai phấp phới.

Những chiều ấy bao người nhắm mắt

Cồn cát

Bờ sông

Sườn núi
Đá tảng gối đầu
Đất đen phủ mặt,
Hoa lau phơ phất
Thịt xương thành than bụi
Tên tuổi thành thời gian
Bóng hình thành ráng trời
Thành đỉnh núi mù sương
Thung lũng trắng lên
Hay không còn gì nữa
Nhân loại lặng nhìn tưởng nhớ.

Những chiến sĩ
Những người đã khuất
Tim vẫn long lanh
Nghe quả chín hoa tàn chảy mật
Nghe buổi chiều gió hát.

1957

HOA GẠO MÙA XUÂN LẠI NỞ

Năm năm đến ngày hoa gạo nở
Lưng trời mùa xuân dàn đội
Ruộng bãi mỡ màng
Ngô đậu tươi xanh
Sáo sậu, vành khuyên, vàng anh mở hội.

Năm năm tôi đã thấy
trời thêm cao
sông thêm vời vọi
Trời Bắc Ninh sông nước Nhị Hà
Trời mây xô sóng nước, gió cát cuốn trời xa
Phù Đổng Thiên Vương ngựa bay lửa thét
Lịch sử như mẹ ru
như triều khai
vỗ về bát ngát
Lịch sử ơi! Bao tuổi thơ đã được ru từ trong trứng nước.

Năm năm đến ngày hoa gạo nở
Nam Triệu sóng cồn Yên Tử thảm xanh
Uông Bí Hòn Gai nắng chói kim cương
Sáu Kho chim biển bay về tàu đại dương cặp bến.

Năm năm tôi lại thấy quê hương thêm quyến luyến
Quê hương tôi ruộng mặn bãi lầy
Những chim thu nộ đế
 than quặng rừng cây
Ngày mai tới thành gạo thơm mấm ngọt
Ngày mai tới thành cồn vàng bãi bạc
Cách mạng
 mỉm cười.

Năm năm đến ngày hoa gạo nở
Vũ Ёn Thanh Cù
 Bình Ca Đèo Khế
 Yên Thế Chi Lăng
Một ban mai hoa rải thắm mặt đường
Cỏ ướt nắng bừng bước chân kháng chiến.
Đỉnh núi tan sương

Cửa rừng tiếng gà gáy rộn
Vạn chài lửa nhóm
Thôn xóm dậy loa
Tin những chiến thắng thần kỳ.
Năm năm tôi lại thấy thương yêu thêm đất nước
Đất nước tôi

thịt da

ba ngàn ngày

rỏ máu

Cờ Điện Biên

dệt trong gai lửa

tươi ngàn năm.

Hoa gạo năm năm ngày nay lại nở

Tôi đi trên đường Hà Nội

bốn trời lộng gió

Biển Đông lên than khói Hải cảng Hòn Gai.

Cầu Đuống Gia Lâm công trường nhịp móng cười reo

Chuyển rừng mặt đất

Thanh Hóa Thái Nguyên

Các cố nông giang tuôn tràn dào dạt.

Đêm đêm giới tuyến

lắng nghe lấp lánh trời sao

Điện Biên xa xôi

nứt mồm ngô thóc

Những anh hùng năm xưa trở về cày đất

Tiếng hát cất lên.

Tiếng hát cất lên

Miền Bắc hoa gạo nở và lúa chiêm con gái

Như chuyện thần tiên

Dĩ vãng tương lai chói lòa phơi phới.

1958

BÀI THƠ BUỔI SÁNG

Có những lúc máy chém thét lên
Vì lưỡi dao không dám hạ
Có những lúc trường bắn sấm người
Vì mũi súng chấp chùng quay lại.

Có những lúc hầm than nhức nhói
Ống khói nghẹn ngào
Cần trục gân cốt rã rời
Và những nôi hơi nước nở.

Có những lúc bắp cày mệt lả
Sỏi và gai uống mãi mồ hôi
Sương mai và những giọt mặt trời
Như dầu vãi trên bãi bờ tuyệt vọng.

Có những lúc bút quăn lên nóng bỏng
Lê đi những bước xích xiềng

Mặt giấy thấm thê sa mạc mênh mông
Ý thức dặt lòng tin như những lạc đà
và lũ hành chùn gối.

Những lúc
Chân lý bị hành hình
Cần lao nạo tuỷ
Tâm hồn sống trong lò nung chế độ
Tương lai viễn ảnh trời xanh.

*

* *

Tương lai viễn ảnh trời xanh...
Tôi đã đi những giờ khắc ấy
Những câu hỏi dựng lên trước mắt
Dưới chân trái đất dạt dào
Không gian nghe thấy tê đau
Năm tháng trong tim tôi từng dòng máu rỏ
Tôi đã đi hồn tan ruột xé
Nghe đau thương vuốt ngực, thống khổ lặng câm
Nghe phản uất vắn mình, hờn căm ghì xiết

Nghe dâm loạn cười ran và tấu nhạc
Nghe xa hoa chuốc rượu làm thơ
Nghe biếng lười rên khóc với lá rụng trắng thu
Nghe gian dối kẹp kìm lời tố cáo.

Nghe thống trị đếm tiền cướp com bóc áo
Nghe bạo tàn đeo thánh giá nẩy mực cầm cân
Nghe chuông rung mõ gióng tụng niệm giữa
địa ngục trần gian
Nghe gươm súng nô đùa trên thịt xương nhân loại.

Tôi đã đi sấm sét trong đầu
tuyết băng giữa ngực
Biến khoi đồi núi
xưởng mỏ ruộng đồng
đường phố máy chém hàm giam
Im ội
Im ội
Lửa dâng khói tấp
Giờ Cách mạng lên ngôi phán xét.

Mặt đất vang âm

Kèn Điện Biên và nhạc Tiến quân ca

❧ Tuyển tập Nguyễn Hồng

Gọi buồm to và lưới rộng
Gọi ngòi bút và hằng hà ước vọng
Chấp thêm cánh bay lên
Trên đất nước yêu thương.

Đất nước yêu thương
Cúi hôn say đắm
Sáng nay tôi được sống
Một buổi sáng như pha lê
Ý thơ trong đầu nổi gió.

1958

NGHE TIẾNG SƠN CA

Có ai nghe tiếng sơn ca
Mùa xuân một mình trên đường quê
Tầng không xanh vắt mây bay trắng
Gió thổi lau ngàn bến nước xa.

Sơn ca bỗng nổi như tuôn nhạc
Ngọc dạo đồng reo trong tiếng hát
Cỏ ướt chân dừng hồn băng khuâng
Trời cao chim hát hay ai gọi.

Trời cao chim hát hay ai múa
Bốn làn ánh sáng cánh chim chao
Sông sóng lau rung sương núi tỏa
Đồng cỏ thành hoa bướm nắng sao...

Bướm nắng đồng hoa quê hương đất nước
Bao giấc mộng thơ trắng muốt thời gian
Bao giấc mộng thơ như mây to phơ phất
Như làn suối bạc dội đường xa.

Tương lai cũng dội như mây bạc
Ước vọng vỗ bay biển đời bát ngát
Sóng đập khơi cồn cánh hải âu
Trời cao chim hót ta nhanh bước.

*

* *

Sơn ca cất tiếng mùa xuân đến
Cất tiếng khi giao cánh vợ chồng
Khi giữa trời xanh men đất ngấm
Nghe reo nắng nội với hoa đồng.

1959

HOÀNG HOA THÁM QUÊ XƯA

Đây Hoàng Hoa Thám quê xưa
Núi rừng suối khe
Tre gai ấp lạnh
Tam Đảo trập trùng trước mặt
Sau lưng Cai Kinh chất ngất
Ngàn dặm khí núi mịt mù
Tan sương lưng trời nở dội sim mua.

*

* *

Đây Hoàng Hoa Thám quê xưa
Đất gái đi cày, trai mắt xéch
Đồi sỏi vỡ hoang, cấy lúa ba giăng,
móng tay tím chết
Làm củi đi than
Lội suối luồn rừng
Cuốc đất vượt tre
Dựng lên từng bếp từng nhà

Từng thôn ấp
Ngạc Hai Cầu Gồ Đá Ong Giếng Mật
Dĩnh Thép Dốc Đỏ Suối Lửa Na Lương
Dựng lên Yên Thế
Đường son trời rộng đồng xanh.

Hoàng Hoa Thám quê xưa
Yên Thế ơi! Bất tử
Đất nước ngọt sao như sữa
Đất nước êm sao như hát
Bao canh khuya nghe kể chuyện Hoàng Hoa
Mười lăm năm chống Pháp gian lao
Thù máu chảy dài trong mộng trẻ.

Bâng khuâng tiếc nhớ
Lưỡi mác thép xanh
Thân giặc xả ngang
Ngọt lịm
Khai hậu gióp năm súng nghèo đạn hiếm
Đầu giặc nhằm xuyên một đạn ba thằng
Ngày ngày nướng nấu hốc đá bụi sim
Đêm đêm tướng thầy lính tớ làng mạc tung hoành.

Hữu Nhuế Phồn Xương
Mười năm xây đồn đắp lũy
Đào sâu hố cạm hào chông
Thù thêm ghi xương tạc tuỷ
Mây thành giăng chiều hôm
Núi sông thăm thăm gọi
Mất thức năm canh không thấy mới.

Cẩn rằng vợ cấy trâu cày
Ghì súng hái củi sẵn nai
Trữ đạn rèn gươm nấu nung ngày mở nước
Yên Thế ơi
Con cháu người sử xanh từng tên ghi chép.

Yên thế ơi!
Núi rừng người làng mạc lửa thiêu
Đêm đêm còn nhấp nhánh với trăng sao
Xác giặc tả tơi
Cỏ cây đọng máu
Na Lương khe sâu còn âm vang quân reo.

*

* *

Hoàng Hoa Thám quê xưa
Thù máu trăm năm đã trả
Nợ máu trăm năm đã rửa
Trời xanh đương toả nắng bình minh
Chim non đương dậy hát với trời xanh
Bát ngát Nhã Nam đôi mùa lúa chín
Bố Hạ cam vàng chín chít
Đường xa mở hội sim mua
Đồi son ngực tròn óng ánh cò sao
Con trẻ khăn đỏ đến trường trâu mẹ
nhìn theo ghé ọ
Những bia đá rêu phong mỉm cười lệ ứa.

Yên Thế quê xưa
Mộng lớn Hoàng Hoa
Với sương mai vẫn ngàn năm thánh thót
Đầu Hoàng Hoa giặc chém vẫn ngàn năm trừng mắt
Thịt da Hoàng Hoa giặc đốt tươi thêm đồng xanh.

1959

VÀI HÌNH ẢNH MÙA XUÂN THẤM MÁT

Mặt đất oi!
Hoa mùa xuân nở rồi
Và bụi mưa thổi ướt
Bãi dâu sông nước
Đường xa chim én bay về.

Nghĩa trang cỏ non tươi
Đá xanh mồ liệt sĩ
Sương như ngọc trai đọng nắng chân bia
Đây: bao đôi mắt chỉ còn hốc tối
Đương hé dần
những nụ cười lại ánh trên môi.

Người đã chết lại thở với mùa xuân
và mùa xuân đem đến
Những hoa hương

Đặt lên đá xanh ghi: Tổ quốc nhớ ơn
Đặt lên đá xanh ghi: Con yêu thương sống mãi
Đá xanh ơi!
Thấm nắng nữa cho bao đôi mắt hé nhìn.

*

* *

Mặt đất ơi!
Hoa mùa xuân nở rồi
Và lá rụng ngày đông đã thành bùn ả
Những mầm non đâm rễ
Chồi lộc nhú xanh
Lịch sử mở trang
Chói lợi
Không gian ngạt ngào mơ ước
Đêm sâu nghe đập những ước vọng xa xôi.

1959-1960

TỔ QUỐC ĐƯƠNG XÂY NHỮNG TẦNG SỬ MỚI

Đứa bé mười lăm xưa mơ ước
Giờ đương đi giữa ban ngày
Chân trên mặt đất, trán dưới trời mây
Tim đập, phổi bùng thịt da nhức nhói.

Đứa bé mười lăm xưa mang trong đầu
những cánh bay vào vũ trụ
Những quê hương, những trang sử, những chân trời,
Khi vui sướng mê cuồng như đau khổ chơi vơi
Nước mắt lại đầm cánh tay vạt áo.

Đứa bé mười lăm xưa
không gian ơi!
ta đây
Bâng khuâng trước mặt
tiếng gọi của những chuyện thần kỳ

Nghe đời reo trong những khối pha lê
Vú mộng nôi êm là những mộng mơ
có sóng cồn bãi tan
lửa cháy.

Đưa bé mười lăm xưa giờ đương ngẩng trán
Vội chim liệng ngàn khơi nắng xối buồm rung
Biển cả thân yêu nổi giữa hào quang
Tàu vạn tấn đi về như những cá kình hiền hậu.

Tàu vạn tấn chò trên những cánh mơ thơ ấu
Những cánh mơ rải bóng đại bàng
Gió vạn dặm cuốn bay
Đại dương ơi! Đại dương
sắt gổ Việt Nam
Vây đương mọc sẽ mai đây rẽ sóng.

*

* *

Đưa bé mười lăm xưa giờ bụi than đương lấm
Tóc chớm hoa râu và gân nổi bắp tay

Chân bám mặt đường như những rễ cây
Đầy xe chuyển, hồn và xe cùng chất nặng.

Niềm vui bát ngát yêu thương lồng lộng
Trên những khẩu hiệu trập trùng
không! Những đỉnh lớp Trường Sơn
Lòng đất phập phồng biến đổi núi âm
Những tầng máy, những lò nung ngày đêm lên khói.

Những tầng máy đội trời cao sáng chói
Những đỉnh lò tuôn mây trắng mù sương
Than sôi, quặng chảy, đá nát, thép rèn
Đương vắn máu cho Tổ quốc đau thương rần rật.

*

* *

Đưa bé mười lăm xưa tuổi nay lên đồng kết hạt
Lúa mùa thu ấp ủ tâm tư
Lúa mùa thu sao mệnh mông, ta về gặt hái mai kia
Những mảnh sân nắng reo được thóc
Những trang giấy được những lượm thơ chặt chẽ.

Mùa mới như vàng đau khổ dội qua như lửa
Ruộng đồng trở lại bãi mật bờ xôi
Núi biếc đồi nâu như những buồm lớn giương dây
Chờ gió nổi đưa cá tôm về bến bãi.

Cá tôm và hồn ta roi rói
He bọc trứng hồng đào, thu thặt khúc trắng thơm
Với những câu thơ như gạo tám xoan
Dem dọn bữa mừng ruộng đồng chiến thắng.

*

* *

Đất nước lớn lên đi đôi hài ánh sáng
Dắt tay ta và những ước mộng thiên thần
Những ước mộng bấy lâu đeo nặng ngàn cân
Bao xiềng xích đã tan trong gió mây lửa thôi.

Núi đổ

sông nghiêng

rừng lui

bãi nổi

Quặng đã nấu thành dầu
cát mặn cấy lúa đâm bông
Những dòng lũ ngàn năm cuộn trong những giấc ngủ
hải hùng
Đương khơi chảy thành những dòng mương thánh thót.

Trai đôi mươi
Gái má thơm như quả ngọt
Đến công trường như chim yến đến với mùa xuân
Tiếng cười bước đi xoay động tinh cầu
Mồ hôi chảy ròng ròng thành kim cương và đá phiến.

*

* *

Đứa bé mười lăm ơi!
Tổ quốc đang xây những tầng sử mới
Ngươi vẫn là tuổi thơ
trước mặt vẫn băng khuâng
những chuyện thần kỳ.

KHẮC GIỜ ĐẦU XUÂN

Bóng phi lao che suốt dặm đường
Phi lao tay ai trồng nay đang xanh
Gió khơi thổi nắng mùa xuân làm mật
Gội đất trời óng ngát.

Sông xa cũng xanh nắng lên nương dâu
Đồng chiêm lúa đang thì con gái
Nương bãi phù sa sương đọng
Như ánh mắt ban đầu.

Ta đi trên đường
Như nghe hát
Tiếng hát nào đây?
Nhịp võng đưa
Bóng cò thấp thoáng.

Trẻ nhỏ nào đây?
Đã đầy năm hay chưa tròn tháng
Thịt da đang thở
Thóp nở môi cười.

Người mẹ nào đây?
Ôm con cho bú
Vú sữa ngọt ngào
Đất nước mây trời nắng gió ca dao.

*

* *

Ta đi trên đường Tổ quốc
Mùa xuân đang lên màu xanh ru hát
Đường Tổ quốc ta ngàn năm tươi mát
Cùng mùa xuân đang đi.

1962

KHI SỰ THẬT CẤY TRÊN TRÁI ĐẤT

Khi Galilê bị giải lên giàn lửa thiêu

Trái đất vẫn quay

Mặt trời càng sáng

Quỳ trên trái đất

Sự thật mang áo choàng bằng lửa.

Khi Xanh Giót bước lên máy chém

Chân tay xiềng xích nhìn lưỡi dao cạnh vát

Lịch sử vẫn mở trang

Xiềng xích thành các vòng hào quang

Trên người Xanh Giót

Sự thật mang xiềng xích trói nằm dưới lưỡi dao cạnh vát

Khi Hăngri Máctanh cau mày quắc sừng

Nghe năm năm cửa ngục trên tuổi xanh sập xuống

Tiếng anh kêu gọi vẫn chuyển rung

cùng tiếng thét của các lương tâm

Sự thật mang số tù, ăn súp lạnh bánh mỳ đen

nhưng vẫn cất tiếng vang.

Khi Êthen và Duyliuyt Rôxăngbơ
Thịt da cháy trên ghế điện
Hồn và tim vẫn không một vết đen phản bội
Sự thật chịu thịt da cháy đen không bán mình quỳ gối.

Khi Noócman Morison Henga Hétxo
Tắm đầu mình rồi tự tay châm lửa
Trên đất Mỹ con trẻ vẫn ra đời
Người mẹ vẫn ôm con cho bú
Các mái trường tiếng đọc bài vẫn thánh thót ran ran
Đâu đây Lanhcôn đang đi lại trầm ngâm.

Oi sự thật! Sự thật đã cấy trên trái đất
Sự thật lại mang lửa quẩn đốt thân mình
Giữ cho mặt đất thắm tươi thơm tho,
năng mây trong suốt
Những bầu vú những cặp môi những trang sử
hiền từ trung trinh chính nghĩa

Và để cảm ơn cùng biết yêu thương
Những mũi chông những đầu đạn của kháng chiến
Việt Nam

1965-1968

BÀI THƠ GỬI NHỮNG ANH EM DA ĐEN NÔ LỆ Ở MỸ

*Bài thơ hoàn thành để kỷ niệm
100 năm ngày sinh Gorki*

Tôi và những người nô lệ ấy
Như chung thai chung Mẹ
Anh em sinh đôi trong đau khổ nhục nhằn
Thịt xương linh hồn rõ máu quanh năm.

Mẹ đã dắt tay chúng tôi đi trên trái đất
Trái đất rung mình nghe bước chúng tôi kéo lê xiềng xích
Mẹ đã dắt tay chúng tôi đi dưới mặt trời
Mặt trời nhìn mình thành lửa trong mắt chúng tôi.

Mẹ đã nắm tay chúng tôi, mặt đăm đăm tê tái
Những chiều vàng sương chúng tôi ngả bên vai Mẹ
hồn xác chập chờn

Mẹ nghe hơi thở chúng tôi, đưa tay chúng tôi lên ngực ấp
Gọi chúng tôi: “Trỗi! Trỗi các con oi!”

Hon mười chín thế kỷ bơ vơ chúng tôi đã đi
Làm mọi việc thấp hèn nặng nề thâm lặng
Cho mặt đất thêm cao

biển sâu thêm bến

bầu trời thêm sáng

Cho núi non rừng tuyết sa mạc thêm các đô thành
Cho các đô thành thêm cung điện lâu đài đường
rộng trời xanh

Và hai chữ Văn minh thêm ánh vàng chói lọi.

Nước lã chúng tôi uống nhiều hơn ăn gạo thom trái ngọt

Da thịt chúng tôi mang nhiều sẹo gai hơn vải hoa lụa đẹp

Khi nghỉ ngơi lưng ngả trên đá xanh Kim tự tháp

Trên gạch rêu Vạn Lý Trường Thành

Chân trong cát bỏng sông Hằng bùn tuyết sông Đông

Đầu gối đá nhọn bờ Thái Bình Dương gió gào sóng thét

Nghe sông Nin vắng tiếng thú rừng

Nhìn trời xa sương Mít-síp-sipi mấy vì sao long lanh.

“Trời! Trời các con ơi rồi phải vùng lên”

Lay gọi chúng tôi

Mẹ đứng dậy

Đầu cất cao

Ngực cồng cồng

Hơi thở như mùa xuân tỏa ngát

Chúng tôi mắt mở to ngẩng nghe Mẹ hát

Tiếng hát nở dần bầu trời sao

Chúng tôi đã đứng lên cùng Mẹ.

Tiếng hát nở dần bầu trời sao

Và từng vì sao long lanh trong từng chữ từng lời
ca khúc

Xítpáctaquýt.

Phá ngực Bắtxítít.

Công xã Ba Lê.

Cách mạng Tháng Mười,

Muôn muôn năm muôn muôn năm!

Cách mạng Tháng Mười của thế kỷ hai mươi

Từ nay chân lý tươi xanh

Ban mai trái đất thật được nghe nắng bừng chim hót.

Oi! Đường phố Đitoroi

Oi! Những anh em từ mấy trăm năm nô lệ

Đã cùng ta nghe tiếng hát xưa của Mẹ

Đã cùng ta hát tiếng hát xưa của Mẹ

Ta cúi hôn đây những thịt xương đang lóc khỏi xiềng xích

Ta cúi hôn đây những bàn chân sẹo gai đang tràn
bước lửa than

Ta cúi hôn đây những mảnh sọ trắng xương

Những vàng trán ngẩng cao đón các lưỡi lê đầu đạn

Ta cúi hôn đây những cánh tay bụi đen vẫn dính
nửa thân người vừa lao lên bị bắn

Ta cúi hôn đây những tấc đất còn ấm màu đỏ tươi

Ta cúi hôn đây những linh hồn đã đứng lên giữ
xiềng trong lửa không phải lửa của mặt trời

Oi Đitoroi những anh em cùng ta xưa kia
chung một tên Nô lệ

Những thịt da của ta ở bên kia đất Mỹ

Mang màu đá xanh Kim tự tháp

Mang màu gạch rêu Vạn Lý Trường Thành

Mang lửa cát sông Hằng bùn tuyết sông Đông

Mang sọ đá bờ Thái Bình Dương gió gào sóng thét
Và hơi lạnh những chiều Mít-síp-si-pi vàng sương
sông Nin tiếng thú rừng vang
Oì! Những anh em da đen cùng ta chung thai chung Mẹ
Tiếng Mẹ hát chiều xưa, vẫn bay trên các tầng không
Đang vang dội tiếng súng kháng chiến Việt Nam
tiêu diệt bầy lang sói thù chung.

1967-1968

NHỮNG TÀNG KHÓI XI MĂNG

Từ đầu thế kỷ nay bên bờ Thái Bình Dương
Có những khối những tầng chất ngất
Xây bằng mồ hôi nước mắt
Luyện cùng đá xanh bùn đất.

Xi măng
Xi măng của Hải Phòng!
Hơn sáu mươi năm tên tuổi
Hơn sáu mươi năm đau khổ
Trần gian: đêm thành địa ngục
Trần gian: ngày càng là địa ngục
Rét xé thịt buốt xương, nắng cũng xé thịt buốt xương
Sống trong bùn lầy, bụi lửa tro than
Chết đói rách vật vờ lụi tắt.

Oi! Những thịt xương xi măng
Đã thành lâu đài trĩu vàng, giấy bạc
Oi! Những linh hồn xi măng
Đã nát tan bóng cháy.

Từng sáng, từng sáng phải nhìn quân thù
đem mình đi bắn

Từng sáng, từng sáng phải nhìn đất nước
cùng mình bị bắn

Bạch Mai, Bạch Mai

Tôi đến đây cũng không giấy ghi không mực viết

Thịt da trần trụi

Chỉ có mặt đất dưới chân

Cỏ ướt sương

Mặt đất sinh tôi rồi nghe tôi trong những phút cuối cùng

Đã nói những gì với quân thù của Tổ quốc.

Bunkhonorvan - Bạch Mai

Bạch Mai - Bunkhonorvan

Tôi đến đây thịt da trần trụi

Chỉ có một trái tim và một lương tâm

Nhận cảm ngọn cỏ thấm máu

Của Hoàng Văn Thụ và Tenloman

Tôi cất nghẹn lời thề.

1970

ĐƯỜNG XANH

Tặng hương hồn Nguyễn Huy Tưởng

Đường ta đi hôm nay
Đường dưới trời cao đan bóng cây
Cát ướt mưa đêm cơn gió thoảng
Những nụ cười vẫn hé nở đâu đây.

Những nụ cười còn nguyên nếp môi người đồng chí
Hôn như trút tuyết trao xương phút chia tay đau xé
Lúc máy chém lau đầu
Súng thù lên đạn
Trong hầm ngục phổi hai buồng ruỗng nát
Thái dương khô ngừng đập giọt máu cuối cùng.

Đường ta đi hôm nay
Đường giữa đời sương hương lúa bay
Hương lúa mùa thu làm sữa
Những nụ cười vẫn hé nở đâu đây

Những nụ cười còn thơm bầu vú mẹ
Môi hài nhi như búp anh đào
Một sáng gà vừa tan tiếng gáy
Xâm lăng choàng áo lửa ngắt đi.

Đường ta đi hôm nay
Chim trắng bay ròn trước sóng khơi
Chim trắng mang trời xa biển cả.
Và những nụ cười hé nở.

Những nụ vẫn còn máu đỏ
Của những dòng thơ lên chữ là đời
Của những ngàn trang tiểu thuyết buông rơi
Khi ngòi bút vẫn còn mực viết
Cho chân lý ngàn năm vàng vạc
Cho tình yêu ngàn năm tươi mát
Cho tư tưởng tuyệt vời.

*

* *

Đường ta đi hôm nay
Ôi! Những nụ cười của những người nhắm mắt
Vẫn nghe bước chân ta
đi trên trái đất.

1960

MỘT SỚM NGHE NHẠC ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM

Nhà ta trên ngọn đồi
Dưới chân có suối chảy
Phương nam phía trước mặt
Trông qua hàng tre thưa.

Đào mạn trong vườn đã hai lần hoa nở
Gốc bưởi năm xưa lại rồi lại bói
Vành khuyên làm tổ bướm đến từng đàn
Bướm hoa chim cùng mặt trời rực rỡ.

Một sáng như bao sáng
Đất trời sương gió lạnh
Núi xa lên nửa vàng đông
Sao mai còn long lanh.

Tâng không vang tiếng hát
Dân ca quan họ với điệu chèo xưa
Trắng nước quê hương thánh thót lời thơ
Ánh sáng cỏ cây nước mây dào dạt.
Vũ trụ thời gian soi một tình yêu bát ngát.

Ta đứng sững
Gầu nước giếng rời tay
Tiếng hát vút bay
Mây bạc sông xa bãi vắng
Những cánh cò ngàn năm sải trắng
Những bông sen ngàn năm thom trắng
Những dải lụa ngàn năm lượn trắng.

Vàng đồng bùng nắng chan hoà.
Ta lặng trông
Đồng lúa đồi thông nương sắn
Làng xóm tre cau đường mương bờ máng
Từ thửa bèo dâu đến ụ súng phòng không
Những hào chữ chi
hầm tránh đạn
mái nhà trường

Những cầu gỗ lá che xanh
những đường sỏi son mới đắp
Những gánh củi gánh rau
những xe Phụng Hoàng chuyển xi măng gạo thóc
Những học sinh ríu rít áo bông hoa
Những đoàn dân công bộ đội tập nập đường xa

Những ruộng cấy ruộng cày quyết lên năm tấn
Tất cả như toả chiếu hào quang kỳ diệu.

Sáng nay như bao sáng
Cũng vàng đồng với nhạc đài
Sao dân ca nghe bát ngát
Sao chèo xưa nghe ngào ngạt
Sao mặt người mấy rạng ngời
Sao đất nước mấy tuyệt vời.

1967-1968

MỤC LỤC

• Đôi nét tiểu sử	3
• Thay lời giới thiệu: Nguyễn Hồng	7

TRUYỆN NGẮN

• Linh hồn	74
• Nhà sư nữ chùa âm hồn	83
• Bảy Hựu	108
• Trong cảnh khốn cùng	122
• Hàng cơm đêm	134
• Giọt máu	149
• Cánh cửa xám	171
• Buổi chiều xám	182
• Tàu đêm	191
• Vũng máu	202
• Lửa thiêu	214
• Con sốt	226
• Một buổi chiều nhà quê	236
• Cháu gái người mãi võ họ Hoa	252

TẬP VĂN

• Sức sống của ngòi bút	278
• Lúa mới	327
• Ấp đôi cháy	343
• Tiếng hát ở bến tràng sào	353
• Dưới chân cầu mây	355

THƠ

• Cửu Long giang ta ơi	378
• Nghe chúng em đây	382
• Hồng Hà tên con, dòng sông yêu dấu	387
• Những tiếng hát khi mặt trời gần tắt	391
• Hoa gạo mùa xuân lại nở	395
• Bài thơ buổi sáng	399
• Nghe tiếng sơn ca	404
• Hoàng Hoa Thám quê xưa	406
• Vài hình ảnh mùa xuân thắm mát	410
• Tổ quốc đang xây những tầng sử mới	412
• Khắc giờ đầu xuân	417
• Khi sự thật cấy trên trái đất	419
• Bài thơ gửi những anh em da đen nô lệ ở Mỹ	421
• Những tầng khói xi măng	426
• Đường xanh	428
• Một sớm nghe nhạc đài tiếng nói Việt Nam	431

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409, Fax: 024.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.com.vn

E-mail: info@nxbvanhoc.com.vn

* Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 028.38469858, Fax: 028.38483481

* Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương - TP. Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0236 3888333

.....

TUYỂN TẬP
Nguyễn Hồng

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

NGÔ THU PHƯƠNG

Biên tập: Đặng Thị Hà

Thiết kế bìa: Phan Đạo

Trình bày: Trí Thái

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA MINH TÂN - NHÀ SÁCH MINH THẮNG

Địa chỉ: 808 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 0932 321 719 - 091 226 9229

Website: www.nhasachminhthang.vn

facebook.com/nhasachminhthang

ISBN: 978-604-9829-27-7

In số lượng 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm.

Tại Công ty TNHH Văn hóa Minh Tân - Nhà sách Minh Thắng.

Địa chỉ: Bãi Kè - Tổ 1 - P. Bồ Đề - Q. Long Biên - Hà Nội.

Số xác nhận ĐKXB: 502-2025/CXBIPH/20-22/VH, ngày 14/02/2025.

Quyết định xuất bản số: 580/QĐ-VH, ngày 14/3/2025.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2025.